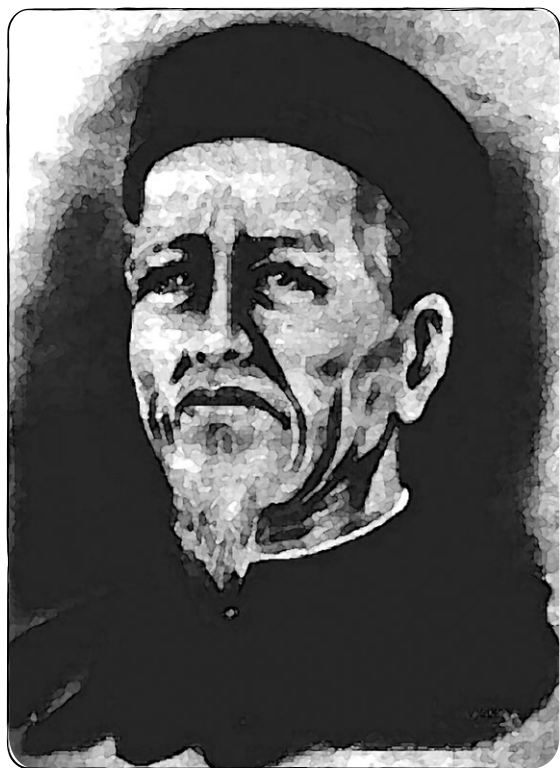


LÊ VĂN HỮ

**LỊCH SỬ
TIẾP NHẬN
NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU**



NXB ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI



NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
1822 - 1888

LỜI TỰA

Từ nhiều thập niên vừa qua của thế kỷ 20, chúng ta dễ dàng nhận thấy sự xuất hiện của nhiều quan điểm lý thuyết khác nhau về văn học và nghiên cứu văn học, xuất phát từ những lĩnh vực khác nhau của ngành khoa học này, trong đó có những quan điểm lý thuyết về việc nghiên cứu tiếp nhận văn học. Tiếp nhận văn học là một lý thuyết xuất hiện vào những năm 60-70 của thế kỷ trước và được xem như là thành tựu của sự vận động của một quá trình mà trong đó lý luận văn học nhận thức được và xây dựng thành lý thuyết, thành hướng nghiên cứu về một bộ phận hữu cơ của tiến trình văn học, một bộ phận mà lý luận văn học trước đó chưa thực sự chú ý đến một cách đúng mức, đó là người đọc, là sự tiếp nhận tác phẩm của người đọc. Lý thuyết tiếp nhận do vậy là sự phản ứng đối với mỹ học sản xuất, mỹ học mô tả, những mỹ học căn bản tập trung tìm hiểu về tác giả và tác phẩm, hai thành tố hữu cơ khác của đời sống văn học.

Lý thuyết tiếp nhận có nhiều hướng nghiên cứu khác nhau, ví như ở Đức ngay trong trường phái mỹ học tiếp nhận Konstanz cũng đã có hai hướng: mỹ học tác động của Wolfgang Iser, vốn đặt trọng tâm nghiên cứu ở văn bản, ở sự

khơi gợi, sự tác động của văn bản vào người đọc, vào sự tiếp nhận của người đọc, và lịch sử tiếp nhận của Hans Robert Jauss với định hướng tìm hiểu tiến trình lịch sử của sự tiếp nhận của người đọc. Việc các nhà lý luận văn học nhận ra vai trò không thể thiếu được của người đọc, người tiếp nhận trong các mối quan hệ của văn học, bao gồm tác giả, tác phẩm và người đọc, là một thành tựu có ý nghĩa khoa học. Người đọc, với vai trò là chủ thể hoạt động trong quá trình cụ thể hóa/ hiện thực hóa tác phẩm tạo nên tiến trình phát triển của văn học, được mỹ học tiếp nhận xem không phải là một yếu tố thụ động mà là một yếu tố năng động, tích cực, một yếu tố mà trong mối quan hệ giữa văn học với nó không chỉ bao hàm một năng lượng tạo nên giá trị thẩm mỹ mà còn bao hàm cả một năng lượng tạo nên giá trị lịch sử của tác phẩm văn học. Với nhận thức ấy, mỹ học tiếp nhận cho thấy nó đương nhiên tập trung vào yếu tố thẩm mỹ của văn học như trong tên gọi Mỹ học tiếp nhận của nó cũng như trong trọng tâm chú ý của vấn đề. Tuy thế nó cũng đã nhận thấy được yếu tố lịch sử của văn học, tất nhiên là một yếu tố lịch sử gắn liền với giá trị thẩm mỹ của tác phẩm văn học và xuất phát từ tiến trình lịch sử của sự tiếp nhận của các thế hệ người đọc. Nhận thức này của mỹ học tiếp nhận là xuất phát từ việc dựa vào lịch sử tác động của giải thích học triết học của Gadamer nhằm xây dựng một lịch sử tiếp nhận văn học. Bên cạnh đó, việc vận dụng khái niệm tâm đón đợi của nhà xã hội học Karl Mannheim cùng sự chú ý của nó đến sự thay đổi tâm, cho thấy có khuynh hướng phần nào nhìn nhận tính xã hội của văn học.

Lịch sử tiếp nhận được đề cập trong mỹ học tiếp nhận đã phát triển thành hướng nghiên cứu được vận dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau của khoa học xã hội và nhân văn

như văn học, triết học, văn hóa, nghệ thuật... và chứng tỏ có những đóng góp đáng ghi nhận. Lịch sử tiếp nhận văn học là hướng nghiên cứu chủ yếu lấy người đọc hiện thực, những tài liệu, những chứng cứ tiếp nhận về tác giả và tác phẩm của người đọc hiện thực làm đối tượng nghiên cứu.

Tác giả Lê Văn Hỷ đã xuất phát từ lý thuyết tiếp nhận mà chủ yếu là từ hướng nghiên cứu lịch sử tiếp nhận để tìm hiểu vấn đề: *Lịch sử tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu*. Theo tôi, đây là một hướng đi mới, có triển vọng trong việc mở rộng cách tiếp cận các vấn đề nghiên cứu văn học ở Việt Nam. Chuyên luận này là một trong số ít các công trình đầu tiên đặt vấn đề nghiên cứu lịch sử tiếp nhận văn học ở Việt Nam và là công trình đầu tiên nghiên cứu tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu dưới góc nhìn của mỹ học tiếp nhận một cách hệ thống, có khảo sát và điều tra cụ thể.

Tác giả chuyên luận đã nắm khá vững và vận dụng khá chắc tay một số nguyên tắc cơ bản của phương pháp nghiên cứu lịch sử tiếp nhận, làm chủ đối tượng nghiên cứu với một kết cấu hợp lý, khảo sát, nghiên cứu từng đối tượng tiếp nhận, từng bối cảnh tiếp nhận... để từ đó dẫn ra sự phong phú và phức tạp trong lịch trình tiếp nhận tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu đặt trong những không gian và thời gian khác nhau. Đối tượng tiếp nhận ở đây là tác phẩm của nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu trong sự tiếp nhận của người đọc, người nghe cùng thời và của giới nghiên cứu, phê bình qua các thời kỳ lịch sử khác nhau; Nguyễn Đình Chiểu trong sự tiếp nhận của văn học dân gian và giới sáng tác và Nguyễn Đình Chiểu trong sự tiếp nhận trong nhà trường phổ thông và đại học hiện nay. Các đối tượng tiếp nhận được tác giả chuyên luận

khảo sát và khai triển khá sâu và chi tiết như với người cùng thời, trí thức Tây học nửa đầu thế kỷ 20, tiếp nhận của các nhà nghiên cứu trong những năm kháng chiến chống Pháp 1945-1954, với giới nghiên cứu, phê bình ở miền Bắc từ 1954-1975; ở các đô thị miền Nam giai 1954-1975, trong đời sống văn học cả nước từ sau 1975. Các bình diện như Nguyễn Đình Chiểu trong sự tương tác với văn hóa – văn học dân gian Nam Bộ, và trong sự tiếp nhận của giới sáng tác cũng được đi sâu nghiên cứu với những phát hiện mới mẻ và thú vị. Đồng thời cuộc đời và văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu còn được mở rộng tới đối tượng tiếp nhận là học sinh phổ thông của hai cấp học (trung học cơ sở, trung học phổ thông) và cả sinh viên đại học. Tác giả chuyên luận đã tỏ ra có sự quan tâm trong điều tra xã hội học về thực trạng tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường các cấp. Đây là một bộ phận không nhỏ người đọc tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu (vốn liên quan đến giới, lứa tuổi và trình độ... được một số nhà lý luận bổ sung vào chỗ thiếu vắng trong lý thuyết của mỹ học tiếp nhận Konstanz), nhưng ít được đề cập đến trong những công trình nghiên cứu đã có trước đó có phương hướng nghiên cứu là giải thích và phân tích văn bản. Bằng phương pháp điều tra xã hội học với hệ thống các bảng hỏi theo quy chuẩn, có thể đảm bảo tính khoa học; và kết quả mang lại là đáng chú ý, đã phần nào trả lời cho câu hỏi tại sao học sinh, sinh viên hiện nay kém yêu thích môn văn, đặc biệt là văn học giai đoạn trung đại, và làm sáng rõ những khó khăn trong việc dạy và học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường hiện nay. Công việc điều tra xã hội học được thực hiện theo đúng yêu cầu của thao tác xã hội học, cũng là một yếu tố góp phần làm tăng thêm tính hợp lý của công trình và tạo nên một kết hợp lý thuyết – thực tiễn

hài hòa trong nghiên cứu văn chương.

Người viết đã tập hợp được một khối lượng các công trình nghiên cứu thơ, văn Nguyễn Đình Chiểu khá đầy đủ, đa dạng, đặc biệt là những bài viết, công trình về Nguyễn Đình Chiểu trong văn học các đô thị miền Nam giai đoạn 1954-1975. Đây là mảng nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu, mà trước đây do nhiều lý do khác nhau, chúng ta chưa có điều kiện khảo sát và nghiên cứu một cách thấu đáo. Lê Văn Hỷ đã thực hiện việc khảo sát một cách công phu tất cả những công trình, bài viết về Nguyễn Đình Chiểu từ cuối thế kỷ 19 đến nay, sau đó phân loại và hệ thống, nhận xét và đánh giá về việc giới thiệu, dịch thuật, nghiên cứu và ảnh hưởng của nhà thơ đối với văn học viết và các loại hình nghệ thuật trình diễn khác trong suốt hơn một thế kỷ qua. Công trình đã giúp người đọc và giới nghiên cứu có được cái nhìn rộng dài, đa chiều về một hiện tượng văn học lớn trong giai đoạn cuối trung đại.

Tác giả công trình chúng tôi có khả năng bao quát, am hiểu lịch sử vấn đề cần nghiên cứu. Nắm vững lịch sử vấn đề, rất cố gắng để không bỏ sót thành tựu và những kết quả của người đi trước là điều kiện đảm bảo cho tính kế thừa, tính hệ thống, tính mới của chuyên luận. Cũng như các lập luận ở từng chương, mục của chuyên luận đã không chỉ trình bày các giai đoạn lịch sử, các trạng thái tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu mà còn đưa ra những luận giải của người viết về các trạng thái đó.

Các phương pháp nghiên cứu được vận dụng trong công trình như lịch sử chức năng, hệ thống cấu trúc, loại hình, xã hội học, phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê,... đã được tác giả vận dụng hợp lý, cần thiết khi giải quyết vấn đề nghiên

cứu lịch sử tiếp nhận về một tác gia văn học Việt Nam thời trung đại là Nguyễn Đình Chiểu. Cuốn sách này thực sự là một công trình thể hiện được niềm say mê nghiên cứu, sự lao động khoa học cần mẫn của tác giả. Chuyên luận được thực hiện với một tinh thần khoa học nghiêm túc, ý thức trách nhiệm của một người nghiên cứu đã đạt chất lượng của một công trình khoa học có giá trị nghiên cứu văn học sử, có thể phục vụ hữu hiệu trong nghiên cứu và giảng dạy.

Điều cần đặc biệt ghi nhận là công trình đã góp phần khẳng định giá trị các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu từ bình diện nghiên cứu tiếp nhận, cũng như vị trí của ông trong văn học yêu nước chống Pháp thế kỷ 19. Các chương đều được viết khá kỹ càng, bám sát thực tiễn nghiên cứu về tác giả và tác phẩm, có nhiều lập luận thể hiện quan điểm riêng và có đóng góp nhất định về học thuật. Phần “Phụ lục” in kèm chuyên luận được chuẩn bị công phu, thể hiện sự lao động nghiêm túc của tác giả công trình, đồng thời giúp cho những nhận xét, đánh giá được khách quan, thỏa đáng và có tính thuyết phục cao hơn.

Tôi hoan nghênh Lê Văn Hỷ vì: (như đã nói) thông qua việc nghiên cứu lịch sử tiếp nhận các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, tác giả đã góp phần chứng minh thêm vị trí và giá trị cần gìn giữ của văn chương của nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu trong lịch sử văn học dân tộc, bởi chỉ có những tác giả lớn, có tầm cỡ nhất định, có được sự quý trọng, sự quan tâm và yêu thích của nhiều tầng lớp công chúng độc giả (hay thính giả và khán giả) rộng lớn qua nhiều thời kỳ lịch sử mới có thể có được một lịch sử tiếp nhận phong phú và đa dạng như vậy. Nó cũng gián tiếp giúp chúng ta nhận thấy

được việc cần thiết phải làm gì để tiếp tục gìn giữ và phát huy các giá trị của di sản văn học này, cả trong nghiên cứu, giảng dạy và phổ biến bằng nhiều phương tiện truyền thông khác nhau. Công trình của Lê Văn Hỷ còn thể hiện tình cảm, tấm lòng của tác giả đối với di sản văn chương của cha ông, cụ thể là nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu.

PGS.TS. Huỳnh Văn



MỞ ĐẦU

1. Trong lịch sử văn học Việt Nam, Nguyễn Đình Chiểu có một vị trí trọng yếu, là lá cờ đầu của văn học yêu nước chống Pháp thế kỷ 19, không chỉ của Nam Bộ mà của cả nước. Tác phẩm *Lục Vân Tiên* từ khi được công bố năm 1864 đến nay đã được bao thế hệ bạn đọc kế tiếp nhau trong cũng như ngoài nước nồng nhiệt đón nhận. Sáng tác của ông đã tạo được sự quan tâm, yêu thích của công chúng bình dân ở Nam Bộ, trở thành đối tượng của các nhà nghiên cứu, phê bình trên cả nước qua các giai đoạn lịch sử là một hiện tượng đặc biệt cần lý giải thấu đáo.

Chúng ta đang ở vào giai đoạn những năm cuối thập niên thứ hai của thế kỷ 21, công việc nhìn nhận lại quá trình tìm hiểu về cuộc đời và sáng tác, những đóng góp của Nguyễn Đình Chiểu vào lịch sử văn học - văn hóa Việt Nam là một việc làm cần thiết.

Nghiên cứu theo hướng lịch sử chức năng là một bộ phận của mỹ học tiếp nhận - còn có tên gọi là tiếp nhận văn học. “Mỹ học tiếp nhận của trường phái Konstanz đặt mục tiêu cách tân và mở rộng sự phân tích của nghiên cứu văn học bằng cách đưa vào lược đồ quá trình văn học sử một bậc độc lập mới: độc giả”^[1]. Theo quan niệm về phương

[1]. I. P Ilin và E. A Tzurganova (chủ biên) (2003), *Các khái niệm và thuật ngữ của các trường phái nghiên cứu văn học ở Tây Âu và Hoa Kỳ thế kỷ 20*, Đào Tuấn Ảnh, Trần Hồng Vân, Lại Nguyên Ân dịch, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.98.

thức tiếp cận văn học của René Wellek và Austin Warren thì có thể nhận thấy lối tiếp cận của phương pháp lịch sử chức năng thuộc phương pháp nghiên cứu văn học từ bên ngoài. Nghiên cứu văn học trước đây chỉ tập trung vào phạm trù tác giả và tác phẩm, người đọc chỉ có vị trí thứ yếu. Để đảm bảo tính toàn vẹn của một quá trình văn học thì vai trò của người đọc cần phải được chú ý hơn nữa. Một trong những khái niệm cơ bản, vấn đề trung tâm của lý thuyết tiếp nhận là vấn đề người đọc. Số phận lịch sử của tác phẩm qua từng thời kỳ là do tầm đón nhận của người đọc quy định, tầm đón nhận này bị ước chế bởi các chuẩn mực thẩm mỹ của thời đại. Theo quan niệm của lý luận văn học hiện nay thì có nhiều loại người đọc khác nhau và chính họ tạo nên những cách đánh giá khác nhau về tác phẩm, trong đó đáng tin cậy nhất là sự đánh giá của các nhà nghiên cứu phê bình, họ cũng là người tổ chức dư luận xã hội về tác phẩm.

Chính mối quan hệ với người đọc đã tạo nên đời sống cho văn bản, và đời sống riêng đó hình thành nên tác phẩm văn học. Phương thức tồn tại của tác phẩm văn học trong tinh thần của lý luận hiện đại là có quan hệ với người đọc, dưới sự phát triển của tư duy lý luận hiện đại - hậu hiện đại đã dẫn đến phương thức tồn tại riêng của văn bản thông qua người đọc. Trong mối tương quan giữa tác phẩm và người đọc, giá trị của tác phẩm là cố định và ở trong thế khả năng, với người đọc giá trị này là hiện thực và biến đổi như có người đã quan niệm.

Tiếp nhận văn học được xem là khâu cuối của quá trình văn học, quá trình đó gồm: nhà văn - tác phẩm - người đọc. “Hành động tiếp nhận sẽ không có nếu không có hành động sáng tác và ngược lại hành động sáng tác cũng sẽ không có nếu như không có hành động tiếp nhận. Viết văn và đọc

văn có quan hệ mật thiết với nhau, tạo tiền đề cho nhau”^[1].

Tác phẩm văn học muốn có giá trị qua các môi trường, không gian và thời đại văn hóa khác nhau, có một đời sống, một lịch sử tiếp nhận thì phải là tác phẩm có giá trị. Ngay cả khi tác giả không còn hiện diện thì cái tiếp tục chi phối văn bản là chính tác giả trong tinh thần của văn bản, đặc biệt là qua con đường diễn giải.

Tại Việt Nam trong những năm gần đây, vấn đề tiếp nhận văn học đã được các nhà nghiên cứu lý luận văn học như Nguyễn Văn Hạnh, Huỳnh Vân, Hoàng Trinh, Trần Đình Sử, Phương Lưu, Nguyễn Thanh Hùng, Huỳnh Như Phương, Trương Đăng Dung, Nguyễn Văn Dân,... quan tâm tìm hiểu và nghiên cứu. Tiếp nhận văn học được xem là khâu cuối của quá trình văn học. Trong nghiên cứu để đảm bảo tính toàn diện của một quá trình văn học, ngoài tác phẩm còn phải khảo sát đến các yếu tố khác liên quan đến sự tồn tại và hình thành tác phẩm như hiện thực, nhà văn và người đọc.

Trong ba khâu của một quá trình văn học: nhà văn - tác phẩm và người đọc thì khâu cuối chỉ thực sự được lý luận văn học hiện tại quan tâm từ vài thập kỷ trở lại đây.

Tiếp nhận văn học là một mảng lớn của lý luận văn học đang còn để ngỏ. Nếu xem hoạt động của văn học bao gồm hai mảng lớn: sáng tác và tiếp nhận thì bản thân sự tiếp nhận đã hàm chứa một nửa lý luận văn học. Ý kiến trên đây của Trần Đình Sử trong một bài viết cách đây hơn hai thập niên đã cho thấy được tầm quan trọng của lý thuyết tiếp nhận. Nhà nghiên cứu Huỳnh Vân cũng lưu ý rằng: “cần

[1]. Huỳnh Vân (1990), “Quan hệ văn học - hiện thực và vấn đề tác động, tiếp nhận và giao tiếp thẩm mỹ”, in trong *Văn học và hiện thực*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.209.

thiết phải nghiên cứu trên cả hai mặt lý luận và lịch sử văn học vấn đề tác động và tiếp nhận văn học và nghệ thuật. Vấn đề được đề ra là một cái nhìn bao quát, một quan điểm xem xét mà ở đó các quá trình này không được để bị tuyệt đối hóa một cách phiến diện mà phải được nhìn nhận có quan hệ với nhau và tác động qua lại với nhau”^[1].

Thực tế quan sát hơn một thập kỷ trở lại đây cho thấy, việc sử dụng lý thuyết tiếp nhận văn học khảo sát thực tiễn văn học Việt Nam là một hướng đi có nhiều tiềm năng và hứa hẹn.

Người đọc trong nhà trường cũng có một vai trò quan trọng: “... nhà trường có thể nói là kênh tiếp xúc quan trọng nhất. Nhiều nhà triết học và xã hội học hiện đại đã nhấn mạnh về vai trò của nhà trường trong đời sống xã hội. Đối với Louis Althusser, nhà trường là “cỗ máy ý thức hệ của nhà nước” còn đối với Pierre Bourdieu thì nhà trường là “kinh nghiệm xã hội có tính sơ khởi” của mỗi cá nhân với tư cách một sinh vật - xã hội. Trong lý thuyết của Pierre Bourdieu, nhà trường có một vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành nên “vốn văn hóa”... của mỗi cá nhân. Nó góp phần hình thành nên tính khuynh hướng bền vững chi phối các kiểu hành vi của con người”^[2]. Do vậy, tìm hiểu quá trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường các cấp là điều cần thiết và bổ ích.

Từ những lý do vừa trình bày, chúng tôi chọn vấn đề **Lịch sử tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu** làm đề tài cho

[1]. Huỳnh Vân (1990), *tlđđ*, tr.221.

[2]. Phạm Xuân Thạch (2006), “Giáo dục Pháp Việt - Nhân tố then chốt trong quá trình hiện đại hóa văn học tại Việt Nam”, in trong *Sự khởi sinh của tính hiện đại - trần thuật Việt Nam trong ba thập niên đầu thế kỉ XX*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2014, tr.243.

chuyên luận của mình.

2. Thực hiện đề tài này, chúng tôi mong muốn góp phần kiểm nghiệm lại những quan điểm của lý thuyết tiếp nhận và gợi mở những vấn đề liên quan đến lịch sử văn học Việt Nam. Việc vận dụng một lý thuyết mới vừa tạo nên một đời sống mới cho tác phẩm, vừa góp phần mở ra một hướng tiếp cận mới đối với văn học.

Trên cơ sở khái quát lịch sử tiếp nhận sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, chúng tôi đưa ra cái nhìn hệ thống về các hình thức tiếp nhận sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu.

Tìm hiểu và lý giải những cách hiểu khác nhau về tác phẩm và cả con người của nhà thơ trong lịch sử nghiên cứu, phê bình văn học dân tộc.

Chuyên luận dành một số trang nhất định cho việc tìm hiểu quá trình và tình hình tiếp nhận tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường phổ thông và đại học tại Việt Nam qua tiến hành điều tra xã hội học.

Bước đầu khảo sát sự tương tác giữa văn và đời Nguyễn Đình Chiểu với các loại hình nghệ thuật khác ở Nam Bộ và trong sự tiếp nhận của văn học dân gian, văn học viết.

3. Xác định chuyên luận là sự vận dụng lý thuyết tiếp nhận vào khảo sát trường hợp một tác giả thông qua các tác phẩm, do vậy, chúng tôi sẽ tiến hành khảo sát tình hình dịch thuật, giới thiệu và nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu từ trước đến nay, lý giải một số cách hiểu của người đọc về Nguyễn Đình Chiểu.

Một số công trình liên quan đến lý thuyết tiếp nhận của các tác giả nước ngoài cũng như các bài viết về vấn đề này của các nhà nghiên cứu trong nước, cũng là đối tượng khảo

sát và nghiên cứu của chuyên luận này.

Các công trình giới thiệu, dịch thuật, nghiên cứu về cuộc đời và sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu đã được các tác giả Việt Nam và nước ngoài công bố chính thức từ khi tác phẩm được ra đời đến nay. Tuy nhiên việc tập hợp và chú ý đúng mức đến các công trình, bài viết về Nguyễn Đình Chiểu trong đời sống nghiên cứu, phê bình văn học ở các đô thị miền Nam trước 1975, trước đây, vì nhiều lý do chúng ta chưa có điều kiện khảo sát một cách thấu đáo.

Các giáo trình văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ 19 nói chung và các chuyên đề về Nguyễn Đình Chiểu nói riêng; sách giáo khoa ngữ văn bậc học trung học cơ sở và trung học phổ thông có giảng dạy các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu mà cụ thể là các lớp 9, 11 hiện hành.

Những tác phẩm văn học dân gian và văn học viết Việt Nam có cảm hứng sáng tác lấy từ cuộc đời và tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu.

Các tác phẩm thuộc các loại hình nghệ thuật khác như kịch, cải lương và tác phẩm điện ảnh chuyển thể từ các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu cũng là đối tượng chuyên luận khảo sát.

Trong khuôn khổ của một chuyên luận cũng như do các điều kiện chủ quan và khách quan khác, chúng tôi xin được giới hạn trong phạm vi các khảo sát tại Việt Nam. Quá trình tiếp nhận sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu trên hai bình diện: tiếp nhận nghiên cứu và tiếp nhận sáng tác, cũng như sự tiếp nhận ở các loại hình nghệ thuật khác ở nước ngoài không nằm trong phạm vi khảo sát của chuyên luận, vì đây là một đề tài rất rộng, vượt ra ngoài khả năng của một cá nhân trong một thời gian hạn định.

Chúng tôi ý thức rằng khi nghiên cứu lịch sử tiếp nhận

là nói đến người tiếp nhận ở những giai đoạn lịch sử tiếp nhận khác nhau, mỗi giai đoạn có những quy định về tầm đón đợi khác nhau và tầm đón đợi này bị quy định bởi tình hình lịch sử, chính trị, xã hội khác nhau. Sự phân kỳ lịch sử này sẽ được đề cập rõ hơn trong mục những tiền đề tiếp nhận.

4. Tổng quan về tình hình nghiên cứu tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu

Có thể chia lịch sử vấn đề của đề tài thành 3 nhóm như sau: về quá trình nghiên cứu, phê bình cuộc đời và tác phẩm; về quá trình nghiên cứu sự tương tác giữa tác phẩm và cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu với các loại hình nghệ thuật ở Nam Bộ và trong sự tiếp nhận của văn học dân gian, văn học viết; các nghiên cứu về quá trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường phổ thông và đại học. Bên cạnh 3 nhóm vấn đề trên, những nghiên cứu đi trước của các tác giả như Phan Công Khanh, Phạm Thị Phương, Đào Thị Bạch Tuyết, Trần Thị Quỳnh Nga, Vũ Hồng Loan, Lê Thị Hồng Vân, Mai Thị Liên Giang, Hoàng Kim Oanh, Hoàng Phong Tuấn, Bùi Thị Kim Hạnh, Tạ Hoàng Minh, Vũ Thị Thu Hà,... các công trình này, với mức độ thành công khác nhau đã gợi mở cho chúng tôi nhiều ý kiến quý báu và thú vị trong quá trình triển khai đề tài.

• *Các bài viết về quá trình nghiên cứu, phê bình Nguyễn Đình Chiểu*

Đầu tiên có thể kể đến công trình *Mấy vấn đề về cuộc đời và sự nghiệp thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, đây là công trình xuất bản nhân dịp kỷ niệm 75 năm ngày mất Nguyễn Đình Chiểu do Viện Văn học biên soạn. “Lời giới thiệu” của sách này cho biết nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu dưới thời

Pháp thuộc có nhiều vương mắc và hạn chế. Sự hiểu biết về cuộc đời cũng như tác phẩm của nhà thơ rất phiến diện. Người ta chỉ biết đến tác phẩm *Lục Vân Tiên*, còn bộ phận thơ văn yêu nước của ông dường như cố tình bị lãng quên. Sau Cách mạng tháng Tám, cuộc đời và thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu, nhất là thơ văn yêu nước chống Pháp mới có cơ hội trở lại với quần chúng. “Từ sau ngày hòa bình lập lại, việc nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu đã chuyển sang một giai đoạn mới. Nhiều công trình nghiêm túc theo nhau xuất hiện. Số người tìm hiểu Nguyễn Đình Chiểu ngày càng một đông thêm”^[1].

Nguyễn Lộc trong *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX*, phần viết về tác giả Nguyễn Đình Chiểu có nói qua về tình hình nghiên cứu tác giả này cho đến thời điểm 1971. “Phải đến sau Cách mạng tháng Tám, nhất là sau khi hòa bình lập lại trên miền Bắc, chúng ta có điều kiện sưu tầm rộng rãi thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, những công trình nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu theo quan điểm mác-xít lần lượt ra đời, thì địa vị nhà thơ trong văn học mới dần được xác lập [...]. Năm 1963, kỷ niệm 75 năm ngày qua đời của tác giả... nhiều luận văn nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu được công bố trên sách báo, đánh dấu một bước phát triển mới trong việc nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu^[2]. Trong các lần tái bản năm 1978, 1992, 1999 phần này vẫn được giữ nguyên, các thành tựu nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu sau đó đều không được bổ sung hay cập nhật.

[1]. Nhiều tác giả (1964), *Mấy vấn đề về cuộc đời và sự nghiệp thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb. Khoa học, Hà Nội, tr.6.

[2]. Nguyễn Lộc (1999), *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.662-663.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh của nhà thơ, Viện Văn học cho xuất bản công trình *Nguyễn Đình Chiểu tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật*, có bài “Nguyễn Đình Chiểu và những người cầm bút ở các thành thị miền Nam”, tác giả đưa ra các nhận xét như sau: một số không ít bài báo bàn chung chung, lặp lại những ý kiến cũ, một số quan điểm lạc hậu vẫn còn rơi rớt đâu đó trong nhiều bài báo khi phân tích tư tưởng thế giới quan Nguyễn Đình Chiểu; một nhược điểm khác khá phổ biến trong phương pháp nghiên cứu của các tác giả miền Nam là sự tách rời nhà thơ ra khỏi hoàn cảnh lịch sử. Do đó, hoặc họ dễ rơi vào lối suy diễn máy móc, hoặc đi đến chỗ gán ghép cho nhà thơ những điều mà hoàn cảnh và thời đại nhà thơ không cho phép. Bên cạnh đó vẫn có “... nhiều nhà trí thức đứng đắn khác cũng tỏ ra một thái độ nghiêm túc khoa học. Những tác giả này biết gắn liền việc nghiên cứu nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu với những vấn đề sôi bỏng của đất nước, của dân tộc. Do đó, những bài viết của họ sinh động và mang ý nghĩa thiết thực. Đáng chú ý nhất là bài của Đông Tùng và Thiếu Sơn”^[1]. Tập sách này còn có bài “Mở rộng việc nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu” của Vũ Đức Phúc, nêu lên tình trạng vừa thừa quá lại vừa thiếu quá trong những kết quả nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu đã được công bố. Nhà nghiên cứu trình bày sơ lược về tình hình nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu trong thời gian qua qua các bình diện tiểu sử, cuộc đời, quá trình sáng tác, văn bản, quá trình phát triển của tư tưởng và nghệ thuật.

Lê Thuộc với bài “Các thế hệ trước với nhà thơ dân tộc Nguyễn Đình Chiểu” trong tập sách đã dẫn trên đây cho

[1]. Nhiều tác giả (1973), *Nguyễn Đình Chiểu tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.578.

biết: “tại miền Bắc, Lục Vân Tiên chỉ mới được phổ biến vào khoảng cuối thế kỷ thứ XIX”^[1] và ông cho biết thêm là độc giả các thế hệ trước phần nhiều đều tán thành những tư tưởng và sự việc mà Nguyễn Đình Chiểu diễn tả trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*. Riêng có một điểm không được sự tán đồng của mọi người [...], đó là việc Kiều Nguyệt Nga, ngay trong buổi mới gặp Lục Vân Tiên đã tặng chàng chiếc trâm để làm tin”^[2].

Cùng một đường hướng nghiên cứu với Thạch Phương, Vũ Quang Vinh và Tôn Thảo Miên (1979) đã “Điểm lại vài nét về tình hình nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu ở miền Nam trước ngày giải phóng”, hai tác giả này đã chia việc nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu ở miền Nam trước đây theo hai khuynh hướng chính: 1. Khuynh hướng lợi dụng danh nghĩa Nguyễn Đình Chiểu để thực hiện mục đích chính trị đen tối; 2. Khuynh hướng tô đậm thổi phồng những hạn chế trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu. Bên cạnh hai khuynh hướng trên đây, các tác giả cũng nhận thấy: “lác đác có những biểu hiện tiến bộ trong khi tìm hiểu, đánh giá Nguyễn Đình Chiểu. Xét trong toàn bộ các công trình nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu những biểu hiện này phát triển không được mạnh mẽ”^[3].

Lê Trí Viễn trong sách *Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao càng nhìn càng sáng*, xuất bản lần đầu năm 1982, đã đưa ra cái nhìn tóm lược đối với những ý kiến đã phát biểu về Nguyễn Đình Chiểu từ lúc Pháp xâm lược cho đến 1945, và từ 1946

[1]. Nhiều tác giả (1973), *sđd*, tr.181.

[2]. Nhiều tác giả (1973), *sđd*, tr.182.

[3]. Vũ Quang Vinh - Tôn Thảo Miên (1979), “Điểm lại vài nét về tình hình nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu ở miền Nam trước ngày giải phóng”, *Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh* (62), 30-3-1979, tr.12.

đến 1975 ở vùng tạm chiếm. Ông viết: “Trước Cách mạng tháng Tám tài liệu không nhiều, tập trung nhất là vào dịp lễ kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu ngày 27/6/1943 tại Sài Gòn. Ở vùng tạm chiếm, trong chống Pháp rồi chống Mỹ, bài viết nhiều hơn và cũng dồn vào hai kỷ niệm năm 1962 và 1971”^[1]. Lê Trí Viễn còn cho biết, các bài viết về Nguyễn Đình Chiểu trước năm 1945 hạn chế nói về lòng yêu nước và thơ văn chống Pháp của ông, ở các vùng tạm chiếm trước năm 1975, ít nhiều đã cho phép nói lên tinh thần và hành vi yêu nước chống Pháp, trên vấn đề yêu nước ý kiến không trái nhau nhưng khác nhau ở mức độ nhận thức. “Nó cho phép nói đến con người yêu nước và nội dung yêu nước. Một trăm bốn mươi và một trăm năm mươi năm ngày sinh 1962, 1971 của cụ Đồ đều tổ chức kỷ niệm, bài viết phong phú, diện nghiên cứu mở rộng, lần sau quy mô hơn lần trước. Có vấn đề được đi sâu. Có ý kiến qua lại. Tuy cùng dụng ý che đậy và tô vẽ để lừa bịp, nhưng thời Diệm - Nhu màu sắc chủ nghĩa thực dân cũ hầy còn, nên cách vận dụng có chỗ vụng về. Thời Mỹ - Thiệu ngón văn hóa tinh vi kín đáo hơn, nó dùng lời lẽ xa xôi, bóng gió khi hướng vào mục đích tuyên truyền, ăn khớp với hàng loạt chủ trương lập lòe loại trở về nguồn, văn nghệ tình thương”^[2].

Trong hội thảo năm 1982 tại Bến Tre có hai tham luận đề cập đến quá trình nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu. Đó là Nguyễn Thị Ngọc Hiếu với “Nhìn lại vấn đề Nguyễn Đình Chiểu ở nước ta thời Pháp thuộc”, Hoàng Nhân với tham luận “Người Pháp viết về Nguyễn Đình Chiểu”. Nguyễn Thị Ngọc Hiếu cho rằng người Pháp chú ý và nghiên cứu *Lục*

[1]. Lê Trí Viễn (2002), *Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao càng nhìn càng sáng*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.65.

[2]. Lê Trí Viễn (2002), *sđd*, tr.70.

Vân Tiên nhằm vào các mục đích sau: “1) *Lục Vân Tiên* đã đáp ứng phần nào cho bọn thực dân trong việc tìm hiểu tính cách, tâm lý và quan niệm... của người bản xứ; 2) khai thác và đề cao những mặt tiêu cực của Nho giáo để hỗ trợ cho triều đình tay sai mà thực dân dựng lên để lừa bịp dư luận; 3) phục vụ cho chính sách đồng hóa thuộc địa của thực dân”^[1]. Nếu Nguyễn Thị Ngọc Hiếu nhìn lại toàn bộ vấn đề Nguyễn Đình Chiểu nhưng cũng chỉ giới hạn thời gian là thời Pháp thuộc thì Hoàng Nhân cũng đi cùng hướng này nhưng chỉ quan tâm tới các vấn đề động cơ và ý kiến khác nhau của các dịch giả khi dịch *Lục Vân Tiên*.

Nguyễn Phong Nam với bài viết “Vài ý nghĩ thực tế về việc nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu” trong sách *Nguyễn Đình Chiểu từ quan điểm thi pháp học*^[2] đã cho biết có sự chuyển dịch nghiên cứu như sau: ban đầu mối quan tâm của các nhà nghiên cứu là văn bản các tác phẩm, trong đó tập trung vào *Lục Vân Tiên*, tiếp đó là vai trò vị trí của Nguyễn Đình Chiểu đối với sự phát triển văn hóa địa phương cũng như cả nước, gắn liền với chủ đề này là chủ đề đạo đức trong sáng tác Nguyễn Đình Chiểu, sau đó mới là hình thức nghệ thuật, giá trị văn chương tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu.

Bài viết tương đối hệ thống về quá trình tiếp nhận các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu là: “Nguyễn Đình Chiểu tấm gương yêu nước, biểu tượng đẹp của tâm hồn và bản sắc văn hóa dân tộc” của Nguyễn Ngọc Thiện trong tập

[1]. Nhiều tác giả (1982), *Kỷ yếu Hội nghị khoa học về Nguyễn Đình Chiểu nhân kỷ niệm lần thứ 160 ngày sinh của nhà thơ (1822 -1982)*, tổ chức tại Bến Tre từ ngày 29-30/6/1982, tr.89-90.

[2]. Nguyễn Phong Nam (1997), *Nguyễn Đình Chiểu từ quan điểm thi pháp học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

sách *Nguyễn Đình Chiểu về tác gia và tác phẩm*^[1], đã chia quá trình nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu làm các cột mốc: trước Cách mạng tháng Tám, kỷ niệm 75 năm ngày mất Nguyễn Đình Chiểu (1963), kỷ niệm 150 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu (1972), kỷ niệm 160 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu (1982) và tác giả cũng lưu ý đến dịp kỷ niệm 110 năm ngày mất của nhà thơ (1998).

Tại hải ngoại, năm 2006, tác giả Lâm Văn Bé có bài: “Nguyễn Đình Chiểu qua lăng kính của người Pháp và người cộng sản”^[2], bên cạnh những tư liệu mà tác giả đưa ra dẫn chứng là một thái độ hằn học đối với những thành tựu của các nhà nghiên cứu theo quan điểm mác-xít tại miền Bắc giai đoạn 1954 đến nay.

• *Các bài viết về sự tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu của văn học dân gian và của giới sáng tác*

Các bài viết về quá trình tiếp nhận các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu trên bình diện sáng tác là không nhiều nhưng là những bài viết có giá trị học thuật cao.

Nguyễn Quang Vinh với bài “Truyện thơ Lục Vân Tiên với văn hóa dân gian” (1972)^[3] đã bước đầu chỉ ra sự tiếp thu các loại hình tự sự và trữ tình trong *Lục Vân Tiên*, sau đó tác phẩm này tác động trở lại văn học - văn hóa dân gian Nam Bộ.

“Nguyễn Đình Chiểu qua những trang đời, trang văn...” của Thạch Phương - Mai Quốc Liên giới thiệu tập sách

[1]. Nguyễn Ngọc Thiện (tuyển chọn và giới thiệu) (2001), *Nguyễn Đình Chiểu về tác gia và tác phẩm*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Lâm Văn Bé (2006), “Nguyễn Đình Chiểu qua lăng kính của người Pháp và người cộng sản”, <http://namkyluctinh.org/a-vhbkhao/lvbe-ndchieu%5Bn%5D.pdf> (truy cập ngày 7/6/2016).

[3]. Nhiều tác giả (1973), *sđđ*.

Nguyễn Đình Chiểu trong cuộc đời^[1], điểm qua toàn bộ các phương thức ảnh hưởng của đời và thơ Nguyễn Đình Chiểu trong các thể loại văn học dân gian cũng như các loại hình nghệ thuật khác và trong văn học viết.

Công trình *Nguyễn Đình Chiểu với văn hóa Việt Nam* của 2 tác giả Cao Tự Thanh - Huỳnh Ngọc Trảng (1983), trong phần “Hiện tượng Nguyễn Đình Chiểu trong văn hóa Việt Nam”, Cao Tự Thanh đã viết: “Đi sâu vào tìm hiểu ảnh hưởng của *Lục Vân Tiên*, người ta phải kinh ngạc vì sức sống kỳ lạ của nó trong lòng người đọc. Việc hình thành lối nói thơ Vân Tiên như một thể loại, một làn điệu độc lập trong sinh hoạt văn nghệ dân gian ở Nam Bộ qua quá trình truyền miệng tác phẩm *Lục Vân Tiên*, số lượng phong phú những câu ca dao, hò vè, hát đối đáp... lấy chất liệu là nhân vật và ngôn ngữ của *Lục Vân Tiên*, hàng loạt những kịch bản cải lương, tuồng, bài hát vọng cổ, lấy đề tài từ nội dung, cốt truyện *Lục Vân Tiên*,... tất cả cho thấy rằng đối với người đọc ở miền Nam, đặc biệt là nông dân Nam Bộ, *Lục Vân Tiên* đã trở thành một tia sáng nhiều màu sắc rọi chiếu trên những lĩnh vực thuộc đời sống tinh thần của họ”^[2].

Huỳnh Ngọc Trảng với bài “Văn hóa truyền thống trong truyện *Lục Vân Tiên* và cuộc sống của tác phẩm” đã tiếp tục đường hướng nghiên cứu của Nguyễn Quang Vinh, tuy là người đi sau nhưng tác giả bài viết này đã giải quyết vấn đề sâu và rộng hơn. Tác giả cho rằng: “Truyện *Nhị Độ Mai* là một trong những cơ sở để từ đó Nguyễn Đình Chiểu xây

[1]. Thạch Phương (chủ biên) (1982), *Nguyễn Đình Chiểu trong cuộc đời*, Ty Văn hóa và Thông tin Bến Tre xuất bản.

[2]. Cao Tự Thanh, Huỳnh Ngọc Trảng (1983), *Nguyễn Đình Chiểu với văn hóa Việt Nam*, Sở Văn hóa và Thông tin Long An xuất bản, tr.8-9.

dựng nên *Lục Vân Tiên*”^[1]. Tác giả cũng đề cập đến dấu ấn của *Lục Vân Tiên* trong các loại hình nghệ thuật khác như cải lương và trong văn học viết thế kỷ 20.

• *Các nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường phổ thông và đại học*

Về vấn đề này số lượng bài không được phong phú như hai vấn đề trên, tuy nhiên những ý kiến đã có rất đáng suy nghĩ.

Người đề cập đến vấn đề giảng dạy Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường đầu tiên có lẽ là Nguyễn Đình Chú trong tham luận tại hội thảo kỷ niệm 160 năm sinh Nguyễn Đình Chiểu. Lý giải nguyên nhân văn chương Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường chưa thu hút được người học, bên cạnh vai trò của người dạy thì nguyên nhân về phía người học là “... đọc chưa kỹ văn thơ Đỗ Chiểu, [...] mặt khác năng lực cảm thụ nghệ thuật của họ nói chung còn nghèo nàn, đơn điệu”^[2].

Cũng trong kỷ yếu hội thảo này còn có một tham luận của Trần Thị Thìn cùng hướng nghiên cứu với Nguyễn Đình Chú có tên “Giảng dạy thơ văn Nguyễn Đình Chiểu trên đất Long An”^[3]. Bên cạnh đó, về vấn đề này còn có các bài viết của Nguyễn Trung Hiếu, Phạm Văn Điều, Lê Trí Viễn, Trần Đình Sử cũng là những ý kiến đáng lưu ý. Vài năm trở lại đây là luận văn, luận án các cấp của các tác giả như: Lại Thị

[1]. Cao Tự Thanh, Huỳnh Ngọc Trảng (1983), *sđđ*, tr.73.

[2]. Nhiều tác giả (1982), *tlđđ*, tr.303.

[3]. Nhiều tác giả (1982), *tlđđ*.

Thương^[1], Vũ Thanh Hòa^[2], Nguyễn Phước Hoàng^[3], Lê Thị Thanh Hồng^[4].

Ngoài ba nhóm vấn đề đã nêu trên đây, chúng tôi ghi nhận hai công trình khảo sát Nguyễn Đình Chiểu từ góc nhìn tiếp nhận. Đó là luận văn của Đoàn Trần Ái Thy^[5] với đề tài *Nghiên cứu sự tiếp nhận sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu* (2005); và cùng năm này là luận văn *Tìm hiểu sự tiếp nhận truyện Lục Vân Tiên của giới nghiên cứu văn học Việt Nam* của Hoàng Đức Lâm^[6] đã bảo vệ thành công. Công trình của Đoàn Trần Ái Thy do bị giới hạn về thời gian và khuôn khổ của một luận văn thạc sĩ nên chưa đi vào vấn đề tiếp nhận tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường các cấp, tiếp nhận sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu

[1]. Lại Thị Thương (2010), *Tiếp cận hệ thống theo hướng văn hóa trong dạy học tác phẩm “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” của Nguyễn Đình Chiểu* (Ngữ văn 11- tập 1), Tóm tắt luận văn thạc sĩ ngành Lí luận và phương pháp dạy học, Trường Đại học Giáo dục, Hà Nội, 12 trang.

[2]. Vũ Thanh Hòa (2012), *Những thay đổi về phương pháp dạy học tác gia Nguyễn Đình Chiểu theo quá trình đổi mới sách giáo khoa ngữ văn trung học phổ thông*, Tóm tắt luận văn thạc sĩ ngành Lí luận và phương pháp dạy học, Trường Đại học Giáo dục, Hà Nội, 15 trang.

[3]. Nguyễn Phước Hoàng (2016), *Dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu dưới góc nhìn văn hóa Nam Bộ*, luận án tiến sĩ ngành Lí luận và Phương pháp dạy học Văn – Tiếng Việt, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam.

[4]. Lê Thị Thanh Hồng (2006), *Phương pháp dạy - học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu ở trường phổ thông trung học theo hướng hoạt động tiếp nhận của học sinh*, luận văn thạc sĩ ngành Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm TP.HCM.

[5]. Đoàn Trần Ái Thy (2005), *Nghiên cứu sự tiếp nhận sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu*, luận văn thạc sĩ khoa học Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm TP.HCM.

[6]. Hoàng Đức Lâm (2005), *Tìm hiểu sự tiếp nhận truyện Lục Vân Tiên của giới nghiên cứu văn học Việt Nam*, luận văn thạc sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Đà Lạt.

trong các loại hình nghệ thuật khác cũng chưa được tác giả đề cập đến. Công trình của Hoàng Đức Lâm như tiêu đề cho thấy chỉ tìm hiểu sự tiếp nhận một tác phẩm - dù là tác phẩm tiêu biểu nhất của giai đoạn đầu trong hành trình sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, các bình diện tiếp nhận khác chưa được luận văn này đề cập đến. Những gì các công trình này đã đề cập chúng tôi sẽ tiếp tục giải quyết ở mức độ sâu hơn, những gì ở cả hai công trình này chưa giải quyết chúng tôi sẽ bước đầu giải quyết.

Nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu đã có một quá trình lâu dài, từ năm 1982 đã có hẳn một *Thư mục về Nguyễn Đình Chiểu*^[1] với 554 đơn vị tài liệu về tác giả này do Ban Văn học thuộc Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh biên soạn. Theo thống kê sơ bộ của chúng tôi, dựa vào các tài liệu xuất bản sau khi thư mục này ra đời thì đến thời điểm hiện tại (tháng 12/2016) đã vượt qua con số 650 đơn vị tài liệu. Hơn nữa, tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu đã đưa vào sách giáo khoa bậc trung học và đại học nên chưa thể đưa ra con số chính xác về các tài liệu đã viết về ông nhưng chắc chắn là đã vượt xa con số mà chúng tôi vừa đưa ra trên đây. Con số đưa ra trên đây cho thấy con người và tác phẩm của cụ Đồ Chiểu có một sức sống lâu bền trong những thế hệ độc giả khác nhau ở những giai đoạn lịch sử khác nhau. Hành trình tuyển mộ độc giả của Nguyễn Đình Chiểu sẽ còn tiếp tục từ phía các nhà nghiên cứu đến các nghệ sĩ sáng tác, cả văn học dân gian và văn học viết, cũng như các loại hình nghệ thuật khác. Từ đây đã cho thấy và cho phép chúng tôi nghĩ rằng, đó là một tác giả nói mãi không cùng.

[1]. Nhiều tác giả (1982), *Thư mục về Nguyễn Đình Chiểu*, Ty Văn hóa và Thông tin tỉnh Long An xuất bản.

5. Khái quát về lý thuyết tiếp nhận tại Việt Nam

Người đọc ngày càng được chú trọng trong giới nghiên cứu lý luận cho thấy sự vận động của tư duy lý luận văn học hiện đại, hậu hiện đại. Đó là quá trình lý luận văn học chuyển từ mỹ học sáng tạo sang mỹ học tiếp nhận, tương ứng với sự chuyển dịch của hệ hình tư duy tiền hiện đại sang hiện đại, hậu hiện đại. Việc các nhà lý luận văn học nhận ra sự khác biệt giữa văn bản và tác phẩm văn học là một khám phá có ý nghĩa khoa học, soi sáng nhiều khía cạnh, mối liên quan đến phương thức tồn tại của tác phẩm văn học. Tuy nhiên, bên trong hệ thống lý thuyết tiếp nhận cũng có những quan điểm tương đồng và khác biệt về vấn đề người đọc như mọi hệ thống lý thuyết khác.

Trương Đăng Dung cho biết “khái niệm cộng đồng diễn giải được Stanley Fish đề xuất năm 1980, trong cuốn *Có một văn bản trong lớp này không?*”^[1]. Ông cho rằng Roman Ingarden trong công trình *Tác phẩm văn học* cho rằng tác phẩm văn học là vật có chủ ý nhưng những hoạt động ý thức của nhà văn không thuộc về tác phẩm mà chỉ là cơ sở tồn tại của tác phẩm văn học mà thôi. Như là khách thể mang tính chủ ý, đời sống của tác phẩm văn học phụ thuộc vào những hoạt động cụ thể hóa (đọc) có chủ ý của người đọc hướng tới nó. Tác giả của công trình lý luận về tác phẩm văn học mang đậm yếu tố triết học hiện tượng học này đã phân tích sự cụ thể hóa văn bản của người đọc như là hoạt động có chủ ý của ý thức hướng tới đối tượng. Với việc vận dụng hiện tượng học vào nghiên cứu lý luận văn học, Ingarden đã lưu ý đến mối liên kết của các yếu tố có trong văn bản

[1]. Trương Đăng Dung (2008), “Những giới hạn của cộng đồng diễn giải”, *Nghiên cứu Văn học*, (9), tr.54.

văn học trước tác động của ý thức người đọc hướng tới nó. Có thể xem Wolfgang Iser là người cùng xu hướng đề cao tính chất cá nhân của hành động đọc giống như Roman Ingarden. Trong các công trình *Người đọc tiềm ẩn* (1972), *Hành động đọc* (1976) và *Thế giới của sự diễn giải* (2000), Wolfgang Iser đều cho rằng tác phẩm văn học có hai cực (giống như Roman Ingarden cũng cho rằng tác phẩm văn học có 2 lần ý thức) đó là cực nghệ thuật (văn bản của tác giả) và cực thẩm mỹ (kết quả mà hành động đọc tạo nên). Wolfgang Iser xem văn bản văn học là sơ đồ tiềm năng, tác phẩm văn học là sản phẩm của sự tác động qua lại giữa mã văn bản và việc giải mã văn bản của người đọc. Khái niệm người đọc tiềm ẩn được hình thành từ những lập luận của ông về các đặc điểm của văn bản, theo đó, văn bản tiềm ẩn nhiều khả năng tạo nghĩa liên tục, các lớp ký hiệu trong đó đều có mối liên hệ với người đọc tiềm ẩn. Người đọc tiềm ẩn được tạo ra bởi chính văn bản và nó không đồng nhất với bất kỳ người đọc có thực nào. Văn bản luôn đóng vai trò chỉ dẫn. Dưới sự dẫn dắt của người đọc tiềm ẩn, người đọc có thực vừa chủ động vừa thụ động. [...]. Trong công trình *Lịch sử văn học như là sự khiêu khích đối với khoa học văn học*, Hans Robert Jauss đã tập hợp những quan điểm cơ bản nhất của mình về mỹ học tiếp nhận. Vấn đề Hans Robert Jauss quan tâm là: sự hiểu một văn bản văn học xảy ra như thế nào? Những người đọc thuộc các nhóm xã hội - lịch sử và các thời đại khác nhau có những kinh nghiệm như thế nào trong việc tiếp nhận văn bản? Hans Robert Jauss đã tổng kết những đề xuất của mình trong ba hệ thống quan điểm về những vấn đề bức xúc của khoa học văn học: 1- Quan niệm mới về tính lịch sử của văn học; 2- Quan niệm mới về tường giải học; 3- Sự thống nhất trong quan niệm

mới về tính lịch sử và tường giải học. “Đối tượng của khoa học văn học là các văn bản văn học với tất cả sự phức tạp của nó trong quan hệ với tác giả và người đọc. Những giới hạn của cộng đồng diễn giải cũng chính là những giới hạn của khoa học văn học nói chung và lý thuyết văn học nói riêng. Điều quan trọng là chúng ta ý thức được về những giới hạn đó”^[1].

Bên cạnh đó, từ một góc nhìn khác, các nhà lý luận văn học mác-xít như Manfred Naumann^[2], M. B. Khrapchenko đã có những ý kiến phản biện lại lý luận về tiếp nhận của trường phái Konstanz, chính điều này tạo nên cái nhìn đa chiều và góp phần thúc đẩy sự phát triển của lý thuyết tiếp nhận.

Từ vài thập kỷ gần đây, lý thuyết tiếp nhận đã bước đầu xuất hiện trong đời sống học thuật Việt Nam, nhưng tiếp nhận với tư cách là một lý thuyết, là khâu cuối của một quá trình văn học thì phải đến nửa sau thế kỷ 20 mới được thừa nhận. Lý thuyết này gắn liền với tên tuổi của Wolfgang Iser và Hans Robert Jauss. Các công trình lý luận của hai ông và những người kế tục đường hướng này đã tạo lập một trường phái mới trong nghiên cứu văn học: trường phái Konstanz (Đức). Sự đóng góp của Wolfgang Iser và Hans Robert Jauss cũng như những người tiếp nối đã làm cho “... từ ngữ

[1]. Trương Đăng Dung (2008), *tlđđ*, tr.60.

[2]. Xem các tài liệu sau:

- Manphoret Naoman (1978), “Song đề của “Mỹ học tiếp nhận””, tạp chí *Văn học*, (4), tr.120 -135. Người dịch: Huỳnh Văn.
- Manfred Naumann (2012), “Tác phẩm và lịch sử văn học”, *Nghiên cứu Văn học*, (9), tr.64-76. Người dịch: Huỳnh Văn.
- Roman Ingarden (2014) “Về sự nhận thức tác phẩm nghệ thuật văn học”, *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Hiến*, (5), tr.100-105. Người dịch: Huỳnh Văn.

Konstanz đã trở thành một thuật ngữ, một khái niệm trong thế giới hàn lâm học viện nói chung, trở thành một trường phái khoa học, lý luận văn học nổi tiếng”^[1]. Hans Robert Jauss quan niệm rằng cần phải xây dựng một nền văn học sử của độc giả, bên cạnh đó ông cũng cho rằng văn bản chỉ là văn bản khi chưa có sự tham gia của người đọc, nó chỉ trở thành tác phẩm khi có sự tiếp nhận của người đọc. Các luận điểm này được trình bày trong tiểu luận gắn liền với tên tuổi của ông: *Lịch sử văn học như là sự thách thức đối với khoa học văn học*. Đầu những năm 2000, tiểu luận này đã được Trương Đăng Dung dịch ra tiếng Việt từ bản tiếng Hungary, gần đây từ cuối năm 2015 đến 2016 Huỳnh Văn đã cho công bố bản dịch mới từ bản tiếng Đức^[2].

Hiện nay trong giới nghiên cứu tại Việt Nam vẫn chưa có sự đồng thuận trong việc định danh khâu cuối cùng của quá trình văn học là nhà văn - tác phẩm - người đọc. Các khái niệm mỹ học tiếp nhận, lý thuyết tiếp nhận, tiếp nhận văn học vẫn đang có nội hàm tương đương nhau, dù từ năm 2010, Hoàng Phong Tuấn^[3] đã có ý kiến về sự khác nhau

[1]. Nguyễn Thị Thanh Hương (1993), “Hans Rôbơc Daux (Hans Robert Jauss) người sáng lập trường phái mỹ học công - xtăng (Konstant)”, tạp chí *Văn học*, (6), tr.57.

[2]. Xem thêm:

- Hans Robert Jauss (2015), “Lịch sử văn học như là sự thách thức đối với khoa học văn học”, kì 1, *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Hiến*, (9), tháng 11-2015, tr.92-98. Người dịch: Huỳnh Văn.

- Hans Robert Jauss (2016), “Lịch sử văn học như là sự thách thức đối với khoa học văn học”, kì 2, *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Hiến*, (10), tháng 2-2016, tr.85-93. Người dịch: Huỳnh Văn.

[3]. Hoàng Phong Tuấn (2010), “Về sự khác nhau giữa “Lý thuyết tiếp nhận” và “Mỹ học tiếp nhận” của Hans Robert Jauss”, <http://vanhoanghean.com.vn/goc-nhin-van-hoa3/nh%E1%BB%AFng-g%C3%B3c-nh%C3%ACn-v%C4%83n-h%C3%B3a/ve-su-khac-nhau-giua-ly-thuyet-tiep-nhan-va-my-hoc-tiep-nhan-cua-hans-robert-jaub>, (truy cập ngày 28/4/2016).

giữa lý thuyết tiếp nhận và mỹ học tiếp nhận.

“Ở Việt Nam khoảng hai thập niên gần đây, một số nhà nghiên cứu đã bắt đầu ý thức được tầm quan trọng của việc nghiên cứu văn học theo hướng lịch sử chức năng. Trong nhiều bài viết trên các tạp chí và một số chuyên khảo xuất bản gần đây, lý thuyết tiếp nhận đã bước đầu được giới thiệu tới công chúng Việt Nam”^[1]. Người đề cập đến khâu tiếp nhận như là một phương pháp nghiên cứu mới ở Việt Nam là Nguyễn Văn Hạnh trong bài viết “Ý kiến của Lê-nin về mối quan hệ giữa văn học và đời sống”. Ông viết: “Giá trị của một tác phẩm thật ra không phải chỉ đóng khung lại trong phạm vi sáng tác mà còn lan rộng ra đến phạm vi thưởng thức. Chính ở khâu thưởng thức, tác phẩm mới có ý nghĩa xã hội thực tế của nó. Quan điểm này tất yếu sẽ dẫn đến những tiêu chuẩn mới để đánh giá tác phẩm, đến một phương pháp nghiên cứu mới”^[2]. Ở một đoạn khác, ông khẳng định “... trong khâu sáng tác, giá trị là cố định và ở thể khả năng; ở trong khâu thưởng thức, trong quan hệ với quần chúng giá trị mới là hiện thực và biến đổi”^[3]. Ý kiến từ bài viết này đã châm ngòi cho một cuộc tranh luận trên tạp chí *Văn học* từ năm 1971 đến cuối năm 1972 với các ý

[1]. Nguyễn Văn Hạnh - Huỳnh Như Phương (1998), *Lý luận văn học, văn đề và suy nghĩ*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.140.

[2]. Nguyễn Văn Hạnh (1971), “Ý kiến của Lê-nin về mối quan hệ giữa văn học và đời sống”, tạp chí *Văn học*, (4), tr.96.

[3]. Nguyễn Văn Hạnh (1971), *tlđđ*.

kiến của Nam Mộc^[1], Sơn Tùng^[2], Phùng Văn Tửu^[3], Nghĩa Nguyên^[4], Nguyễn Minh^[5], Văn Khang^[6], Vũ Tuấn Anh^[7],... Bài viết của Nguyễn Văn Hạnh cho thấy sự nhạy cảm và ý nghĩa thời sự của vấn đề do tác giả đã đặt ra khi lý thuyết tiếp nhận mới thịnh hành trên thế giới. Nhiều thập niên sau, Nguyễn Văn Hạnh cho biết thêm: "... bấy giờ ở ta chưa phổ biến thuật ngữ tiếp nhận, chúng tôi chỉ dùng các khái niệm thưởng thức, tiếp thu [...]. Do hoàn cảnh chiến tranh lúc bấy giờ, một phần vì không khí chính trị chung chi phối xã hội, một phần vì thiếu thông tin từ bên ngoài, nên cách đặt vấn đề người đọc, quan hệ tác phẩm - người đọc của chúng tôi còn hạn chế"^[8].

Tại miền Nam, trong giai đoạn 1954-1975, Nguyễn Văn Trung cũng đã đề cập đến vấn đề người đọc, nhưng ông chỉ mới đụng chạm đến chứ chưa giải quyết trực diện và

[1]. Nam Mộc (1972), "Khắc phục tính phiến diện và tính siêu hình trong phương pháp nghiên cứu văn học", tạp chí *Văn học*, (5), tr.129-132.

[2]. Sơn Tùng (1971), "Đời sống, nhà văn, tác phẩm, bạn đọc", tạp chí *Văn học*, (5), tr.101-116.

[3]. Phùng Văn Tửu (1971), "Ý nghĩa khách quan của tác phẩm văn học", tạp chí *Văn học*, (6), tr.122-130.

[4]. Nghĩa Nguyên (1972), "Quan điểm thực tiễn và công tác nghiên cứu lý luận văn học", tạp chí *Văn học*, (1), tr.98-104.

[5]. Nguyễn Minh (1972), "Điều cần chú ý trước hết trong khi vận dụng sáng tạo quan điểm thực tiễn của Lê-nin", tạp chí *Văn học*, (5), tr.133-143.

[6]. Văn Khang (1972), "Phản ánh luận của Lê-nin với mối quan hệ giữa đời sống, nhà văn, tác phẩm và bạn đọc", tạp chí *Văn học*, (2), tr.120-132.

[7]. Vũ Tuấn Anh (1972), "Mối quan hệ giữa động cơ sáng tác của nhà văn và hiệu quả của tác phẩm - giá trị tác phẩm văn học ở khâu tiếp thu của người đọc", tạp chí *Văn học*, (6), tr.110-116.

[8]. Nguyễn Văn Hạnh (2012), *Phương pháp luận nghiên cứu văn học*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr.94-95.

triệt để^[1].

Sau ngày đất nước thống nhất, giới nghiên cứu Việt Nam có điều kiện hơn trước trong việc tiếp cận những công trình nghiên cứu về mỹ học tiếp nhận của giới nghiên cứu nước ngoài, mà chủ yếu là các nước xã hội chủ nghĩa thời đó như Liên Xô, Cộng hòa dân chủ Đức...

Năm 1978, tạp chí *Văn học* cho công bố bài của M. Naumann “Song đề của “Mỹ học tiếp nhận””^[2] do Huỳnh Vân dịch. Bài viết có thể được xem như là một phần tóm tắt sơ lược của công trình tập thể *xã hội - văn học - đọc* do tác giả làm chủ biên. Tác giả của báo cáo này đã phản bác lại quan điểm của Hans Robert Jauss về vấn đề tiếp nhận, cũng như về chức năng thanh lọc của tác phẩm đối với người đọc trong quá trình tiếp nhận. Năm 2013, Huỳnh Vân trở lại vấn đề “Mối quan hệ biện chứng giữa sáng tác và tiếp nhận văn học trong nhân quan lý thuyết của Manfred Naumann”^[3].

Trong năm này, Nhà xuất bản Tác phẩm mới cho công bố bản dịch sách *Cá tính sáng tạo của nhà văn và sự phát triển của văn học* của M. B. Khrapchenko. Trong đó chương 5 bàn trực tiếp về tiếp nhận văn học có tên “Thời gian và cuộc sống của tác phẩm văn học”. Tác giả công trình khẳng định: “... phương pháp nghiên cứu văn học theo chức năng là một trong những khuynh hướng quan trọng và có triển vọng của ngành nghiên cứu văn học mác-xít”^[4].

[1]. Nguyễn Văn Trung (1968), “Ngôn ngữ văn chương và phê bình văn học”, in trong *Lược khảo văn học III*, Nam Sơn xuất bản, Sài Gòn.

[2]. Manphoret Naoman (1978), *tlđđ*, tr.120-135.

[3]. Huỳnh Vân (2013), “Mối quan hệ biện chứng giữa sáng tác và tiếp nhận văn học trong nhân quan lý thuyết của Manfred Naumann”, *Nghiên cứu Văn học*, (3), tr.3-24.

[4]. M. B. Khrapchenko (1978), “Thời gian và cuộc sống của tác phẩm

Đến năm 1980, Hoàng Trinh công bố bài “Văn học so sánh và vấn đề tiếp nhận văn học”^[1], tác giả đã nhìn vấn đề tiếp nhận văn học từ góc nhìn của văn học so sánh, tiếp nhận được đề cập ở đây là tiếp nhận trên bình diện sáng tác, là sự ảnh hưởng, sáng tạo và kế thừa của các nền văn học trên thế giới.

Từ góc nhìn văn học so sánh, Lưu Văn Bổng^[2] đã lưu ý đến việc cần phân biệt khái niệm ảnh hưởng và tiếp nhận trong nghiên cứu.

Năm 2011, Nguyễn Văn Dân^[3] khi đề cập đến “Một số phương pháp chủ yếu được vận dụng trong văn học so sánh” đã đề cập đến phương pháp xã hội học tiếp nhận cũng như phương pháp tâm lý học tiếp nhận. Điều này cho thấy, tùy đối tượng nghiên cứu, có thể vận dụng nhiều phương pháp tiếp cận khác nhau mà giới nghiên cứu thường gọi là phương pháp tiếp cận liên ngành.

Vương Anh Tuấn đã khẳng định “Vị trí và vai trò tích cực của người đọc trong đời sống văn học”^[4], người viết nêu lên và phân tích một số hình thái, đặc điểm chung của người đọc, làm tiền đề cho những nghiên cứu sâu và cụ thể hơn. Năm 1990, tác giả trở lại vấn đề người đọc qua bài viết

văn học”, in trong *Cá tính sáng tạo của nhà văn và sự phát triển văn học*, Người dịch: Lê Sơn - Nguyễn Minh, Nxb. Tác phẩm mới, Hà Nội, tr.331.

[1]. Hoàng Trinh (1980), “Văn học so sánh và vấn đề tiếp nhận văn học”, tạp chí *Văn học*, (4), tr.88-93.

[2]. Lưu Văn Bổng (2001), “Ảnh hưởng - đối thoại - tiếp nhận”, in trong *Văn học so sánh lý luận và ứng dụng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.157-171.

[3]. Nguyễn Văn Dân (2011), *Lý luận văn học so sánh*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

[4]. Vương Anh Tuấn (1982), “Vị trí và vai trò tích cực của người đọc trong đời sống văn học”, tạp chí *Văn học*, (3), tr.18-25.

“Xung quanh việc tiếp nhận văn học hiện nay”^[1] nhưng tập trung vào loại người đọc đặc biệt là nhà chuyên môn - nhà phê bình trong việc đánh giá chính xác tác phẩm, tránh sự không hiểu nhau giữa nhà văn, nhà phê bình và đông đảo người đọc công chúng.

Năm 1985, mỹ học tiếp nhận của trường phái Konstanz đã được Nguyễn Văn Dân^[2] giới thiệu tổng quan trên tạp chí *Thông tin Khoa học xã hội*. Năm 1986, tác giả tiếp tục có một bài viết khác^[3] về tiếp nhận văn học, trong đó tác giả đề xuất một khái niệm mới ngưỡng tâm lý trong tiếp nhận. Năm 1991, ông biên tập và giới thiệu chuyên đề *Văn học nghệ thuật và sự tiếp nhận*^[4]. Chuyên đề này đề cập đến những vấn đề chung của tiếp nhận văn học cũng như những khái niệm: người đọc, tầm đón nhận, khoảng cách thẩm mỹ, ngưỡng tiếp nhận, phản tiếp nhận... Năm 1999, các bài viết về tiếp nhận văn học cùng với một số bài viết khác trong tập tiểu luận *Nghiên cứu văn học lý luận và ứng dụng*^[5] được xuất bản và đã nhận giải thưởng lý luận phê bình năm 2000 của Hội Nhà văn Việt Nam. Năm 2004, tác giả Nguyễn Văn Dân tái khẳng định những ý kiến về tiếp nhận văn học trong chuyên luận *Phương pháp luận nghiên*

[1]. Vương Anh Tuấn (1990), “Xung quanh việc tiếp nhận văn học hiện nay”, tạp chí *Văn học*, (6), tr.16-21.

[2]. Nguyễn Văn Dân (1985), “Tiếp nhận “mỹ học tiếp nhận” như thế nào?”, *Thông tin Khoa học xã hội*, 11 (89), tr.49-54.

[3]. Nguyễn Văn Dân (1986), “Nghiên cứu sự tiếp nhận văn chương trên quan điểm liên ngành”, tạp chí *Văn học*, (4), tr.23-29.

[4]. Nguyễn Văn Dân - Trần Đình Sử và tác giả khác (1991), *Văn học nghệ thuật và sự tiếp nhận*, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội.

[5]. Nguyễn Văn Dân (1999), *Nghiên cứu văn học lý luận và ứng dụng*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

cấu văn học^[1] và cũng chính tác giả này trong công trình *Các lý thuyết nghiên cứu văn học ảnh hưởng và tiếp nhận từ ngày đổi mới đến nay*^[2], lại một lần nữa khẳng định những đóng góp và triển vọng của tiếp nhận văn học với tư cách một lý thuyết đã hiện diện thực thụ và có ảnh hưởng nhất định trong nghiên cứu văn học Việt Nam đương đại. Điều đó chứng tỏ đây là một hướng nghiên cứu có nhiều tiềm năng và hứa hẹn.

Cuối năm 1986, Hoàng Trinh đã phân tích chi tiết phạm trù công chúng trong bài “Giao tiếp trong văn học”^[3], vấn đề cơ bản của lý thuyết tiếp nhận đã được nhắc đến như các loại người đọc.

Cùng năm này, Nhà xuất bản Giáo dục cho ra mắt bạn đọc công trình *Lý luận văn học*, tập I^[4]. Đây là giáo trình lý luận văn học dùng cho các trường đại học sư phạm. Chương X của giáo trình có tên “Bạn đọc và tiếp nhận văn học”, chương này do Trần Đình Sử phụ trách, khẳng định tiếp nhận văn học là giai đoạn hoàn tất quá trình sáng tác, bên cạnh đó, người đọc như một yếu tố bên trong của sáng tác văn học, vai trò của người đọc đối với lịch sử văn học bước đầu đã được thừa nhận. Năm 1997, bộ giáo trình này được tái bản và in gộp lại thành một tập do Phương Lưu

[1]. Nguyễn Văn Dân (2004), *Phương pháp luận nghiên cứu văn học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Văn Dân (2015), *Các lý thuyết nghiên cứu văn học ảnh hưởng và tiếp nhận từ ngày đổi mới đến nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

[3]. Hoàng Trinh (1986), “Giao tiếp trong văn học”, tạp chí *Văn học*, (6), tr.9-22.

[4]. Trần Đình Sử (1986), “Bạn đọc và tiếp nhận văn học” in trong *Lý luận văn học*, tập I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

chủ biên^[1]. Năm 2002, bộ giáo trình này được viết lại, gồm 3 tập, phần về tiếp nhận văn học ở tập 1, nằm ở các chương 10, 11 và 12 do Phương Lưu biên soạn^[2]. Tập 2 của bộ giáo trình này có tên *Tác phẩm và thể loại* do Trần Đình Sử chủ biên, chương 1 do người chủ biên phụ trách có giới thiệu qua quan niệm về tác phẩm văn học của mỹ học tiếp nhận (trang 21-24). Quan điểm này được khẳng định lại trong bộ sách gồm 2 tập có tên *Giáo trình Lý luận văn học* - giáo trình cao đẳng sư phạm cũng do Trần Đình Sử chủ biên, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội; chương 5. “Tiếp nhận, thưởng thức và phê bình văn học” do Phan Huy Dũng chấp bút (trang 159-187). Có thể nhận thấy, tuy là người phụ trách phần tiếp nhận văn học trong giáo trình lý luận văn học ở bậc đại học và cao đẳng sư phạm cũng như sách giáo khoa bậc trung học phổ thông và là người có vai trò đáng kể trong sưu tập chuyên đề *Văn học nghệ thuật và sự tiếp nhận*, nhưng Trần Đình Sử khẳng định mình và được biết đến với tư cách là một chuyên gia đầu ngành chủ yếu là ở lĩnh vực thi pháp học lịch sử như ông đã từng tự nhận. Trần Đình Sử nhấn mạnh đến phản tiếp nhận như một loại hình tiếp nhận và bên cạnh đó những quan điểm cơ bản về lý thuyết tiếp nhận của thế giới cũng đã được ông đúc kết và giới thiệu trong bài “Tiếp nhận – bình diện mới của lý luận văn học”^[3], được in lại trong tập *Lý luận và phê bình văn học*; và tiếp đó là cuộc tranh luận - trao đổi về vấn đề

[1]. Phương Lưu (chủ biên) (1997), *Lý luận văn học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Phương Lưu (chủ biên) (2002), *Lý luận văn học*, tập I - *Văn học, nhà văn, bạn đọc*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[3]. Trần Đình Sử (1996), *Lý luận và phê bình văn học*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội.

tiếp nhận văn học năm 1990^[1] và về vấn đề người đọc năm 2010^[2]. Bài viết “Lý thuyết tiếp nhận và phê bình văn học” (I và II) trong tập tiểu luận *Văn học và thời gian* là sự chấp nối lại bài viết trong cuộc tranh luận năm 1990 và một bài khác trên tạp chí *Sông Hương* năm 1999. Trong các tập sách sau đó cũng như trong *Tuyển tập Trần Đình Sử* được biên soạn cách đây vài năm không thấy hiện diện các bài viết về tiếp nhận văn học, và cả công trình *Trên đường biên của lý luận văn học* (2015)^[3] cũng thế, phải chăng vấn đề tiếp nhận văn học không còn là mối quan tâm khoa học thường trực của ông?

Năm 1990, trên *Văn nghệ* có cuộc tranh luận về tiếp nhận văn học giữa các tác giả Nguyễn Lai, Nguyễn Thanh Hùng, Nguyễn Văn Dân và Trần Đình Sử. Nguyễn Lai^[4] nhấn mạnh đến phẩm chất năng động chủ quan của chủ thể tiếp nhận và tiếp đó là luận điểm từ mã ngôn ngữ chuyển sang mã hình tượng, các luận điểm này vẫn được tác giả bảo lưu trong công trình *Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận*

[1]. Trần Đình Sử (1990), “Bàn thêm về tiếp nhận văn học”, *Văn nghệ*, (50) (1614), ngày 15/12/1990, tr.3.

[2]. Các bài viết:

- Trần Đình Sử (2010), “Những lý luận khó tin (Đọc “Khi người đọc xuất hiện” của Đỗ Lai Thúy)”, *Văn nghệ*, (24), ngày 12/6/2010.
- Trần Đình Sử (2010), “Cần có tiêu chí khoa học để phân biệt người đọc cổ điển và hiện đại”, *Văn nghệ*, (28), ngày 10/7/2010.

[3]. Trần Đình Sử (2015), *Trên đường biên của lý luận văn học*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

[4]. Nguyễn Lai (1990), “Tiếp nhận văn học, một vấn đề thời sự”, *Văn nghệ*, (28), (1592), ngày 14 -7-1990, tr.3.

văn học^[1]. Nguyễn Thanh Hùng^[2] nhấn mạnh đến quá trình biến đổi chủ thể tiếp nhận thành chủ thể văn học. Các bài viết về tiếp nhận văn học của Nguyễn Thanh Hùng được tác giả tập hợp lại thành cuốn *Độc và tiếp nhận văn chương*^[3]. Nguyễn Thanh Hùng đã lưu ý đến quá trình tự phát và tự giác trong tiếp nhận, cộng đồng lý giải một tham số đáng tin cậy. Tiếp tục phương hướng nghiên cứu này, năm 2008, Nguyễn Thanh Hùng công bố công trình *Độc - hiểu tác phẩm văn chương trong nhà trường*^[4].

Bên cạnh đó, Từ Sơn^[5] lưu ý đến nhu cầu thông tin và nhu cầu giải trí của công chúng trong tiếp nhận văn học từ góc độ của nhà quản lý.

Năm 1990, công trình *Văn học và hiện thực* của Viện Văn học có bài “Quan hệ văn học - hiện thực và vấn đề tác động, tiếp nhận và giao tiếp thẩm mỹ” của Huỳnh Vân, nhấn mạnh đến chức năng giao tiếp của văn học. Ông cho rằng: “... cần thiết phải nghiên cứu trên cả hai mặt lý luận và lịch sử văn học vấn đề tác động và tiếp nhận văn học và nghệ thuật”^[6]. Ông đề cập đến vấn đề cần quan niệm mối quan hệ văn học - hiện thực ở cả hai chiều: phản ánh và tác động, tiếp nhận, tức chiều từ hiện thực đến tác giả và

[1]. Nguyễn Lai (1991), *Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Thanh Hùng (1990), “Trao đổi thêm về tiếp nhận văn học”, *Văn nghệ*, (42) (1606), ngày 20/10/1990, tr.7.

[3]. Nguyễn Thanh Hùng (2002), *Độc và tiếp nhận văn chương*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

[4]. Nguyễn Thanh Hùng (2008), *Độc - hiểu tác phẩm văn chương trong nhà trường*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

[5]. Từ Sơn (1990), “Nghĩ về công chúng văn học của chúng ta hiện nay”, tạp chí *Văn học*, (4), tr.30-33.

[6]. Huỳnh Vân (1990), *tlđđ*, tr.221.

tác phẩm và chiều từ tác giả, tác phẩm đến hiện thực. Điều đó nhằm nhấn mạnh rằng khâu tác động và tiếp nhận là không thể không được quan tâm trong nghiên cứu văn học. Nhưng hơn một thập kỷ sau đó, vẫn chưa thấy ông cho công bố tiếp những suy nghĩ mới của ông về vấn đề này. Cùng năm, tác giả tiếp tục cho công bố trên tạp chí *Văn học* bài “Nhà văn, bạn đọc và hàng hóa sách hay văn học và sự dị trị”^[1], ở bài này ông cho rằng sách với tư cách là một hình thức hàng hóa nhưng là một loại hàng hóa đặc biệt. Hai giá trị dị biệt nhau cùng tồn tại trong một thực thể là hàng hóa sách, ông đề cập đến khâu trung gian giữa sáng tác và tiếp nhận văn học, nơi mà những yếu tố kinh tế - như một sự tất yếu khó tránh khỏi trong cơ chế kinh tế thị trường, kinh tế sản xuất hàng hóa - tác động vào văn học như một yếu tố dị trị. Năm 2009, nhà nghiên cứu này trở lại vấn đề mỹ học tiếp nhận qua bài “Vấn đề tầm đón đợi và xác định tính nghệ thuật trong mỹ học tiếp nhận của Hans Robert Jauss”^[2], như tiêu đề bài viết đã cho biết, bài viết lý giải khá sâu về một trong những khái niệm then chốt của mỹ học tiếp nhận: tầm đón đợi, phân tích quan niệm của Jauss về việc xác định tính nghệ thuật của tác phẩm văn học, được coi như là một cơ sở để Jauss xác định tính lịch sử của văn học. Huỳnh Văn cũng lưu ý đến một thực tế trong quá trình vận dụng mỹ học tiếp nhận ở Việt Nam trong thời gian qua là “các tác giả đã không đưa ra những định nghĩa rõ ràng về các khái niệm trên, cho nên kết quả nghiên cứu không

[1]. Huỳnh Văn (1990), “Nhà văn, bạn đọc và hàng hóa sách hay văn học và sự dị trị”, tạp chí *Văn học*, (6), tr.10-15.

[2]. Huỳnh Văn (2009), “Vấn đề tầm đón đợi và xác định tính nghệ thuật trong mỹ học tiếp nhận của Hans Robert Jauss”, *Nghiên cứu Văn học*, (3), tr.55-71.

tránh khỏi chung chung, mơ hồ”^[1]. Một năm sau đó, tháng 3/2010, tạp chí *Nghiên cứu Văn học* cho công bố tiếp bài “Hans Robert Jauss: lịch sử văn học là lịch sử tiếp nhận”^[2], Huỳnh Vân tiếp tục trình bày và lý giải những luận điểm tiếp theo của Hans Robert Jauss khi đề xuất những vấn đề, những phương thức cụ thể hơn cho lịch sử văn học đổi mới của ông - lịch sử văn học của người đọc. Trong bài viết này Huỳnh Vân - cũng như nhà nghiên cứu Phương Lựu trong công trình trước đó - *Mười trường phái lý luận phê bình văn học đương đại phương Tây*^[3] - đã đề cập đến khái niệm lịch sử tiếp nhận của Hans Robert Jauss. Hai nhà nghiên cứu đều nhấn mạnh đến đề xuất mới mẻ, đáng ghi nhận của Jauss về việc nghiên cứu lịch sử tiếp nhận văn học. Phương pháp “phân tích lịch sử tiếp nhận” này đã được Jauss vận dụng trong bài viết *Iphigenie* của Racine và của Goethe cũng như sau ông đã được nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới tiếp thu và phát triển. Đến nay đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về lịch sử tiếp nhận sáng tác của nhiều nhà văn, nhiều giai đoạn lịch sử của một số nền văn học trên thế giới đã được xuất bản. “Việc nghiên cứu người đọc, nghiên cứu tiếp nhận đã giúp cho nhận thức được yếu tố xã hội thâm nhập sâu vào trong văn học từ một phương diện khác nữa và làm cho mối quan hệ của tác phẩm với xã hội trở nên rõ rệt hơn cũng như lịch sử tiếp nhận cũng có giá

[1]. Huỳnh Vân (2009), *tlđđ*, tr.69.

[2]. Huỳnh Vân (2010), “Hans Robert Jauss: Lịch sử văn học là lịch sử tiếp nhận”, *Nghiên cứu Văn học*, (3), tr.36-58.

[3]. Phương Lựu (1998), “Mỹ học tiếp nhận”, in trong *Mười trường phái lý luận phê bình văn học đương đại phương Tây*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.201-238.

trị lịch sử văn học nhất định của nó”^[1]. Như vậy, lịch sử tiếp nhận văn học không là lịch sử văn học như quan niệm của Jauss. Với nhận thức như vậy, chúng tôi sẽ vận dụng những ý kiến quan trọng của Jauss về việc nghiên cứu lịch sử tiếp nhận văn học trong chuyên luận này. Đây là những kết quả nghiên cứu đáng tin cậy và có sức thuyết phục.

Năm 1992, lần đầu tiên tiếp nhận văn học được đưa vào giảng dạy ở trường phổ thông, bài “Các giá trị văn học và tiếp nhận văn học”^[2] do Trần Đình Sử chấp bút được đưa vào sách *Văn 12*, tập 2. Đến năm 2000, khi hợp nhất có chỉnh lý sách giáo khoa, phần này vẫn được duy trì và do Lê Ngọc Trà^[3] biên soạn. Trong năm này *Từ điển thuật ngữ văn học*^[4] được xuất bản lần đầu, các khái niệm thuộc về lý thuyết tiếp nhận hiện diện rất hạn chế như các mục: nghiên cứu lịch sử chức năng, tiếp nhận văn học, ở các lần tái bản sau các khái niệm cơ bản của lĩnh vực này đã được bổ sung dần theo thời gian.

Trong số những người nghiên cứu lý thuyết tiếp nhận thì Phương Lựu là một nhà nghiên cứu đáng lưu ý. Năm 1997, ông cho xuất bản giáo trình *Tiếp nhận văn học* và tiếp tục khẳng định nó trong các công trình sau đó như *Mười trường phái lý luận phê bình văn học đương đại phương Tây*, *Lý luận phê bình văn học phương Tây thế kỷ XX*, và công trình do ông chủ biên *Lý luận văn học - văn học - nhà văn -*

[1]. Huỳnh Vân (2010), *tlđđ*, tr.57.

[2]. Trần Đình Sử (1992), “Các giá trị văn học và tiếp nhận văn học” in trong *Văn 12*, tập hai, Nxb. Giáo dục, tr.153-160.

[3]. Lê Ngọc Trà (2000), “Các giá trị văn học và tiếp nhận văn học”, in trong *Văn 12*, tập hai, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.137-152.

[4]. Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi (chủ biên) (1992), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

bạn đọc. Có thể thấy rằng với tư cách là một nhà giáo giảng dạy ở bậc đại học, ông đã giới thiệu tổng quan về lý thuyết tiếp nhận qua nguồn tài liệu tiếng Trung và tiếng Pháp, giúp cho người đọc có những khái niệm cơ sở, rất cần thiết cho việc tiếp tục đi sâu tìm hiểu lý thuyết này. Bên cạnh một số tên tuổi đã kể trên thì Trần Đình Sử, Trương Đăng Dung và một số nhà nghiên cứu lý luận văn học khác đã có công trong việc du nhập lý thuyết tiếp nhận vào Việt Nam.

Mong muốn đổi mới nền phê bình văn học Việt Nam, nhanh chóng hòa nhập với thế giới, năm 1993, Đỗ Đức Hiểu đã cho ra mắt bạn đọc công trình *Đổi mới phê bình văn học*^[1]. Vấn đề mỹ học tiếp nhận là một trong những nội dung được ông đặc biệt quan tâm. Tác giả công trình nêu trên lưu ý đến vấn đề loại hình học người đọc và xã hội học văn chương mà bài “Độc văn chương” là một ví dụ.

Năm 1995, Nhà xuất bản Giáo dục phát hành cuốn *Lý luận văn học, vấn đề và suy nghĩ*^[2]. Đây không phải là cuốn sách giáo khoa mà là tài liệu tham khảo chuyên sâu dành cho sinh viên và học viên các bậc học sau đại học. Công trình này do Nguyễn Văn Hạnh và Huỳnh Như Phương biên soạn. Chương 5 của sách có tên “Tác phẩm và người đọc” do Huỳnh Như Phương viết. Tác giả trình bày 3 vấn đề chính của lý thuyết tiếp nhận: 1. Người đọc - chủ thể tiếp nhận văn học; 2. Số phận lịch sử của tác phẩm văn học qua lăng kính của sự tiếp nhận; 3. Phê bình văn học trong hoạt động tiếp nhận văn học. Ở phần thứ ba, tác giả cho rằng ở nước ta đã từng xuất hiện 3 loại phê bình chính như phê bình nghệ sĩ, phê bình xã hội học dung tục và phê bình có

[1]. Đỗ Đức Hiểu (1993), “Độc văn chương”, in trong *Đổi mới phê bình văn học*, Nxb. Khoa học xã hội – Nxb. Mũi Cà Mau, tr.74-82.

[2]. Nguyễn Văn Hạnh - Huỳnh Như Phương (1998), *sđđ*.

tính chất học thuật^[1]. Năm 2010, nhà nghiên cứu này cho công bố công trình *Lý luận văn học (nhập môn)*, chương 6 của công trình này có tiêu đề “Người đọc và tiếp nhận văn học”, các vấn đề và luận điểm cơ bản trên đây được tái khẳng định và đào sâu hơn trước, có một sự thay đổi nhỏ là phần phê bình văn học được tách thành một chương riêng và khái niệm tầm đón nhận của Hans Robert Jauss được dịch là chân trời chờ đợi^[2].

Vấn đề tiếp nhận văn chương trong nhà trường đã được tác giả Phan Trọng Luận trình bày trong *Văn chương - bạn đọc - sáng tạo*^[3], thực ra công trình này tiền thân là cuốn *Cảm thụ văn học và giảng dạy văn học* (1983). Phần phụ lục của công trình này có hai bài viết của Wolfgang Iser và của Richard Beach và James Marshall. Tiếp đó, năm 2008, tác giả xuất bản sách *Văn học nhà trường: nhận diện, tiếp cận, đổi mới*^[4] để làm rõ và tiếp tục lý giải về việc tiếp nhận văn học trong nhà trường.

Các bài viết trên tạp chí *Văn học* về tiếp nhận văn học trong nhà trường của tác giả Nguyễn Thị Thanh Hương đã được tập hợp lại trong công trình *Dạy học văn ở trường phổ thông*^[5]. Theo nhận xét ban đầu của chúng tôi, các công trình của tác giả này cũng như Nguyễn Thanh Hùng, Phan

[1]. Nguyễn Văn Hạnh - Huỳnh Như Phương (1998), *sđd*, tr.162.

[2]. Huỳnh Như Phương (2010), *Lý luận văn học (nhập môn)*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr.195.

[3]. Phan Trọng Luận (2003), *Văn chương - bạn đọc - sáng tạo*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

[4]. Phan Trọng Luận (2008), *Văn học nhà trường: nhận diện, tiếp cận, đổi mới*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[5]. Nguyễn Thị Thanh Hương (2001), *Dạy học văn ở trường phổ thông*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

Trọng Luận là nhận diện thực trạng và góp phần nâng cao việc tiếp nhận văn chương trong nhà trường phổ thông, lý thuyết tiếp nhận mà các tác giả này đề cập và vận dụng thường nghiêng về tâm lý tiếp nhận. Ngoài ra, còn có một số tác giả khác như Phùng Văn Nghệ^[1], Nguyễn Đức Ân^[2], Nguyễn Trọng Hoàn^[3] cũng đã có bài viết về vấn đề này.

Tiếp tục hướng nghiên cứu tiếp nhận văn học trong nhà trường phổ thông còn có thể kể đến *Giáo trình Cảm thụ văn học*^[4] của Dương Thị Hương, đây là giáo trình dành cho hệ đào tạo cử nhân giáo dục tiểu học được biên soạn nhằm cung cấp những kiến thức nền tảng về tiếp nhận văn học cho người học. Một vài tác giả khác mà tiêu biểu là Hoàng Phong Tuấn^[5] đã bước đầu vận dụng một số khái niệm của

[1]. Phùng Văn Nghệ (1994), “Tác phẩm văn chương nghệ thuật tiếp nhận và dạy học”, *Khoa học xã hội*, (19), tr.48-57.

[2]. Nguyễn Đức Ân (1994), “Vận dụng lý thuyết tiếp nhận vào dạy văn ở trường phổ thông trung học”, *Khoa học xã hội*, (20), tr.73-77.

[3]. Nguyễn Trọng Hoàn (2001), “Văn chương “năng lượng của sự có mặt” và việc xác định đối tượng tiếp nhận thẩm mỹ trong nhà trường”, tạp chí *Văn học*, (7), tr.75-80.

[4]. Dương Thị Hương (2009), *Giáo trình Cảm thụ văn học*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[5]. Các bài viết:

- Hoàng Phong Tuấn (2009), “Khía cạnh tương tác trong khái niệm tâm đốn dợt của Hans Robert Jauss”, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, (17), tr.11-24.

- Hoàng Phong Tuấn (2010), *tlđđ*.

- Hoàng Phong Tuấn (2013), “Phân tích tác động thẩm mỹ của văn bản thơ Đèo Ba Dội từ góc độ mỹ học tiếp nhận của H.R. Jauss”, <http://phebinhvanhoc.com.vn/?p=12449>, (truy cập ngày 26/4/2016).

- Hoàng Phong Tuấn (2012), “Một số khuynh hướng mới của nghiên cứu tiếp nhận đầu thế kỷ XXI”, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, (41), tr.33-40.

- Hoàng Phong Tuấn (2013), “Một số điểm chính trong lý thuyết tiếp

lý thuyết tiếp nhận như: tầm đón đợi, kinh nghiệm thẩm mỹ, công chúng, khoảng cách thẩm mỹ vào việc dạy và học môn văn nhằm góp phần nâng cao chất lượng, đổi mới dạy và học văn ở trường phổ thông mà thử nghiệm “Phân tích tác động thẩm mỹ của văn bản thơ Đèo Ba Dội từ góc độ mỹ học tiếp nhận của Hans Robert Jauss” (2013) là một ví dụ. Gần đây, hai tác giả Nguyễn Thị Hồng Nam và Dương Thị Hồng Hiếu trên tạp chí *Nghiên cứu Văn học* số 2, năm 2015 có bài “Văn bản văn chương và hoạt động đọc văn bản văn chương”^[1] đã đề cập đến những đặc điểm của văn bản văn chương cũng như đặc điểm của hoạt động đọc loại văn bản này với những gợi mở đáng lưu ý.

Theo quan sát của chúng tôi, các bài viết, công trình kinh điển của lý thuyết tiếp nhận vẫn chưa được giới thiệu ở Việt Nam; bên cạnh bài của Wolfgang Iser vừa dẫn trên đây thì nhà lý luận đương thời với ông Hans Robert Jauss vẫn không hơn gì, ngoài tiểu luận *Lịch sử văn học như là sự thách thức đối với khoa học văn học* thì Hans Robert Jauss vẫn chưa được giới thiệu gì khác. Trong khi đó, theo Nguyễn Thị Thanh Hương “tính từ năm 1949 đến 1987 riêng ông đã viết 25 cuốn sách, 78 chuyên luận, 28 bài bình luận”^[2].

Trong những nhà nghiên cứu về lĩnh vực tiếp nhận văn học ở Việt Nam hiện nay thì Trương Đăng Dung là người bền bỉ và chuyên sâu. Năm 1998, ông xuất bản *Từ văn bản đến tác phẩm văn học*, năm 2004, ông cho công bố *Tác phẩm*

nhận của Wolfgang Iser”, <http://phebinhvanhoc.com.vn/?p=7508>, (truy cập ngày 26/4/2016).

[1]. Nguyễn Thị Hồng Nam - Dương Thị Hồng Hiếu (2015), “Văn bản văn chương và hoạt động đọc văn bản văn chương”, *Nghiên cứu Văn học*, (2), tr.19-29.

[2]. Nguyễn Thị Thanh Hương (1993), *tlđđ*, tr.56.

văn học như là quá trình, sách này là sự triển khai những luận điểm đề xuất ở *Từ văn bản đến tác phẩm văn học*. Ông đã khảo sát những vấn đề mà giới nghiên cứu trong nước ít (chưa) đề cập đến như: văn bản văn học và sự cụ thể hóa văn bản, ngôn ngữ và sự bất ổn của nghĩa, sự đọc và quá trình cắt nghĩa văn bản cũng như những giới hạn của lịch sử văn học, của cộng đồng diễn giải. Các công trình này được xem là có đóng góp quan trọng trong việc giới thiệu lý thuyết tiếp nhận vào Việt Nam một cách hết sức nghiêm túc và đáng tin cậy như có người đã viết. Các bài viết về lý thuyết tiếp nhận của Trương Đăng Dung từ năm 2004 trở về trước đã được công bố phần lớn trên tạp chí *Văn học* - từ 2004 là tạp chí *Nghiên cứu Văn học* và đã được in lại trong hai công trình vừa kể; các bài viết từ năm 2005 đến nay về lĩnh vực này là sự đào sâu và mở rộng những thành tựu đã có. Những luận điểm của ông được đánh giá là mang tính hàn lâm, quy phạm, có hàm lượng khoa học và sức thuyết phục cao. Ông cũng là một trong vài người hiếm hoi ở Việt Nam kiên quyết đi theo con đường làm lý luận thuần túy.

Năm 2004, *Từ điển văn học*^[1] đã được tái bản, các khái niệm thuộc lĩnh vực tiếp nhận văn học do Lại Nguyên Ân viết, trước đó, các mục từ này đã xuất hiện trong cuốn *150 thuật ngữ nghiên cứu văn học* (1999).

Sẽ là một thiếu sót nếu không kể đến các khái niệm của mỹ học tiếp nhận như: kinh nghiệm thẩm mỹ, khoảng cách thẩm mỹ, văn cảnh, cụ thể hóa, đồng nhất hóa, hiện thời hóa, tầm chờ đợi, tính bất định, xác định giao tiếp, tính phi tình thế, nghĩa ảo, lập nghĩa, dây văn học và tự động hóa trong công trình *Các khái niệm và thuật ngữ của các trường*

[1]. Đỗ Đức Hiếu (chủ biên) (2004), *Từ điển văn học* - bộ mới, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

phái nghiên cứu văn học ở Tây Âu và Hoa Kỳ thế kỷ XX^[1] qua bản dịch của Đào Tuấn Ảnh, Trần Hồng Vân, Lại Nguyên Ân. Trong cuốn này, mục từ tổng quan mỹ học tiếp nhận được định nghĩa khá chi tiết và đầy đủ. Trong số những tài liệu tiếng Việt về lý thuyết tiếp nhận mà chúng tôi đọc được thì cuốn sổ tay này là một tài liệu đáng tin cậy. Cho đến hôm nay, khi chúng ta chưa đào tạo được những chuyên gia có thể tiếp cận được với nguyên gốc những công trình của trường phái Konstanz thì hướng tìm hiểu học thuật phương Tây thông qua học thuật Nga là một hướng khả thi, ít ra trong thời gian trước mắt như nhóm dịch giả đã viết ở đầu sách.

Tác giả Lê Thị Hồng Vân cũng đã có các bài viết về vấn đề tiếp nhận văn học đáng chú ý như: “Ảnh hưởng của môi trường văn hóa xã hội đối với việc tiếp nhận văn học trong nhà trường hiện nay” (2001)^[2]; “Quan niệm về tác phẩm văn học trong lý luận phê bình văn học phương Tây hiện đại” (2004)^[3]; “Người đọc như là một nhân tố tất yếu của tác phẩm văn học” (2004)^[4]; “Sự tương tác giữa mã của người gọi và mã của người nhận trong tiếp nhận văn học” (2010)^[5]; “Sự tương tác giữa người đọc và văn bản trong

[1]. I. P Ilin và E. A Tzurganova (chủ biên) (2003), *sđđ*.

[2]. Lê Thị Hồng Vân (2001), “Ảnh hưởng của môi trường văn hóa xã hội đối với việc tiếp nhận văn học trong nhà trường hiện nay”, *Văn hóa Nghệ thuật*, (5), tr.33-36.

[3]. Lê Hồng Vân (2004), “Quan niệm về tác phẩm văn học trong lý luận phê bình văn học phương Tây hiện đại”, *Khoa học xã hội*, (1), tr.56-67.

[4]. Lê Hồng Vân (2004), “Người đọc như là một nhân tố tất yếu của tác phẩm văn học”, *Nghiên cứu Văn học*, (11), tr.98-112.

[5]. Lê Hồng Vân (2010), “Sự tương tác giữa mã của người gọi và mã của người nhận trong tiếp nhận văn học”, *Nghiên cứu Văn học*, (6), tr.23-34.

hoạt động sáng tạo văn học” (2010)^[1]. Đây là những bài viết có liên quan mật thiết đến luận án tiến sĩ của tác giả: *Tác phẩm văn học nhìn từ mối quan hệ giữa văn bản và người đọc*^[2], bảo vệ năm 2007 tại Viện Văn học.

Sau khi được đưa vào giảng dạy ở bậc đại học từ năm 1986 và ở bậc học phổ thông từ năm 1992, lý thuyết tiếp nhận còn được gọi là phương pháp lịch sử chức năng đã chứng minh được khả năng và triển vọng của mình qua việc triển khai thành công của các đề tài khoa học cấp bộ về tiếp nhận văn học Mỹ tại Việt Nam của Nguyễn Hữu Hiếu (2001)^[3], về tiếp nhận L. Tolstoi của Nguyễn Văn Kha (2004)^[4]; các luận án tiến sĩ như: *Lịch sử tiếp nhận Truyện Kiều* của Phan Công Khanh (2001)^[5], *Vấn đề tiếp nhận Dostoievski tại Việt Nam* của Phạm Thị Phương (2002)^[6], *Hemingway ở Việt Nam* của Bùi Thị Kim Hạnh (2002), *Việc tiếp nhận văn xuôi cổ điển Nga thế kỷ XIX ở Việt Nam* của Trần Thị Quỳnh Nga (2005), luận án này in thành sách năm 2010 có tiêu đề *Tiếp nhận văn xuôi Nga thế kỷ XIX ở Việt*

[1]. Lê Thị Hồng Vân (2010), “Sự tương tác giữa người đọc và văn bản trong hoạt động sáng tạo văn học”, *Văn học nước ngoài*, (6), tr.68-80.

[2]. Lê Thị Hồng Vân (2007), *Tác phẩm văn học nhìn từ mối quan hệ giữa văn bản và người đọc*, luận án tiến sĩ Ngữ văn, Viện Văn học, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Hữu Hiếu (2001), *Sự tiếp nhận văn học Mỹ ở Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Đà Lạt, 65 trang.

[4]. Nguyễn Văn Kha (2004), *Lịch sử tiếp nhận L. Tolstoi ở Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Đà Lạt, 110 trang.

[5]. Phan Công Khanh (2001), *Lịch sử tiếp nhận Truyện Kiều*, luận án tiến sĩ Ngữ văn, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

[6]. Phạm Thị Phương (2002), *Vấn đề tiếp nhận Dostoievski tại Việt Nam*, luận án tiến sĩ Ngữ văn, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nam^[1], *Sự tiếp nhận Edgar Allan Poe ở Việt Nam* của Hoàng Kim Oanh (2011)^[2] và năm 2014 là *Vấn đề tiếp nhận thơ Nôm Hồ Xuân Hương* của Hoàng Phong Tuấn^[3], *Tiếp nhận M.Sôlôkhốp ở Việt Nam* của Tạ Hoàng Minh (2014), *Sự phân hóa thị hiếu thẩm mỹ của công chúng văn học Việt Nam đương đại* của Vũ Thị Thu Hà (2015)^[4]. Đời sống, số phận của các tác phẩm, tác giả văn học nước ngoài trong đời sống văn hóa văn học Việt Nam cũng như việc nhìn nhận lại di sản văn học quá khứ đã được đề cập đến: “*Hồng Lâu Mộng tại Việt Nam, Mạc Ngôn ở Việt Nam*” (2011), “*Thơ mới và Tự lực văn đoàn trong sự tiếp nhận của độc giả trẻ Việt Nam hiện nay*” (2012) của Hà Thanh Vân, “*Việc tiếp nhận Kim Dung tại Việt Nam*” (2011)^[5] của Trần Lê Hoa Tranh, “*Tiếp nhận Khái Hưng ở miền Nam trước 1975*”^[6]

[1]. Trần Thị Quỳnh Nga (2010), *Tiếp nhận văn xuôi Nga thế kỷ XIX ở Việt Nam*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[2]. Hoàng Kim Oanh (2011), *Sự tiếp nhận Edgar Allan Poe ở Việt Nam*, luận án tiến sĩ Ngữ văn, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.

[3]. Hoàng Phong Tuấn (2014), *Vấn đề tiếp nhận thơ Nôm Hồ Xuân Hương*, luận án tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.

[4]. Vũ Thị Thu Hà (2015), *Sự phân hóa thị hiếu thẩm mỹ của công chúng văn học Việt Nam đương đại*, luận án tiến sĩ Văn học, Học viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.

[5]. Trần Lê Hoa Tranh (2011), “Việc tiếp nhận Kim Dung tại Việt Nam”, http://www.khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/home/index.php?option=com_content&view=article&id=2395:vic-tip-nhn-kim-dung-ti-vit-nam&catid=121:ht-vit-nam-trung-quc-nhng-quan-h-vn-hoa-vn&Itemid=187, (truy cập ngày 15/4/2016).

[6]. Phan Mạnh Hùng (2012), “Tiếp nhận Khái Hưng ở miền Nam trước 1975”, http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/home/index.php?option=com_content&view=article&id=3610%3Atip-nhn-khai-hng-min-nam-trc-1975&catid=129%3Aht-80-nm-th-mi-va-t-lc-vn-oan&Itemid=195&lang=en, (truy cập ngày 10/6/2016).

của Phan Mạnh Hùng, “Văn chương Tự lực văn đoàn và thơ Mới trong chương trình trung học môn văn ở miền Nam trước năm 1975” (2012)^[1] của Nguyễn Công Lý.

Bên cạnh đó, còn có thể nhắc đến các luận văn thạc sĩ ngữ văn được tiến hành tại các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh mà chúng tôi có thể tiếp cận được như *Vấn đề tiếp nhận sáng tác của Franz Kafka tại Việt Nam* của Thái Thị Hoài An (2005), *Tiếp nhận thơ văn Nguyễn Khuyến* - Lê Thị Bé (2003), *Vấn đề tiếp nhận thơ Hàn Mặc Tử* - Nguyễn Thị Hồng Anh (2010), *Quỳnh Dao ở Việt Nam* - Lê Thị Hồng Loan (2011), *Thơ Pushkin trong đời sống văn học Việt Nam* - Vũ Xuân Hương (2000), *Lịch sử tiếp nhận tiểu thuyết Vũ Trọng Phụng ở Việt Nam* - Nguyễn Thị Quỳnh Loan (2015),... cho thấy sự triển khai và vận dụng lý thuyết tiếp nhận trong thực tiễn nghiên cứu và giảng dạy văn học các cấp như đã nêu trên đây, dù sự thành công ở mỗi đề tài có khác nhau, vẫn đang có nhiều triển vọng và hứa hẹn ở phía trước.

Bản thân những vấn đề của lý thuyết tiếp nhận như mối quan hệ giữa văn bản và người đọc cũng được bước đầu giải quyết qua luận án *Tác phẩm văn học nhìn từ mối quan hệ giữa văn bản và người đọc* của Lê Thị Hồng Vân (2007), *Vấn đề chủ thể tiếp nhận qua lịch sử tiếp nhận Thơ mới* (2008)^[2]

[1]. Nguyễn Công Lý (2012), “Văn chương Tự lực văn đoàn và Thơ mới trong chương trình trung học môn văn ở miền Nam trước năm 1975”, http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/home/index.php?option=com_content&view=article&id=3612%3Avn-chng-t-lc-vn-oan-va-th-mi-trong-chng-trinh-trung-hc-mon-vn-min-nam-trc-nm-1975&catid=129%3Aht-80-nm-th-mi-va-t-lc-vn-oan&Itemid=195&lang=en, (truy cập ngày 9/6/2016).

[2]. Mai Thị Liên Giang (2007), *Vấn đề chủ thể tiếp nhận qua lịch sử tiếp nhận Thơ mới*, luận án tiến sĩ Ngữ văn, Hà Nội.

của Mai Thị Liên Giang... Gần đây, theo quan sát của chúng tôi, tạp chí *Nghiên cứu Văn học* của Viện Văn học khi làm số chuyên đề về các nhà văn cổ điển nước ngoài thì bình diện tiếp nhận tại Việt Nam cũng đã được chú ý, mà các bài viết như “Tiếp nhận Gogol ở Việt Nam qua bản dịch Những linh hồn chết” của Đào Tuấn Ảnh, số 5/2009; hay “L. Tolstoi ở Việt Nam - giai đoạn từ 1954 đến nay” của Trần Thị Quỳnh Nga, số 12/2010^[1]; “Tiếp nhận tác phẩm của Lỗ Tấn ở Việt Nam qua các công trình nghiên cứu”, Nguyễn Thị Mai Chanh, 2/2014^[2]; Nguyễn Thị Mai Liên^[3]; “Esenin ở Việt Nam: lịch sử dịch thuật và các ấn phẩm” của Nguyễn Thị Thu Thủy, 11/2015^[4]; “Tiếp nhận A. S. Pushkin ở Việt Nam” của Thành Đức Hồng Hà (2014)^[5],... là những ví dụ tiêu biểu.

Sự kiện gần đây có liên quan đến lý thuyết tiếp nhận là cuộc trao đổi giữa Đỗ Lai Thúy và Trần Đình Sử xoay quanh bài viết “Khi người đọc xuất hiện”, bài này vốn đã được công bố từ năm 2006^[6] và sau cuộc trao đổi trở thành

[1]. Trần Thị Quỳnh Nga (2010), “L. Tolstoi ở Việt Nam (giai đoạn từ 1954 đến nay)”, *Nghiên cứu Văn học*, (12), tr.71-85.

[2]. Nguyễn Thị Mai Chanh (2014), “Tiếp nhận tác phẩm của Lỗ Tấn ở Việt Nam qua các công trình nghiên cứu”, *Nghiên cứu Văn học*, (2), tr.38-45.

[3]. Nguyễn Thị Mai Liên (2014), “Tiếp nhận văn học Ấn Độ thế kỷ XIX-XX ở Việt Nam”, *Nghiên cứu Văn học*, (2), tr.46-58.

[4]. Nguyễn Thị Thu Thủy (2015), “Esenin ở Việt Nam: lịch sử dịch thuật và các ấn phẩm”, *Nghiên cứu Văn học*, (11), tr.16-29.

[5]. Thành Đức Hồng Hà (2014), “Tiếp nhận A. S. Pushkin ở Việt Nam”, *Nghiên cứu Văn học*, (2), tr.59-67.

[6]. Đỗ Lai Thúy (2006), “Người đọc - hành trình từ cổ điển đến hiện đại”, in trong *Những vấn đề mới trong nghiên cứu và giảng dạy văn học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.141-150.

một chương sách trong công trình *Phê bình văn học con vật lưỡng thể ấy*^[1], cuộc trao đổi xoay quanh vấn đề người đọc cổ điển và người đọc hiện đại với các tiêu chí như: đứng ngoài/ đứng trong, thụ động/ chủ động, tuyến tính/ phi tuyến tính, nghĩa tồn tại/ nghĩa kiến tạo.

Đầu năm 2016, Đỗ Lai Thúy tái khẳng định những vấn đề trên trong công trình *Những cạnh khía của lịch sử văn học* do ông chủ biên. Đỗ Lai Thúy cho rằng phê bình tiền hiện đại là đến với tác phẩm từ tác giả, phê bình hiện đại đến với tác phẩm từ văn bản, hậu hiện đại đề cao vai trò của người đọc và tác phẩm văn học là một văn bản được đọc để tạo nên các nghĩa kiến tạo. Người đọc, do vậy có sự thích khoái thẩm mỹ^[2].

Năm 2007, trong bộ sách 2 tập có tên *Lí luận - phê bình văn học thế giới thế kỷ XX*, Lộc Phương Thủy đã xếp Roman Ingarden, Hans Robert Jauss,... vào mục “Phê bình hiện tượng luận”.

Năm 2010, Hội thảo khoa học *Người đọc và công chúng nghệ thuật đương đại*^[3] tại Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội đã trở lại vấn đề tiếp nhận với những vấn đề như tiếp nhận thể loại văn học đương đại, cách đọc mới với các hiện tượng văn học đã qua^[4].

[1]. Đỗ Lai Thúy (2011), *Phê bình văn học con vật lưỡng thể ấy (tu tưởng phê bình văn học Việt Nam, một cái nhìn lịch sử)*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

[2]. Đỗ Lai Thúy (chủ biên) (2016), *Những cạnh khía của lịch sử văn học*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, tr.58-59.

[3]. Nhiều tác giả (2010), *Người đọc và công chúng nghệ thuật đương đại*, Kỷ yếu hội thảo, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội.

[4]. Xem thêm:

- Nhiều tác giả (2011), *Tiếp nhận văn học nghệ thuật ở Việt Nam thời kỳ hội nhập*, Kỷ yếu hội thảo, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân

Tuy nhiên, đã có những ý kiến đề cập đến những giới hạn của lý thuyết nước ngoài tại Việt Nam^[1], trong tiểu luận cùng tên, Trương Đăng Dung nêu ra những giới hạn như: giới thiệu và nghiên cứu không hệ thống, ngộ nhận về tính phổ quát và tính ngẫu nhiên lịch sử của lý thuyết văn học, sự chuyển giao lý thuyết còn nhiều hạn chế.

Gần đây, Trần Nho Thìn đã có những cảnh báo đáng lưu ý như khi ông cho rằng: “Lý thuyết tiếp nhận của phương Tây tuy rất sâu sắc, đề cao vai trò của người đọc nhưng liệu có vạm vỡ để giải thích văn học Việt Nam trung đại. Chúng tôi cho là cần thận trọng về điều này. Vấn đề không chỉ là chân trời đón đợi của người đọc mà cả chân trời đón đợi của tác giả, người tạo nên văn bản. Nếu người đọc có thể thuộc về nhiều thế hệ khác nhau, tức là chân trời chờ đợi có thể thay đổi thì chân trời chờ đợi của tác giả văn bản lại không thay đổi, nó là sản phẩm văn hóa của một thời kỳ lịch sử xác định. Nếu không nghiên cứu văn hóa của thời kỳ này, mọi sự tiếp nhận của người đọc trở nên méo mó, bị xuyên tạc”^[2]; Nguyễn Văn Dân cũng có ý kiến tương tự trong công trình *Các lý thuyết nghiên cứu văn học ảnh hưởng và tiếp nhận từ ngày đổi mới đến nay*. “Song về mặt thực tiễn cái mới nhất về lý luận của mỹ học tiếp nhận lại là cái chưa được khẳng định dứt khoát. Có người cho rằng khó có thể khách quan hóa được “tầm đón nhận” của độc giả hay tập

văn Hà Nội.

- Nhiều tác giả (2014), *Mỹ học tiếp nhận văn học ở Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo khoa học Nxb. Đại học Huế.

[1]. Trương Đăng Dung (2013), “Những giới hạn của lý thuyết văn học nước ngoài ở Việt Nam” *Nghiên cứu Văn học*, (11), tr.32-40.

[2]. Trần Nho Thìn (2014), “Đối thoại liên văn hóa trong thời đại toàn cầu hóa và vấn đề tiếp nhận lý luận văn học phương Tây ở Việt Nam”, *Nghiên cứu Văn học*, (10), tr.54-55.

thể độc giả, rằng không có cả những tư liệu sự việc cụ thể cho phép ta tái lập một tầm đón nhận khái quát. Điều này dễ dẫn đến những lập luận tư biện và đến những việc làm tùy tiện”^[1]. Các tác giả công trình *Tiếp nhận tư tưởng văn nghệ nước ngoài kinh nghiệm Việt Nam thời hiện đại*^[2] đã góp thêm những tiếng nói không chỉ về hạn chế của các lý thuyết văn học mà còn đề cập đến những đặc điểm và kinh nghiệm của quá trình tiếp nhận tại Việt Nam thời hiện đại.

Với những gì đã trình bày sơ lược trên đây về quá trình tiếp nhận, giới thiệu và vận dụng lý thuyết tiếp nhận trong giới nghiên cứu ở Việt Nam, có thể thấy rằng giới nghiên cứu đã nắm bắt được những vấn đề cốt lõi, dù rằng chưa thật đầy đủ và hệ thống như^[3] đã nhận xét. Điều này là hiển nhiên, vì đây là một lý thuyết mới, còn đang trên đường hoàn thiện như những bậc thầy của nó đã từng phát biểu. Tuy nhiên, những ý kiến của các nhà nghiên cứu ở nước ta đã góp phần khẳng định vị trí của lý luận tiếp nhận ở Việt Nam.

Việc lý thuyết tiếp nhận đã được nghiên cứu và giảng dạy từ bậc phổ thông đến sau đại học một lần nữa chứng tỏ sức sống cũng như những tiềm năng và những kết quả - hiệu quả mà nó mang lại cho việc nghiên cứu văn học ở nước ta.

Vận dụng lý thuyết tiếp nhận vào nghiên cứu văn học Việt Nam ở các cấp độ tác phẩm như *Truyện Kiều*, tác giả như Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Đình Chiểu,

[1]. Nguyễn Văn Dân (2015), *sđđ*, tr.54.

[2]. La Khắc Hòa, Lộc Phương Thủy, Huỳnh Như Phương (đồng chủ biên) (2015), *Tiếp nhận tư tưởng văn nghệ nước ngoài kinh nghiệm Việt Nam thời hiện đại*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

[3]. Nguyễn Văn Dân (1985), *tlđđ*.

Vũ Trọng Phụng, Hàn Mặc Tử...; hay trào lưu như phong trào Thơ mới, văn học kháng chiến chống Pháp... so với văn học giai đoạn 1932-1945 trước đó về tầm đón đợi đã cho thấy những tiền đề, bước đầu cho việc bổ sung vào lịch sử văn học Việt Nam một phương diện mới: lịch sử của người đọc, lịch sử tiếp nhận.

6. Đối tượng nghiên cứu quy định phương pháp nghiên cứu. Do đó, trong quá trình nghiên cứu đề tài chúng tôi sử dụng các phương pháp sau:

Phương pháp lịch sử chức năng sẽ giúp xác định lại những tiền đề tiếp nhận các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu với người đọc qua những giai đoạn lịch sử khác nhau. Các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu được đón nhận trong những hoàn cảnh như thế nào, và trong hoàn cảnh của từng giai đoạn có tác động gì trong việc tiếp nhận nội dung và tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu qua các sáng tác của ông. Phương pháp này chủ yếu áp dụng cho chương 1 của chuyên luận. Trong các phương pháp được sử dụng để tiếp cận tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu từ trước đến nay thì phương pháp tiếp cận từ góc nhìn lịch sử chức năng là còn khá mới ở Việt Nam. Thành tựu mà phương pháp này mang lại còn khá khiêm tốn trên phương diện thực tiễn.

Phương pháp xã hội học chủ yếu áp dụng cho chương 2 của chuyên luận. Gợi ý trường lực của Pierre Bourdieu trong bài viết của Nguyễn Phương Ngọc^[1] là một gợi ý đáng suy ngẫm đối với chúng tôi, hơn nữa ý tưởng về trường lực đã được vận dụng trước đó khá thành công trong nghiên

[1]. Nguyễn Phương Ngọc (2010), “Nghiên cứu văn học nghệ thuật và lý thuyết “trường lực” của Pierre Bourdieu”, in trong *Phương pháp nghiên cứu xã hội và lịch sử*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.249-268.

cứu của Phạm Xuân Thạch, Phùng Ngọc Kiên^[1]. Điều đó cho thấy đây là hướng nghiên cứu có nhiều triển vọng.

Các thao tác chọn mẫu điều tra, phỏng vấn, định tính và định lượng, thống kê và so sánh cũng được vận dụng trong quá trình xác định tầm đón nhận, thị hiếu thẩm mỹ của các thế hệ độc giả ở những vùng miền khác nhau cũng như dự đoán được khả năng tồn tại của con người và tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu trong kí ức người đọc hiện nay.

Các phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, loại hình, cũng như phương pháp hệ thống và phương pháp cấu trúc sẽ được áp dụng cho toàn bộ các chương khác của chuyên luận.

7. Chuyên luận bước đầu hệ thống, phân tích và nhận xét về việc giới thiệu, dịch thuật, nghiên cứu và ảnh hưởng của Nguyễn Đình Chiểu đối với văn học dân gian, văn học viết và các loại hình nghệ thuật khác cũng như mối tương tác giữa tác phẩm của ông với các loại hình nghệ thuật khác ở Nam Bộ.

Góp phần khẳng định giá trị các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu từ bình diện nghiên cứu tiếp nhận.

Ứng dụng một phương pháp tương đối mới - lý thuyết tiếp nhận vào khảo sát một tác giả văn học Việt Nam thời trung đại. Thấy được tầm đón đợi về Nguyễn Đình Chiểu thông qua vấn đề nghiên cứu lý thuyết tiếp nhận về trường hợp tác gia văn học, từ đó rút ra bài học cho việc tiếp cận một hiện tượng văn học lớn của văn học thành văn thời trung đại: trường hợp Nguyễn Đình Chiểu.

Bước đầu chỉ ra thực trạng tiếp nhận Nguyễn Đình

[1]. Nhiều tác giả (2009), *Nghiên cứu văn học Việt Nam những khả năng và thách thức*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

Chiếu trong nhà trường phổ thông và đại học hiện nay và đề xuất giải pháp giải quyết.

8. Ngoài phần “Lời tựa”, “Mở đầu”, “Kết luận”, “Tài liệu tham khảo”, “Phụ lục”- phần nội dung chuyên luận được triển khai gồm 3 chương:

Chương 1. Nguyễn Đình Chiểu trong sự tiếp nhận của người cùng thời và của giới nghiên cứu, phê bình

Chương 2. Nguyễn Đình Chiểu trong sự tiếp nhận ở nhà trường phổ thông và đại học

Chương 3. Nguyễn Đình Chiểu trong sự tiếp nhận của văn học dân gian và của giới sáng tác





CHƯƠNG 1

**NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
TRONG SỰ TIẾP NHẬN CỦA
NGƯỜI CÙNG THỜI VÀ CỦA GIỚI
NGHIÊN CỨU, PHÊ BÌNH**

CHƯƠNG 1

1.1. NHỮNG TIỀN ĐỀ TIẾP NHẬN

Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam từ năm 1858, triều đình nhà Nguyễn liên tiếp thất bại và từng bước đầu hàng qua các hòa ước 1862, 1874, 1884. Điều đó dẫn đến hàng loạt biến động khác. Lúc này Nho giáo vẫn giữ địa vị chính thống và chính thức trong hệ tư tưởng của nhà nước phong kiến. “Đây là một giai đoạn lịch sử khổ nhục nhưng vĩ đại” (Phạm Văn Đồng). Đến giai đoạn nửa cuối thế kỷ 19, đội ngũ tác giả và độc giả chủ yếu vẫn là nhà nho. Giai đoạn này tồn tại các khuynh hướng văn học như: yêu nước, thoát ly, nô dịch và tố cáo hiện thực. Trong đó văn học yêu nước có vai trò hết sức quan trọng và Nguyễn Đình Chiểu là lá cờ đầu của khuynh hướng văn học này. Sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu được chia làm 2 giai đoạn trước và sau khi Pháp xâm lược Việt Nam (1858), tác phẩm tiêu biểu trước năm 1858 gồm có *Lục Vân Tiên*, *Dương Từ - Hà Mậu* (tác phẩm này sau 1858 được tác giả sửa chữa lại cho phù hợp với tình hình mới). Tác phẩm tiêu biểu sau 1858 là thơ - văn tế và truyện thơ *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* - còn có tên là *Ngư Tiều nho y diễn ca*. Bộ phận thơ ca sáng tác sau 1858 còn được gọi là thơ ca yêu nước chống Pháp. Tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu được dịch và in lúc sinh thời nhưng có văn bản

mãi đến thập niên 60 của thế kỷ 20 mới được công bố như *Dương Tử - Hà Mậu*. Tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu lúc ban đầu, nhất là *Lục Vân Tiên* được lưu truyền trong dân gian sau đó mới được sưu tầm và dịch, in ra chữ Pháp, chữ Nôm và chữ Quốc ngữ. Độc giả ban đầu là đông đảo nhân dân vùng Nam Kỳ lục tỉnh nhưng chính các học giả thực dân mới là người đem đến cho *Lục Vân Tiên* một hình thức và đời sống mới. Cho đến nay vẫn chưa có tư liệu gì về văn bản ghi lại ý kiến, nhận xét, thẩm bình của các nhà nho về các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu - trừ ý kiến của hai nhà thơ hoàng tộc Mai Am và Miên Thẩm, sẽ được khảo sát ở chương 3. Nói cách khác, chủ thể tiếp nhận, nhà nho, người thẩm bình văn chương thời trung đại hoàn toàn vắng bóng trong lịch sử tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu, ít nhất là nhận thức về bộ phận tư liệu này cho đến thời điểm hiện tại.

1.2. SÁNG TÁC CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG SỰ TIẾP NHẬN CỦA NGƯỜI CÙNG THỜI

Ngay từ khi được hoàn thành và lưu truyền trong dân gian, các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu mà tiêu biểu là *Lục Vân Tiên* không những được người dân Nam Kỳ lục tỉnh đón nhận nồng nhiệt mà còn gây ra sự chú ý với những người Pháp khi họ vừa đặt chân lên xứ này. Vừa chiếm được ba tỉnh miền Đông, ngay sau đó, năm 1864, G. Aubaret đã sưu tầm và dịch tác phẩm *Lục Vân Tiên* ra tiếng Pháp. Đây là bản dịch ra văn xuôi công bố trên báo *Châu Á*, loại thứ 6, tập 3, tháng giêng và tháng 2 năm 1864. Sau đó là bản dịch thơ bằng chữ Quốc ngữ do G. Jannean thực hiện năm 1867, tiếp đó là bản dịch *Lục Vân Tiên* sang tiếng Pháp của Abel des Michels công bố năm 1883 (hiện có bản điện tử

tại trang www.namkyluctinh.org) và một bản dịch ra thơ bằng tiếng Pháp do E. Bajot thực hiện và công bố năm 1885. Mục đích và ý đồ của những người Pháp này khi tiếp cận tác phẩm *Lục Vân Tiên* thể hiện khá rõ khi G. Aubaret viết: “Trong quyển sách này, chúng tôi đã nhận ra những đặc điểm chính của một dân tộc mà chúng tôi đã từng chung sống lâu năm,...”^[1]. Cụ thể hơn, từ *Tin Sài Gòn* khi giới thiệu bản dịch *Lục Vân Tiên* của G. Aubaret đã cho rằng: “... danh phẩm này đã diễn tả rất khéo những phong tục và tư tưởng của một dân tộc rất đáng để ý về mọi phương diện”^[2]. Đi xa hơn, năm 1886, một nhà sách ở Sài Gòn khi viết thư cho Hội đồng quản hạt, đặt vấn đề xin trợ cấp để in lại quyển *Lục Vân Tiên* đã cho rằng “... sẽ có lợi cho thuộc địa về phương diện đồng hóa, là đem thay thế những sách Hán văn bằng sách Pháp văn”^[3]. Về mục đích của các nhà nghiên cứu thực dân khi tìm hiểu và dịch *Lục Vân Tiên*, theo Trần Ngọc Vương là: “... tìm hiểu vì sao có nhiều tấm gương hy sinh dũng cảm đến ngạc nhiên như vậy, chúng cũng muốn tìm hiểu sâu vào đời sống văn hóa của cộng đồng Việt Nam để tiến hành công cuộc chinh phục về văn hóa”^[4]. Nhận định này chính xác và đích đáng, chỉ ra ý đồ đích thực của thực dân Pháp khi nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu. Như vậy, ngay từ khi mới ra đời, tác phẩm *Lục Vân Tiên* đã bị lợi dụng cho những mục đích ngoài văn chương.

[1]. Nhiều tác giả (1965), *Một số tư liệu về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb. Khoa học, Hà Nội, tr.10.

[2]. Nguyễn Ngọc Thiện (tuyển chọn và giới thiệu) (2001), *Nguyễn Đình Chiểu về tác gia và tác phẩm*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.626.

[3]. Nguyễn Ngọc Thiện (tuyển chọn và giới thiệu) (2001), *sđđ*, tr.626.

[4]. Trần Ngọc Vương (1997), *Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.299.

Bên cạnh người Pháp, trong giai đoạn này còn có sự đóng góp của học giả người Việt mà tiêu biểu là Trương Vĩnh Ký vào việc sưu tập và chỉnh lý văn bản *Lục Vân Tiên*. Trương Vĩnh Ký cho in bản dịch *Lục Vân Tiên* sang chữ Quốc ngữ năm 1889. Đây là bản dịch đầu tiên do người Việt thực hiện, dịch giả là người cùng thời với tác giả và là một học giả nổi tiếng, uyên bác cả văn hóa Đông - Tây. Đây cũng là công trình sưu tầm và chỉnh lý có giá trị và được sử dụng làm cơ sở cho hầu hết các bản dịch trong Nam về sau. Bản dịch của Trương Vĩnh Ký làm ổn định dần văn bản của truyện *Lục Vân Tiên*. Ý nghĩa của công trình sưu tập và chỉnh lý này cho đến nay vẫn còn có giá trị, nhất là với các chuyên ngành khoa học xã hội. Như vậy, dù động cơ, mục đích có khác nhau nhưng các thế hệ học giả Pháp - Việt giai đoạn này đã đưa *Lục Vân Tiên* từ văn bản trở thành tác phẩm. Ngay từ khi mới ra đời, các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu đã có một lượng độc giả nhất định, nhưng trở trêu thay, những độc giả người nước ngoài này lại là những người đối kháng về phương diện chính trị với chính tác giả. Trong một chừng mực nhất định, Nguyễn Đình Chiểu cũng đã kịp nhận biết một trong những sáng tác của mình được công bố và cả những độc giả đến từ một nền văn hóa khác biệt và ngoài sự mong đợi của tác giả.

Quá trình dịch *Lục Vân Tiên* ra tiếng Pháp do người Việt thực hiện vẫn còn được tiếp diễn cho đến hiện tại, mà bản phóng tác và chuyển sang thơ Pháp gần đây nhất mà chúng tôi có được là do Lê Trọng Bổng chuyển ngữ, Nhà xuất bản Thế giới ấn hành năm 2004 thuộc *Tủ sách song ngữ*^[1].

[1]. Lê Trọng Bổng (phóng tác và chuyển thơ Pháp) (2004), *Lục Vân Tiên*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

1.3. NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG SỰ TIẾP NHẬN CỦA TRÍ THỨC TÂY HỌC NỬA ĐẦU THẾ KỶ 20

Tình hình nghiên cứu, phê bình Nguyễn Đình Chiểu từ đầu thế kỷ 20 đến năm 1954, so với trước là có một sự thay đổi lớn. Đó là sự ra đời của báo chí và một lớp trí thức Tây học. Kèm theo đó là sự ra đời và phát triển của một bộ phận mới có tên phê bình văn học. Văn học giai đoạn này, sau năm 1930 đã bước vào quá trình hiện đại hóa; và sau năm 1945 thì rẽ sang một bước ngoặt mới. Sự ra đời của các đô thị lớn và cùng với nó là sự phát triển của báo chí đã góp phần làm sôi động đời sống nghiên cứu phê bình văn học Việt Nam trước năm 1945 mà tiêu biểu là *Nam Phong tạp chí* và *Đông Dương tạp chí*. Một trong những bài viết đầu tiên về Nguyễn Đình Chiểu là xuất hiện trên *Nam Phong tạp chí* của Phạm Quỳnh.

Từ đầu thế kỷ 20 cho đến trước khi chuyên luận *Nỗi lòng Đồ Chiểu* của Phan Văn Hùm được công bố thì tình hình nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu khá bình lặng. Có thể dẫn ra một số bài viết của Nguyễn Ngọc Chỉ, Mai Huỳnh Hoa; và sách như *Nam Kỳ nhơn vật diễn ca* (1905) của Nguyễn Liên Phong.

Bài “Một nhà thi sĩ trứ danh nước ta, cụ Nguyễn Đình Chiểu làm truyện Lục Vân Tiên” của Nguyễn Ngọc Chỉ bên cạnh việc ca ngợi cụ Đồ thì cũng bày tỏ thái độ tán dương nhà cầm quyền lúc bấy giờ là: “... tân trào rất có nhân. (...). Lúc bình tĩnh rồi cụ mới rõ cái chế độ của tân trào, nên an lòng về ở yên tại Ba-tri (hạt Bến-tre)”^[1]. Ngoài ra Nguyễn Ngọc Chỉ cũng nêu lên một nghịch lý lúc bấy giờ trong tiếp

[1]. Nguyễn Ngọc Chỉ (1923), “Một nhà thi sĩ trứ danh nước ta cụ Nguyễn Đình Chiểu làm truyện Lục Vân Tiên 1825-1885”, tạp chí *Nam Phong*, (76), 10/1923, tr.309.

nhận Nguyễn Đình Chiểu là người Pháp hiểu rõ tâm lý tác giả nên dịch *Lục Vân Tiên* ra tiếng Pháp, còn lớp trẻ người Việt khi hỏi đến Nguyễn Đình Chiểu thì “bơ ngơ báo ngáo”. Có thể nhận thấy bài viết có tính chất khám phá nhưng lại có vài chi tiết chưa chính xác như năm sinh và thái độ chính trị của chính quyền thực dân đối với Nguyễn Đình Chiểu. Nó tiêu biểu cho xu hướng chung của những bài viết về cụ Đồ trên sách báo ba thập niên đầu thế kỷ 20. Đó là ca ngợi Nguyễn Đình Chiểu nhưng chỉ giới hạn ở tác phẩm *Lục Vân Tiên*, né tránh nói đến bộ phận thơ văn yêu nước và khi nói đến *Lục Vân Tiên* thì khai thác khía cạnh trung hiếu tiết nghĩa theo định hướng từng giai đoạn của nhà cầm quyền thực dân lúc bấy giờ.

Về phương diện tiểu sử, bài “Tiểu sử cụ Đồ Chiểu” (1935) của Mai Huỳnh Hoa đã cung cấp một tư liệu tương đối khái quát và chính xác, không những về Nguyễn Đình Chiểu mà cả nhân thân của nhà thơ qua 13 tiểu mục từ tổ phụ cho đến con của cụ Đồ. Những gì Mai Huỳnh Hoa viết trong bài này đã góp phần minh định về con người và thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu, và chính bà trong bài viết này đã cho biết nguyên nhân *Dương Tử - Hà Mậu* chưa xuất bản được là vì “lời lẽ xằng bậy”^[1].

Trong giai đoạn này đã có thêm một bản dịch *Lục Vân Tiên* ra tiếng Pháp do Nghiêm Liễn dịch, Ưng Hòe đề tựa, do nhà in nhà xuất bản Lê Văn Tân ấn hành năm 1927 tại Hà Nội.

Trong lịch trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu thì công trình *Nỗi lòng Đồ Chiểu* có một vị trí nhất định, nhất là giai đoạn trước năm 1954. *Nỗi lòng Đồ Chiểu* xuất bản lần đầu

[1]. Nhiều tác giả (1965), *sđd*, tr.50.

năm 1938, sách gồm 2 phần, phần thứ nhất có tên “Nỗi lòng Đỗ Chiêu” và phần thứ 2 “Trích lục văn phẩm” của Nguyễn Đình Chiêu. Sách vừa ra thì bị cấm, vì nguyên nhân đả kích cả ở hai phần của sách, riêng phần 2 vì còn giới thiệu một ít thơ văn yêu nước nên bị cấm tàng trữ. (Theo chúng tôi thì có lẽ có cả nguyên nhân do những hoạt động chính trị trước và tại thời điểm công bố sách này của Phan Văn Hùm). Năm 1957 in lần thứ hai tại Nxb. Tân Việt, Sài Gòn, với lời “Bạt” của Mai Huỳnh Hoa và ở bìa sách cho biết: có sửa chữa cần thận. Tuy bị cấm ngay vừa khi mới ra đời nhưng *Nỗi lòng Đỗ Chiêu* của Phan Văn Hùm cũng đã gây được tiếng vang trong lòng công chúng đương thời mà tiêu biểu là ý kiến của Đông Hồ và Việt Nhon. *Nỗi lòng Đỗ Chiêu* của Phan Văn Hùm là một công trình phê bình văn học có giá trị trên các phương diện: phương pháp tiếp cận và tư liệu. Về tư liệu công trình này có một dấu ấn đậm nét trong việc công bố rộng rãi một số thơ văn yêu nước vì nhiều lý do mà trước đây bị cố tình quên lãng và góp phần minh định một số vấn đề tồn nghi với vài bài thơ cụ thể. Các bài thơ này được trích dẫn sát sao trong phần chính văn của công trình nhằm làm sáng rõ hơn nữa tấm lòng vì nước vì dân của cụ Đỗ. Không khó để nhận ra phương pháp phê bình khách quan và phê bình tiểu sử (có người gọi là khuynh hướng truyện ký) mà Phan Văn Hùm sử dụng để tiếp cận thơ văn Nguyễn Đình Chiêu, trong đó phê bình khách quan là phương pháp chủ đạo. Bên cạnh đó, tác giả công trình là một người theo khuynh hướng Đề tứ nên trong chừng mực tư tưởng biện chứng cũng hiện diện bàng bạc như khi dựa vào bối cảnh lịch sử, thơ văn, quá trình sống, học tập và làm việc của nhà thơ để tìm hiểu tâm sự của chính tác giả qua những vần thơ. “Có thể nói Phan Văn Hùm là người đầu tiên lý giải

Nguyễn Đình Chiểu một cách khoa học, xác đáng theo góc nhìn duy vật lịch sử”^[1]. Sự thành công của Phan Văn Hùm với công trình này và cả các công trình khác mà ông hiệu đính và chú thích như *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* (1952), *Dương Tử - Hà Mậu* (1964). Ngoài bản lĩnh và năng lực cá nhân còn có thuận lợi là do quan hệ thân thân (vợ thứ Mai Huỳnh Hoa là cháu cố cụ Đồ) nên ông được tiếp xúc khá sớm với “Nguyễn chi thế phở”, lời thuật của Nguyễn Đình Chiêm nên có những tư liệu đắt và tính chính xác khá cao. Trường hợp này, phê bình phương Tây đã cung cấp những công cụ, thước đo mới để xác định tầm vóc văn chương Nguyễn Đình Chiểu.

Nỗi lòng Đồ Chiểu là một cách đọc mới đối với sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu. Từ kết quả này cho phép tin tưởng vào những vụ mùa bội thu tiếp theo khi hoa trái phương Tây có thể gieo trồng, thu hoạch trên mảnh đất này.

Trong giai đoạn này, Phan Trần Chúc công bố một công trình văn học sử có tên *Văn chương quốc âm thế kỷ XIX* (1942)^[2], có giới thiệu qua về Nguyễn Đình Chiểu và truyện *Lục Vân Tiên* với những đánh giá sơ lược, còn nhiều nhầm lẫn về năm sinh và tác phẩm của cụ Đồ, nhìn chung là không có gì mới so với người cùng thời trên hai phương diện: tư liệu và phương pháp tiếp cận.

Sau công trình của Phan Văn Hùm, việc nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu trở nên sôi động nhất là vào hai năm 1943-1944. Hưởng ứng cuộc truy niệm Nguyễn Đình Chiểu của Hội Khuyến học Nam Kỳ, báo *Hạnh phúc* đã tiến hành cuộc trưng cầu ý kiến: Thích *Lục Vân Tiên* hay *Kim Vân*

[1]. Đỗ Đức Hiếu (chủ biên) (2004), *sđđ*, tr.1402.

[2]. Phan Trần Chúc (1960), *Văn chương quốc âm thế kỷ XIX*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, in lần thứ 2.

Kiểu. Các ý kiến của: Vi Ta, Phan Văn Hùm, Lê Thọ Xuân, Nguyễn Hưng Phấn,... là những ý kiến đáng chú ý trong cuộc trưng cầu này. Kết quả cuộc thi giải nhất thuộc về M. Lucie Nguyễn Ngọc với bài “Tôi thích đọc truyện *Lục Vân Tiên* vì... Hạnh phúc”, tác giả giải thưởng đã so sánh văn chương *Truyện Kiều* với văn chương *Lục Vân Tiên* cũng như so sánh tâm sự Nguyễn Du và Nguyễn Đình Chiểu trong cuộc đời và trong tác phẩm, khẳng định giá trị của văn chương cụ Đồ. Trong hai năm này có thêm bản dịch, diễn giải *Lục Vân Tiên* ra chữ Quốc ngữ, do Đinh Xuân Hội thực hiện, hoàn thành từ năm 1930 nhưng đến năm 1943 mới công bố. Sách có một số sai sót về tiểu sử tác giả cũng như quá trình sao chép và chú thích tác phẩm mà Kiều Thanh Quế đã chỉ ra trong bài “Phê bình *Lục Vân Tiên* dẫn giải của Đinh Xuân Hội”, trên *Tri Tân*, số 106, 5-8-1943^[1]. Một bản dịch khác của Dương Quảng Hàm nhưng là dịch từ chữ Quốc ngữ sang tiếng Pháp, in năm 1944. Dịch giả dựa vào bản Phúc Văn Đường - còn gọi là bản ngoài Bắc để chuyển ngữ. Dương Quảng Hàm còn có một số công trình nghiên cứu, biên khảo khác có đề cập đến cụ Đồ như: *Việt Nam thi văn hợp tuyển* (1943), *Văn học Việt Nam*, *Quốc văn trích diễm* và tiêu biểu nhất là *Việt Nam văn học sử yếu* (1943). Trong bộ văn học sử này, tác phẩm được khảo sát là truyện thơ *Lục Vân Tiên* ở chương 19 “Các truyện Nôm khác”... còn tác giả Nguyễn Đình Chiểu thì xếp vào khuynh hướng đạo lý của chương 20: “Các nhà viết văn Nôm về thế kỷ thứ 19”. Như vậy, đến lúc này, con người và sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu (dù chỉ là một bộ phận) đã hiện diện chính

[1]. Kiều Thanh Quế (2009), “Phê bình *Lục Vân Tiên* dẫn giải của Đinh Xuân Hội”, in trong *Cuộc tiến hóa văn học Việt Nam*, tuyển tập khảo cứu phê bình, Nxb. Thanh Niên, Hà Nội, tr.104-108.

thức trong nhà trường thời Pháp thuộc qua bộ văn học sử đầu tiên của nền học thuật nước nhà. *Việt Nam văn học sử yếu* chịu ảnh hưởng phương pháp văn học sử phương Tây khá rõ nét, theo Lê Quang Tu đó là: “... phương pháp phê bình đại học của Brunetiere và phương pháp phê bình văn học của Gustave Lanson”^[1]. Đây là bộ văn học sử đầu tiên do người Việt viết nên nó có một ý nghĩa khá đặc biệt, nó tạo ra một mốc son trong lịch sử văn học sử Việt Nam, có ý nghĩa khai mở và là tài liệu tham khảo hữu ích cho thế hệ sau, mà bằng chứng là cho đến năm 1968 đã in lần thứ 10 và đến năm 2002 vẫn còn tiếp tục được tái bản.

Trong những năm này, vấn đề tổng kết, nhìn nhận lại tình hình văn bản truyện thơ *Lục Vân Tiên* đã được đặt ra và đạt được những kết quả bước đầu với các bài viết của: K. V (sao lục), Ngọc Xuyên Ca Văn Thỉnh, Dương Quảng Hàm, Lư Khê. Một số bài viết đáng chú ý khác trong giai đoạn này như nghiên cứu tổng quát về “Thân thế và sự nghiệp Nguyễn Đình Chiểu” của đốc học Bến Tre Ca Văn Thỉnh, đây là diễn văn đọc trước mộ Nguyễn Đình Chiểu nhân lễ kỷ niệm năm 1943. Sau khi trình bày qua thân thế và sự nghiệp nhà thơ, tác giả kết luận: “Cụ Đồ Chiểu nổi tiếng do ở thơ Lục Vân Tiên nhiều vậy... Thơ Vân Tiên còn thì thịnh danh của cụ vẫn còn. Mà thịnh danh cụ còn thì tấm gương tài hoa tiết tháo của cụ không bao giờ tan vỡ”^[2]. Cùng đường hướng nghiên cứu đó là bài viết “Thân thế và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu” của Vũ Ngọc Phan. Mục đích của nhà cầm quyền Pháp trong dịp kỷ niệm 55 năm ngày mất Nguyễn Đình Chiểu thể hiện rõ qua diễn văn của thống đốc

[1]. Lê Quang Tu (2009), *Một thế kỷ nghiên cứu lịch sử văn học Việt Nam*, luận án tiến sĩ Ngữ văn, Viện Văn học, Hà Nội, tr.61.

[2]. Nhiều tác giả (1965), *sđd*, tr.116.

Nam Kỳ Hoeffel đọc trước mộ nhà thơ nhân dịp kỷ niệm do Sở Thông tin tuyên truyền, báo chí tổ chức ngày 27-6-1943. Sau khi đề cao tài năng nhân cách Nguyễn Đình Chiểu cũng như giá trị luân lý Nho giáo của *Lục Vân Tiên*, hy vọng sẽ góp phần chấn hưng phong hóa cứu vãn tinh thần, Hoeffel mong muốn: "... nên dùng quyển *Lục Vân Tiên* làm kinh nhật tụng, mỗi ngày đem ra thực hành, biết ao ước tiếng liêm sĩ, thêm thuồng danh trung hiếu, yêu chuộng gương trung liệt, đem tinh thần như thế mà phụng sự gia đình, xã hội và quốc gia, thì cái cao vọng Pháp - Việt phục hưng sẽ hoàn toàn kết quả"^[1]. Ý đồ chính trị của thực dân Pháp lúc bấy giờ đã thể hiện khá rõ qua bài diễn văn này và mục đích của nó là thực hiện chủ trương Pháp - Việt phục hưng do thống chế Pétain ban hành lúc đó, nhằm lôi kéo các tầng lớp thanh niên xa rời các phong trào yêu nước, ru ngủ và hướng họ vào các khái niệm thịnh hành lúc đó như gia đình, cần lao và Tổ quốc.

1.4. TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG NHỮNG NĂM KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP 1945-1954

Cách mạng tháng Tám đã khai sinh ra nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa non trẻ và liền ngay sau đó phải bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ 9 năm. Cuộc cách mạng mùa thu đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập tự chủ và chủ nghĩa xã hội. Một nền văn học mới đã ra đời trong những điều kiện khắc nghiệt của chiến tranh, nền văn học cách mạng dần xuất hiện với phương châm: dân tộc, khoa học và đại chúng. Các

[1]. Nhiều tác giả (1965), *sđd*, tr.119.

nhà văn trở thành chiến sĩ và văn hóa văn nghệ cũng là một mặt trận như lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát biểu năm 1951. Giai đoạn này có tính chất nhận đường như tên một bài viết của Nguyễn Đình Thi. Trong hoàn cảnh ấy, sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu đã trở thành một trong những nguồn mạch và là nguồn cổ vũ nhiệt thành cho các chiến sĩ trên mặt trận văn hóa văn nghệ. Trong bối cảnh chung của đất nước, sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu cũng đã bắt đầu những chặng đường mới trong hành trình số phận của mình. Dựa vào những tài liệu hiện còn và đã được công bố có thể nhận thấy những nghiên cứu tiêu biểu về Nguyễn Đình Chiểu qua các công trình sau:

Việt Nam văn học sử trích yếu của Nghiêm Toản (1949), bộ sách này gồm 2 tập được nhà sách Vĩnh Bảo ấn hành tại Sài Gòn, đến năm 1956 được tái bản, in gộp thành một tập và năm 1968 một lần nữa được in lại. Tiêu chí phân loại của công trình này dựa vào ngôn ngữ và thể loại văn học. Nguyễn Đình Chiểu được xếp vào mục “Thi ca có liên lạc mật thiết với thời cục” và mục “Trường thiên tiểu thuyết” thuộc phần thứ ba: “Văn học vừa bình dân vừa bác học chữ Nôm và chữ Quốc ngữ”. Nghiêm Toản cho rằng những tác phẩm này “... sẽ là gương phản chiếu tâm trạng người mình trong một giai đoạn lịch sử đầy phần hận, đau thương”^[1]. Lập trường của tác giả bộ sách thể hiện khá rõ trong lời “Tựa” - lần xuất bản thứ nhất: “Văn học là phản ánh của xã hội, do tự dân chúng phát sinh và phải luôn luôn quay về dân chúng mới đủ năng lực trưởng thành; văn học Việt Nam theo hai động lực phát triển nhíp nhàng: a) tranh đấu,

[1]. Nghiêm Toản (1968), *Việt Nam văn học sử trích yếu*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, tr. 177.

và b) dân chúng hóa”^[1]. Không khó khăn gì để nhận thấy sự gắn gũi của những tuyên bố này với lập trường, phương châm dân tộc khoa học và đại chúng đang lưu hành rộng rãi trong văn nghệ vùng kháng chiến giai đoạn này. “Quan niệm văn học này tương đối mới so với các nhà văn học sử đương thời. Dấu ấn bước đầu ảnh hưởng chủ nghĩa Mác - Lênin đã xuất hiện ở đây”^[2].

Cuốn *Văn học sử Việt Nam hậu bán thế kỷ thứ XIX* (1952)^[3] của Nguyễn Tường Phượng - Bùi Hữu Sùng, nằm trong dự định bộ sách 6 cuốn từ văn học trước thế kỷ XIX đến văn học hiện đại nhưng do những biến động thời cuộc mà bộ này chỉ mới xuất bản được 2 cuốn: *Văn học sử tiền bán thế kỷ XIX*, *Văn học sử hậu bán thế kỷ XIX*. Dù mang tên là một bộ văn học sử nhưng tác giả chỉ thừa nhận và trong thực tế đây chỉ là tài liệu giáo khoa bậc trung học lưu hành trong vùng tạm chiếm của Pháp ở các tỉnh phía Bắc giai đoạn 1945-1954. Các tác giả *Văn học sử Việt Nam hậu bán thế kỷ thứ XIX* đã ghi nhận Nguyễn Đình Chiểu ở hai khuynh hướng văn chương đạo lý và văn chương thời thế. Cách phân chia giai đoạn và khuynh hướng văn học này không có gì mới so với những người đi trước như Dương Quảng Hàm, Nghiêm Toản nhưng cái mới ở công trình này là lần đầu tiên ngoài *Lục Vân Tiên*, các tác phẩm như *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, thơ và văn tế như: *Trung thần nghĩa sĩ*, *Điều lục tỉnh sĩ dân văn*, *Văn tế vong hồn mộ nghĩa*, *Văn tế Trương Định* đã được đưa vào và bước đầu ghi nhận về mặt nội dung yêu nước. Điều đó cho thấy, có sự khác biệt

[1]. Nghiêm Toản (1968), *sđđ*, tr.8.

[2]. Lê Quang Tư (2009), *tlđđ*, tr.66.

[3]. Nguyễn Tường Phượng - Bùi Hữu Sùng (1952), *Văn học sử Việt Nam hậu bán thế kỷ thứ XIX*, Trường Nguyễn Khuyến phát hành, Hà Nội.

nhất định trong việc chú ý đến hay không chú ý đến một số sáng tác nào đó của Nguyễn Đình Chiểu giữa Dương Quảng Hàm với Nghiêm Toản, Nguyễn Tường Phượng - Bùi Hữu Sùng, tức giữa hai giai đoạn nghiên cứu lịch sử văn học trước và sau năm 1945. Điều đó không có gì khó hiểu khi lịch sử, xã hội và tình hình tư tưởng, văn hóa đã có những thay đổi, đã xuất hiện những quan điểm và lý luận văn hóa, văn học mới ở vùng kháng chiến. Cụ thể, có thể thấy trong khi Dương Quảng Hàm không đề cập đến thơ văn yêu nước chống Pháp của Nguyễn Đình Chiểu thì Nghiêm Toản lại xếp cụ Đồ vào khuynh hướng “Thi ca có liên lạc mật thiết với thời cục” còn Nguyễn Tường Phượng - Bùi Hữu Sùng, ngoài việc chú ý đến những tác phẩm có nội dung yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu cũng đã ghi nhận nhà thơ thuộc khuynh hướng văn chương thời thế, tức văn chương gắn với thời cuộc của đất nước. Tiến trình lịch sử của sự tiếp nhận sáng tác Nguyễn Đình Chiểu trước và sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã có những sự thay đổi nào đó do chịu ảnh hưởng của những điều kiện lịch sử xã hội và tư tưởng của mỗi thời kỳ. Công trình của Nguyễn Tường Phượng - Bùi Hữu Sùng, Nghiêm Toản, tuy chưa tạo ra đột phá về phương pháp tiếp cận và tư liệu, cũng như chưa tạo ra một cách đọc mới đối với các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, nhưng đã đặt nền móng, có tính chất dò đường và kể cả khi chưa thành công cũng có một ý nghĩa nhất định. Rất tiếc, sau ngày hòa bình lập lại ở miền Bắc và cả sau ngày thống nhất đất nước, hai công trình của Nguyễn Tường Phượng - Bùi Hữu Sùng, Nghiêm Toản đã không được nhắc đến và rơi vào lãng quên một cách oan uổng, mãi đến sau ngày đổi mới tên tuổi tác giả cũng như những công trình này mới được nhìn nhận lại mà ý kiến tiêu biểu là các

mục từ trong *Từ điển văn học* (bộ mới -2004).

Khởi thảo văn học sử Việt Nam - Văn chương chữ Nôm (1953) của Thanh Lãng là quyển thứ hai trong dự định biên soạn bộ văn học sử của tác giả nhưng vì nhiều lý do dự định này không thành. Văn chương chữ Nôm được xem xét trong tiến trình lịch sử văn học Việt Nam làm ba thời đại: phôi thai, phát đạt và toàn thịnh. Theo quan điểm của Thanh Lãng, Nguyễn Đình Chiểu thuộc nhóm các nhà làm truyện, bên cạnh các thi sĩ và các nhà làm văn tế thuộc thời đại toàn thịnh, công trình chỉ khảo sát *Lục Vân Tiên*, các sáng tác khác chỉ nêu tên mà không đề cập nội dung. Sau khi giới thiệu qua về tác giả, nguồn gốc, lược truyện, luân lý, triết lý và nghệ thuật truyện *Lục Vân Tiên*, Thanh Lãng kết luận: “Nếu nghệ thuật viết truyện chỉ là để tả được hết tình ý của mình thì Đỗ Chiểu quả có một nghệ thuật cao!”^[1]. Tiêu chí phân loại của Thanh Lãng là ngôn ngữ, bên cạnh chữ Nôm là chữ Hán và sau là chữ Quốc ngữ, cách phân chia truyện Nôm là theo tiêu chí có tác giả và vô danh (còn gọi là hữu danh và khuyết danh), hạn chế của cách phân chia này là chỉ cần tìm ra tác giả là có ngay sự thay đổi, tính ổn định không cao, sau này các nhà văn học sử ở miền Bắc như nhóm Lê Quý Đôn, Nguyễn Lộc có cách phân chia khác là bình dân và bác học. Các tác phẩm khác của Nguyễn Đình Chiểu được Thanh Lãng đề cập đến trong *Bảng lược đồ văn học Việt Nam*, quyển hạ 1862-1945. Đóng góp của Thanh Lãng trong phương pháp biên soạn văn học sử Việt Nam là ở công trình này và chúng tôi sẽ đề cập ở những mục sau.

Giai đoạn 1945-1954, mặc dù chưa tạo ra cách đọc cũng như tiếp cận mới về các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu

[1]. Thanh Lãng (1953), *Khởi thảo văn học sử Việt Nam - văn học chữ Nôm*, Phong trào Văn hóa xuất bản, Hà Nội, tr.206.

vì nhiều lý do như chiến tranh liên miên và ngày càng khốc liệt nên chưa có điều kiện giới thiệu các phương pháp tiếp cận cũng như những cách đọc mới. Tuy vậy, những cố gắng của các nhà nghiên cứu giai đoạn này đã tạo cơ sở, tiền đề và những bước đi đầu tiên cho những thành tựu ở cả hai miền Nam - Bắc sau này.

1.5. SỰ NGHIỆP VĂN CHƯƠNG NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG ĐỜI SỐNG NGHIÊN CỨU, PHÊ BÌNH Ở MIỀN BẮC TỪ 1954-1975

Với Hội nghị Geneve, hòa bình đã được lập lại ở miền Bắc, vĩ tuyến 17 sông Bến Hải đã chia Việt Nam thành 2 miền Nam - Bắc với hai chế độ chính trị xã hội khác nhau. Miền Bắc tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và hoàn thành sứ mệnh lịch sử này vào ngày 30-4-1975. Dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, quan niệm mỗi nhà văn là một chiến sĩ trên mặt trận văn hóa văn nghệ vẫn được tiếp tục và duy trì, mỗi nhà văn là một nghệ sĩ - công dân. Định hướng này chi phối toàn bộ nền văn học, dĩ nhiên bao gồm cả định hướng toàn bộ quá trình nghiên cứu và khai thác di sản truyền thống trong đó có Nguyễn Đình Chiểu. Ngay khi vừa lập lại hòa bình ở miền Bắc, mỗi năm đều có các hoạt động kỷ niệm ngày sinh và ngày mất Nguyễn Đình Chiểu trên báo chí và các hoạt động khác nhưng nổi bật hơn cả là các hoạt động kỷ niệm 75 năm ngày mất và 150 ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu. Có thể thấy hai cột mốc các năm 1963 và 1972 là nơi ghi dấu những đỉnh cao trong lịch trình tiếp nhận cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. Có thể chọn hai cột mốc này để chia quá trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu trong đời sống nghiên cứu, phê bình ở miền Bắc từ

1954 đến 1975 làm 2 giai đoạn 1963 và 1972.

1.5.1. Từ ngày hòa bình lập lại đến kỷ niệm 75 năm ngày mất nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu

Nguyễn Đình Chiểu là một trong những tác giả được quan tâm, chú ý nhiều nhất trong giai đoạn này, các dịp kỷ niệm ngày sinh và ngày mất của nhà thơ đều có các bài viết tưởng niệm, trong số đó phải kể đến Vũ Đình Liên, ngay từ tháng 7 năm 1955 trên báo *Tổ quốc* đã có bài do tác giả Ông đồ viết về cụ Đồ. Đó là bài “Nguyễn Đình Chiểu một nhà văn và một nhà ái quốc miền Nam”, sau bài này Vũ Đình Liên công bố chuyên luận *Nguyễn Đình Chiểu nhà thơ yêu nước miền Nam* (Minh Đức - Thời đại xuất bản, 1955). Ông cũng là người phụ trách phần viết về Nguyễn Đình Chiểu trong bộ *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam*, tập II và III, Nguyễn Đình Chiểu được chia ra khảo sát ở cả hai giai đoạn nửa đầu và nửa cuối thế kỷ 19, ở giai đoạn nửa đầu thế kỷ (tập II) đề cập đến tiểu sử nhà thơ và tác phẩm *Lục Vân Tiên*, soạn giả cho rằng *Lục Vân Tiên* trước hết là một truyện luân lý, đạo đức, về nghệ thuật thì truyện mang đậm tính chất nhân dân và đại chúng, giai đoạn nửa cuối (tập III) khảo sát *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* và các tác phẩm thuộc thơ văn yêu nước khác nhưng không đề cập đến *Dương Tử - Hà Mậu*. Tác giả công trình này cho rằng *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* là một cuốn sách về y học nhưng có giá trị tư tưởng cao và nghệ thuật đáng kể. Năm 1958, chuyên luận *Nguyễn Đình Chiểu nhà thơ yêu nước miền Nam* được viết lại và xuất bản dưới tên mới *Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888)* do Hoài Thanh viết lời tựa. Trong chuyên luận này, tác phẩm *Dương Tử - Hà Mậu* vẫn chưa được khảo sát chi tiết, phải đến tháng 8/1963, ông mới công bố bài viết về tác phẩm này

trên tạp chí *Văn học*: “Bước đầu tìm hiểu Dương Từ - Hà Mậu qua những tài liệu chúng ta hiện có”. Theo tác giả, tác phẩm này được Nguyễn Đình Chiểu sáng tác ở Tân Thuận vào những năm 1859-1860, chủ đề của tác phẩm là phê phán xã hội phong kiến suy tàn, nói lên ý thức cảnh giác với âm mưu của thực dân xâm lược trên vấn đề tôn giáo. Các ý kiến này được tiếp tục khẳng định trong *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam - giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX* (1964), phần viết về Nguyễn Đình Chiểu vẫn do Vũ Đình Liên chấp bút. Công trình đã chia cuộc đời sáng tác Nguyễn Đình Chiểu làm hai giai đoạn chính: a) thời kỳ thứ nhất từ khi bị mù đến lúc Pháp đánh Nam Bộ 1849-1858, *Lục Vân Tiên* làm ra trong giai đoạn này, b) thời kỳ thứ hai từ 1858 đến cuối đời, thời kỳ này lại chia làm 2 giai đoạn từ 1858-1870, thơ văn giai đoạn này là tinh thần chiến đấu, tích cực lạc quan thể hiện rõ rệt hơn, giai đoạn từ 1870 đến cuối đời thơ văn nói về cuộc chiến đấu của nhân dân và lòng căm thù giặc ít đi^[1]. Dịp kỷ niệm 75 năm ngày mất Nguyễn Đình Chiểu, Vũ Đình Liên có bài “Tưởng nhớ Nguyễn Đình Chiểu nhà thơ tôi kính yêu”, đến kỷ niệm 150 năm ngày sinh nhà thơ, ông tiếp tục với bài “Từ nhân sinh quan đến thẩm mỹ quan của Nguyễn Đình Chiểu” và kỷ niệm 160 năm ngày sinh tổ chức tại quê hương Nguyễn Đình Chiểu, ông lại có bài “Nguyễn Đình Chiểu nhà thơ của tình bạn” (1982). Như vậy, với Vũ Đình Liên - trên phương diện là nhà nghiên cứu thì đối tượng mà ông quan tâm nhiều nhất là tác giả Nguyễn Đình Chiểu, có thể nói ông là một trong vài chuyên gia hàng đầu về nhà thơ mù xứ Nam Kỳ lục tỉnh. Chuyên luận *Nguyễn*

[1]. Nhiều tác giả (1964), *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX*, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.66-67.

Đình Chiểu (1822-1888)^[1] cùng với phần viết về Nguyễn Đình Chiểu trong bộ *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam* là những cột mốc mới trong quá trình nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu không chỉ ở giai đoạn này. Với các công trình sưu tầm, chú thích về các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, ông cùng các nhà nghiên cứu trong nhóm biên soạn đã tạo nên một mặt bằng tư liệu mới cho người đọc khi tiếp cận tác phẩm của cụ Đồ, để từ đó tạo ra những cách đọc ngày càng chính xác, đầy đủ, khách quan và toàn diện hơn trong hành trình đọc Nguyễn Đình Chiểu. Về phương diện văn bản các tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu, Vũ Đình Liên có vai trò và đóng góp nhất định như tham gia với các tác giả khác sưu tầm, biên soạn, chú thích và bình luận các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu như: *Lục Vân Tiên* (1957, 1959), *Ngư Tiều vắn đáp và thơ văn yêu nước khác* (1957), *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu* (1963-1971-1976). Nhìn chung, vấn đề văn bản cũng phần nào phản ánh đời sống đặc biệt của tác phẩm, dưới tác động của môi trường tiếp nhận và chủ thể tiếp nhận thì câu chữ văn bản Nguyễn Đình Chiểu cũng có sự thay đổi, câu *Bỏ nhà lữ chó lơ xơ chạy* lúc này thành *Bỏ nhà lữ trẻ lơ sơ chạy* trong bài *Chạy giặc* - có chỗ gọi là *Chạy Tây* để nhấn mạnh cảnh tang thương do thực dân gây ra, để cao tính hiện thực của tác phẩm nhằm tăng tính tố cáo của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu đối với thực dân xâm lược.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn này còn có các tên tuổi khác viết về Nguyễn Đình Chiểu như Xuân Diệu, Hoàng Tuệ, Hoài Thanh, Phan Khôi... Hoàng Tuệ đề cập đến nhân dân tính như một đặc trưng tiêu biểu trong các sáng tác văn chương của cụ Đồ, đó là một yếu tố quan trọng làm cho tác

[1]. Vũ Đình Liên (1958), *Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888)*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.

phẩm của ông có sức sống lâu bền trong lòng quần chúng, nhất là đồng bào miền Nam. Tác giả khẳng định: “Nhân dân tính là cái giá trị căn bản của Lục Vân Tiên. Trong thời kỳ chống Pháp, thơ văn yêu nước Nguyễn Đình Chiểu lại phát huy thêm cái giá trị đặc sắc ấy”^[1]. *Tập san Đại học Sư phạm* cho đăng bài viết này nhằm góp phần tăng cường cho cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất đất nước hiện nay như lời nói đầu của Ban biên tập. Điều đó cho thấy, ngay từ khi hòa bình lập lại, giới học thuật miền Bắc đã ý thức sâu sắc về những giá trị tinh thần Nguyễn Đình Chiểu để lại và nhanh chóng gắn kết những giá trị này vào công việc đấu tranh thống nhất đất nước, chống sự can thiệp của Mỹ. Bài viết góp phần xác lập nên một tầm đón nhận mới dưới ánh sáng của những nguyên lý mỹ học của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Hoài Thanh trong “Lời tựa” cho công trình *Nguyễn Đình Chiểu 1822-1888* đã khẳng định vai trò của Nguyễn Đình Chiểu trong dòng văn học yêu nước cuối thế kỷ 19. Ý tưởng về lần đầu tiên trong lịch sử văn học Việt Nam, người nông dân, anh hùng vô danh vùng dậy chống Pháp, sẵn sàng hy sinh cho Tổ quốc đã được hiện thực hóa trong bài viết này. Cùng với Hoàng Tuệ, tác giả khẳng định tính quần chúng trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu. Trường hợp Hoài Thanh cho thấy sự thay đổi của tầm đón nhận mà hạt nhân là thế giới quan duy vật cộng với lối phê bình nghệ sĩ và ấn tượng trước kia đã tạo ra những trang viết tài hoa và giàu cảm xúc.

Tán thành quan điểm của Hoài Thanh, Xuân Diệu trong bài viết “Mấy cảm nghĩ về cụ Đồ Chiểu - Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà” (1963), bên cạnh việc khẳng định vị trí

[1]. Hoàng Tuệ (1955), “Nhân dân tính trong thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu”, *Tập san Đại học Sư phạm*, (2), tháng 6, 7, tr.42.

Nguyễn Đình Chiểu trong dòng văn chương yêu nước cuối thế kỷ 19, Xuân Diệu còn cho rằng Nguyễn Đình Chiểu đã định cho mình một hướng đi rõ rệt và có một nghị lực phi thường, nội dung thơ văn của ông có nội dung hiện đại, mới mẻ, các sáng tác này có hai yếu tố chính là kháng Pháp và miền Nam mà cái nền chung là tính cách quần chúng và tiêu biểu cho tính cách này là truyện thơ *Lục Vân Tiên*.

Để đáp ứng nhu cầu của đa số độc giả, những người không chuyên nghiên cứu văn học muốn có một cái nhìn tổng quan về quá trình phát triển văn học Việt Nam cùng với những đặc điểm và tác giả, tác phẩm ưu tú nhất của nó, Nhà xuất bản Khoa học xã hội thuộc Ủy ban Khoa học Nhà nước đã cho ra mắt công trình *Lịch sử văn học Việt Nam* (sơ giản - 1963)^[1] do Văn Tân - Nguyễn Hồng Phong biên soạn. Công trình này do tính chất, mục đích riêng nên về Nguyễn Đình Chiểu - do Văn Tân phụ trách chỉ được khảo sát ở giai đoạn nửa cuối thế kỷ 19 trong bộ phận văn học yêu nước bên cạnh tác giả Phan Văn Trị và các tác giả khác, sau khi giới thiệu sơ lược về tiểu sử tác giả cũng chỉ khảo sát trên bộ phận văn tế. Công trình này tuy có chỗ đại đồng tiểu dị nhưng có thể xem là phiên bản rút gọn của bộ *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam* xuất bản trước đó.

Một công trình văn học sử khác về giai đoạn văn học Việt Nam thế kỷ 19 là Giáo trình *Lịch sử văn học Việt Nam*^[2], tập IV, xuất bản năm 1962 do Phan Côn và Lê Trí Viễn biên soạn. Để cập đến Nguyễn Đình Chiểu ở chương III, sau khi giới thiệu về thân thế sự nghiệp, nội dung thơ văn, người

[1]. Văn Tân - Nguyễn Hồng Phong (1963), *Lịch sử văn học Việt Nam* (sơ giản), Nxb. Khoa học - Ủy ban Khoa học Nhà nước, Hà Nội.

[2]. Lê Trí Viễn và tác giả khác (1978), *Lịch sử văn học Việt Nam*, (tập 4A), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

viết làm sáng tỏ tư tưởng yêu nước và lòng yêu dân thiết tha của Nguyễn Đình Chiểu, cho rằng ông có một cách nhìn mới mẻ về người nông dân, ca ngợi các lãnh tụ nghĩa quân và triệt để chống bọn tay sai chia cắt đất nước.

Kỷ niệm 75 năm ngày mất nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu là một cột mốc trong lịch trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu không chỉ ở miền Bắc. Mở đầu là bài “Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc” của Phạm Văn Đồng, tác giả khẳng định thơ văn yêu nước là khúc ca hùng tráng của phong trào yêu nước chống Pháp lúc bấy giờ, thơ văn Nguyễn Đình Chiểu có tính chiến đấu cao. Bài viết nhấn mạnh phải hiểu đúng *Lục Vân Tiên* mới thấy hết giá trị của tác phẩm này như ca ngợi đạo đức chính nghĩa, những đạo đức đáng quý ở đời, ca ngợi những con người trung nghĩa và đi đến kết luận Nguyễn Đình Chiểu là một chiến sĩ yêu nước, một nhà thơ lớn, một ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc. Tác giả bài viết cũng lưu ý rằng: “Có người chỉ biết Nguyễn Đình Chiểu là tác giả của *Lục Vân Tiên*, và hiểu *Lục Vân Tiên* khá thiên lệch về nội dung và về văn, còn rất ít biết thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu...”^[1]. Lưu ý này cũng như cách dùng hình ảnh “những vì sao có ánh sáng khác thường” khi nói về Nguyễn Đình Chiểu đã trở thành phương hướng suy nghĩ, tìm tòi của các nhà nghiên cứu không chỉ trước ngày thống nhất đất nước mà cho đến sau năm 1975 vẫn còn âm hưởng trong tiêu đề của các công trình nghiên cứu sau đó như *Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao càng nhìn càng sáng* (1982) của Lê Trí Viễn hay *Những ngôi sao sáng trên bầu trời văn học Nam Bộ nửa sau thế kỷ XIX* (1990) của Bảo Định Giang, thậm chí đến

[1]. Nhiều tác giả (1964), *sđd*, tr.9.

năm 2001, tiêu đề bài viết này vẫn được nhà nghiên cứu Đoàn Lê Giang sử dụng lại cho tiêu đề một tập sách do ông biên soạn về Nguyễn Đình Chiểu^[1]. Đến nay, bài văn chính luận mẫu mực này đã được đưa vào sách giáo khoa *Ngữ văn 12* hiện hành. Đây là bài viết có sức ảnh hưởng lớn, qua tần suất trích dẫn nguyên văn cũng như trích ý mà cho đến hiện nay vẫn còn tiếp tục khi đề cập đến quá trình nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu. Theo đường hướng này, có người còn lấy một câu thơ của Nguyễn Đình Chiểu đặt tên cho sách của mình như: *Lòng đạo xin tròn một tấm gương* của Dương Trọng Dật [Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2000].

Hoài Thanh trong “Diễn văn kỷ niệm 75 năm ngày mất Nguyễn Đình Chiểu” đã đánh giá cao toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp Nguyễn Đình Chiểu, trong đó *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* là... một bài văn hay vào bậc nhất trong văn học Việt Nam^[2].

Trong những bài viết về Nguyễn Đình Chiểu dịp này, bài “Vì sao tôi thích đọc Nguyễn Đình Chiểu” của Trần Văn Giàu là một bài viết gây được sự chú ý vì những lý giải khá mới và độc đáo. Sau khi ca ngợi tấm gương mẫu mực, ý chí vươn lên trong mọi hoàn cảnh khó khăn để trở thành một lương y cả thể xác lẫn tâm hồn, tác giả khẳng định: “với Nguyễn Đình Chiểu... văn với đời là một, chỉ là một”^[3]. Bài viết còn cho rằng Nguyễn Đình Chiểu đã chiếm đỉnh cao nhất của văn học yêu nước giữa thế kỷ 19; tác phẩm

[1]. Đoàn Lê Giang (2001), *Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc*, Nxb. Trẻ - Hội nghiên cứu và giảng dạy văn học Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Nhiều tác giả (1964), *sđd*, tr.22-23.

[3]. Nhiều tác giả (1964), *sđd*, tr.47.

của ông chứa đựng một hệ thống triết lý sâu sắc gần như nhất quán lấy nhân nghĩa làm gốc. Trần Văn Giàu đưa ra 3 lý do cho việc thích *Lục Vân Tiên*: 1) mô tả Lục Vân Tiên cũng là mô tả con người miền Nam nước Việt Nam... Đọc *Lục Vân Tiên* người dân miền Nam, người dân lục tỉnh thấy mình trong đó. Càng thấy mình trong đó thì càng thích Đồ Chiểu và *Lục Vân Tiên*; 2) đọc *Lục Vân Tiên*, nghe nói Vân Tiên, hiểu liền cảm liền, chẳng thấy chút khó khăn trắc trở nào hết, trên cả hai mặt chữ nghĩa và ý nghĩa. Người đọc thường dễ ưa thích sách nào mình hiểu rõ hơn là những sách cần được giải thích lâu dài mới hiểu nổi một phần; 3) tác phẩm *Lục Vân Tiên* phát hành rộng ở Nam Kỳ thuộc Pháp, về thời gian thì thật đã quá thời, nhưng về ý nghĩa, kỳ vọng thì có ít nhiều đáp ứng với nhu cầu tâm lý dân tộc, vì đó một phần mà *Lục Vân Tiên* phổ biến khắp dân gian. Bài viết đã lý giải xác đáng và thuyết phục khi chỉ ra cơ chế tâm lý của quá trình tiếp nhận *Lục Vân Tiên* cũng như toàn bộ thơ văn Nguyễn Đình Chiểu trong nhân dân. Tác giả là người gần gũi cụ Đồ về nhiều mặt như địa lý, chí hướng, nhất là phương châm sống tri hành hợp nhất nên khi đọc và lý giải văn Nguyễn Đình Chiểu đã có sự đồng vọng và cả tri âm, nhưng là tri âm của một trí thức Tây học trong hoàn cảnh mới. Cùng với Ca Văn Thỉnh, Trần Văn Giàu đã cho người đọc thấy thấp thoáng đâu đây hình bóng cụ Đồ.

Trần Thanh Mại đánh giá cao Nguyễn Đình Chiểu và cho rằng ông là lá cờ đầu của thơ văn yêu nước thời kỳ cận đại, ông nêu lên nghi vấn về bài *Hịch kêu gọi nghĩa binh đánh Tây*, *Văn tế nghĩa sĩ Giồng Gạch* và cho đó là của Nguyễn Đình Chiểu. Trần Thanh Mại có đề cập đến ý kiến Thanh Lãng viết về Nguyễn Đình Chiểu trong *Biểu nhất lãm văn học cận đại*, cho rằng ông này có dụng tâm đen

tối khi đề cao Nguyễn Đình Chiểu và đề cao cả Tôn Thọ Tường, Hoàng Cao Khải,...

Bùi Thanh Ba trong bài viết “Qua Ngư Tiều vấn đáp tìm hiểu thế giới quan Nguyễn Đình Chiểu” khẳng định đó là một thế giới quan tiến bộ không thể tìm thấy ở các nhà thơ cùng thời, nhờ thế giới quan tiến bộ đó mà Nguyễn Đình Chiểu thấy rõ cái phải - trái của đạo Nho, ranh giới bạn thù được phân biệt rạch ròi và dứt khoát trong tư tưởng nhà thơ.

Bài viết có sức nặng học thuật nhất trong dịp kỷ niệm này có lẽ là “Thủ bản về nguồn gốc truyện Lục Vân Tiên” của Trần Nghĩa, sau khi lược qua một số ý kiến của những người đi trước về nguồn gốc truyện *Lục Vân Tiên*, Trần Nghĩa cho rằng Trần Nguyên Hanh hiểu chữ “minh” trong Tây Minh là khắc, Abel des Michels hiểu là sáng có gì đó chưa ổn. Theo tác giả, chữ minh ở đây là tối tăm và đi đến kết luận truyện *Lục Vân Tiên* là do Nguyễn Đình Chiểu sáng tạo chứ không dựa vào một truyện Tây Minh nào trong thư tịch cổ Trung Quốc, nguồn gốc của tác phẩm là ở thực tế Việt Nam thời Nguyễn Đình Chiểu sống và đó là một phần cuộc đời tác giả; Nguyễn Đình Chiểu dùng chữ Tây Minh với ngụ ý riêng có liên quan đến cảnh ngộ một kiếp mù lòa. Bài viết góp phần minh định chuyện có hay không chuyện ảnh hưởng của một truyện Tây Minh nào đó với truyện thơ *Lục Vân Tiên*, sau này (1982) vấn đề này còn được một tác giả khác trở lại.

Các bài viết trong dịp kỷ niệm 75 năm đã được tuyển chọn và tập hợp lại trong sách *Mấy vấn đề về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*^[1], xuất bản năm 1964, để ghi

[1]. Nhiều tác giả (1964), *sđd*.

lại bước tiến mới trong nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu và cũng là đáp ứng nhu cầu tìm hiểu về nhà thơ mù xứ Nam Kỳ lục tỉnh, nhóm biên soạn tập sách này còn lập một “Niên biểu Nguyễn Đình Chiểu” cùng “Thư mục và tư liệu về Nguyễn Đình Chiểu và tác phẩm của ông”. Sau đó, năm 1965 nhằm mục đích cung cấp một số tư liệu cần thiết cho những người nghiên cứu, tập sách *Một số tư liệu về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*^[1] đã được xuất bản. Các bài viết trong tập này là những bài được in từ trước Cách mạng tháng Tám và cả một số bài in ở miền Nam sau năm 1954, bên cạnh đó các bài thơ điệu, diễn văn trong những dịp kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu cũng như một số tác phẩm thuộc các loại hình nghệ thuật khác lấy đề tài từ *Lục Vân Tiên* cũng được trích in trong tập sách này. Có thể tìm thấy các lời nói đầu, giới thiệu của các học giả Pháp - Việt đã dịch *Lục Vân Tiên* ra tiếng Pháp, cũng như các ý kiến của Phan Văn Hùm, Vũ Ngọc Phan, Lê Thọ Xuân, Đông Hồ, Ca Văn Thỉnh... trong tập sách này. Nhìn chung, tình hình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu trong giai đoạn này có thể nhận thấy, chính nội dung của cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc đã định hướng việc tiếp nhận những giá trị nội dung của văn chương cụ Đồ mà tiêu biểu là việc khai thác và đề cao bộ phận thơ và văn tế.

1.5.2. Tình hình nghiên cứu qua dịp kỷ niệm 150 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu

Kỷ niệm 150 năm ngày sinh cụ Đồ được tiến hành trong cao trào của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở miền Bắc, việc tiếp cận Nguyễn Đình Chiểu trong dịp này được

[1]. Nhiều tác giả (1965), *sđd*.

tiến hành trên cả hai hướng nghiên cứu diện và điểm. Kết quả của dịp kỷ niệm này tập trung vào sách *Nguyễn Đình Chiểu tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật*, do Nhà xuất bản Khoa học xã hội ấn hành năm 1973. Cuốn sách tập hợp 34 bài viết của gần 30 tác giả, có thể xem đây là đỉnh cao của quá trình nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu cho đến trước ngày thống nhất đất nước. *Nguyễn Đình Chiểu tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật*^[1] nhìn Nguyễn Đình Chiểu nhiều góc độ như: con người, tác phẩm, có bài viết công phu, với khối lượng tư liệu lớn nhưng cũng có bài ngắn ghi lại những cảm xúc, kinh nghiệm của quá trình nghiên cứu về cụ Đồ. Bên cạnh việc in lại các bài viết của các tác giả như: Phạm Văn Đồng, Hoài Thanh, Trần Văn Giàu, Trần Thanh Mại, Trần Nghĩa, Bùi Thanh Ba đã công bố trong dịp kỷ niệm 75 năm ngày mất nhà thơ thì dịp này có khá nhiều bài viết có chất lượng học thuật cao của các nhà nghiên cứu như: Nguyễn Đồng Chi, Cao Huy Đình, Thạch Phương, Nguyễn Văn Hoàn, Ca Văn Thỉnh, Vũ Đức Phúc, Nguyễn Huệ Chi, Nguyễn Đình Chú,... Các bài viết của Nguyễn Văn Hoàn trong tập sách này đã xác lập được một hành trạng tương đối đầy đủ về tiểu sử và những sự kiện lớn trong cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu. Về tiểu sử thì nhà nghiên cứu này chủ yếu dựa vào các tư liệu đã công bố trước năm 1945 của Mai Huỳnh Hoa và Phan Văn Hùm; về niên biểu thì lập từ năm 1822 đến năm 1972. Trong niên biểu này, việc đoán định sự ra đời các tác phẩm có khác với niên biểu mà Trần Nghĩa lập năm 1963, như *Lục Vân Tiên* theo Nguyễn Văn Hoàn là ra đời năm 1850 còn Trần Nghĩa cho rằng năm 1854, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* là 1874 (còn

[1]. Nhiều tác giả (1973), *sđd*.

Trần Nghĩa là năm 1877). *Thư mục về Nguyễn Đình Chiểu* do Nguyễn Văn Hoàn lập là 264 đơn vị, trong khi đó thư mục do Trần Nghĩa lập năm 1963 là 125 đơn vị, đến năm 1982 - in lần thứ hai, *Thư mục về Nguyễn Đình Chiểu* do Ban Văn học - Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh lập thì số đơn vị tài liệu đã là con số 554. Nguyễn Văn Hoàn cũng là tác giả của tiểu luận “Từ Lục Vân Tiên đến Dương Từ - Hà Mậu”, bài viết nêu lên số phận long đong của *Dương Từ - Hà Mậu* từ khi được chép ra cho đến khi được phổ biến trên toàn quốc một cách tương đối đầy đủ sau khi được công bố năm 1964 qua bản dịch của Phan Văn Hùm. Bài viết cũng chỉ ra những lộn xộn và thiếu nhất quán của các đoạn thuộc tác phẩm này trong sách *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu* (1963). Trong *Dương Từ - Hà Mậu*, “Nguyễn Đình Chiểu đã nâng vấn đề lên bình diện dân tộc và tôn giáo,... đã đặt vấn đề trách nhiệm công dân của tín đồ tôn giáo”^[1], và “... từ Lục Vân Tiên đến Dương Từ - Hà Mậu là sự tiếp tục nhất quán của một phong cách, một khuynh hướng phát triển tự nhiên của một tài năng sáng tạo trên một chặng đường mới của lịch sử”^[2].

Một trong những tiểu luận nổi bật trong sách *Nguyễn Đình Chiểu tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật* là “Truyền thống quật cường của Nam Bộ Việt Nam với tinh thần đấu tranh của Nguyễn Đình Chiểu” của Ca Văn Thỉnh, bài viết đã khảo sát Nguyễn Đình Chiểu trong truyền thống lịch sử, văn hóa, văn học Nam Bộ, và quan niệm Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ chiến đấu vì nghĩa cả và tinh thần đấu tranh ấy bắt nguồn từ truyền thống quật cường

[1]. Nhiều tác giả (1973), *sđd*, tr.551.

[2]. Nhiều tác giả (1973), *sđd*, tr.557-558.

của dân tộc, với sắc thái địa phương Nam Bộ^[1]. Tác giả tiểu luận là một nhà nghiên cứu có uy tín, là đồng hương với nhà thơ nên có sự am hiểu sâu sắc về con người, văn hóa và văn học địa phương này, hơn nữa nguồn tư liệu tác giả sử dụng là do con trai cụ Đỗ - ông Nguyễn Đình Chiêm cung cấp, do vậy, những luận điểm đưa ra trong bài viết này có một sức thuyết phục, trước nhất là giá trị tư liệu.

Lê Thuốc với bài “Các thế hệ trước với nhà thơ dân tộc Nguyễn Đình Chiểu” trong tập sách đã dẫn trên đây cho biết: “tại miền Bắc, Lục Vân Tiên chỉ mới được phổ biến vào khoảng cuối thế kỷ thứ XIX”^[2] và ông cho biết thêm là độc giả các thế hệ trước phần nhiều đều tán thành những tư tưởng và sự việc mà Nguyễn Đình Chiểu diễn tả trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*. Riêng có một điểm không được sự tán đồng của mọi người [...], đó là việc Kiều Nguyệt Nga, ngay trong buổi mới gặp Lục Vân Tiên đã tặng chàng chiếc trâm để làm tin”^[3]. Cũng trong bài này, Lê Thuốc viết như sau: “Sau ngày hòa bình lập lại, tôi được phân công cùng nhà thơ Vũ Đình Liên nghiên cứu thơ văn Nguyễn Đình Chiểu... Được soi sáng bởi những quan niệm mới, chúng tôi đã cố gắng tìm hiểu tư tưởng tác giả một cách thận trọng chu đáo hơn và do đó đã phát hiện ra nhiều phương diện giá trị khác của Nguyễn Đình Chiểu mà trước kia bản thân tôi chưa từng thấy”^[4]. Bài viết của Lê Thuốc cho thấy tầm đón nhận của người đọc giai đoạn này đã được xác lập dưới những quan niệm mới của chủ nghĩa Mác và như vậy “hành

[1]. Nhiều tác giả (1973), *sđd*, tr.147.

[2]. Nhiều tác giả (1973), *sđd*, tr.181.

[3]. Nhiều tác giả (1973), *sđd*, tr.182.

[4]. Nhiều tác giả (1973), *sđd*, tr.183.

trình tuyển mộ độc giả” (Phạm Thị Phương^[1]) trong hành trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu đã sang một trang mới.

Vũ Khiêu nhận thấy cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu đã chứng minh ông toàn tâm toàn ý gắn mình với cuộc sống nhân dân và vận mệnh Tổ quốc, dù ông chưa vượt qua được tư tưởng phong kiến để đối lập với nó, phải hiểu ông từ đằng sau những khái niệm của Nho giáo, thái độ của người trí thức trước quân xâm lược là phải dứt khoát chiến đấu.

Nguyễn Đồng Chi đi tìm “Nguồn gốc và quá trình hình thành chủ nghĩa anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu” và thấy “... muốn tìm hiểu quan niệm anh hùng của ông thì phải tìm hiểu mức độ dung hợp giữa chủ nghĩa yêu nước phong kiến với tinh thần yêu nước của nông dân, hay nói cách khác mức độ điều hòa giữa lý tưởng và hiện thực”^[2]. Tác giả bài viết nhận thấy chủ nghĩa anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu có cơ sở thực tiễn từ thế hệ anh hùng chống Pháp cuối thế kỷ 19 ở Nam Bộ và từ truyền thống yêu nước đã có từ trước; sự phát triển của chủ nghĩa anh hùng qua các thời kỳ sau: 1) Truyện Nôm *Lục Vân Tiên* sáng tác trước lúc Pháp xâm lược Nam Bộ, lúc này những yếu tố của chủ nghĩa anh hùng đang hình thành bên cạnh chủ nghĩa yêu nước, 2) Lúc Pháp xâm lược 6 tỉnh Nam Bộ, từ những bài thơ, phú, văn tế thời kỳ này gắn liền với chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng phát triển rực rỡ đến đỉnh cao nhất, 3) Lúc kháng chiến ở Nam Bộ bị dập tắt, tác phẩm thời kỳ này là *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, chủ nghĩa anh hùng đến đây thì dừng lại nhưng chủ nghĩa yêu nước thì vẫn biểu hiện sâu sắc trong tác phẩm. Chủ nghĩa anh hùng trong sáng tác của Nguyễn

[1]. Phạm Thị Phương (2002), *tlđđ*.

[2]. Nhiều tác giả (1973), *sđđ*, tr.231.

Đình Chiểu gồm 4 đặc điểm: quan niệm về chủ nghĩa anh hùng chưa hoàn chỉnh nhưng phần nào có hệ thống; phò đời giúp nước, giúp dân là nhiệm vụ của người anh hùng, không phải là lý thuyết suông mà là hành động thực sự; lòng vị tha vô tư, kiên trinh, bất khuất là nền tảng phẩm chất của người anh hùng; từ chủ nghĩa yêu nước kiểu phong kiến, Nguyễn Đình Chiểu đã dần dần chuyển sang chủ nghĩa yêu nước kiểu nông dân.

Từ góc nhìn triết học, Nguyễn Đức Sự tìm hiểu “Quan điểm triết học trong y học và chủ nghĩa yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu”.

Dưới góc nhìn lịch sử tư tưởng, bài viết “Tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu và cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Nam Bộ”^[1] của Bùi Đăng Duy đã khảo sát lý tưởng nhân nghĩa và mục tiêu của cuộc kháng chiến cứu nước, thuyết chính khí và những biện pháp đấu tranh cách mạng cũng như sức mạnh và sự hạn chế của nó. Nguyễn Trung Hiếu bàn về “Cái nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu và tấm lòng, ý chí Việt Nam” và cho rằng một số người đọc khi tiếp cận với các sáng tác của cụ Đồ thường tách hai cái *Nho* và *Việt*, giữa cái đẹp và cái đạo mà chưa tìm ra nguyên lý thống nhất ở đây. Lý tưởng *nghĩa* của Nguyễn Đình Chiểu không những được chứng minh bằng một xu hướng thẩm mỹ mà còn chứng minh bằng chỗ đứng tất yếu của nhà thơ trong hoàn cảnh lịch sử đương thời. Dưới góc nhìn văn hóa, Cao Huy Đình đã có những ý kiến đáng chú ý như khi cho rằng Nguyễn Đình Chiểu là người thực hành và truyền thụ văn hóa vì dân, vì nước, văn hóa đó tóm tắt trong bài *Đạo người* và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu mang nội dung văn

[1]. Nhiều tác giả (1973), *sđd*.

hóa rõ rệt. Chính ý đồ cải cách văn hóa theo lập trường vì dân, vì nước, theo tinh thần đạo người đã đưa ông đến sự sáng tạo đó. Nguyễn Đình Chiểu là người đưa văn hóa đi hẳn vào con đường chiến đấu chính trị. Đây là bước chuyển biến quan trọng của văn học Việt Nam giữa thế kỷ 19, với Nguyễn Đình Chiểu văn hóa Việt Nam đã kết hợp chặt chẽ 3 tính chất: dân tộc, nhân dân và nhân đạo. Tác giả kết luận: “Nguyễn Đình Chiểu là ý thức dân tộc chuyển mình, là lương tâm dân tộc trỗi dậy, đã đấu tranh kiên cường chống lại mọi kẻ thù chính trị và văn hóa đương thời, giữ gìn cho tính cách Việt Nam khỏe khoắn, trong lành”^[1]. Cùng hướng nghiên cứu với Cao Huy Đình là Nguyễn Quang Vinh với “Truyện thơ Lục Vân Tiên với văn hóa dân gian”, bài viết đã nêu lên mối quan hệ tương tác giữa *Lục Vân Tiên* và văn hóa dân gian truyền thống, lý giải nguyên nhân vì sao tác phẩm này gắn bó sâu sắc với nhân dân lao động, bài viết cho rằng vì họ cảm thấy soi vào trong đó gặp ngay chính mình^[2]. Tác giả cũng cho rằng từ nội dung đến cốt truyện, cách kể và vận dụng các mô-típ truyền thống in đậm dấu vết và chịu ảnh hưởng của truyền thống tự sự và trữ tình dân gian. Nguyễn Đình Chiểu là người kết hợp chín muồi giữa khả năng văn học bác học với văn hóa dân gian để tạo nên *Lục Vân Tiên* và tác phẩm này đánh dấu một thành tựu của văn học dân tộc trên vùng đất Nam Bộ thời bấy giờ.

Vũ Đình Liên tìm hiểu “Từ nhân sinh quan đến thẩm mỹ quan của Nguyễn Đình Chiểu”, bài viết này đã góp phần giải quyết vấn đề quan trọng mà mọi người chưa nhất trí, đó là giá trị và tác dụng lớn lao của thơ văn Nguyễn Đình

[1]. Nhiều tác giả (1973), *sđđ*, tr.350.

[2]. Nhiều tác giả (1973), *sđđ*, tr.352.

Chiếu, chứng minh giá trị của nghệ thuật thơ văn cụ Đồ.

Nhà nghiên cứu người Nga N. I. Niculin sau khi giới thiệu Nguyễn Đình Chiểu là linh hồn của phong trào giải phóng dân tộc, cho rằng *Lục Vân Tiên* dịch ra tiếng Pháp là bản dịch đầu tiên về một tác phẩm lớn của văn học Việt Nam ở châu Âu. Về nghệ thuật thơ của cụ Đồ, nhà Việt Nam học này cho rằng: “Sự kết hợp phức tạp giữa cái bắt nguồn từ cuộc sống với những thủ pháp truyền thống là đặc điểm của nhiều áng văn vần của Nguyễn Đình Chiểu”^[1].

Xuân Diệm đánh giá cao không chỉ cuộc đời mà cả thơ văn cụ Đồ, trong tiểu luận *Đọc lại thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, lý giải vì sao thơ văn Nguyễn Đình Chiểu có sức hấp dẫn đối với đại đa số bạn đọc, nhất là ở Nam Bộ và khu 5, đó là trong tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu có tính cương trực ngay thẳng của quần chúng, có thái độ dứt khoát như thái độ của quần chúng. Hơn nữa “... quần chúng yêu truyện *Lục Vân Tiên* bởi trong ấy có những nhân vật quần chúng rất đáng kính mến”^[2]. Bài viết phân tích nội dung và nghệ thuật truyện *Lục Vân Tiên*, nêu một số nét độc đáo như nhạc điệu trữ tình câu thơ Nguyễn Đình Chiểu, ngôn ngữ Nguyễn Đình Chiểu là một ngôn ngữ bình dân, thông dụng, chân thật, thực tế, có cái vị thơm, hương lành của nó, cái hương vị văn miền Nam, bài viết đi đến kết luận có cái trí để hiểu biết, có cái tâm để yêu thương và có cái tài để thực hiện. Văn chương Nguyễn Đình Chiểu có sự thống nhất ba mặt ấy.

Nguyễn Đình Chú khẳng định rõ hơn con đường từ lý tưởng nhân nghĩa đến chủ nghĩa yêu nước trong mối quan

[1]. Nhiều tác giả (1973), *sđd*, tr.395.

[2]. Nhiều tác giả (1973), *sđd*, tr.417.

hệ thống nhất biện chứng giữa tư tưởng và nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu. “Văn thơ yêu nước chống Pháp của Nguyễn Đình Chiểu hầu như đã xóa sạch hoàn toàn khoảng cách giữa cuộc sống và nghệ thuật. (...) lần đầu tiên, lịch sử văn học của dân tộc mới có được một sự tương xứng giữa phẩm chất người nông dân trong văn học với phẩm chất người nông dân ngoài đời”^[1]. Đây là phát hiện đáng chú ý của bài viết này.

Nguyễn Huệ Chi đã phác họa lại “Con đường thơ của Nguyễn Đình Chiểu” đi từ một người mù đến một nhà giáo, thầy thuốc và đỉnh cao là nhà thơ tác giả truyện *Lục Vân Tiên*, đó là sự chiến thắng bi kịch cá nhân và con đường đi đến thơ văn yêu nước là cuộc đấu tranh với bi kịch xã hội. Con đường tất yếu đó đã đưa Nguyễn Đình Chiểu từ một nhà thơ lớn trở thành một cố vấn chiến lược của phong trào yêu nước chống Pháp ở Nam Bộ nửa cuối thế kỷ 19.

Trong dịp kỷ niệm 150 ngày mất Nguyễn Đình Chiểu có 2 tham luận đáng chú ý của hai nhà nghiên cứu nước ngoài: nhà Việt Nam học người Nga N. I. Niculin và học giả Trung Quốc Hoàng Giật Cầu với tham luận “Lược khảo về hai tên sách Truyện Tây Minh và Truyện Tam Công”, khác với Trần Nghĩa, học giả này cho rằng: “... Tây Minh mà truyện Lục Vân Tiên nói đến trong mấy câu dẫn quyết không thể do tưởng tượng mà ra. Hiện nay, chúng ta chưa phát hiện được tác phẩm nào là truyện Tây Minh nên chỉ có thể là Tây Minh của Trương Tái và chúng ta có thể chứng minh đúng là như vậy. (...). Còn như gọi Tây Minh là truyện Tây Minh, chẳng qua là xem Tây Minh như thánh kinh hiền truyện, chứ không hề có ý khác”. Nhà nghiên cứu này đi đến

[1]. Nhiều tác giả (1973), *sđd*, tr.449.

khẳng định: “Tây Minh của Trương Tải thực sự là chỗ dựa cho Nguyễn Đình Chiểu sáng tác *Lục Vân Tiên*”^[1]. Một vết khác ít nhận được sự quan tâm của học giới là nguồn gốc truyện Tam Công trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, theo tác giả bài viết thì Tam Công có nguồn gốc ở *Sử Ký* của Tư Mã Thiên. Có thể thấy rõ phương pháp so sánh trên bình diện tiếp nhận mà Hoàng Giật Cầu đã sử dụng trong bài viết này để chỉ ra những yếu tố nước ngoài mà cụ thể là những tác phẩm văn học dân gian và cả văn học thành văn ở những thời kỳ khác nhau trong văn học Trung Quốc mà Nguyễn Đình Chiểu đã tiếp nhận ảnh hưởng. Bài viết đã dùng nhiều dẫn chứng để chứng minh sự ảnh hưởng của văn hóa - văn học Trung Quốc trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, thậm chí một số đoạn văn được Hoàng Giật Cầu viết rất khéo léo nhưng vẫn thấp thoáng những thâm ý khó lường như khi so sánh lời ca tiêu cực trong *Xá khúc* và lời của nhân vật Ngư - Tiều trong *Lục Vân Tiên*, “chúng ta không thể nói rằng Nguyễn Đình Chiểu chịu ảnh hưởng của *Xá khúc* mà nên nói rằng ông chưa vượt ra khỏi sự trói buộc của truyền thống”^[2].

“Mở rộng việc nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu” của Vũ Đức Phúc nêu lên tình trạng vừa thừa quá lại vừa thiếu quá trong những kết quả nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu đã được công bố. Đây là minh chứng rõ nét cho thấy sự giới hạn của cộng đồng diễn giải trong quá trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu. “Những giới hạn của cộng đồng diễn giải cũng chính là những giới hạn của khoa học văn học nói chung và lý thuyết văn học nói riêng [...]. Điều quan trọng

[1]. Nhiều tác giả (1973), *sđđ*, tr.503.

[2]. Nhiều tác giả (1973), *sđđ*, tr.513.

là chúng ta ý thức được về những giới hạn đó”^[1]. Các ý kiến trong bài viết này đã nhìn nhận thực trạng nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu trong thời gian qua và đề ra phương hướng cho thời gian tới, những ưu điểm sẽ được phát huy và nhược điểm đã được khắc phục mà kết quả có thể thấy rõ trong hội thảo sau đó 10 năm 1982 tại Bến Tre. Cho đến nay, nhiều phương diện mà Vũ Đức Phúc nêu ra đã được khắc phục nhưng trên bình diện nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu - nhà giáo vẫn chưa có chuyển biến gì so với 40 năm trước. Đó là một thực tế trong quá trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu cần phải thừa nhận và xem xét.

Lịch sử tiếp nhận các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu đến đây đã chuyển sang một giai đoạn mới, với việc tiếp thu và vận dụng những yêu cầu của một phương pháp biên soạn lịch sử văn học mới đặt trên cơ sở của những nguyên lý lý luận văn học mác-xít, đồng thời cũng cho thấy có sự đáp ứng những đòi hỏi của công tác chính trị - tư tưởng của cuộc cách mạng ở miền Bắc và cuộc đấu tranh giải phóng ở miền Nam. Đó có thể nói là khuynh hướng chung và rõ ràng, rất may mắn - lại chứng tỏ không chỉ phù hợp mà còn rất hữu hiệu đối với việc tiếp nhận các sáng tác chủ yếu của cụ Đồ. Nhìn chung về tình hình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu trong giai đoạn này có thể nhận thấy, chính nội dung của cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc đã định hướng việc tiếp nhận những giá trị nội dung của văn chương Nguyễn Đình Chiểu mà tiêu biểu là việc khai thác và đề cao bộ phận thơ và văn tế còn được gọi là thơ văn yêu nước chống Pháp. Các kết quả nghiên cứu thời kỳ này đã tiếp tục và hoàn chỉnh một chân dung văn học Nguyễn Đình Chiểu

[1]. Trương Đăng Dung (2008), *tlđđ*, tr.61.

ngày càng hiện rõ và hoàn thiện hơn. Tư tưởng nhân nghĩa nhân dân và lòng yêu nước thiết tha đau đáu của cụ Đồ đã tạo ra sự cảm thông và cộng hưởng giữa nội dung nhân văn của tác phẩm và ý hướng chung của thời đại. Và chính bối cảnh thời đại đã tạo nên một mặt bằng văn hóa mới, một tầm đón nhận khác trước quy định ý nghĩa và tư tưởng các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu vốn tồn tại dưới dạng tiềm năng trở thành những giá trị trong mối quan hệ với thực tiễn đời sống, tiếp thêm sức mạnh tinh thần cho dân tộc vượt qua những chặng đường mới. Hay nói cách khác, quá trình tiếp nhận giai đoạn này diễn ra theo một quan hệ hai chiều khi thông điệp của tác phẩm tìm gặp thời đại của nó, và chính thời đại ấy cũng cần làm sống lại những giá trị của quá khứ để tăng thêm sức mạnh cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và chiến tranh giải phóng dân tộc thống nhất đất nước. Sau ngày hòa bình lập lại ở miền Bắc, hai câu thơ *Bao giờ thánh đế ân soi xét/ Một trận mưa nhuần rửa núi sông* sẽ được đọc hiểu theo một ý vị khác trước và sau năm 1975 thì ý vị này càng được đẩy đi xa hơn nữa theo chiều hướng viên mãn.

1.6. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, PHÊ BÌNH NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG VĂN HỌC CÁC ĐÔ THỊ MIỀN NAM GIAI ĐOẠN 1954-1975

1.6.1. Bối cảnh văn hóa, xã hội miền Nam những năm 1954-1975

Từ sau năm 1954 đất nước bị chia cắt thành hai miền Nam - Bắc với hai thể chế chính trị khác nhau. Miền Nam tạm thời do đối phương kiểm soát, sau hai năm sẽ tổ chức tổng tuyển cử thống nhất đất nước theo tinh thần của Hiệp định Giơnevơ. Chiến tranh ngày càng kéo dài, mức độ ác

liệt của cuộc chiến ngày càng gia tăng cũng như sự có mặt của quân đội Mỹ và đồng minh tại miền Nam đã gây ra những đảo lộn xã hội to lớn. Đi cùng với quân đội Mỹ là hàng hóa, văn minh tiêu dùng, lối sống Mỹ được đưa vào miền Nam một cách ào ạt. Chính điều này tạo nên sự gắn bó mật thiết giữa thị dân và những người sống quanh các căn cứ quân sự của Mỹ với thói quen hưởng thụ vật chất. Khi nhu cầu đã trở thành thói quen thì cũng là lúc họ lệ thuộc vào lối sống vật chất Mỹ, vì thế cho nên có ý kiến cho rằng hàng hóa Mỹ, lối sống Mỹ chính là nguồn bổ sung và tăng cường cho sự nô dịch chính trị và xâm lược quân sự, và đây cũng là nền tảng, cơ sở cho sự ra đời về những ý kiến tiếp nhận sáng tác Nguyễn Đình Chiểu như những gì tác giả Ái Lan đã viết khi bình vực nhân vật Thử Loan. Những điều trình bày sơ lược trên đây là nguyên nhân, cơ sở xã hội, tiền đề cho quá trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu trong đời sống nghiên cứu, phê bình của văn học các đô thị miền Nam giai đoạn 1954-1975.

1.6.2. Tình hình nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu sau ngày chia cắt đất nước đến trước năm 1962

Nguyễn Đăng Thục có lẽ là một trong vài người đầu tiên đề cập đến Nguyễn Đình Chiểu trong giai đoạn này, ngoài ông còn có Bùi Giáng, Hà Như Chi, Bằng Phong, Chim Hải Yến, Nguyễn Bá Thế, Thái Bạch, Nguyễn Khoa,...

Trong “Tinh thần truyền thống với Lục Vân Tiên”, sau khi lược khảo về tinh thần truyền thống Việt Nam qua lịch sử và qua *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Đăng Thục kết luận: “Lục Vân Tiên là biểu hiện của thể quân bình lý tưởng truyền thống của dân tộc xuất phát từ đáy lòng cụ Đồ Chiểu. Quân bình về sinh lý, quân bình về

nhân sinh, quân bình về tâm linh”^[1].

Hà Như Chi trong *Việt Nam thi văn giảng luận* (1955)^[2] khi khảo sát văn học triều Nguyễn thế kỷ 19 - thuộc dòng văn chương vừa bác học vừa bình dân đã đề cập đến Nguyễn Đình Chiểu trên các bình diện nhà chí sĩ với các bài thơ điệu và văn tế, bên cạnh đó là nhà văn dạy đời và bênh vực cho luân lý cổ truyền với *Lục Vân Tiên*. Hà Như Chi quan niệm: “Nguyễn Đình Chiểu viết *Lục Vân Tiên* vừa làm cái công việc giáo hóa truyền bá tư tưởng Nho học đang bị lu mờ dưới ảnh hưởng của thời thế, lại vừa gởi vào tác phẩm một tâm sự”^[3]. Tâm sự đó là xã hội *Lục Vân Tiên* cũng là xã hội Nguyễn Đình Chiểu; nhân vật *Lục Vân Tiên* mang tâm sự Nguyễn Đình Chiểu, ngoài nhân vật chính còn có nhân vật phụ mang tâm sự của cụ Đồ, đó là Vương Tử Trực, Hồn Minh, và ông Quán.

Năm 1956, Bằng Phong cho in cuốn *Luận đề Lục Vân Tiên - Nguyễn Đình Chiểu*, đây là sách thuộc loại giáo khoa dành cho học sinh trung học tại miền Nam giai đoạn 1954-1975, sách gồm phần tiểu dẫn và các đề tập làm văn về vấn đề triết lý, luân lý và kỹ thuật văn chương của tác phẩm *Lục Vân Tiên*. Đáng chú ý là khi bàn về tính cách và luân lý của truyện thơ này, soạn giả cho rằng: “... truyện *Lục Vân Tiên* có tính chất luân lý cực đoan và giả tạo, thiên về hình thức như chi tiết Vân Tiên khóc mẹ mù mắt, Nguyệt Nga ép cha phải theo ý mình giữ sự trung trinh với Vân Tiên, vì

[1]. Nhiều tác giả (1971), *Sưu tập những bài báo về Nguyễn Đình Chiểu*, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn, tr.127-128.

[2]. Hà Như Chi (2000), *Việt Nam thi văn giảng luận*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.

[3]. Hà Như Chi (2000), *sđđ*, tr.676.

thế Kiều công bị biếm chức ra Tây Xuyên”^[1]. Sau đó, năm 1960, những ý kiến này tiếp tục được khẳng định lại trong sách *Luận đề về Nguyễn Đình Chiểu (tiểu sử, tư tưởng, văn thơ, phê bình)*^[2] với tên tác giả là Nguyễn Duy Diễn - Bằng Phong, sách này, ngoài *Lục Vân Tiên*, đã đề cập đến thơ và văn tế nhưng còn khá sơ lược.

Nguyễn Đình Chiểu thân thế và thi văn 1822-1888^[3] của Nguyễn Bá Thế là một trong vài chuyên khảo đầu tiên được xuất bản trong giai đoạn này, sách gồm 2 phần: thân thế và thi văn, phần thân thế khảo sát qua 8 mục từ “Long đong duyên phận” cho đến “Lòng đạo xin tròn một tấm gương”; thi văn được sưu tập và chú giải trong sách này chủ yếu là bộ phận mà giới nghiên cứu miền Bắc gọi là thơ văn yêu nước chống Pháp. Có thể thấy sự nghiêm túc và công phu của tác giả và bên cạnh đó là một thái độ tương đối khách quan khi đề cập đến thơ và văn tế của Nguyễn Đình Chiểu. Trên phương diện tư liệu, cuốn sách còn có đóng góp nhất định ở chỗ là tạo điều kiện thuận lợi cho số đông tiếp cận và hình dung thêm con người, sự nghiệp văn chương và tấm lòng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu qua thơ và văn tế. *Nguyễn Đình Chiểu thân thế và thi văn 1822-1888* của Nguyễn Bá Thế có thể xem là một công trình thuộc sách truyện ký danh nhân, thể hiện rõ ở bìa sách cho biết sách này thuộc tủ sách *Những mảnh gương*, dùng các dữ kiện lịch sử và văn chương để dựng lại hành trạng của nhà thơ

[1]. Bằng Phong (không ghi năm xuất bản), *Luận đề Lục Vân Tiên - Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb. Á Châu, Sài Gòn, tr.32-33.

[2]. Nguyễn Duy Diễn - Bằng Phong (1960), *Luận đề về Nguyễn Đình Chiểu (tiểu sử, tư tưởng, văn thơ, phê bình)*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn.

[3]. Nguyễn Bá Thế (1957), *Nguyễn Đình Chiểu thân thế và thi văn 1822 - 1888*, Tàn Việt xuất bản, Sài Gòn.

mù xứ Đồng Nai. Có thể những luận điểm trong công trình này cho đến thời điểm hiện tại chỉ còn có ý nghĩa ở tính lịch sử nhưng tư liệu mà nó chứa đựng vẫn có một giá trị tham khảo nhất định. Sau công trình này, năm 1962 trong số đặc biệt (38-39) về Nguyễn Đình Chiểu của tạp chí *Văn đàn*, ông tiếp tục có bài: “Tinh anh bất tử Nguyễn Đình Chiểu hiện thân của đạo đức, chính khí”, bài viết là nén tâm hương, trộm tưởng dung nhan ngài cảm khái, xem lời bình rộn niềm yêu, di văn chan chứa bao tâm huyết, ông còn so sánh *Ngư Tiều vãn đáp* với *Chính khí ca* của Văn Thiên Tường.

Đồng thời với công trình của Nguyễn Bá Thế là sách *Nguyễn Đình Chiểu 1822-1888* của Thái Bạch^[1], là công trình khá toàn diện về Nguyễn Đình Chiểu từ tiểu sử, thời đại, sự nghiệp văn chương, những sáng tác lịch sử, cuộc đời kháng chiến, giá trị văn nghệ, tư tưởng. Tác giả cuốn sách đã nhắc đến *Dương Tử - Hà Mậu* và giới thiệu tác phẩm thành một mục. Thái Bạch đánh giá khá cao Nguyễn Đình Chiểu, ông viết: “Nói đến sự nghiệp văn chương Nguyễn Đình Chiểu là nói đến một sự nghiệp văn chương không giống như của Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, mà là nói đến một sự nghiệp văn chương nghiêng về phần đạo lý, nặng về nội dung hơn là về hình thức, cũng là nói đến một triết lý hành động tích cực vì dân vì nước của tiên sinh luôn gắn bó ngoài đời cũng như trong mọi tác phẩm”^[2]. Theo Thái Bạch, giá trị văn nghệ của tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu là tính cách bình dân và tính chất thời đại cũng như bối cảnh và kích thích tính. Kết luận công trình tác giả đánh giá Nguyễn

[1]. Thái Bạch (1957), *Nguyễn Đình Chiểu 1822-1888*, Nxb. Sống mới, Sài Gòn.

[2]. Thái Bạch (1957), *sđd*, tr.54.

Đình Chiểu là một sĩ phu yêu nước tích cực, không dấn bước vào danh lợi, lấy nhân dân làm gốc, có triết lý hành động và là người tiêu biểu cho tinh thần của đồng bào miền Nam^[1]. Thái Bạch cũng là người biên soạn công trình *Thi văn quốc cấm thời Pháp thuộc*, trong đó tuyển một số tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu bị cấm thời Pháp thuộc như: *Khóc Trương Công Định*, *Khóc Phan Thanh Tòng*...

Từ một bình diện khác, nhà thơ Bùi Giáng đã có một thiên khảo luận: “Lục Vân Tiên hay là tấm lòng của cụ Nguyễn Đình Chiểu” trong sách *Một vài nhận xét về Lục Vân Tiên - Chinh phụ ngâm, Quan âm Thị Kính*. Ông cho rằng *Lục Vân Tiên* là một tác phẩm thẩm nhuần đạo lý, “... trong tác phẩm của cụ cái quan điểm luân lý hoàn toàn lấn át quan điểm nghệ thuật - có thể nói nếu không có luân lý thì không có *Lục Vân Tiên* - thế mà tại sao tác phẩm của cụ lại là một tác phẩm văn chương có sức rung cảm rất mạnh”^[2]. Tiếp theo là Đình Hùng với bài “Một mùa tưởng niệm - nhớ tới ba nhà thơ đã khuất bóng Nguyễn Đình Chiểu - Phan Thanh Giản - Nguyễn Du”, bài này viết năm 1960 nhưng vài năm sau ngày Đình Hùng mất (1967) mới công bố trong sách *Đốt lò hương cũ* (1971). Tác giả *Mê hồn ca, Đường vào tình sử* đánh giá cao cụ Đồ khi ông viết: “Đặc biệt nhất trong sự nghiệp thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, thiết tưởng không phải là *Lục Vân Tiên* (tuy tác phẩm dài này phổ biến nhất) cũng không phải *Ngư Tiều vãn đáp*, không phải *Dương Từ - Hà Mậu*, mà phải kể tới những thơ văn ái quốc của tiên sinh... đều có một tác dụng truyền cảm sâu xa. Lời văn trầm hùng thống thiết, vần điệu rung động chân

[1]. Thái Bạch (1957), *sđd*, tr.115.

[2]. Bùi Giáng (1957), *Một vài nhận xét về Lục Vân Tiên - Chinh Phụ Ngâm - Quan Âm Thị Kính*, Nxb. Tàn Việt, Sài Gòn, tr.10.

thành mà thi tứ vẫn dồi dào phong phú, đúng là lời nói tâm huyết thốt từ đáy lòng một nhà thơ chân chính yêu nước”^[1].

Bên cạnh đó còn có Bằng Bá Lân và Vũ Bằng, Bằng Bá Lân phân tích “Những đặc điểm trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu” (1962) gồm tinh thần yêu nước và khuynh hướng đạo lý, theo tác giả tinh thần yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu được biểu lộ bằng thái độ và hành động lúc sôi nổi căm thù, lúc quẩn quại xót xa nhưng bao giờ cũng thiết tha trọn vẹn; khuynh hướng đạo lý là đề cao luân lý Nho giáo qua truyện *Lục Vân Tiên*. Đến năm 1971, Bằng Bá Lân có tiếp bài “Nguyễn Đình Chiểu nhà thơ bình dân lớn của miền Nam”, ông quan niệm “Nguyễn Đình Chiểu không lãng mạn cũng không trữ tình, không tượng trưng cũng không tả thực; ông chỉ dùng những lời thơ thông thường giản dị, mộc mạc bình dân để phô bày những tư tưởng đạo lý, những xúc động chân thành trước tình nhà nỗi nước... Như vậy, ông đã thành công. Và ông xứng đáng là nhà thơ của đạo lý và đại chúng”^[2]. Một nội dung khác trong bài viết này là đi tìm thi chất trong thơ văn cụ Đồ, sau khi chứng minh chất thơ hiện diện từ *Lục Vân Tiên*, *Dương Từ - Hà Mậu* qua bộ phận thơ và văn tế, diễn giả đi đến kết luận: “Sở dĩ cái chất thơ ít bộc lộ trong thi phẩm của ông là vì ông không làm thơ cho ông, mà ông làm thơ cho đời, nói cách khác, ông không làm thơ để... làm thơ, mà ông làm thơ để nói lên điều cần nói”^[3].

[1]. Đinh Hùng (1971), “Một mùa tưởng niệm nhớ tới ba nhà thơ khuất bóng: Nguyễn Đình Chiểu, Phan Thanh Giản, Nguyễn Du”, in trong *Đốt lò hương cũ*, Lửa thiêng, Sài Gòn, tr.123-124.

[2]. Nhiều tác giả (1971), *Sưu tập bổ túc các bài báo về Nguyễn Đình Chiểu*, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn, tr.87.

[3]. Nhiều tác giả (1971), *sđd*, tr.93.

Vũ Bằng trình bày quá trình đọc tác phẩm cụ Đồ qua “Ba thời kỳ, ba nhận xét về truyện *Lục Vân Tiên*” (1971), người viết nói lên nhận thức của mình qua ba thời kỳ khác nhau: 1) Năm lên 8 tuổi, đọc *Lục Vân Tiên* thấy thương mấy nhân vật trong truyện còn về văn chương không lấy gì làm thú lắm vì có những đoạn đọc nghe chùng chảng, khó hiểu, gượng ép; 2) Không tán thành những ai gọi *Lục Vân Tiên* là Kiều của Nam Bộ, quan điểm vẫn như trước đây; 3) Nhìn cụ Đồ Chiểu với con mắt khác hẳn và truyện *Lục Vân Tiên* với một cảm tình khác, đó là một thú truyện của quảng đại quần chúng, nói cái tiếng nói của dân gian và bằng bạc một bản chất đặc biệt mà không truyện thơ nào có cả,... nhân vật tình tiết của truyện *Lục Vân Tiên* thì phải nói nó áp ủ tánh cách địa phương khác thường. Chính người viết thừa nhận là đã đi từ nghệ thuật vị nghệ thuật qua nghệ thuật vị nhân sinh. Từ góc nhìn của lý thuyết tiếp nhận, có thể thấy đây là một minh chứng tiêu biểu cho quá trình thay đổi tầm đón nhận do sự tác động của không khí văn hóa - học thuật thời đại.

Các bài viết của các tác giả vừa dẫn trên đây có thể gọi là phê bình nghệ sĩ^[1] hay như các tác giả sách *Phê bình văn học Việt Nam 1975-2005*^[2] gọi là phê bình văn học của giới sáng tác. Do có sự cộng hưởng sâu sắc giữa đối tượng và chủ thể tiếp nhận, bài viết của nhóm đối tượng này thể hiện khá rõ cá tính của người viết, phóng khoáng về kết cấu diễn đạt, ngôn ngữ sinh động, giàu hình ảnh, nhạy cảm với cái hay cái đẹp của đối tượng đề cập, có những phát hiện bất ngờ

[1]. Nguyễn Văn Hạnh - Huỳnh Như Phương (1998), *Lý luận văn học, vấn đề và suy nghĩ*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.161.

[2]. Nguyễn Văn Long (chủ biên) (2012), *Phê bình văn học Việt Nam 1975-2005*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

sắc sảo, tinh tế về nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

Nguyễn Khoa là một trong vài nhà nghiên cứu có công trình dài hơi về Nguyễn Đình Chiểu như *Khảo luận về Nguyễn Đình Chiểu* (1960), bên cạnh chuyên khảo này là các bài viết như: “Nguyễn Đình Chiểu, thân thế, tình duyên và đạo đức” (1960), “Nguyễn Đình Chiểu nhà thơ ái quốc” (1960), “Một trang hận sử qua mấy dòng dư lệ của Nguyễn Đình Chiểu” (1960), “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu” (1960), các bài viết này là một phần hữu cơ, gắn bó mật thiết với chuyên khảo vừa nêu, vì vậy chúng tôi tập trung vào phân tích cách đọc của tác giả *Khảo luận về Nguyễn Đình Chiểu*. Sách gồm 5 phần, với nhiều mục nhỏ, khảo sát chi tiết thân thế, khảo luận toàn bộ truyện *Lục Vân Tiên* cũng như thi ca, ai điệu, văn tế. Khái luận về nhân sinh, triết lý, tình yêu Tổ quốc, nhân thế với thi nhân. Nhìn chung, Nguyễn Khoa qua *Khảo luận về Nguyễn Đình Chiểu* đã tận dụng triệt để các tri thức về Nguyễn Đình Chiểu cho đến thời điểm năm 1960, truyện thơ *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* thì ít nhắc đến còn *Dương Từ - Hà Mậu* thì hoàn toàn không đề cập. Khi khảo luận về truyện *Lục Vân Tiên*, mục Tử Trục mắng Thế Loan, Nguyễn Khoa vẫn cho rằng Nguyễn Đình Chiểu đã “... đề cao luân lý cực đoan”^[1], nhận định này là cùng đường hướng với những người lúc bấy giờ như Bằng Phong Nguyễn Duy Diễn. Cái mới của công trình này là nhận định về triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu, tác giả cho rằng: “... xét cho kỹ, nào có khác gì nguyên lý Đạo giáo”, ông còn quan niệm: “mến một Nguyễn Đình Chiểu hiếu thảo, nghĩa nhân, yêu một Nguyễn Đình

[1]. Nguyễn Khoa (1960), *Khảo luận về Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb. Sống mới, Sài Gòn, tr.52.

Chiếu trung kiên, ái quốc, ca tụng một Nguyễn Đình Chiểu đạo đức tài hoa, Thế cũng chưa đủ. Ta còn phải biết kính ái một Nguyễn Đình Chiểu hiền triết”^[1].

Sau các bài viết của Nguyễn Khoa, cho đến trước dịp *Văn đàn* ra số đặc biệt về Nguyễn Đình Chiểu thì đáng chú ý nhất là bài của Nguyễn Văn Xuân: “Nguyễn Đình Chiểu và Nguyễn Du hay đại danh từ và các tiếng xưng hô trong Truyện Kiều và Lục Vân Tiên”. Đây là một bài viết khá độc đáo, khảo cách xưng hô của người viết truyện đối với nhân vật và giữa các nhân vật với nhau. Bài viết cho rằng khi tác giả gọi hầu hết các nhân vật bằng tên hay bằng nghề nghiệp thì đã thể hiện tư tưởng bình dân, sự tự ý thức cá nhân và các mối tình có tính chất Việt Nam và cho đến nay cũng chưa ai có thể làm hơn thế. Hơn thế bài viết còn cho rằng: “... chỉ có thể cảm phục nhà văn miền Nam đã tiến một bước quá xa trên địa hạt này”^[2]. Cách xưng hô giữa các nhân vật trong tác phẩm *Lục Vân Tiên* “vừa thể hiện tính tình nhân vật trong truyện, tính tình nhân dân miền Nam, vừa phong phú kho từ ngữ Việt Nam”^[3]; tác giả bài viết đánh giá cao tính chất sáng tạo và sử dụng ngôn ngữ của Nguyễn Đình Chiểu trong *Lục Vân Tiên*, “Nguyễn Đình Chiểu đã gặp bao nhiêu trở lực, nhưng những thí nghiệm của ngòi bút ông chỉ có thể cho ta biết là ông đã không lằm, và ông mới lằm đối với chúng ta”^[4]. Hướng nghiên cứu - cách đọc này có phần gần gũi với bài viết của Nguyễn Đăng Na: “Tên húy, tên tự, tên hiệu của cụ Nguyễn Đình Chiểu”, chuyên san

[1]. Nguyễn Khoa (1960), *sđđ*, tr.128.

[2]. Nhiều tác giả (1971), *sđđ*, tr.335.

[3]. Nhiều tác giả (1971), *sđđ*, tr.339.

[4]. Nhiều tác giả (1971), *sđđ*, tr.340.

Khoa học xã hội và nhân văn Nghệ An, số 5/2013.

Dù ý thức hay không ý thức thì các tri thức của ngôn ngữ học và danh học đã tạo nên sự thành công của bài viết này, sự vận dụng các phương pháp từ khoa học ngôn ngữ - văn hóa đã đưa lại một cái nhìn - cách đọc mới về tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu.

1.6.3. Nguyễn Đình Chiểu tại miền Nam dịp kỷ niệm 74 năm ngày mất

Để công chúng văn học hiểu rõ hơn về sự nghiệp văn chương cũng như các tư tưởng và bài học để lại của Nguyễn Đình Chiểu, tiếp nối truyền thống của các bậc đàn anh, vì vậy tạp chí *Văn đàn* đã ra số đặc biệt (37+38+39) này. Đó là lý do mà tòa soạn tạp chí này nêu ra. Mở đầu là “Thông điệp của một thi nhân” của chủ nhiệm tạp chí Phạm Đình Tân, bài viết cho thấy Nguyễn Đình Chiểu là người tin vào định mệnh: “Ông vâng theo định mệnh, bởi vì ông biết cái gì cũng ở nơi mình, điều gì cũng do mình mà ra. Ngay cái mục tật, ông cũng không cho là một tai họa”. Ở một đoạn khác tác giả viết: “Nhờ trời soi sáng, người ta sẽ nhận biết ra nhân vị mình, biết bốn phận, biết trách nhiệm, tóm lại biết giữ trật tự ở giữa muôn loài”^[1]. Phạm Đình Tân cho rằng thông điệp mà Nguyễn Đình Chiểu gởi lại cho hậu thế là “người nào giữ được lòng bác ái với mình, với người, chắc chắn sẽ là con thảo trong gia đình, tôi ngay với xứ sở, bạn hiền đối với mọi người. Người nào giữ được lòng bác ái như thế sẽ cứu mình và cứu người”^[2]. Qua sự diễn giải của tác giả bài viết này, Nguyễn Đình Chiểu hiện ra như một nhà

[1]. Nhiều tác giả (1962), Số đặc biệt tưởng niệm Nguyễn Đình Chiểu, *Văn đàn*, 37-38-39, Sài Gòn, tr.3-4.

[2]. Nhiều tác giả (1962), *sđd*, tr.40.

nhân đạo chủ nghĩa với lòng bác ái chung chung với tính người trừu tượng và cả thâm ý chính trị của chủ nghĩa nhân vị duy linh đang thịnh hành lúc bấy giờ tại miền Nam.

“Mù đôi mắt, sáng tâm linh số mạng và vinh quang của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu” của Nguyễn Văn Thọ quan niệm: sự mù lòa nếu lấp đường công danh khoa cử của cụ thì lại mở cho cụ con đường văn chương nghĩa lý, sau khi đề cao lòng trung quân ái quốc của cụ Đồ thì bài viết cho rằng trong tác phẩm cuối đời *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, cụ phải đóng vai ẩn sĩ mù lòa với tâm sự náo nùng, đây là lúc cụ trau dồi nhân cách, đắc đạo, siêu phàm thoát tục^[1]. Phạm Đình Khiêm qua bài “Nguyễn Đình Chiểu hiện thân nỗi đau khổ của dân tộc trong cơn quốc biến” đã chứng minh cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu là sự hiện thân của nỗi đau khổ, tài hoa bạc mệnh, đời người và vận nước gắn chặt với nhau, không chỉ là nỗi đau khổ cá nhân mà là những nỗi đau khổ chung của một dân tộc trong thời quốc biến. Ông đã chống lại sự đau khổ đó, diễn tả sự đề kháng của mình và của dân tộc trước những sức mạnh vượt quá mình. Nỗi đau khổ đó được Nguyễn Đình Chiểu thể hiện đậm nét trong thi văn: “nói lên và nói hết được những sầu thương đau khổ, uất hận của người dân trong buổi nước mất nhà tan, chiến tranh tàn phá. Những cảm khái ấy, được cụ diễn tả trực tiếp trong các văn tế, văn điệu các anh hùng kháng chiến và gián tiếp trong các tác phẩm dài của cụ... Lục Vân Tiên mù, ấy là hiện thân của một Nguyễn Đình Chiểu cá nhân. Cá nhân có thể chết được. Lục Vân Tiên mù mà được sáng, ấy là hiện thân của một Nguyễn Đình Chiểu dân tộc - hay là hiện thân của dân tộc vậy. Đó là nguyện vọng và linh cảm của Nguyễn

[1]. Nhiều tác giả (1962), *sđd*, tr.9.

Đình Chiểu”^[1].

Phương pháp phê bình tiểu sử đã được Phạm Trường Thiên sử dụng qua bài “Vấn đề tác giả và tác phẩm nơi Nguyễn Đình Chiểu và Lục Vân Tiên”, bài viết đã dựa vào các tiêu chí mà Sainte Beuve đưa ra như nhân thân, bạn bè, bệnh tật, tôn giáo của tác giả để tìm hiểu tác phẩm. Tác giả bài viết cho rằng ở Lục Vân Tiên, tác giả mới thật liên lạc mật thiết với tác phẩm... Hơn thế nữa, truyện *Lục Vân Tiên* còn có một đặc điểm này: tác phẩm được đảm bảo bởi tác giả^[2]. Bài viết này phản ánh một cách vận dụng khá máy móc một lý thuyết, phương pháp nước ngoài vào một hiện tượng văn học Việt Nam thời trung đại nên đã phản ánh một cách nhìn phiến diện, đành rằng có mối liên hệ giữa Nguyễn Đình Chiểu và Lục Vân Tiên nhưng đây không phải là hồi ký hay tự truyện mà là một tác phẩm hư cấu nên đôi chỗ bài viết đã tỏ ra gượng ép, lờ đi một số tình tiết trong truyện thơ để gọt chân cho vừa giày, có thể gọi đây là vì yêu người mà thích văn và cũng qua trường hợp này là một ví dụ cụ thể cho việc thích và theo các lý thuyết nước ngoài mà không tính đến sự khúc xạ của nó trong môi trường Việt Nam.

Bên cạnh các bài viết vừa dẫn ra thì *Văn đàn* số đặc biệt này còn có các bài viết khác như: “Theo bóng Nguyễn Đình Chiểu, Bốn chất truyện Lục Vân Tiên” của Thuần Phong; “Thế giới tiểu thuyết của Lục Vân Tiên” của Lê Văn Siêu; “Thời đại tính trong thơ Nguyễn Đình Chiểu” của Tế Xuyên,... Ngoài ra tiếp theo số 37-38 này, số 39 của *Văn đàn* còn tiếp tục có 2 bài về Nguyễn Đình Chiểu, đó là “Giá trị

[1]. Nhiều tác giả (1962), *sđđ*, tr.34-35.

[2]. Nhiều tác giả (1962), *sđđ*, tr.29-30.

của Ngư Tiểu vấn đáp” của T. B, và “Thực dân Pháp đã toan mua chuộc cụ Đồ Chiểu” của T. X, các bài viết này có thể xem là dư âm của số đặc biệt trước đó, không có mấy giá trị về tư liệu cũng như về học thuật.

1.6.4. Tình hình nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu từ sau năm 1962 đến 1975

Đáng chú ý nhất của giai đoạn này là hai công trình văn học sử của Phạm Thế Ngũ và Thanh Lăng.

Việt Nam văn học sử giản ước tân biên của Phạm Thế Ngũ gồm 3 tập được xuất bản trong những năm từ 1961-1965. Tuy sử dụng cột mốc năm 1862 để phân chia văn học lịch triều và văn học hiện đại nhưng cách phân kỳ văn học của Phạm Thế Ngũ là lịch triều (triều đại) như: thời kỳ sơ khởi Trần Lê, thời kỳ phát triển Mạc Tây Sơn, thời kỳ thịnh đạt triều Nguyễn; và ngôn ngữ, thể loại như tiếng Việt, văn Nôm. Có thể thấy rõ là cách phân kỳ này là kết hợp dựa vào tiêu chí triều đại và ngôn ngữ thể loại nhưng thiên về về sau hơn. Phạm Thế Ngũ khảo sát Nguyễn Đình Chiểu ở thời Nguyễn, mục các nhà văn Nôm. Theo ông, văn nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu có thể chia làm hai phần trước và sau cơn quốc biến, trước quốc biến gồm có *Lục Vân Tiên* và *Dương Từ - Hà Mậu*, sau quốc biến có thơ và văn tế. Công trình này, chỉ khảo sát phần trước quốc biến và cũng chỉ khảo sát mỗi truyện thơ *Lục Vân Tiên* và các nhận xét về truyện thơ này cũng không có gì khác với người đi trước cũng như người cùng thời, vẫn là phương pháp thực chứng, tiểu sử tác giả. Tuy nhiên nhà nghiên cứu này không đánh giá cao phần sáng tác sau năm 1858, tuy có đề cập bộ phận thơ và văn tế nhưng hết sức sơ lược vì “... phần thơ văn này không quan trọng là bao... Nguyễn Đình Chiểu có sống

trong văn học sử sau này cũng chỉ là với tư cách cha đẻ *Lục Vân Tiên*”^[1].

Trong đời sống nghiên cứu, phê bình văn học tại các đô thị miền Nam trước năm 1975 thì Thanh Lãng với *Khởi thảo văn học sử Việt Nam - Văn chương chữ Nôm* (1953), *Biểu nhất lâm văn học cận đại 1862-1945*, tập I (1958), *Bảng lược đồ văn học Việt Nam* (thượng - hạ 1967) là những công trình văn học sử có tiếng vang và có giá trị trong sự nghiệp của nhà nghiên cứu này. Trong *Bảng lược đồ văn học Việt Nam*, Thanh Lãng đã phân kỳ văn học theo thế hệ, văn học Việt Nam theo quan niệm của ông gồm hai thời kỳ lớn: thời đại cổ điển, từ thế kỷ 18 đến giữa thế kỷ 19 và thời đại mới từ 1862 đến 1945. Theo quan niệm này thì Nguyễn Đình Chiểu có mặt cả ở hai thời đại: cổ điển và mới, từ cách phân chia này, Thanh Lãng đã khảo sát tác giả Nguyễn Đình Chiểu ở hai thế hệ 1820 và 1862; Nguyễn Đình Chiểu ở thế hệ năm 1820 được nhìn nhận qua các tác phẩm như *Lục Vân Tiên*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, còn Nguyễn Đình Chiểu ở thế hệ 1862 là các bài thơ và văn tế, Thanh Lãng định danh Nguyễn Đình Chiểu thuộc văn chương thời thế, nhà văn đối kháng và còn là nhà đối kháng toàn diện. Khi khảo sát di sản văn chương Nguyễn Đình Chiểu, nhà nghiên cứu Thanh Lãng với tư cách một giáo dân hơn nữa còn là một linh mục nên ông ít nhắc đến tác phẩm *Dương Từ - Hà Mậu*. Ông viết: “... ông tàn ác với phe địch, lắm khi bất công nữa. Đây là thái độ của Nguyễn Đình Chiểu đối với công giáo: *Dân mà mê đạo Tây rồi/ Nước người muốn lấy mấy hồi phòng lo...* Có lẽ trong số các nhà văn kháng chiến, không ai có cái giọng cứng rắn, hậm hực, tàn ác đối với thực dân cho bằng Nguyễn Đình

[1]. Phạm Thế Ngũ (1972), *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên (tập II-III)*, *Văn học hiện đại 1862-1945*, Quốc học tùng thư, Sài Gòn, tr.602.

Chiếu”^[1]. Kết luận về tác giả này, ông viết như sau: “Nguyễn Đình Chiểu là nhà văn đối kháng điển hình nhất của thời kỳ đối kháng toàn diện này. Đó là kết tinh của một lối sống, lối tư tưởng, lối hành động một chiều”^[2]. Nhìn chung, dưới cái nhìn của Phạm Thế Ngũ và Thanh Lãng thì Nguyễn Đình Chiểu đã có một vị trí ổn định trong văn học sử Việt Nam thế kỷ 19, dù cả hai nhà nghiên cứu này đều chịu ảnh hưởng các phương pháp nghiên cứu khoa học phương Tây - chủ yếu là các nhà văn học sử Pháp nhưng ở Thanh Lãng đã có dấu hiệu cho thấy đi xa hơn so với Phạm Thế Ngũ khi trong *Bảng lược đồ văn học Việt Nam* đã thấy sự ảnh hưởng của các trường phái lý thuyết mới như chủ nghĩa cấu trúc, lý thuyết tiếp nhận, văn học so sánh như Lê Quang Tư đã từng chỉ ra^[3]. Hai công trình này là khá tiêu biểu và nổi bật nhất trong các công trình văn học sử xuất bản ở miền Nam giai đoạn này có đề cập đến Nguyễn Đình Chiểu như một đối tượng nghiên cứu. Vì đây là các công trình cá nhân nên không có được quy mô và bề thế như các công trình văn học sử được biên soạn ở miền Bắc trong cùng thời điểm nhưng bù lại là các công trình văn học sử ở miền Nam có sự đa dạng về quan điểm đánh giá cũng như phong phú về phương pháp tiếp cận. Dù rằng trong việc nhận xét, đánh giá di sản văn chương cụ Đồ vẫn còn thiên lệch và phiến diện nhưng so với miền Bắc thì vẫn có khác và cả mới do bị quy định bởi một tầm đón nhận khác biệt.

Vấn đề Nguyễn Đình Chiểu trở lại trên văn đàn miền Nam - Việt Nam vào năm 1966-1967, khi *Đồng Nai văn tập*

[1]. Thanh Lãng (1967), *Bảng lược đồ văn học Việt Nam*, quyển hạ, Nxb. Trình bày, Sài Gòn, tr.66.

[2]. Thanh Lãng (1967), *sđđ*, tr.72

[3]. Lê Quang Tư (2009), *sđđ*.

có loạt bài kỷ niệm 78 năm ngày mất Nguyễn Đình Chiểu. Bộ biên tập tạp chí đã mượn hai câu thơ Nguyễn Đình Chiểu khóc Trương Định để tưởng niệm lại Nguyễn Đình Chiểu - một chiến sĩ văn nghệ tiền phong: *Xưa còn làm tướng, dốc rạng giồi hai chữ bình Tây/ Nay thác theo thân, nên dâng họ một câu phúc thái*. Nội dung cuộc tưởng niệm xoay quanh các bài viết của Thuần Phong Ngô Văn Phát, Chánh Trí Mai Thọ Truyền, Lê Ngọc Trụ, Phạm Long Điền, Vương Hồng Sển, An Cư. Riêng trường hợp nhà nghiên cứu Thuần Phong thì hai bài viết vừa dẫn trên và các bài dưới đây là một hành trình nghiên cứu bền bỉ và sắt son hơn 20 năm tính đến năm 1967, vì trước đó năm 1943, trong số đặc biệt của *Nam Kỳ tuần báo* do Hồ Biểu Chánh chủ trương, ông đã có bài “Thử xét luật nhân quả trong Kim Vân Kiều và Lục Vân Tiên”, đến năm 1966-1967 ông tiếp tục đóng góp thêm các bài viết “Nguyễn Đình Chiểu với văn tế” trên *Đồng Nai văn tập* số 7+8+9, “Xuân với Đỗ Chiểu”, “Nguyễn Đình Chiểu với thơ lục bát”.

Mai Thọ Truyền kể lại kỷ niệm của bản thân khi tiếp xúc với *Văn tế nghĩa quân Cần Giuộc* trong bài viết “Giờ sử Việt”. Nếu bài viết của Mai Thọ Truyền thiên về hồi ức thì bài “Một bài văn tế có tính cách sử liệu: Văn tế vong hồn mộ nghĩa” của Lê Ngọc Trụ mang tính thuần túy tư liệu. Từ sách *Gia lễ* đến những chú thích của những người đi trước như Phan Văn Hùm và Lê Thọ Xuân cùng một số sử liệu khác, Lê Ngọc Trụ đã sao lục và giải thích bài *Văn tế vong hồn mộ nghĩa*, xem như một tư liệu lịch sử giúp hiểu rõ thời cuộc xảy ra lúc bấy giờ mà sách vở trước đây chỉ ghi vắn tắt. Vương Hồng Sển qua bài “Câu chuyện bắt quàng từ tác phẩm của cụ Đỗ Chiểu đến đĩa Mớ rận” nói về thú chơi sách và một số sách của / và liên quan đến Nguyễn Đình

Chiều mà tác giả sưu tầm được, từ *Lục Vân Tiên ca diễn* bản năm 1883 đến báo xuân *Tây đô*, tập kỷ yếu Hội Khuyến học Cần Thơ, *Đơn Nguyệt Nga kêu oan cho Bùi Kiệm...* Bài của Vương Hồng Sển có giá trị về thông tin tư liệu vì có những tài liệu nêu ra trong bài này đến nay rất khó tìm thấy nếu không nói là đã tuyệt bản.

Kỷ niệm cụ Đồ năm 1971 do Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách văn hóa tổ chức từ 11-19/7/1971 với nhiều tiết mục như: viếng mộ cụ Đồ tại Ba Tri, diễn thuyết và trình diễn văn nghệ, triển lãm về cụ Đồ trên sách báo, sưu tập tem thơ Nguyễn Đình Chiểu... Dịp kỷ niệm này đã ra *Kỷ yếu Lễ kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu*^[1] cùng với bộ *Sưu tập những bài báo về Nguyễn Đình Chiểu*^[2] và *Sưu tập bổ túc các bài báo về Nguyễn Đình Chiểu*^[3], bộ sưu tập này đã tập hợp 79 bài viết về Nguyễn Đình Chiểu từ đầu thế kỷ đến năm 1971, dĩ nhiên là chưa đầy đủ. Các bài viết xuất phát từ miền Bắc - Việt Nam Dân chủ cộng hòa không có mặt trong bộ sưu tập này. Đáng chú ý trong dịp này là bài của các tác giả như: Nguyễn Duy Cần, Ái Lan, Võ Văn Dung, Bàn Bá Lân, Vũ Bằng.

Nguyễn Duy Cần đề cập đến “Con người toàn diện của Nguyễn Đình Chiểu”, bài viết nhấn mạnh hai điểm: đặt con người Nguyễn Đình Chiểu trong hoàn cảnh xã hội Việt Nam thế kỷ 19, khẳng định cụ là một chiến sĩ bất khuất không chỉ trên lĩnh vực quân sự mà cả văn hóa; đối tượng mà các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu hướng đến là đông đảo quần chúng vì đó là lực lượng chủ yếu của những cuộc

[1]. Nhiều tác giả (1971), *Kỷ yếu Lễ kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu*, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn.

[2]. Nhiều tác giả (1971), *sđd*.

[3]. Nhiều tác giả (1971), *sđd*.

cách mạng, và trong tác phẩm của cụ, niềm tin chính thẳng tà là một triết lý lạc quan. Tiếp sau Nguyễn Duy Cần là Võ Văn Dung với đề tài “Đồ Chiểu chiến sĩ”, bài diễn thuyết này chứng minh Nguyễn Đình Chiểu là một chiến sĩ theo các giai đoạn: thời thanh xuân, Nguyễn Đình Chiểu đã chiến thắng được giặc danh lợi và giặc ái tình, khi bỏ công danh sắp thành từ Huế về Sài Gòn để tang mẹ, thương mẹ, đường xa lâm bệnh mắt mù lại bị hôn thê và cha mẹ vợ nuốt lời từ hôn. Nguyễn Đình Chiểu đã vượt qua được bi kịch cá nhân, lo cho nỗi đau của thiên hạ trở thành thầy giáo, thầy thuốc nhằm cứu xác thịt, bồi đắp tinh thần cho đồng bào. Thời trung niên mù lòa, Nguyễn Đình Chiểu đã chiến đấu chống giặc xâm lăng bằng ngòi bút: *đâm mấy thẳng gian bút chẳng tà*, và theo diễn giả thì Nguyễn Đình Chiểu là một chiến sĩ chơn chánh, hơn nữa là một chiến sĩ cảm tử, dù kết cục thế nào thì “... cụ Đồ Chiểu không chịu thua, nghĩa binh không chịu thua”^[1]. Bài nói chuyện của Võ Văn Dung in trong *Kỷ yếu lễ kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu* là bản rút gọn, sau đó cũng trong năm 1971, tác giả cho xuất bản toàn văn có sửa chữa và đính kèm nhiều tư liệu quý do Hồ Hữu Tường cho mượn như *Nguyễn chi thế phổ* và *Sưu tập* gồm các bài văn tế và đường luật bát cú, do chính Nguyễn Đình Chiểu đọc cho các con viết. Bên cạnh đó tài liệu này cũng cho biết ít nhiều về nhân thân nguyên mẫu nhà họ Võ trong truyện *Lục Vân Tiên* cho đến thời điểm 1971.

Bài diễn thuyết cuối cùng trong dịp kỷ niệm này là “Người phụ nữ trong thi phẩm *Lục Vân Tiên*” của Ái Lan. Tác giả đã chọn hai nhân vật nữ trong *Lục Vân Tiên* là Võ Thê Loan và Kiều Nguyệt Nga để nói lên tính cách người phụ nữ Việt

[1]. Võ Văn Dung (1971), *Đồ Chiểu chiến sĩ*, Diễn giả xuất bản, Sài Gòn, tr.44.

Nam xưa và nay. Ý nghĩa của bài viết là tìm hiểu và xem xét Nguyễn Đình Chiểu đã quan niệm thế nào về tiết hạnh của người đàn bà đối với bản thân, với quốc gia xã hội và xem xét quan niệm ấy còn hợp thời không cũng như có đáng làm đề tài suy tư cho hoàn cảnh hiện tại không^[1]. Tác giả bài viết có cái nhìn khá mới với tinh thần chiêu tuyết cho nhân vật Võ Thị Sáu khi cho rằng: "... nàng quả là gái có trinh có hiếu", tuy vẫn chỉ ra chỗ đáng chê trách khi sỉ vả nặng lời Văn Tiên khi chàng bị mù và tàn nhẫn khi âm mưu cùng Võ công hại Văn Tiên, về nhân vật này, tác giả kết luận như sau: "Nhưng dầu sao, nàng cũng đáng được giảm khinh, vì nàng vẫn là một nạn nhân của chế độ phong kiến và là một sản phẩm của cái gia đình bất nghĩa, bất nhân đó mà thôi"^[2]. Đây là ý kiến khá độc đáo và gần như là hiếm hoi, duy nhất trong lịch sử tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu, khi có cái nhìn tuy vẫn lên án, chê trách nhưng vẫn cảm thông, tuy đôi chỗ vẫn còn bao biện cho nhân vật Võ Thị Sáu. Đã thấy đâu đây tư tưởng và phương pháp phê bình nữ quyền trong bài viết này và qua đó cho thấy sức sống của hệ thống hình tượng nhân vật nữ trong các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu đối với các thế hệ độc giả.

Cùng trong năm này 7/1971, Ban Báo chí Sinh viên Văn khoa Sài Gòn đã in ronéo *Số đặc biệt kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu*, tập hợp các bài viết của các tác giả: Nguyễn Văn Trung, Chu Ly, Hoàng Nghĩa, Lê Thị Cao Nguyên, Nguyễn Quang Tô, Thanh Thương, Thiếu Sơn, Võ Đình... (cho đến thời điểm hiện tại, tác giả chuyên luận vẫn chưa tiếp cận được tài liệu này mà chỉ biết sự tồn tại của nó căn cứ vào

[1]. Nhiều tác giả (1971), *sđd*, tr.68.

[2]. Nhiều tác giả (1971), *sđd*, tr.77.

cuốn *Thư mục về Nguyễn Đình Chiểu*).

Năm 1973, tạp chí *Bách Khoa* còn có cuộc trao đổi giữa Hồ Hữu Tường và Ng[h]ê Bá Lí xoay quanh một bài thơ được cho là của Nguyễn Đình Chiểu.

Năm 1974, thêm một bản *Lục Vân Tiên tường chú* được xuất bản tại Sài Gòn, do Ngọc Hồ và Nhất Tâm khảo dịch và chú dẫn. Phần “Dẫn” là một nghiên cứu khá công phu các mặt về tác giả Nguyễn Đình Chiểu và tác phẩm *Lục Vân Tiên*. Phần “Phụ lục” của sách có nguyên bản gia phả Nguyễn Đình Chiểu - Nguyễn chi thế phổ do Nguyễn Văn Y sưu tầm và dẫn dịch. Cùng thời điểm này nhà nghiên cứu Bùi Đức Tịnh công bố 2 tập nghiên cứu có tên *Văn học và ngữ học I và II* (1974), năm 1999 tái bản có bổ sung, đổi tên sách thành *Ngôn ngữ học và văn học* (2 tập), một số vấn đề về văn bản tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu được đề cập chủ yếu trong tập 2, phần 2 chương IV của sách này.

Văn học sử thời kháng Pháp (1858-1945) (1974)^[1], của Lê Văn Siêu có lẽ là một trong những công trình cuối cùng của miền Nam trước khi giang sơn thu về một mối. Nguyễn Đình Chiểu thuộc về thời kỳ đầu của sách: thời kỳ xâm lăng thuộc xu hướng bất cộng tác, các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu được tác giả sách này quan niệm là tiếng nói của đạo lý; Lê Văn Siêu chỉ khảo sát các truyện thơ và đánh giá cao *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* chủ yếu trên phương diện trí nhớ của cụ Đồ. Nhìn chung, công trình này trình bày đại khái và sơ lược về nội dung các tác phẩm, về phương pháp tiếp cận vẫn là lối biên niên tập hợp các sự kiện văn học không đem lại gì mới trong việc nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu.

[1]. Lê Văn Siêu (1974), *Văn học sử thời kháng Pháp (1858-1945)*, Trí Đăng, Sài Gòn.

Nhận xét tổng quát về tình hình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu tại các đô thị miền Nam trước ngày thống nhất đất nước có thể thấy các ý kiến của Thạch Phương (1972)^[1], Vũ Quang Vinh - Tôn Thảo Miên (1979)^[2] là những ý kiến chân thành và nghiêm túc cũng như thể hiện sự công phu trong việc bao quát một lượng lớn tư liệu về Nguyễn Đình Chiểu. Trong bài “Nguyễn Đình Chiểu và những người cầm bút ở các thành thị miền Nam”, Thạch Phương nhận xét như sau: một số không ít bài báo bàn chung chung, lặp lại những ý kiến cũ, một số quan điểm lạc hậu vẫn còn rơi rớt đâu đó trong nhiều bài báo khi phân tích tư tưởng thế giới quan Nguyễn Đình Chiểu; một nhược điểm khác khá phổ biến trong phương pháp nghiên cứu của các tác giả miền Nam là sự tách rời nhà thơ ra khỏi hoàn cảnh lịch sử. Do đó, hoặc họ dễ rơi vào lối suy diễn máy móc, hoặc đi đến chỗ gán ghép cho nhà thơ những điều mà hoàn cảnh và thời đại nhà thơ không cho phép. Bài viết đã chỉ ra thái độ của những trí thức chân chính cũng như nhà cầm quyền miền Nam lúc bấy giờ đối với di sản tinh thần của Nguyễn Đình Chiểu ở miền Nam, chỉ ra động cơ và ý đồ đích thực của việc kỷ niệm rầm rộ 83 năm ngày mất Nguyễn Đình Chiểu là “... nằm trong chủ trương trở về của chính sách văn hóa văn nghệ nguy dân tộc”^[3]. Bên cạnh đó vẫn có “nhiều nhà trí thức đứng đắn khác cũng tỏ ra một thái độ nghiêm túc khoa học. Những tác giả này biết gắn liền việc nghiên cứu nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu với những vấn đề sôi bỏng của đất nước, của dân tộc. Do đó, những bài viết của họ

[1]. Nhiều tác giả (1973), *sđđ*.

[2]. Vũ Quang Vinh - Tôn Thảo Miên (1979), *tlđđ*.

[3]. Nhiều tác giả (1973), *sđđ*, tr.574.

sinh động và mang ý nghĩa thiết thực. Đáng chú ý nhất là bài của Đông Tùng và Thiếu Sơn”^[1]. Họ đến với tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu với tinh thần bảo vệ văn hóa dân tộc. Cách đọc của các tác giả này cho thấy chân dung văn học Nguyễn Đình Chiểu tại miền Nam trước năm 1975 không phải chỉ là những gam màu ảm đạm như ẩn dật, bi quan, náo nùng, phủ nhận những bình diện tích cực của văn chương Nguyễn Đình Chiểu vô tình hay cố ý đã buông xuôi cho cái ác mặc sức hoành hành... Cùng một đường hướng nghiên cứu với Thạch Phương, hai tác giả Vũ Quang Vinh và Tôn Thảo Miên đã “Điểm lại vài nét về tình hình nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu ở miền Nam trước ngày giải phóng” (1979), hai tác giả này đã chia việc nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu ở miền Nam trước đây theo hai khuynh hướng chính: 1. Khuynh hướng lợi dụng danh nghĩa Nguyễn Đình Chiểu để thực hiện mục đích chính trị đen tối; 2. Khuynh hướng tô đậm thổi phồng những hạn chế trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu. Bên cạnh hai khuynh hướng trên đây các tác giả cũng nhận thấy: “lác đác có những biểu hiện tiến bộ trong khi tìm hiểu, đánh giá Nguyễn Đình Chiểu. Xét trong toàn bộ các công trình nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu những biểu hiện này phát triển không được mạnh mẽ”^[2]. Các ý kiến vừa dẫn trên đây, đặt trong thời điểm mà nó xuất hiện là cần thiết, kịp thời và chính xác khi chỉ ra ý đồ đích thực của nhà cầm quyền của chế độ Việt Nam Cộng hòa khi tiến hành các hoạt động kỷ niệm và nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu là: “Không phải chỉ những người cộng sản chống Mỹ mới là yêu nước, mà chính quyền ngụy cũng

[1]. Nhiều tác giả (1973), *sđđ*, tr.578.

[2]. Vũ Quang Vinh - Tôn Thảo Miên (1979), *tlđđ*, tr.12.

có lòng yêu nước”^[1].

Đặc điểm xuyên suốt của quá trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu ở cả hai miền Nam - Bắc trong giai đoạn này là: miền Nam là quê hương cụ Đồ nhưng việc sưu tầm, đánh giá có trách nhiệm và công phu về con người và tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu lại là giới nghiên cứu miền Bắc.

Con người và tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu thường được giới nghiên cứu miền Bắc đánh giá cao tinh thần yêu nước và nhập cuộc, nói khác đi là nhìn nhận thiên về con người chức năng. Những nhà nghiên cứu miền Nam tuy cũng nói đến các nội dung trên nhưng lại khai thác một Nguyễn Đình Chiểu ẩn dật và yếm thế và thường dựa vào các tác phẩm cuối đời.

Năm 1965, tại vùng giải phóng, Mặt trận Giải phóng miền Nam đã có *Giải thưởng văn nghệ Nguyễn Đình Chiểu*, các tác phẩm văn học đoạt giải thưởng này đã đưa tên tuổi tác giả của nó lên hàng trụ cột của văn học Việt Nam hiện đại như: *Người mẹ cầm súng* của Nguyễn Thi, *Bức thư Cà Mau* (truyện và ký) của Anh Đức, *Về làng* (truyện ngắn) của Phan Tú, *Rừng Xà nu* (truyện ngắn và bút ký) của Nguyễn Trung Thành và Nguyễn Thiều Nam, *Hòn Đất* (truyện) của Anh Đức.

1.7. NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HỌC SAU 1975

Đây là giai đoạn có nhiều thành tựu nhất trong lịch trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu cho đến thời điểm hiện tại. Do tính chất phong phú và phức tạp của các cách tiếp cận - cách đọc, chúng tôi tạm chia thành các khuynh hướng như:

[1]. Vũ Quang Vinh - Tôn Thảo Miên (1979), *tlđđ*, tr.6.

văn học sử, thể loại, thi pháp học,...

1.7.1. Sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu từ điểm nhìn văn học sử

Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX của Nguyễn Lộc in lần đầu năm 1971, tái bản năm 1976, 1992, và đến năm 1999 gộp lại thành *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII - hết thế kỷ XIX*. Công trình này vẫn chia sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu làm hai giai đoạn trước và sau ngày Pháp đánh Nam Bộ và tương ứng với nó là *Lục Vân Tiên* và thơ văn yêu nước. Với tác phẩm *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Lộc cho rằng nó đề cao nhân nghĩa và truyện này viết ra là để kể hơn là ngâm, đồng thời truyện kế thừa truyền thống nói về của dân gian, ảnh hưởng mạnh của truyện Nôm bình dân hơn là truyện Nôm bác học. “Trong thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, lần đầu tiên người nông dân đi vào văn học một cách cụ thể với tư cách người anh hùng chống xâm lược”^[1]. Nguyễn Lộc cũng cho rằng thơ văn yêu nước đã trải qua một chặng đường phát triển từ tin tưởng hy vọng sang bi quan, thất vọng. Tư tưởng bi quan, thiếu tin tưởng của ông không những thể hiện trong hình tượng, mà cả trong nhận thức duy lý^[2]. Nhận định tổng quát của công trình này về Nguyễn Đình Chiểu là “người mở đầu cho văn học nửa cuối thế kỷ XIX, là nhà thơ tiêu biểu nhất cho dòng văn học yêu nước chống Pháp”^[3]. *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX*, trong một chừng mực nhất định đã trình bày về quá trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu, dù

[1]. Nguyễn Lộc (1999), *sđđ*, tr.653.

[2]. Nguyễn Lộc (1999), *sđđ*, tr.658-660.

[3]. Nguyễn Lộc (1999), *sđđ*, tr.634.

là bước đầu và cũng chỉ là tiếp nhận trên bình diện nghiên cứu nhưng đây là điểm mới so với các công trình văn học sử không chỉ trong giai đoạn này. Phần viết về Nguyễn Đình Chiểu được xem như là sự tổng kết thành tựu của quá trình nghiên cứu trước đó và mở ra một hướng đi mới. Đây là giáo trình dành cho sinh viên khoa ngữ văn các trường đại học tổng hợp nên cách trình bày có khác với sách của đại học sư phạm. Giáo trình này, mục đích là đào tạo cán bộ nghiên cứu nên đề cập đến những vấn đề còn tranh cãi như thời điểm sáng tác các tác phẩm cụ thể, nguồn gốc truyện *Tây Minh*, sự vận động của tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu từ *Lục Vân Tiên* đến *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* cũng như trình bày cả một bình diện của lịch sử tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu. Trong khi đó giáo trình của sư phạm chỉ trình bày những gì đã thống nhất và đồng thuận về di sản của cụ Đồ. Sau này, tại hội thảo về Nguyễn Đình Chiểu năm 1982 Nguyễn Lộc đã trở lại vấn đề trên với bài “Những cống hiến đặc sắc của Nguyễn Đình Chiểu trong lịch sử văn học dân tộc”^[1], bài viết tiếp tục khẳng định lại những gì đã viết trước đây trong *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX* như toàn bộ sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu đều bằng chữ Nôm, Nguyễn Đình Chiểu không chỉ tiêu biểu cho văn học Nam Bộ mà còn tiêu biểu cho một giai đoạn phát triển của lịch sử văn học dân tộc, người nông dân trong thơ văn yêu nước chống Pháp được thể hiện như những anh hùng dân tộc, *Lục Vân Tiên* là để kể chứ không phải để ngâm như Kiều, ở Nam Bộ gọi là nói *Lục Vân Tiên*, đặc sắc của truyện thơ này là tính chất hành động phong phú của nó. Nguyễn Đình Chiểu là người đề cao đạo Nho nhưng lại là ngọn cờ đầu

[1]. Nhiều tác giả (1982), *tlđđ*.

chống Pháp vì ông nhấn mạnh nhân nghĩa và nó có nội dung đạo đức nhân dân rõ nét. Cái mới của bài viết là ở luận điểm ảnh hưởng của nhà văn với thời đại và các thế hệ tiếp theo không chỉ ở tác phẩm mà còn là cuộc đời và nhân cách, và Nguyễn Đình Chiểu chính là người trong số ít đó.

Chúng tôi đặc biệt lưu ý đến công trình *Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao càng nhìn càng sáng* (1982, tái bản 2002)^[1] có thể xem đây là sự tổng kết thành quả nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu của nhà nghiên cứu Lê Trí Viễn. Trước đó, năm 1962, cùng với Phan Côn, ông đã chấp bút chương về “Nguyễn Đình Chiểu trong lịch sử văn học Việt Nam”, tập 4a, 1858- đầu thế kỷ XX, khảo sát qua thân thế và sự nghiệp, nội dung và tư tưởng thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, nêu bật lên tư tưởng nhân nghĩa và lòng yêu dân thiết tha, các tác giả sách này chứng minh Nguyễn Đình Chiểu đã có một cái nhìn mới mẻ về người nông dân, hết sức ca ngợi các lãnh tụ nghĩa quân và triệt để chống bọn tay sai chia cắt đất nước. Công trình mở đầu giới thiệu về bối cảnh lịch sử Việt Nam thế kỷ 19 và tiểu sử và tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu. Tiếp đó tìm hiểu những vấn đề chung về nội dung và nghệ thuật các tác phẩm của cụ Đồ, sau khi đi sâu vào phân tích hai bài thơ tiêu biểu là *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* và *Ngóng gió đông* là xác định những đóng góp cho cuộc đời và vị trí trong văn học. Khi đề cập đến các nhân tố hình thành nên con người Đồ Chiểu, ông viết: “cái căn bản quyết định chiều hướng vẫn có một: đó là tính cách nhân dân lục tỉnh ở Nguyễn Đình Chiểu và đời sống như nhân dân ở ông”^[2]. Về tác phẩm *Dương Từ - Hà Mậu*, Lê Trí Viễn cho đó là một truyện thơ

[1]. Lê Trí Viễn (2002), *sdd*.

[2]. Lê Trí Viễn (2002), *sdd*, tr.62-63.

đồ sộ và vấn đề mà tác giả nhắm tới là chính đạo, một vấn đề ý thức hệ. Nội dung các sáng tác của cụ Đồ, theo Lê Trí Viễn, là đã đi từ lý tưởng đạo nghĩa đến chủ nghĩa yêu nước, cũng như vai trò của người nông dân và những chân lý lớn trong truyền thống giữ nước. Chuyên luận cũng đề cập đến đối tượng phụ nữ và trẻ em trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu. Các vấn đề nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu được quan tâm trong công trình này là yếu tố dân gian - yếu tố tự thuật, màu sắc miền Nam và nhấn mạnh vào tính chất trữ tình đạo lý, các đặc trưng thẩm mỹ như các bình diện của cái bi và cái hài, trong đó nhấn mạnh vào cái bi hùng cao cả qua các bài văn tế là những phát hiện có ý nghĩa. Ông đánh giá bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* là tác phẩm lớn đầu tiên của Nguyễn Đình Chiểu mở đầu cho dòng văn thơ yêu nước trong thời kỳ mới. Kết thúc công trình là chỉ ra những đóng góp to lớn của Nguyễn Đình Chiểu trên các phương diện cuộc đời, đất nước, nhân dân và lịch sử, từ làm dân, làm người, làm thầy, làm thuốc luôn là người đứng đầu và đi trước thời đại. Sau khi chỉ ra những đóng góp ấy của cụ Đồ, kết luận về vị trí của Nguyễn Đình Chiểu trong văn học là "... chiếm vị trí hàng đầu trong văn học dân tộc ở giai đoạn lịch sử này"^[1]. Theo chúng tôi, cái mới nhất của công trình này là ở đoạn sau: "Phương pháp nghiên cứu lâu nay mới quan tâm đến khâu cuộc sống - tác giả - tác phẩm, còn khâu tác phẩm cuộc sống chỉ mới đề cập qua. Trong vòng đời một áng văn, đó là một giai đoạn có lẽ quan trọng bậc nhất, lý do tồn tại của nó là ở đây, nó đóng góp được gì cho cuộc sống là ở đây"^[2]. Đây là một quan điểm khá mới từ góc

[1]. Lê Trí Viễn (2002), *sđd*, tr.218.

[2]. Lê Trí Viễn (2002), *sđd*, tr.211.

nhìn văn học sử về Nguyễn Đình Chiểu. Lê Trí Viễn yêu cầu, đề xuất nhìn nhận sáng tác của nhà thơ này trong số phận lịch sử của nó. Mới so với những người cùng thời đã đành mà còn là một nỗ lực với chính những gì ông đã viết về Nguyễn Đình Chiểu trước đó trong *Lịch sử văn học Việt Nam*, tập 4a, in lần đầu năm 1962, sau năm 1975 vẫn được tái bản và sử dụng trong các trường đại học sư phạm. Bên cạnh một giọng văn mượt mà đầy cảm xúc và cảm thụ khá tinh tế về văn chương Nguyễn Đình Chiểu thì ở điểm vừa trình bày trên đây còn cho thấy Lê Trí Viễn - qua công trình này khá nhạy bén với lối tiếp cận tác phẩm từ phía người đọc hay nói cách khác là phải có cả lịch sử những cách đọc và số phận tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu qua những cách đọc đó.

Nhìn Nguyễn Đình Chiểu theo hướng văn học sử còn có thể kể đến ý kiến của Trịnh Thu Tiết khẳng định “Vị trí Nguyễn Đình Chiểu trong văn học cận đại Nam Bộ”, qua các bình diện được khảo sát là ngôn ngữ, tính hiện thực, nhân vật và tính cách nhân vật và sự ảnh hưởng của nó, nhất là hình tượng người nông dân trong *Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc* “... là một bước phát triển đột xuất, một thành tựu vượt bậc, không chỉ riêng thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, của riêng văn học Nam Bộ mà của cả văn học dân tộc nói chung”^[1].

Lê Ngọc Trà chỉ ra sự đóng góp của “Nguyễn Đình Chiểu trong sự vận động của văn chương Việt Nam cận đại”, lập trường của Nguyễn Đình Chiểu từ thiên về đạo đức chuyển hẳn sang chính trị yêu nước, gắn yêu nước với thương dân, từ quan niệm về dân chung chung đến quan niệm cụ thể là

[1]. Nhiều tác giả (1982), *tlđđ*, tr.219.

nhân dân lao động, từ người anh hùng quân tử đến người anh hùng nông dân, từ phi thường chuyển sang bình thường “ý thức nghệ thuật Nguyễn Đình Chiểu đã phát triển một bước quan trọng”^[1]. Đề cập đến tính cụ thể của ngôn ngữ nghệ thuật trong các tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu, bài viết cho rằng đây là sự gặp gỡ của hai xu hướng dòng văn hóa dân gian đang vươn lên tiếp cận với văn chương chuyên nghiệp và dòng văn chương chuyên nghiệp đang trở về gần bó với dân gian, với đời sống; Nguyễn Đình Chiểu là một kiểu nhà thơ - chiến sĩ và sáng tác của ông mang tính chất của một hiện tượng chuyển tiếp.

Tiểu luận “Những đặc điểm mang tính quy luật của sự phát triển văn học nhìn nhận qua sáng tác của một tác giả” của Trần Ngọc Vương sau khi trình bày khái quát về những hạn chế của quá trình nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu thời gian qua, cho rằng đã đến lúc phải đặt ông trong tiến trình phát triển văn học dân tộc, xác định mối quan hệ giữa cuộc đời và tác phẩm với những gì xảy ra trước và sau đó, phải sử dụng những tiêu chí đặc trưng của văn học để phân tích lý giải, xét đoán về ông với tư cách tác giả văn học, chứ không phải như một chiến sĩ ái quốc lấy ngòi bút làm vũ khí, lấy văn học làm trận địa^[2]. Tác giả nêu lên những đóng góp quan trọng của Nguyễn Đình Chiểu về hệ thống chủ đề, đề tài, hình tượng văn học cơ bản, thể loại trong quá trình phát triển văn học Nam Bộ và văn học dân tộc. Theo Trần Ngọc Vương, chủ đề quán xuyên toàn bộ sáng tác Nguyễn Đình Chiểu là bảo vệ và thực hành Nho giáo, Nguyễn Đình Chiểu chú ý đến những con người bình thường và đó là

[1]. Nhiều tác giả (1982), *tlđđ*, tr.368.

[2]. Trần Ngọc Vương (1997), *sđđ*, tr.285.

bước đột biến trong sự phát triển của văn học dân tộc. “Ông trở thành người mở đầu cho trào lưu văn học chống ngoại xâm, giành độc lập dân tộc nhân danh toàn bộ dân tộc chứ không nhân danh một bộ phận, một thiểu số nào”^[1]. Hình tượng văn học cơ bản của Nguyễn Đình Chiểu là mẫu người trung nghĩa kết hợp với mẫu người anh hùng, với việc sáng tác ra hình tượng người anh hùng vô danh đại diện cho dân tộc, ông lại là người mở đầu và đứng ở vị trí tiên phong của trào lưu văn học chống ngoại xâm. Hệ thống thể loại mà Nguyễn Đình Chiểu có đóng góp là truyện Nôm và văn tế. Đây là bài viết có nhiều luận điểm và ý tưởng mới, sử dụng triệt để và nhất quán phương pháp loại hình và hệ thống, khi giả thuyết đặt Nguyễn Đình Chiểu trong cái nhìn so sánh và hệ thống của văn học chống chủ nghĩa thực dân chống chủ nghĩa đế quốc thì ông sẽ được ghi nhận như một tên tuổi có nhiều cống hiến. Tiểu luận cũng thẳng thắn chỉ ra về lý tưởng thẩm mỹ qua thái độ của Nguyễn Đình Chiểu với văn chương là không có gì mới lạ so với những nhà nho cùng thời và trước ông, Trần Ngọc Vương cũng cho rằng *Dương Tử - Hà Mậu* là tác phẩm xếp vào hạng yếu kém, ít có giá trị về mọi mặt^[2]. Bài viết này được viết nhân dịp 100 năm ngày mất cụ Đồ 1988, năm 1992 công bố rút gọn trên tạp chí *Văn học* và in toàn văn trong *Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung* (1997).

Gần đây Nguyễn. Q. Thắng, trở lại với Nguyễn Đình Chiểu qua bộ *Văn học Việt Nam nơi miền đất mới* (4 tập, 2007-2008), tác giả xếp các tác giả theo tiêu chí biên niên, không theo chủ đề hoặc khuynh hướng sáng tác, sách mở

[1]. Trần Ngọc Vương (1997), *sđđ*, tr.292.

[2]. Trần Ngọc Vương (1997), *sđđ*, tr.288.

đầu với tác giả Dương Văn An ở tập 1 và kết thúc với Từ Kế Tường tập 4. Bộ sách xếp Nguyễn Đình Chiểu vào tập 1^[1], chương IV. “Các danh gia thời tao loạn”, với tiêu đề “Nguyễn Đình Chiểu nhà thơ thất minh Nam Kỳ”. Đề cập về Nguyễn Đình Chiểu hết sức sơ lược, giới thiệu về con người và cuộc đời qua một tiểu truyện và trích dẫn 1 bài thơ *Chạy giặc (Tây)* và 2 bài *Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc*, *Tế lục tỉnh sĩ dân trận vong văn*. Công trình này là sự mở rộng và bổ sung *Tiến trình văn nghệ miền Nam (1990-1998)*^[2] của chính tác giả trước đó. Theo những tiêu chí nghiêm ngặt thì công trình này chưa thể gọi là một bộ văn học sử mà chỉ là một số tư liệu về văn học sử miền Nam. Cùng một hướng này còn có *Lược khảo lịch sử văn học Việt Nam từ khởi thủy đến cuối thế kỷ 20* (2005)^[3] của Bùi Đức Tịnh.

Một số công trình văn học sử về văn học Việt Nam cuối thế kỷ 19 hay toàn bộ tiến trình văn học Việt Nam xuất bản trong giai đoạn này của các tác giả Nguyễn Phong Nam (1997)^[4], Nguyễn Phạm Hùng (1999) đều đánh giá về văn nghiệp và cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu tương đối thống nhất và đồng thuận, những chủ thể này đã nỗ lực nghiền ngẫm và tạo ra những sắc thái riêng, nếu Nguyễn Phong Nam nhìn thiên về thi pháp thì Nguyễn Phạm Hùng lại nhìn từ thể loại, và chính sự đa dạng về cách tiếp cận này lại

[1]. Nguyễn. Q. Thắng (2007), “Nguyễn Đình Chiểu nhà thơ thất minh Nam Kỳ”, in trong *Văn học Việt Nam nơi miền đất mới*, tập 1, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.287-299.

[2]. Nguyễn. Q. Thắng (1998), *Tiến trình văn nghệ miền Nam*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

[3]. Bùi Đức Tịnh (2005), *Lược khảo lịch sử văn học Việt Nam từ khởi thủy đến cuối thế kỷ 20*, Nxb. Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.

[4]. Nguyễn Phong Nam (1997), *Giáo trình Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

làm phong phú thêm lịch sử tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu từ góc nhìn lịch sử văn học.

Nhà Việt Nam học người Nga N. I. Niculin trong hai công trình *Văn học Việt Nam (sơ thảo)* (1970) và *Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX* (1976) đã đề cập đến Nguyễn Đình Chiểu như một tác giả tiêu biểu của văn học yêu nước nửa cuối thế kỷ 19. Hai công trình này mãi đến năm 2007 mới được dịch và công bố rộng rãi tại Việt Nam^[1]. Đối với các nhà nghiên cứu nước ngoài như trường hợp này thì nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu là để tiếp cận vào nền văn hóa văn học Việt Nam, hiểu về sức mạnh của dân tộc Việt Nam.

Văn học miền Nam lục tỉnh của Nguyễn Văn Hầu cho đến thời điểm hiện tại đã in được 3 cuốn và vẫn còn tiếp tục, Nguyễn Đình Chiểu thuộc phạm vi khảo sát của tập ba *Văn học Hán Nôm thời kháng Pháp và thuộc Pháp*^[2], về Nguyễn Đình Chiểu gồm các mục: tiểu sử, tác phẩm, văn chương, nhận xét và trích tuyển thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. Bộ sách này đánh giá khá cao con người và văn chương cụ Đồ, ông cho rằng “nhận xét văn chương Nguyễn Đình Chiểu nếu chỉ dựa vào *Lục Vân Tiên*, *Dương Tử - Hà Mậu*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* thì quả là một thiếu sót lớn nếu không nói là đặc tội: tội nhìn ông phiến diện. Văn chương ông tuôn trào mãnh liệt qua những nhiệt hứng ùn ục trong lòng, phải nói rằng nó nằm trong những bài văn tế và trong những bài thơ luật sái lụy anh hùng của ông”^[3], nhà nghiên

[1]. N.I. Niculin (2007), *Lịch sử văn học Việt Nam*, Nxb. Văn học - Trung tâm nghiên cứu Quốc học. Nhiều người dịch.

[2]. Nguyễn Văn Hầu (2012), *Văn học miền Nam lục tỉnh, tập ba - Văn học Hán Nôm thời kháng Pháp và thuộc Pháp*, Nxb. Trẻ.

[3]. Nguyễn Văn Hầu (2012), *sđd*, tr.95-96.

cứu này đi đến khẳng định bộ phận thơ văn yêu nước mà ông gọi là văn chương đối kháng: “đã biểu lộ một tài năng xuất sắc với hết cả hai mặt là bố cục lẫn tu từ”^[1]. Về sắc thái địa phương trong văn chương cũng như sự yêu thích của độc giả mọi tầng lớp nhân dân dành cho cụ Đồ, tác giả nhận xét như sau: “tác giả là người Nam Kỳ, tất nhiên bản chất văn chương được xây dựng trên căn gốc đó. Từ cảnh vật, cảm tình, lời lẽ, tác giả đều mượn, nghĩ và nói trên cung cách miền Nam”^[2]. Tác giả bộ sách nhận xét về tính chất địa phương đặc trưng trong văn chương cụ Đồ và đến lượt mình cách dùng từ và giọng văn nghiên cứu của Nguyễn Văn Hầu vẫn bị quy định bởi sắc thái này. Mức độ cập nhật tư liệu dùng làm cơ sở nghiên cứu trong bộ sách này nói chung và phần tư liệu về Nguyễn Đình Chiểu trong tập 3 nói riêng đều dừng lại ở trước 1975, nhưng những tư liệu đưa ra là chính xác và khách quan nên có sức thuyết phục; bên cạnh đó về quan niệm biên soạn, phương pháp trình bày, quan niệm về văn học và văn học sử là có chung cái nhìn với các nhà văn học sử miền Nam trước đây như Thanh Lăng, Phạm Thế Ngũ. Đó là công trình bao quát từ văn học dân gian đến hiện đại nhưng do cá nhân thực hiện và sự ảnh hưởng của các phương pháp nghiên cứu phương Tây như chú trọng đến văn bản, sử dụng phương pháp thực chứng. Biên soạn và đánh giá về tác giả và tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu nói riêng và chung là cả toàn bộ tập sách của Nguyễn Văn Hầu trong *Văn học miền Nam lục tỉnh* là có nét khác biệt so với các bộ văn học sử do miền Bắc tiến hành trước đây và cả gần đây, điểm khác là mở rộng phạm vi

[1]. Nguyễn Văn Hầu (2012), *sđđ*, tr.97.

[2]. Nguyễn Văn Hầu (2012), *sđđ*, tr.100.

khảo sát - đánh giá sang các tác giả mà trước đây vẫn còn bị nghi kị và dè dặt như Tôn Thọ Tường, Phan Thanh Giản.

Công trình văn học sử mới nhất mà chúng tôi tiếp cận được đến thời điểm này có đề cập đến Nguyễn Đình Chiểu là *Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX* của Trần Nho Thìn (2012)^[1], trong sách này, tiếp theo định hướng tiếp cận văn học Việt Nam từ góc nhìn văn hóa đã có từ các công trình công bố trước đó như *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*; đã xét Nguyễn Đình Chiểu trong tương quan không gian văn học Nam Bộ, mà cụ thể là văn học Gia Định đã làm nổi bật phong cách cá nhân tác giả cũng như phong cách thời đại mà Nguyễn Đình Chiểu sống và sáng tác.

1.7.2. Tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu dưới góc nhìn văn bản học

Từ sau ngày thống nhất đất nước, quá trình sưu tầm, nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu được nâng lên một bước, trong đó công tác về văn bản học đối với di sản cụ Đồ để lại ngày càng đặt ra cấp thiết.

Năm 1977 tạp chí *Văn học*, số 6 có bài của Cao Hữu Lạng “Một bản Nôm Dương Từ - Hà Mậu mới tìm thấy”, do Nguyễn Hữu Bưởi sưu tầm^[2]. Năm 1978 cũng trên tạp chí này, số 2 có bài của Vũ Văn Kính: “Thêm một bản Nôm Dương Từ - Hà Mậu vừa mới xuất hiện”, bản này gọi là bản Lê Minh Chí do Võ Văn Dung sưu tầm được và được xem là bản xưa nhất cho đến năm 1978. Trên số 2/1979 tạp chí này

[1]. Trần Nho Thìn (2012), *Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[2]. Cao Hữu Lạng (1977), “Một bản Nôm Dương Từ - Hà Mậu mới tìm thấy”, tạp chí *Văn học*, (6), tr.102-111.

cho công bố bài viết của Vương Hồng Sển: “Thêm một bản Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc mới sưu tầm được”.

Trong tình hình đó, sau một quá trình sưu tầm và nghiên cứu, các chuyên gia Hán - Nôm đã cho ra mắt văn bản *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập* gồm 2 tập, tập 1 năm 1980 và tập 2 năm 1982^[1] nhân dịp kỷ niệm 160 năm ngày sinh nhà thơ. Tình hình lúc này yêu cầu phải có một văn bản đã được minh xác thỏa đáng để làm cơ sở cho quá trình đọc và hiểu chính xác ý đồ nghệ thuật của tác giả cũng như tái hiện lại một cách tổng quát quá trình lao động đó. Đó là những yêu cầu được đặt ra một cách chính đáng, khẩn trương và bộ toàn tập đã đáp ứng về cơ bản các yêu cầu trên. Mỗi tác phẩm trong toàn tập đều có lời dẫn gồm lịch sử văn bản, xử lý văn bản và phân đoạn. Trong “Lời dẫn văn bản *Lục Vân Tiên*”, các soạn giả đã chia lịch sử văn bản tác phẩm ra làm các thời gian như: những bản *Lục Vân Tiên* xuất bản khi tác giả còn sống gồm Duy Minh Thị in trước năm 1864, năm 1865 in lại do Tôn Thọ Tường trông coi, bản Ôbare 1864, bản Jano 1867, bản Aben de Misen 1883. Những bản quan trọng xuất bản sau khi tác giả mất gồm các bản trong Nam như bản Trương Vĩnh Ký 1889, bản Phạm Văn Thìn 1932, các bản ngoài Bắc gồm bản Nôm Tục văn đường 1897, Liễu văn đường 1921, các bản Quốc ngữ ngoài Bắc gồm bản Văn Minh 1924, bản Nghiêm Liễn 1927, bản Dương Quảng Hàm 1944. Những bản *Lục Vân Tiên* xuất bản sau ngày hòa bình lập lại gồm bản Hoàng Ngọc Phách, Lê Trí Viễn, Vũ Đình Liên 1957, Vũ Đình Liên, Nguyễn Sĩ Lâm 1959, sau 1975 có bản của Nguyễn Thạch Giang. Bài viết này cũng

[1]. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sĩ Lâm, Nguyễn Thạch Giang biên khảo và chú giải (1980-1982), *Nguyễn Đình Chiểu (toàn tập)*, 2 tập, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.

cho biết là các bản trong Nam thì bản Trương Vĩnh Ký là tốt nhất, còn ngoài Bắc là bản Văn Minh, sau 1954 bản của Vũ Đình Liên và Nguyễn Sỹ Lâm được đánh giá cao. Văn bản tác phẩm *Dương Tử - Hà Mậu* cũng được tiếp cận tương tự, các soạn giả chỉ ra 165 câu lục bát bị cắt trong bản in năm 1964 tại Sài Gòn và bản in trong toàn tập này đã khôi phục đầy đủ.

Tình hình văn bản nhóm Thơ và văn tế cũng được điểm qua lịch sử văn bản như các văn bản, riêng phần Thơ - Văn tế của toàn tập dựa vào bản Nôm chép tay của Sương Nguyệt Anh mới tìm được sau 1975 do cháu nội cụ Đồ bà Nguyễn Kim Phụng cung cấp. Văn bản *Ngư Tiều vấn đáp nho y diễn ca* là dựa vào bản của Phan Khánh Vân (1911). Có thể cho rằng đây là bài nghiên cứu công phu về Nguyễn Đình Chiểu từ trước đến nay từ góc nhìn văn bản. Các kết quả sưu tầm và nghiên cứu này góp phần tạo nên sự thuận lợi cho việc tiếp cận di sản cụ Đồ trên bình diện rộng hơn và kiến tạo nên một cách đọc mới về Nguyễn Đình Chiểu.

Các giải nghĩa từ ngữ - chú thích và ngữ vựng trong toàn tập này đã được sử dụng lại trong công trình *Từ ngữ thơ văn Nguyễn Đình Chiểu* (2000) của Nguyễn Thạch Giang. Bài viết “Mấy nhận xét tổng quát về ngôn ngữ thơ văn Nguyễn Đình Chiểu” trong sách vừa dẫn của Nguyễn Thạch Giang đã góp phần tạo tiền đề và củng cố một hướng tiếp cận di sản cụ Đồ từ góc nhìn ngôn ngữ. Hưởng ứng dịp kỷ niệm 165 năm ngày sinh và 100 năm ngày mất cụ Đồ, trong các năm 1987 và 1989, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh đã công bố hai công trình *Từ ngữ thơ văn Nguyễn Đình*

Chiếu^[1] và *Từ điển truyện Lục Vân Tiên*^[2] của hai tác giả Nguyễn Quảng Tuân - Nguyễn Khắc Thuần.

Trong khoảng thời gian *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập* được xuất bản (1980-1982) thì các nhà nghiên cứu như Vũ Văn Kính, Đoàn Khoách, Tạ Quang Phát, Cao Tự Thanh, Nguyễn Thị Thanh Xuân thuộc Tổ Cổ cận, Ban Văn học - Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh đã sưu tầm, hiệu đính, chú thích các tác phẩm như *Lục Vân Tiên*, *Dương Từ - Hà Mậu*, *Thơ văn yêu nước chống Pháp*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*. Các tác phẩm này đã thể hiện sự công phu, nghiêm túc và được Ty Văn hóa thông tin 2 tỉnh Long An và Bến Tre xuất bản năm 1982. Để chính xác hơn về mặt văn bản học và cụ thể hơn về mặt lịch sử các nhà nghiên cứu thuộc Tổ Cổ cận, Ban Văn học - Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh đã phiên âm từ nghĩa sĩ trong bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* là nghĩa dân.

Trong hội thảo năm 1982 tổ chức tại Bến Tre^[3], những vấn đề văn bản các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu lại một lần nữa được đặt ra. Vũ Thanh Hằng cho rằng “Cần có một văn bản *Dương Từ - Hà Mậu* gần với nguyên tác hơn”, sau khi chỉ ra những ưu và khuyết của các bản hiện có thì bản *Dương Từ - Hà Mậu* của Lê Minh Chí được xem là cổ nhất. Tác giả bài viết yêu cầu trong quá trình chỉnh lý văn bản cần lưu ý đến vấn đề phiên âm và chính tả, cần dựa vào các nguồn tư liệu mang ý nghĩa văn bản để có một văn bản *Dương Từ - Hà Mậu* chính thức và gần với nguyên tác.

[1]. Nguyễn Quảng Tuân - Nguyễn Khắc Thuần (1987), *Từ ngữ thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Nguyễn Quảng Tuân - Nguyễn Khắc Thuần (1989), *Từ điển truyện Lục Vân Tiên*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Nhiều tác giả (1982), *tlđđ*.

Lê Trung Hoa đưa ra các tiêu chí như từ địa phương, từ ngữ cổ, ngữ nghĩa, vần trong thơ và phép đối cũng như các tình tiết trong cốt truyện để góp phần giải quyết sự dị biệt giữa các bản *Lục Vân Tiên* trong tham luận “Thử nêu một số tiêu chí để giải quyết những điểm dị biệt trong các bản *Lục Vân Tiên*”.

Trả lời câu hỏi “Nguyễn Đình Chiểu có chữa lại Dương Từ - Hà Mậu hay không?” Trần Nghĩa cho là có và do vậy tác phẩm này có hai chủ đề tư tưởng: đấu tranh chống lợi dụng tôn giáo và đấu tranh chống giải pháp cắt đất cầu hòa. “Chỉ tiếc rằng công việc sửa chữa của Nguyễn Đình Chiểu chưa thực sự hoàn chỉnh, và đây là nguyên nhân sâu xa dẫn tới cái nhìn trái ngược nhau giữa Vũ Đình Liên cùng Vũ Ngọc Phan”^[1].

Bùi Đức Tịnh nêu lên “Một số vấn đề cần quan tâm trong công tác văn bản về Nguyễn Đình Chiểu” như việc sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu được cho là của người khác và của người khác lại gán cho Nguyễn Đình Chiểu; hiện tượng giữa nhiều bản của cùng một tác phẩm mà sự dị biệt về ngôn từ đưa đến sự thay đổi trong ý nghĩa và phương hướng giải quyết vấn đề mà bài viết đưa ra là nghiên cứu thật sát ngôn ngữ văn học do tác giả sử dụng và đi theo hướng này tác giả đoán định là *Lục Vân Tiên* được sáng tác khoảng từ 1851-1854. Những vấn đề Bùi Đức Tịnh trình bày ở đây phần lớn đã được tác giả viết trong *Văn học và ngữ học*, tập 2 (1974), chỉ có sự đoán định về thời gian sáng tác truyện thơ *Lục Vân Tiên* là mới.

Nguyễn Thị Thanh Xuân nêu lên “Mấy ý kiến về công tác văn bản tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu”, vì tác giả mù

[1]. Nhiều tác giả (1982), *tlđđ*, tr.493.

nên phải qua người trung gian ghi lại, trước khi in thành sách tác phẩm đã truyền khẩu trong nhân dân và niên đại nhiều tác phẩm là vấn đề còn tồn tại. Do đó phải phân biệt thực giả, phải nắm vững tiếng địa phương Nam Bộ và việc chú những điển tích còn phải được tiếp tục.

Trên tạp chí *Hán Nôm* số 2/1988, Cao Tự Thanh cho công bố bài viết “Thêm một số thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu”^[1], được sưu tầm từ sau 1982 gồm mấy câu đối, một bài thơ nhan đề *Tú tài Chiểu tự thuật*, và bài *Chúng tử tế mẫu văn*.

Năm 1994 có thêm một bản phiên âm *Lục Vân Tiên* ra Quốc ngữ do Trần Nghĩa và Vũ Thanh Hằng thực hiện.

Nguyễn Quảng Tuân bày tỏ sự nghi ngờ Nguyễn Đình Chiểu không phải là tác giả đích thực của truyện thơ *Lục Vân Tiên* qua bài “Nguyễn Đình Chiểu có phải là tác giả *Lục Vân Tiên* không?”^[2]. Tuy không đưa ra kết luận rõ ràng, nhưng qua cách trình bày tư liệu và biện luận thì bài viết này tán thành quan điểm của E. Villard cho rằng *Lục Vân Tiên* không phải do Nguyễn Đình Chiểu sáng tác. Trả lời nghi vấn khoa học Nguyễn Quảng Tuân nêu ra Nguyễn Phong Nam qua bài viết “Để làm rõ điều nghi vấn về truyện *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu”^[3] đã dùng các thao tác của phong cách học - thi pháp học và đi đến xác quyết *Lục Vân Tiên* đích thị là tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu. Cùng quan điểm với Nguyễn Phong Nam, Cao Tự Thanh

[1]. Cao Tự Thanh (1988), “Thêm một số thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu”, tạp chí *Hán Nôm*, (2).

[2]. Nguyễn Quảng Tuân (1994), “Nguyễn Đình Chiểu có phải là tác giả *Lục Vân Tiên* không?”, tạp chí *Văn học*, (8).

[3]. Nguyễn Phong Nam (1995), “Để làm rõ điều nghi vấn về truyện *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu”, tạp chí *Văn học*, (2), tr.37-41.

có bài “Người ta nghi ngờ cả Nguyễn Đình Chiểu sao?” (*Nghiên bút 10 năm* -1999)^[1]. Dưới góc nhìn tiếp nhận về sự kiện này, chúng tôi cho rằng đây là một hình thức phản tiếp nhận, khi phủ định Nguyễn Đình Chiểu là tác giả của *Lục Vân Tiên* có lẽ người đưa ra ý kiến này - đã bị chi phối bởi không khí xã hội có phần phức tạp lúc bấy giờ và cả những tác động của những ý đồ phi học thuật.

Kỷ niệm 110 năm ngày mất cụ Đồ 1998, vấn đề văn bản truyện *Lục Vân Tiên* được trở lại với bài “Để có một văn bản *Lục Vân Tiên* gần với nguyên tác hơn” của Lê Hữu, theo Nguyễn Ngọc Thiện trong *Nguyễn Đình Chiểu về tác gia và tác phẩm* thì dựa vào “phương pháp khảo sát của ngữ âm học so sánh và logic ngữ nghĩa học, Lê Hữu đề nghị những câu thơ như *Vợ Tiên là Trục chị dâu/ Bị Tiên một gậy chẳng rày mạng vong*, thành: *Vợ Tiên là bức chị dâu/ Bị tin một gậy, chẳng rày mạng vong*”^[2]. Nếu về sau, ý kiến này được chấp nhận thì nó đã nỗ lực góp phần tạo nên một tầm đón nhận mới về truyện thơ này. Ý kiến này ngay lập tức đã tạo ra sự tranh luận, đó là *Chỉ tại Vương Tử Trục noi gương Khổng - Nhan* của Nhất Tiếu^[3].

Năm 2003, Nhà xuất bản Giáo dục công bố một *Dị bản mới truyện Lục Vân Tiên* do Trường Thành sưu tầm^[4]. Bản này dài hơn 72 câu thơ so với bản *Lục Vân Tiên* trong Toàn tập Nguyễn Đình Chiểu, và quan điểm của người sưu tầm thiên về khả năng đây là bản truyện thơ *Lục Vân Tiên* đã qua thời gian lưu hành, truyền miệng lâu dài trong dân gian.

[1]. Cao Tự Thanh (1999), *Nghiên bút mười năm*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Ngọc Thiện (tuyển chọn và giới thiệu) (2001), *sđđ*, tr.21.

[3]. Nguyễn Ngọc Thiện (tuyển chọn và giới thiệu) (2001), *sđđ*.

[4]. Trường Thành (2003), *Dị bản mới truyện Lục Vân Tiên*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

Năm 2008 thêm một văn bản *Lục Vân Tiên, bản Nôm và bản Quốc ngữ cổ nhất*^[1] do Nguyễn Quảng Tuân phiên âm và chú thích, Nhà xuất bản Văn học và Trung tâm nghiên cứu Quốc học ấn hành năm 2008. Văn bản Nôm này do Nguyễn Quảng Tuân sưu tầm được tại một ngôi chùa ở tỉnh Long An, đây là bản được in từ năm 1864 về trước, còn được gọi là bản Duy Minh Thị, còn bản Quốc ngữ là bản Trương Vĩnh Ký, in lần thứ 5 năm 1901.

Một hình thức mới trong tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu từ góc nhìn văn bản cũng đã xuất hiện với việc Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc (2009) cho ra mắt một văn bản *Truyện Lục Vân Tiên bằng tranh*^[2] song song với văn bản thơ là lời thuyết minh các bức tranh được viết bằng văn xuôi. Văn bản thơ sử dụng trong sách này là bản *Lục Vân Tiên* do Phan Văn Hùm chú thích, Tân Việt xuất bản tại Sài Gòn năm 1956. Loại hình văn bản trình bày và thuyết minh bằng tranh và cả văn xuôi đã góp phần làm phong phú thêm các hình thức tiếp nhận *Lục Vân Tiên*. Tháng 6 năm 2016, Nhà xuất bản Văn hóa – Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh dưới sự hỗ trợ của Viện Viễn Đông bác cổ Pháp đã xuất bản bộ sách 2 tập – *Lục Vân Tiên cổ tích truyện*. Đây là bản *Lục Vân Tiên* do Abel des Michels dịch sang tiếng Pháp, còn gọi là bản 1883, tranh minh họa do họa sĩ Lê Đức Trạch thực hiện và là văn bản mới nhất được xuất bản trong khoảng vài năm gần đây.

Năm 2010-2011 vấn đề văn bản thơ *Lục Vân Tiên* lại được đặt ra trên *Hồn Việt*, số 49-50 giữa Cao Nguyệt Minh,

[1]. Nguyễn Quảng Tuân (phiên âm và chú thích) (2008), *Lục Vân Tiên, bản Nôm và bản Quốc ngữ cổ nhất*, Nxb. Văn học - Trung tâm nghiên cứu Quốc học.

[2]. Long Sơn – Thái Tuấn (minh họa), Trần Thái Kim Lý Thái Thuận (lời) (2009), *Truyện Lục Vân Tiên bằng tranh*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

Bát Sách^[1], Nguyễn Đức Dương^[2] xoay quanh bài thơ Nguyệt Nga trao cho Lục Vân Tiên, tiếp đó là trang website namkyluctinh.org cũng đã có loạt bài của tác giả Lê Mỹ Trung^[3] bàn về vấn đề này.

Tiếp cận di sản văn chương Nguyễn Đình Chiểu một cách khoa học và nghiêm túc chính xác luôn luôn là yêu cầu đặt ra đối với các nhà văn bản học. Ngay từ khi Nguyễn Đình Chiểu còn sống, công việc này đã được tiến hành và trải qua từng thời kỳ khác nhau từ bản in Quốc ngữ của Trương Vĩnh Ký năm 1889 đến bản gần đây nhất năm 2008 đã phản ánh sinh động nhu cầu và thái độ của công chúng. Cũng như phần lớn các văn bản Hán - Nôm khác, văn bản sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu được các nhà văn bản học trong quá trình chú thích và hiệu đính thường dựa vào bản gọi là bản trực mà được xem là tin cậy nhất, cho đến giờ là bản của Trương Vĩnh Ký. Từ ngữ trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu thường được xem xét trong mối quan hệ với văn học miền Nam thế kỷ 19 cũng như sắc thái địa phương Nam Kỳ lục tỉnh mà tác giả sử dụng trong văn bản. Quá

[1]. Cao Nguyệt Minh - Bát Sách (2011), “Bài thơ Kiều Nguyệt Nga đưa cho Lục Vân Tiên”, *Hồn Việt*, (49), ngày 11/8/2011.

[2]. Nguyễn Đức Dương (2011), “Nhận xét về bài trả lời “Bài thơ Kiều Nguyệt Nga đưa cho Lục Vân Tiên”, *Hồn Việt*, (50), ngày 15/9/2011.

[3]. Xem thêm:

- Lê Mỹ Trung (2010), “Bài thơ Kiều Nguyệt Nga tạ từ Lục Vân Tiên”, <http://namkyluctinh.org/a-vhbkhaio/lemytrung-nguyetnga%5Bn%5D.pdf>, (truy cập ngày 15/5/2016).

- Lê Mỹ Trung (2010), “Đọc lại các đoạn thơ trong truyện Lục Vân Tiên bị bỏ qua”, <http://namkyluctinh.org/a-vhbkhaio/lemytrung-doantholvt.pdf>, (truy cập ngày 15/5/2016).

- Lê Mỹ Trung (2010), “Đọc lại truyện Lục Vân Tiên, trả lại những gì của Nguyễn Đình Chiểu”, <http://namkyluctinh.org/a-vhbkhaio/lemytrung-6vantien%5Bf%5D.pdf>, (truy cập ngày 15/5/2016).

trình tiếp cận sáng tác Nguyễn Đình Chiểu từ góc nhìn văn bản học qua công tác chú thích và hiệu đính cũng là quá trình thống nhất cách đọc và hiểu văn chương cụ Đồ.

1.7.3. *Lục Vân Tiên và mối quan hệ với thể loại truyện Nôm*

Trong ba truyện thơ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu thì *Lục Vân Tiên* được giới nghiên cứu quan tâm nhiều nhất. Các truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu trong mối quan hệ - tương quan với thể loại truyện Nôm ngay từ năm 1982 đã được đặt ra trong tham luận “Xác định giá trị tác phẩm *Lục Vân Tiên* trong hệ thống truyện Nôm” của Nguyễn Ngọc Bích tại hội thảo về Nguyễn Đình Chiểu được tổ chức tại Bến Tre. Dựa vào cách phân loại nhà nho của Trần Đình Hượu, tác giả bài viết dù không trực tiếp phát biểu nhưng qua cách trình bày và lập luận đã cho thấy Nguyễn Đình Chiểu thuộc nhóm các nhà nho hành đạo, ông “... chăm sóc giữ gìn cho nhân vật của mình là đạo đức, là lễ làm người, là bổn phận, trách nhiệm. Đây là điểm phân biệt sâu sắc nhất về phương diện chủ đề giữa truyện *Lục Vân Tiên* với các truyện tài tử giai nhân trước đó” và bài viết kết luận “Tác phẩm cho thấy rõ tính hai mặt trong cách dàn dựng. Nguyễn Đình Chiểu đã chiêm chước và tổng kết được những đòi hỏi của văn học thế kỷ XVIII- nửa đầu thế kỷ XIX với đạo đức Nho giáo và đạo lý dân gian^[1]. Cũng trong hội thảo này còn có tham luận của Đoàn Xuân Kiên với tiêu đề “Chỗ đứng của *Lục Vân Tiên* trong quá trình phát triển thể loại truyện Nôm”. Sau khi xác định tác phẩm *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu không bị lạc hậu so với những yêu cầu của thời

[1]. Nhiều tác giả (1982), *tlđđ*, tr.293-294.

đại, tính dân tộc và tính hiện đại đã đạt đến mức độ hài hòa, tác giả bài viết đi đến khẳng định “xét từ ý hướng viết đến những thủ pháp xây dựng tác phẩm. Đặt trong mối liên hệ dọc theo chiều phát triển lịch sử của thể loại văn học, *Lục Vân Tiên* vẫn xứng đáng là một tác phẩm văn học có giá trị ở thời đại mà nó ra đời”^[1].

Đến năm 1988, kỷ niệm 100 năm ngày mất Nguyễn Đình Chiểu, tạp chí *Văn học* cho đăng bài “Bàn về Nguyễn Đình Chiểu - người nghệ sỹ từ và trong truyện Nôm” của Trần Đình Hượu. Bài viết có những phát hiện mang tính gợi mở với hai ý tưởng đặc biệt: 1) cần nhìn truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu như một điểm rẽ của truyện Nôm về lịch sử và trong một khung văn hóa đặc thù, thay vì đối sánh để chỉ ra chúng không có được sự tinh tế văn chương như *Truyện Kiều* và một số tác phẩm khác; 2) chính với truyện Nôm Nguyễn Đình Chiểu bộc bạch được những nguyên tắc ứng xử quan trọng nhất của mình - một nghệ sỹ - trước những ước thúc về đạo đức, quan niệm văn chương và bối cảnh lịch sử bất thường. Khi xem xét trong tương quan với các truyện Nôm khác mà tiêu biểu là *Truyện Kiều*, *Lục Vân Tiên* cũng viết về một đôi trai tài gái sắc, nhưng truyện Nôm *Lục Vân Tiên* khác, khác đến trái ngược với loại truyện tài tử giai nhân, “việc Nguyễn Đình Chiểu không để cho nhân vật của mình lẫn với đám tài tử giai nhân hào hoa phong nhã, không nói nhiều đến tình mà nhấn mạnh nghĩa, lễ, tín có một ý nghĩa lịch sử quan trọng về văn học”^[2]. Trần Đình Hượu cho rằng từ những truyện Nôm tài tử giai nhân sang những truyện Nôm của mình, Nguyễn Đình Chiểu đã gác

[1]. Nhiều tác giả (1982), *tlđđ*, tr.336.

[2]. Trần Đình Hượu (1988), “Bàn về Nguyễn Đình Chiểu - người nghệ sỹ từ và trong truyện Nôm”, tạp chí *Văn học*, (3-4), tr.65.

lại, với ít nhiều thái độ phê phán, phủ định xu hướng bàn về hạnh phúc tự do của con người gắn trách nhiệm với xã hội, với cộng đồng. Nguyễn Đình Chiểu trao cho truyện Nôm chức năng của văn chương chính đạo, kể chuyện treo gương, trình bày, biện luận để giáo dục. Cuối bài viết Trần Đình Hượu đưa ra những kết luận đáng chú ý như: “Sự khác nhau giữa *Lục Vân Tiên* và *Truyện Kiều*, theo tôi là giữa truyện Nôm tài tử giai nhân và truyện Nôm Nguyễn Đình Chiểu, sự khác nhau giữa *Kiều* và *Nguyệt Nga*... là sự khác nhau về quan niệm văn học và cái đẹp. Trong lịch sử truyện Nôm nước ta, Nguyễn Đình Chiểu viết theo một xu hướng mới, khác truyện Nôm tài tử giai nhân... Nguyễn Đình Chiểu không những đưa văn học Nam Bộ vào văn học dân tộc mà còn góp phần mình, góp cái mới cho văn học dân tộc... *Truyện Nôm* của Nguyễn Đình Chiểu, về mặt lịch sử, cắt ngang sự phát triển đó (đưa văn học vào hướng nhân đạo chủ nghĩa - người viết chú)... Cái mới đầu là chủ nghĩa nhân đạo nhưng yếu đuối bất lực trước đòi hỏi của dân tộc cũng phải gạt bỏ, xếp vào vị thế tồn tại cô lập. Đó là bi kịch của những mầm mống canh tân trong lịch sử văn học nước ta”^[1].

Nguyễn Văn Hoài trong bài viết “Thi pháp truyện thơ Nôm tài tử giai nhân và một số tiểu loại truyện thơ Nôm khác - nhìn từ góc độ nhân vật, cốt truyện” (2015)^[2], đã có cái nhìn khác khi xếp truyện thơ *Lục Vân Tiên* vào tiểu loại truyện thơ Nôm tài tử giai nhân do văn nhân Việt Nam tự sáng tác.

[1]. Trần Đình Hượu (1988), *tlđđ*, tr.73

[2]. Nguyễn Văn Hoài (2015), “Thi pháp truyện thơ Nôm tài tử giai nhân và một số thể loại truyện thơ Nôm khác - nhìn từ góc độ nhân vật, cốt truyện”, *Nghiên cứu Văn học*, (4), tr.100-111.

Nguyễn Huệ Chi^[1] trong bài viết về Nguyễn Thông năm 1985 đã có liên hệ tới Nguyễn Đình Chiểu và ông cho rằng đóng góp quan trọng của Nguyễn Đình Chiểu cho lịch sử văn học là đã đưa thể loại truyện thơ vào môi trường sinh hoạt xã hội và văn học hoàn toàn mới, đã bình dân hóa thể truyện này một cách hợp quy luật. Tiếp tục một thể loại đã phát tiết hết tinh hoa bằng cách dành cho nó một sự cải biến phần nào theo quy trình đi ngược lại truyền thống và tạo ra được một tác phẩm có hạng.

Kiều Thu Hoạch trong chuyên luận *Truyện Nôm lịch sử phát triển và thi pháp thể loại* (in lần đầu năm 1992, tái bản bổ sung năm 2007), dựa vào những tiền đề lý luận mới của V. Ia. Propp trong *Folklore và thực tại* cũng như của các nhà lý luận Trung Quốc và cả Alan Dundes để khảo sát truyện Nôm trong đó có ba truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu nhưng chủ yếu là truyện *Lục Vân Tiên*. Tác giả chuyên luận quan niệm rằng sáng tác dân gian là cơ sở của truyện Nôm nói chung chứ không chỉ truyện Nôm bình dân. Chuyên luận đã chứng minh truyện thơ này thuộc về truyện Nôm bình dân dựa vào các tiêu chí dùng để kể, ngôn ngữ nói, mang tính tự truyện và sử dụng yếu tố thần kỳ như một thủ pháp nghệ thuật là một trong những đặc trưng thi pháp không thể thiếu của thể loại này. Kiều Thu Hoạch cho rằng *Lục Vân Tiên* thiên về văn học trình diễn và sáng tạo tập thể: “Có nhiều dấu hiệu cho thấy cụ Đồ Chiểu chỉ là người sáng tác đầu tiên; hơn nữa cả về nội dung đề tài, cốt truyện và hình thức nghệ thuật thì truyện *Lục Vân Tiên* cũng đều có đầy đủ những đặc trưng tiêu biểu của một truyện Nôm

[1]. Nguyễn Huệ Chi (2013), *Văn học cổ cận đại Việt Nam từ góc nhìn văn hóa đến các mã nghệ thuật*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

bình dân”^[1].

Chỉ ra “Những đề xuất cách tân thể loại trong truyện thơ Nôm Nguyễn Đình Chiểu” (2008), ông cho rằng ở các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu đã xuất hiện cơ chế nhân vật đồng hiện song lập và chỉ có ở *Lục Vân Tiên* và bên cạnh đó là các tính cách song lập đối cực ở mỗi cặp nhân vật. Còn ở *Dương Từ - Hà Mậu* và *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* đã xuất hiện kiểu nhân vật lưỡng khả phi thập toàn và dạng nhân vật này là hiếm hoi, vì vậy, nó độc đáo, ít có, thậm chí riêng có ở hai truyện thơ này. Trên cơ sở đó nhà nghiên cứu đi đến kết luận “nếu trừu xuất để tổ hợp đồng quy các tính cách riêng rẽ trong LVT thành Con người đơn nhất (kết hợp với những gì đã được đề xuất - cũng một cách tự phát, vô thức - trong nghệ thuật nhân vật DT-HM và NTVĐ) sẽ có thể nhận ra lấp ló cái tính cách [đạo đức] của con người phức diện và đa khả đời thường đó! Nhưng lưu ý, phép đồng quy này chỉ làm được nhờ vào, chẳng hạn, cơ chế đồng hiện song lập, riêng có ở LVT của Nguyễn Đình Chiểu chứ không phải ở một truyện thơ Nôm bất kỳ của một tác giả nào khác!”^[2].

Gần đây tác giả Đinh Thị Khang, Lê Thị Hồng Minh^[3], Nguyễn Thị Nhân đã có những bài viết đáng chú ý về vấn đề này. Nếu như hai tác giả đầu quan tâm đến ngôn ngữ nhân vật trong truyện Nôm thì tác giả sau lại quan tâm đến

[1]. Kiều Thu Hoạch (2007), *Truyện Nôm lịch sử phát triển và thi pháp thể loại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.212.

[2]. Phạm Văn Phúc (2008), “Nguyễn Đình Chiểu với vấn đề cách tân thể loại trong truyện thơ Nôm”, *Nghiên cứu Văn học*, (5), tr.37.

[3]. Lê Thị Hồng Minh (2002), *Ngôn ngữ nhân vật trong truyện thơ Nôm bác học*, luận án tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

thi pháp cốt truyện; chuyên luận *Thi pháp cốt truyện truyện thơ Nôm và Truyện Kiều* đã đưa ra cách phân loại truyện Nôm dựa vào tiêu chí nội dung truyện, gồm có năm loại và các truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu được xếp vào loại truyện luân lý đạo đức. Kết cấu của truyện Nôm *Lục Vân Tiên* theo Nguyễn Thị Nhàn là loại kết cấu không theo trình tự thời gian, đảo trật tự thời gian sự kiện và kết cấu trùng điệp, lồng ghép^[1]; còn *Ngư Tiều vãn đáp nho y diễn ca* thuộc loại kết cấu đối đáp^[2]. Công trình mới nhất về vấn đề này mà chúng tôi tiếp cận được là *Nguyễn Đình Chiểu trong thể loại truyện Nôm*, luận văn thạc sĩ của Đỗ Thị Huyền.

Đồng thời qua hướng nghiên cứu này đã thể hiện bản lĩnh của các chủ thể nghiên cứu đã góp phần tạo ra một góc nhìn mới, làm phong phú thêm nội dung các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu.

1.7.4. Nguyễn Đình Chiểu từ quan điểm thi pháp học

Tiếp cận Nguyễn Đình Chiểu từ sau năm 1975 theo hướng thi pháp học nổi bật lên là các bài viết của Nguyễn Phong Nam như: “Đặc sắc của không gian nghệ thuật truyện Lục Vân Tiên” (1991), “Hình tượng thời gian trong truyện Nôm Nguyễn Đình Chiểu” (1992), “Để làm rõ điều nghi vấn về truyện Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu” (1995), tập trung nhất là công trình *Nguyễn Đình Chiểu từ điểm nhìn thi pháp học*^[3], nguyên là luận án phó tiến sĩ đã bảo vệ thành công trước đó tại Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh năm 1994. Đóng góp lớn của công trình này là

[1]. Nguyễn Thị Nhàn (2009), *Thi pháp cốt truyện truyện thơ Nôm và Truyện Kiều*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, tr.178.

[2]. Nguyễn Thị Nhàn (2009), *sđđ*, tr.201-202.

[3]. Nguyễn Phong Nam (1997), *sđđ*.

phát hiện ra con người đạo đức trong thế giới nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu, tác giả chuyên luận cho rằng: “Nguyễn Đình Chiểu có xu hướng tuyệt đối hóa sự chi phối của đạo đức để tô đậm, nhấn mạnh ý nghĩa đạo đức của hình tượng. Điều này khác xa so với các tác giả khác”^[1]. Thời gian trong các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu ít được mô tả trực tiếp, khắc họa tính cách nhân vật bằng hành động. “Thời gian trong Lục Vân Tiên là thời gian hành động”^[2] “thời gian nghệ thuật trong truyện của Nguyễn Đình Chiểu là thời gian có tính chất phiếm định”^[3]. Về kết cấu của truyện thơ Nôm Nguyễn Đình Chiểu, theo tác giả chuyên luận thì theo tiêu chí đạo đức đã được chia làm 2 nhóm thiện ác rõ ràng, “sự đối lập, đối chiếu, bổ sung cho nhau về phẩm chất đạo đức và lấy đó làm nguyên tắc tổ chức hệ thống nhân vật”^[4]. Ngôn ngữ truyện Nôm Nguyễn Đình Chiểu có một đặc điểm đáng lưu ý, đấy là sự chi phối, sự xuyên thấu của một cuộc hội thoại về đạo lý, đạo đức, giọng điệu giáo huấn, lời thuyết giảng trực tiếp với đối tượng của mình. Và việc “khảo sát ngôn từ truyện thơ trên các cấp độ văn bản, ngữ pháp, từ vựng, các biện pháp tu từ... có thể thấy được sự nhất quán trong ý đồ nghệ thuật lẫn cách thức thực hiện của nhà văn”^[5]. Trong xu thế chung của nghiên cứu, phê bình thời đổi mới, phong cách học và thi pháp học đã mở ra một hướng mới nghiên cứu đầy triển vọng về Nguyễn Đình Chiểu mà kết quả đầu tiên là khá mỹ mãn qua phần “Xung

[1]. Nguyễn Phong Nam (1997), *sđđ*, tr.51.

[2]. Nguyễn Phong Nam (1997), *sđđ*, tr.81.

[3]. Nguyễn Phong Nam (1997), *sđđ*, tr.85.

[4]. Nguyễn Phong Nam (1997), *sđđ*, tr.93

[5]. Nguyễn Phong Nam (1997), *sđđ*, tr.128.

quanh vấn đề tác giả truyện *Lục Vân Tiên*”, trên các cứ liệu và thao tác của ngôn ngữ học, phong cách học, phần này đã góp phần làm sáng tỏ nghi vấn đã tồn tại nhiều năm và đến năm 1994 lại được Nguyễn Quảng Tuân đặt ra. Qua khảo sát phong cách tác giả và tác phẩm, Nguyễn Phong Nam đã có cơ sở chắc chắn khẳng định *Lục Vân Tiên* là sáng tác của chính Nguyễn Đình Chiểu. Công trình *Nguyễn Đình Chiểu từ điểm nhìn thi pháp học* đã chứng tỏ: khi có sự thay đổi của kinh nghiệm thẩm mỹ dựa trên cơ sở một phương pháp nghiên cứu đúng sẽ đưa đến những phát hiện mới về giá trị tác phẩm.

Một số hướng tiếp cận đáng chú ý khác

Tình hình nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu giai đoạn này được thể hiện rõ nhất qua tập kỷ yếu kỷ niệm 160 năm ngày sinh nhà thơ được tổ chức tại Bến Tre ngày 29-30/6/1982. Qua hội thảo này^[1], những vấn đề như tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu đã được tiếp tục đặt ra và giải quyết với bài viết của Lê Văn Hảo, Mai Huỳnh Hoa, Đoàn Khoách, Đoàn Tứ; bên cạnh đó là những vấn đề về phương pháp và nghệ thuật cũng tiếp tục được giải quyết qua tham luận của các tác giả như: Mai Cao Chương, Nguyễn Trung Hiếu, Hoàng Thiệu Khang, Đặng Văn Lung, Chu Văn Sơn, Huỳnh Ngọc Trảng, Lâm Vinh, La Yên,...

Các vấn đề về văn bản và ngôn ngữ đã được giải quyết trên một tầm cao mới với các tên tuổi như: Trần Kim Anh, Hoàng Thị Ngọc, Nguyễn Đức Dương, Nguyễn Công Đức, Trần Thị Ngọc Lang, Nguyễn Công Lư, Nguyễn Tá Nhí, Trịnh Sâm, Đào Thản, Hoàng Tuệ,...

[1]. Nhiều tác giả (1982), *tlđđ*.

Bình diện Nguyễn Đình Chiểu lương y với tác phẩm *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* được đề cập đến với bài viết của Lê Trần Đức, Vũ Văn Kính, Trần Hữu Nghiệp, Nguyễn Tri Tài, Phạm Xuân Chi.

Tác phẩm ít được nhắc đến như *Dương Tử - Hà Mậu* cũng đã nhận được sự quan tâm của một số nhà nghiên cứu như: Ngô Văn Chương, Trần Văn Thận, Đỗ Văn Trị, Lê Trí Viễn, Vũ Thanh Hằng, Trần Nghĩa. Tiếp theo đó là các vấn đề đáng chú ý khác như bàn về đạo làm người trong sáng tác Nguyễn Đình Chiểu của Trần Văn Giàu, về tính nhân dân với các tham luận của Nguyễn Khuê, Phan Ngọc, “Suy nghĩ về yếu tố đạo lý trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu” của Huỳnh Như Phương.

Sau hội thảo năm 1982, lịch sử tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu vẫn được tiếp tục với các kết quả và thành tựu nghiên cứu mới như: Lê Chí Dũng tiếp tục khẳng định “Nguyễn Đình Chiểu - nhà thơ lớn “phò đời giúp nước của nhân dân Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX”^[1], chỉ ra quan niệm văn học^[2] cũng như “Tính cách Việt Nam trong thơ Nôm luật Đường”^[3] đã hiện diện như thế nào trong sáng tác Nguyễn Đình Chiểu và có thể nhận thấy trong các trang viết về Nguyễn Đình Chiểu của nhà nghiên cứu này là sự vận dụng nhất quán phương pháp loại hình.

Các chuyên luận về Nguyễn Đình Chiểu được xuất bản

[1]. Lê Chí Dũng (1988), “Nguyễn Đình Chiểu - nhà thơ lớn “phò đời giúp nước” của nhân dân Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX”, *Văn nghệ quân đội*, (7), tr.137-142.

[2]. Lê Chí Dũng (1993), “Về quan niệm văn học của Nguyễn Đình Chiểu”, *Tạp chí Khoa học*, (3), Đại học Tổng hợp Hà Nội, tr.19-21.

[3]. Lê Chí Dũng (2001), “Nguyễn Đình Chiểu” in trong *Tính cách Việt Nam trong thơ Nôm luật Đường*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

trong giai đoạn này như: *Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao sáng của người trí thức Việt Nam* của Vũ Khiêu - Nguyễn Đức Sự (1982), *Nguyễn Đình Chiểu đạo làm người* của Trần Văn Giàu (1983), *Nguyễn Đình Chiểu với văn hóa Việt Nam* của Cao Tự Thanh - Huỳnh Ngọc Trảng (1983). Trong kỷ yếu hội thảo Những vấn đề văn học và ngôn ngữ Nam Bộ, tập 1, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2016 có tham luận của Phan Thị Hồng: “Hình tượng người anh hùng trong thơ văn Đồ Chiểu (từ truyện thơ Lục Vân Tiên đến Văn tế Trương Định)” và “Một số đặc điểm “văn hóa Lục Vân Tiên” trong truyện thơ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu” của Trần Anh Tuấn. Đây là một trong vài bài viết đáng chú ý về Nguyễn Đình Chiểu trong thời gian gần đây.

Hướng đến đối tượng bạn đọc trong nhà trường, có thể kể tên một số công trình như: Đoàn Lê Giang (2001), *Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc*^[1]; Nguyễn Ngọc Thiện (tuyển chọn và giới thiệu) (2001), *Nguyễn Đình Chiểu về tác gia và tác phẩm*; Phạm Văn Ánh (giới thiệu và tuyển chọn -2009), *Nguyễn Đình Chiểu tác phẩm chọn lọc*^[2],...

Nguyễn Bá Thành với *Tư duy thơ và tư duy thơ Việt Nam hiện đại*^[3] có dành một số trang nhất định khảo sát tư duy thơ Nguyễn Đình Chiểu.

Lý thuyết giới cũng đã được vận dụng vào nghiên cứu sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu mà luận văn: *Các nhân vật*

[1]. Đoàn Lê Giang (2001), *sđd*.

[2]. Phạm Văn Ánh (giới thiệu và tuyển chọn, 2009), *Nguyễn Đình Chiểu tác phẩm chọn lọc*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Bá Thành (2012), *Giáo trình Tư duy thơ và tư duy thơ hiện đại Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

nam trong Lục Vân Tiên đọc theo lý thuyết giới^[1] là một ví dụ.

Năm 1982 Xuân Diệu cho xuất bản *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam*, tập 2, phần về Nguyễn Đình Chiểu là tập hợp các bài viết trước đó từ sau 1954 đến 1972. Quan điểm chung về Nguyễn Đình Chiểu là vẫn không thay đổi, nhìn văn chương cụ Đồ là sản phẩm của một nhà thơ yêu nước. Công trình này góp phần tạo nên một Xuân Diệu nhà nghiên cứu văn học với ngòi bút tinh tế, tài hoa và một phong văn hóa sâu rộng. Theo Trần Văn Toàn, các công trình phê bình về sau theo hướng phê bình của giới sáng tác, kể cả *Thơ với lời bình* của Vũ Quần Phương cũng không theo kịp^[2].

1.8. TIỂU KẾT

Ngay từ lúc sinh thời Nguyễn Đình Chiểu cũng đã nhận biết một trong những sáng tác của mình được công bố rộng rãi, không chỉ đến với công chúng nhân dân nước ông mà còn có cả những độc giả đến từ một nền văn hóa khác biệt, ngoài sự mong đợi của ông. Tình hình nghiên cứu, phê bình Nguyễn Đình Chiểu từ đầu thế kỷ 19 đến năm 1954, so với trước là có một sự thay đổi lớn. Trong bối cảnh chung của đất nước, sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu cũng đã bắt đầu những chặng đường mới trong hành trình số phận của mình. Trong giai đoạn 1954-1975, sự tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu ở mỗi miền có những sắc thái khác biệt do thể chế chính trị xã hội quy định. Từ tình hình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu trong giai đoạn này có thể nhận thấy, ở miền Bắc, chính nội dung của cuộc kháng chiến giải

[1]. Phạm Thị Thu (2013), *Các nhân vật nam trong Lục Vân Tiên đọc theo lý thuyết giới*, Tóm tắt luận văn thạc sĩ Văn học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn. Đại học Quốc gia Hà Nội, 18 trang.

[2]. Nguyễn Văn Long (chủ biên) (2012), *sđđ*.

phóng dân tộc đã định hướng việc tiếp nhận những giá trị nội dung của văn chương cụ Đồ. Các kết quả nghiên cứu thời kỳ này đã tiếp tục và hoàn chỉnh một chân dung văn học Nguyễn Đình Chiểu ngày càng hiện rõ và hoàn thiện hơn. Di sản của Nguyễn Đình Chiểu được khai thác và tiếp cận theo tinh thần câu thơ của Tố Hữu: *Bốn mươi thế kỷ cùng ra trận* và phương hướng này cũng như phương pháp tiếp cận theo quan điểm mác-xít mà cụ thể là phương pháp xã hội học mác-xít ngày càng chặt chẽ và nhuần nhuyễn, thuần thực hơn. Đặc điểm xuyên suốt của quá trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu ở cả hai miền Nam - Bắc trong giai đoạn này là: miền Nam là quê hương cụ Đồ nhưng việc sưu tầm, đánh giá có trách nhiệm và công phu về con người và tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu lại thuộc về giới nghiên cứu miền Bắc thuộc chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; bên cạnh đó con người và tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu thường được miền Bắc đánh giá cao tinh thần yêu nước và nhập cuộc, nhìn nhận thiên về con người chức năng. Miền Nam tuy cũng nói đến các nội dung trên nhưng lại khai thác một Nguyễn Đình Chiểu ẩn dật và yếm thế và thường dựa vào các tác phẩm cuối đời. Sự khác biệt trong quan niệm nghệ thuật, ý thức chính trị của giới nghiên cứu hai miền Nam - Bắc trong giai đoạn này đã không thể đem lại một sự tiếp nhận đầy đủ, công bằng và thống nhất trước một di sản nhiều tầng bậc giá trị như Nguyễn Đình Chiểu. Trong một chừng mực nhất định, cả trên hai miền Nam - Bắc, di sản của Nguyễn Đình Chiểu đã bị thu hẹp.

Từ sau ngày thống nhất đất nước việc nghiên cứu, phê bình tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu có những thay đổi lớn do những thuận lợi trong việc tiếp cận, sưu tầm tác phẩm và tập hợp tư liệu về Nguyễn Đình Chiểu. Sau năm 1986 thành

tựu của khoa học văn học được du nhập và vận dụng phổ biến đem lại những cái nhìn mới và góp thêm những tiếng nói phong phú và đa dạng về những di sản mà cụ Đồ để lại. Đây là giai đoạn có nhiều thành tựu nhất trong lịch trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu cho đến thời điểm hiện tại.





CHƯƠNG 2

**NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
TRONG SỰ TIẾP NHẬN Ở NHÀ TRƯỜNG
PHỔ THÔNG VÀ ĐẠI HỌC**

CHƯƠNG 2

2.1. NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG SỰ TIẾP NHẬN Ở NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

2.1.1. *Sơ lược về tình hình giảng dạy Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường phổ thông từ trước năm 1975*

Ngay từ trước năm 1945 Nguyễn Đình Chiểu đã được đưa vào giảng dạy ở nhà trường Pháp thuộc, và trong suốt giai đoạn này Nguyễn Đình Chiểu chỉ được biết đến với tư cách là tác giả của *Lục Vân Tiên*, bộ phận thơ ca - mà sau này được gọi là thơ văn yêu nước chống Pháp, hầu như không được nhắc đến. Dẫn chứng trước tiên là sách giáo khoa - giáo trình, đồng thời cũng là công trình văn học sử đầu tiên và tiêu biểu là *Việt Nam văn học sử yếu* (1943) của Dương Quảng Hàm. Như vậy, đến lúc này, con người và sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu (dù chỉ là một bộ phận) đã hiện diện chính thức trong nhà trường thời Pháp thuộc qua bộ văn học sử đầu tiên của nền học thuật nước nhà. Cách mạng tháng Tám thành công đã khai sinh ra nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ và liền ngay sau đó phải bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ 9 năm. Một nền văn học mới đã ra đời trong những điều kiện khắc nghiệt của chiến tranh, nền văn học cách mạng dần xuất hiện với

phương châm: dân tộc, khoa học và đại chúng. Trong hoàn cảnh ấy, sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu đã trở thành một trong những nguồn mạch và là nguồn cổ vũ nhiệt thành cho các chiến sĩ trên mặt trận văn hóa - văn nghệ. Trong bối cảnh chung của đất nước, sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu cũng đã bắt đầu những chặng đường mới trong hành trình số phận của mình. Có thể kể ra một số cột mốc sau:

Việt Nam văn học sử trích yếu của Nghiêm Toàn (1949). Tiêu chí phân loại của công trình này dựa vào ngôn ngữ và thể loại văn học. Nguyễn Đình Chiểu được xếp vào mục “Thi ca có liên lạc mật thiết với thời cục” và mục “Trường thiên tiểu thuyết” thuộc phần thứ ba: “Văn học vừa bình dân vừa bác học chữ Nôm và chữ Quốc ngữ”. Lập trường của tác giả bộ sách thể hiện khá rõ trong lời “Tựa” - lần xuất bản thứ nhất.

Văn học sử Việt Nam hậu bán thế kỷ thứ XIX (1952) của Nguyễn Tường Phượng - Bùi Hữu Sùng, nằm trong dự định bộ sách 6 cuốn từ văn học trước thế kỷ 19 đến văn học hiện đại. Dù mang tên là một bộ văn học sử nhưng tác giả chỉ thừa nhận và trong thực tế đây chỉ là tài liệu giáo khoa bậc trung học lưu hành trong vùng tạm chiếm của Pháp ở các tỉnh phía Bắc giai đoạn 1945-1954. Các tác giả *Văn học sử Việt Nam hậu bán thế kỷ thứ XIX* đã ghi nhận Nguyễn Đình Chiểu ở hai khuynh hướng văn chương đạo lý và văn chương thời thế. Phải thừa nhận rằng cách phân chia giai đoạn và khuynh hướng văn học này không có gì mới so với những người đi trước như Dương Quảng Hàm, Nghiêm Toàn nhưng cái mới ở công trình này là lần đầu tiên ngoài *Lục Vân Tiên*, các tác phẩm như *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, thơ và văn tế như *Trung thần nghĩa sĩ*, *Điều lục tỉnh sĩ dân văn*, *Văn tế vong hồn mộ nghĩa*, *Văn tế Trương Định* đã được

đưa vào và bước đầu ghi nhận về mặt nội dung yêu nước. Điều đó cho thấy có sự khác biệt nhất định trong việc chú ý đến hay không chú ý đến một số sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu giữa Dương Quảng Hàm với Nghiêm Toàn, Nguyễn Tường Phượng - Bùi Hữu Sùng, tức giữa hai giai đoạn nghiên cứu lịch sử văn học trước và sau năm 1945.

Sau năm 1954, đất nước chia đôi với hai thể chế chính trị khác nhau, do vậy, việc nghiên cứu và giảng dạy Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường cũng theo hai hướng khác nhau. Miền Bắc ngay sau năm 1954 đã đưa tác giả và tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu vào giảng dạy từ bậc phổ thông đến đại học, bên cạnh đó giới nghiên cứu tập trung vào việc sưu tầm và giới thiệu rộng rãi các giá trị nội dung cũng như nghệ thuật của bộ phận thơ ca yêu nước chống Pháp, sách giáo khoa các bậc học phổ thông cũng như các giáo trình văn học sử của các trường đại học tổng hợp và đại học sư phạm đã thể hiện khá rõ điều này. Lịch sử tiếp nhận các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu đến đây đã chuyển sang một giai đoạn mới với việc tiếp thu và vận dụng những yêu cầu của một phương pháp biên soạn lịch sử văn học mới đặt trên cơ sở của những nguyên lý lý luận văn học mác-xít, đồng thời cũng cho thấy có sự đáp ứng những đòi hỏi của công tác chính trị - tư tưởng của cuộc cách mạng ở miền Bắc và cuộc đấu tranh giải phóng ở miền Nam. Các kết quả nghiên cứu thời kỳ này đã tiếp tục và hoàn chỉnh một chân dung văn học Nguyễn Đình Chiểu ngày càng hiện rõ và hoàn thiện hơn. Tư tưởng nhân nghĩa nhân dân và lòng yêu nước thiết tha đau đáu của cụ Đồ đã tạo ra sự cảm thông và cộng hưởng giữa nội dung nhân văn của tác phẩm và ý hướng chung của thời đại. Và chính bối cảnh thời đại ấy đã tạo nên một mặt bằng văn hóa mới, một tầm đón

nhận khác trước, quy định ý nghĩa và tư tưởng các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu vốn tồn tại dưới dạng tiềm năng trở thành những giá trị trong mối quan hệ với thực tiễn đời sống, tiếp thêm sức mạnh tinh thần cho dân tộc vượt qua những chặng đường mới.

Tại miền Nam - Việt Nam trong khoảng thời gian từ 1954-1975, việc giảng dạy Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường được tiến hành trong định hướng và môi trường giáo dục có phần khác biệt so với miền Bắc. Ở miền Nam giai đoạn này không có sách giáo khoa thống nhất và duy nhất như miền Bắc mà mỗi người dạy tự chọn hoặc soạn sách trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục ban hành. Có thể kể tên một vài cuốn sách giáo khoa được biên soạn trong giai đoạn này có đề cập đến Nguyễn Đình Chiểu như: Hà Như Chi trong *Việt Nam thi văn giảng luận* (1960). Bên cạnh đó là sách giáo khoa của các tác giả khác như: Nguyễn Duy Diễm - Bằng Phong (1960), *Nguyễn Đình Chiểu*; Bùi Giáng (1957), *Một vài nhận xét về Lục Vân Tiên - Chinh Phụ Ngâm - Quan Âm Thị Kính*; Bằng Phong (không ghi năm xuất bản), *Luận đề Lục Vân Tiên Nguyễn Đình Chiểu*,...

Như vậy, có thể nhận thấy là từ sau ngày thống nhất đất nước, với sự sụp đổ của thể chế Việt Nam Cộng Hòa thì hệ thống học thuật ở đây cũng cùng chung số phận. Các bộ giáo trình lịch sử văn học Việt Nam của miền Bắc trước đây được tái bản, bổ sung và phổ biến trên phạm vi cả nước đã cho thấy sự thống nhất về phương pháp xã hội học mác-xít trong quá trình nghiên cứu lịch sử văn học. Từ các công trình này đã góp phần tạo nên và quy định một tầm đón nhận mới cho công chúng vào thời điểm những năm 1975-1986. Một đặc điểm khác cũng góp phần quy định tầm đón nhận này là các nhà văn học sử ở Việt Nam phần lớn là nhà

giáo nên các công trình do họ biên soạn bị quy định bởi mục đích và đối tượng giảng dạy - mà tiêu biểu và đầu tiên là Dương Quảng Hàm với *Việt Nam văn học sử yếu*. Nhưng cũng chính ở điểm này sức lan tỏa của các luận điểm và ý tưởng khoa học lại có cơ hội phổ biến hơn so với các bộ văn học sử thiên về hàn lâm phục vụ một số ít các nhà nghiên cứu.

2.1.2. Tác phẩm Lục Vân Tiên và thơ ca yêu nước chống Pháp của Nguyễn Đình Chiểu trong sự tiếp nhận ở bậc học phổ thông từ sau năm 1975

Quá trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu sau năm 1975 đến nay có sự thuận lợi hơn so với trước, việc tiếp cận tư liệu về nhà thơ cũng như sự trưởng thành và không ngừng lớn mạnh của đội ngũ các nhà khoa học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Trong đó phương pháp liên ngành được áp dụng và mang lại những thành công nhất định đã tạo nên một mặt bằng mới cho các phương hướng tiếp cận di sản Nguyễn Đình Chiểu. Bối cảnh xã hội, có nhiều thay đổi cũng đã tác động nhiều đến tầm đón nhận của người đọc giai đoạn này.

Sau ngày thống nhất đất nước, việc giảng dạy và học tập môn văn với nhiều tên gọi khác nhau như Giảng văn, Văn, Văn học và Ngữ văn như hiện nay đều theo mô hình của miền Bắc trước đây. Từ sau cải cách giáo dục năm 1989, nhất là từ sau chương trình chỉnh lý - hợp nhất sách giáo khoa năm 2000, việc dạy và học môn Ngữ văn ở trường phổ thông có những chuyển biến đáng chú ý.

Nhìn tổng thể, phần văn học trung đại Việt Nam, trong đó có Nguyễn Đình Chiểu được phân bố như sau: Lớp 9: Bài 8. *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* (trích *Truyện Lục*

Vân Tiên), Đọc thêm *Kiều Nguyệt Nga đi cống giặc Ô Qua*; Bài 9. *Lục Vân Tiên gặp nạn*. Lớp 11: Bài 5. *Lẽ ghét thương* (trích *Truyện Lục Vân Tiên*), Đọc thêm *Chạy giặc*, Bài 6. *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*.

Ở bậc học trung học cơ sở, tác gia Nguyễn Đình Chiểu được phân bố ở sách giáo khoa lớp 9, tập một, bài số 8 và 9. Bậc học này, học sinh chỉ học các đoạn trích của truyện *Lục Vân Tiên*, cụ thể là Bài 8. *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* (trích *Truyện Lục Vân Tiên*) từ câu 123-180; Đọc thêm *Kiều Nguyệt Nga đi cống giặc Ô Qua*, từ câu 1485-1500 và Bài 9. *Lục Vân Tiên gặp nạn*, từ câu 937-976, các đoạn này thuộc về đoạn I, II và III của tác phẩm theo cách phân đoạn của các soạn giả *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*, tập I, đây cũng chính là văn bản mà các tác giả sách giáo khoa sử dụng.

Bậc học trung học phổ thông, học sinh được học về Nguyễn Đình Chiểu ở lớp 11, gồm 2 bài: Bài 5. *Lẽ ghét thương* (trích *Truyện Lục Vân Tiên*), Đọc thêm *Chạy giặc*; Bài 6. *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*. Như vậy, ngoài tác phẩm tiêu biểu *Lục Vân Tiên*, ở bậc học này, học sinh được tiếp cận với một bộ phận thơ văn khác của Nguyễn Đình Chiểu, thơ văn yêu nước chống Pháp.

Như vậy, trong chương trình ngữ văn có sự thay đổi lớn, sách giáo khoa văn giai đoạn trước chú trọng đến mạch văn học sử, sách giáo khoa mới lại chú ý đến bình diện thể loại. Vị trí Nguyễn Đình Chiểu được xếp như một tác gia tổng kết một thời kỳ văn học^[1]. Để có một cái nhìn tương đối về tình hình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường phổ thông hiện nay, chúng tôi tiến hành điều tra qua phiếu - bảng hỏi, tại hai miền Nam - Bắc, cụ thể tại Hà Nội, Thành

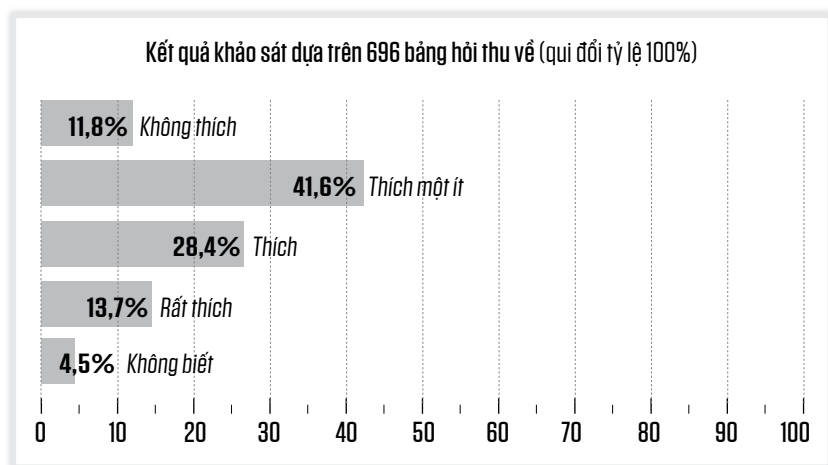
[1]. Vũ Thanh Hòa (2012), *tlđđ*.

phố Hồ Chí Minh, Bến Tre. Số phiếu được phát ra là 703 phiếu, thu về 703, số phiếu sử dụng được là 702 phiếu, 1 phiếu bị loại vì không hợp lệ.

Khối trung học cơ sở, lớp 9 là 172 phiếu, chiếm 24,5%, khối trung học phổ thông, lớp 11 là 530 phiếu, chiếm 75,5%. Trong tổng số hơn 700 phiếu được sử dụng cho cả hai khối lớp 9 và 11, kết quả cho thấy theo tiêu chí giới tính thì nam chiếm 287 phiếu 41%, nữ chiếm 411 phiếu 59%. Số lượng phiếu và học sinh ở thành phố là 600 và tỉnh (nông thôn) là 102. Số phiếu trên được sử dụng tại 6 trường học sau: cấp trung học cơ sở gồm 2 trường: Lê Quý Đôn (đường Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, TP. Hồ Chí Minh) và Tân Xuân (ấp 3, xã Tân Xuân, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre); cấp trung học phổ thông gồm 4 trường: Lê Quý Đôn (quận Đống Đa, TP. Hà Nội), Nam Kỳ Khởi Nghĩa (đường Nguyễn Thị Nhỏ, phường 16, quận 11, TP. Hồ Chí Minh), Trương Định (quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội), Sương Nguyệt Anh (ấp 3, xã Phú Ngãi, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre). Bảng hỏi gồm 20 câu, trong đó khối trung học cơ sở là 17 câu đầu, ngoài 17 câu chung thì từ câu 18-20 là dành riêng cho đối tượng trung học phổ thông. Đối tượng khảo sát là học sinh phổ thông nên chúng tôi chủ yếu sử dụng câu hỏi đóng, chỉ sử dụng 1 câu hỏi mở (câu 17), dùng chung cho cả hai khối. Tiêu chí để phân tích đánh giá dựa vào cấp (lớp) học và học lực, nơi sinh và tỉnh, ngoài ra còn có các tiêu chí khác như giới tính, nghề nghiệp của bố mẹ.

Sau đây chúng tôi lần lượt phân tích theo thứ tự các câu hỏi trong phiếu khảo sát.

Câu 1. Ý kiến, mức độ thích về các nhà văn được học trong nhà trường?



Với câu hỏi 1 (xem thêm Phụ lục 3), mức độ từ *không thích*, *thích một ít* đến *thích*, *rất thích* và *không biết* đối với các nhà văn đã được học trong nhà trường như: Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Chí Minh, Huy Cận, Thạch Lam, Nguyễn Tuân, Nam Cao, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Khoa Điềm, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Quang Sáng, Nguyễn Thành Long. Kết quả khảo sát bước đầu cho thấy có 82 ý kiến *không thích* Nguyễn Đình Chiểu, chiếm 11,8%, 289 ý kiến *thích một ít* chiếm 41,6%, 197 ý kiến *thích* chiếm 28,4%, *rất thích* là 95 ý kiến chiếm 13,7%, *không biết* là 31 ý kiến chiếm 4,5%. Trong 5 bậc thang đo mức độ mà chúng tôi đưa ra thì nhóm ý kiến cao nhất thuộc về nhóm 2 *thích một ít* gần 42% và *thích* chiếm hơn 28%.

Theo tiêu chí lớp thì trong 82 trường hợp *không thích* Nguyễn Đình Chiểu, lớp 9 có 9 trường hợp chiếm 5,2%, lớp 11 có 73 trường hợp chiếm 14%; theo tiêu chí học lực thì số trường hợp có học lực giỏi vẫn có 10 ý kiến chiếm 9,5%

không thích và xuất sắc là 1 trường hợp chiếm 12,5%.

Có 31/694, chiếm 4,5% *không biết* Nguyễn Đình Chiểu, không có trường hợp nào trong số này có học lực giỏi. Trong số những ý kiến cho biết *không thích* Nguyễn Đình Chiểu thì không có trường hợp nào của tỉnh Bến Tre, trường hợp này cho thấy, đến tại thời điểm này trong lòng người dân nơi ông sống những năm tháng cuối đời và mất ở đó vẫn dành cho ông sự yêu thích và những tình cảm trân trọng nhất.

Câu 2. Nguyễn Đình Chiểu thuộc về giai đoạn văn học nào?

	Số lượng	Tỷ lệ %
Văn học Việt Nam trước thế kỷ X	18	2,6%
Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII	31	4,5%
Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX	147	21,4%
Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX	467	68,1%
Văn học Việt Nam thế kỷ XX	23	3,4%
Tổng cộng:	686	100%

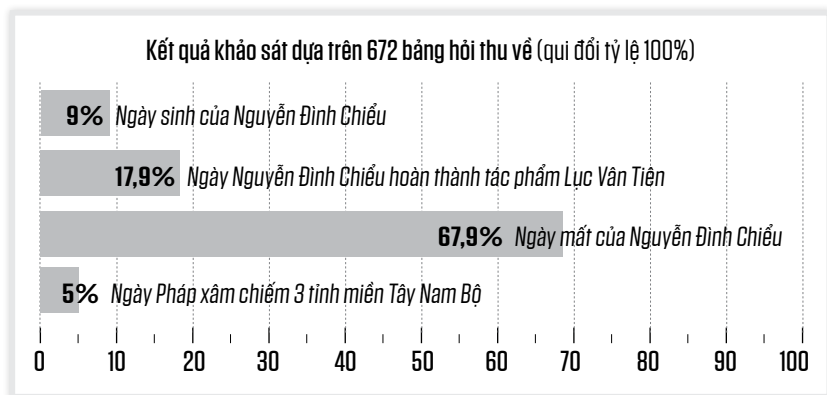
Bảng trên cho thấy có 467 trường hợp trả lời chính xác với đáp án *Nguyễn Đình Chiểu thuộc về giai đoạn văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX*, trong đó lớp 9 là 101/165 chiếm 61,2%, lớp 11 là 365/520 chiếm 70,2%. Theo tiêu chí địa phương nơi người trả lời đang sinh sống thì Bến Tre là 65/98 chiếm 66,3%, Hà Nội là 218/276 chiếm 79%, Thành phố Hồ Chí Minh là 184/312 chiếm 59%. Điều này cho thấy tri thức về văn học sử qua trường hợp tác giả Nguyễn Đình

Chiều thì học sinh miền Bắc nắm vững hơn so với miền Nam.

Câu 3. Nơi sinh của Nguyễn Đình Chiểu?

Về nơi sinh của Nguyễn Đình Chiểu có 395/686 chiếm 57,6% ý kiến trả lời chính xác, trong đó lớp 9 là 84/165 chiếm 50,9%, lớp 11 là 311/520 chiếm 59,8%, số ý kiến trả lời đúng câu này tăng dần theo lớp và học lực. Tuy nhiên vẫn có 33,3% học sinh lớp 9 và 26,9% học sinh lớp 11 trả lời nơi sinh Nguyễn Đình Chiểu là Bến Tre. Theo suy nghĩ của chúng tôi, trong thực tế giảng dạy, để tránh nhầm lẫn này, giáo viên cần khắc sâu cho học sinh về nơi sinh của cụ Đồ là Sài Gòn - Gia Định và nơi mất Bến Tre cho học sinh nắm vững.

Câu 4. Ngày 3 tháng 7 năm 1888 có liên quan gì đến Nguyễn Đình Chiểu?



Ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu có 456/672 chiếm 67,9% trả lời đúng, trong đó lớp 9 chiếm 71,3%, lớp 11 chiếm 66,7%, cả hai câu 3 và 4 đều thuộc về các tri thức văn

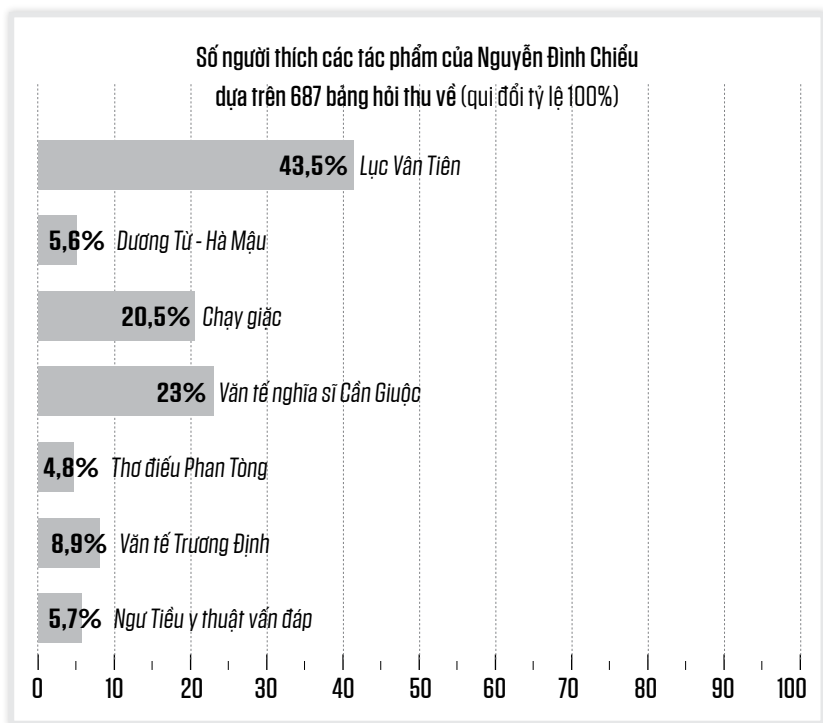
học sử cho nên số người trả lời đúng tỉ lệ thuận với học lực, các tiêu chí còn lại như giới tính, nơi sinh đều tương đương nhau ở mức trung bình. Trong số 301 người ở Thành phố Hồ Chí Minh trả lời câu hỏi này chỉ có 153 chiếm 50,8 % trả lời đúng đáp án.

Câu 5. Số lần đọc các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu?
(xem thêm Phụ lục 3)

Trong nhà trường phổ thông hiện nay, với tác giả Nguyễn Đình Chiểu, tác phẩm được đọc nhiều nhất là *Lục Vân Tiên*, vì *Lục Vân Tiên* là tác phẩm tiêu biểu nhất và cũng là tác phẩm duy nhất của Nguyễn Đình Chiểu được dạy ở bậc trung học cơ sở, sau đó là đến *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* rồi mới đến *Chạy giặc*. Xét về mức độ khó tiếp nhận thì có lẽ văn tế khó đọc hơn thơ nhưng vì *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* là tác phẩm bắt buộc, chính khóa còn *Chạy giặc* chỉ là tác phẩm đọc thêm nên có thứ tự như trên là hợp lý. Các tác phẩm không được học trong chương trình của môn ngữ văn của bậc học phổ thông như *Dương Từ - Hà Mậu*, *Thơ điệu Phan Tông*, *Văn tế Trương Định*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* đều nhận được câu trả lời chưa đọc và số này chiếm từ 80 đến hơn 90%.

Câu 6. Mức độ thích các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu?

Tương ứng với câu 5, trả lời câu hỏi về mức độ thích các tác phẩm *Lục Vân Tiên*, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Chạy giặc*, *Dương Từ - Hà Mậu*, *Thơ điệu Phan Tông*, *Văn tế Trương Định*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, đa số các ý kiến trả lời vào nhóm *thích một ít*, *thích* và *rất thích* với 3 tác phẩm đầu vì được học và đọc trong sách giáo khoa, các tác phẩm



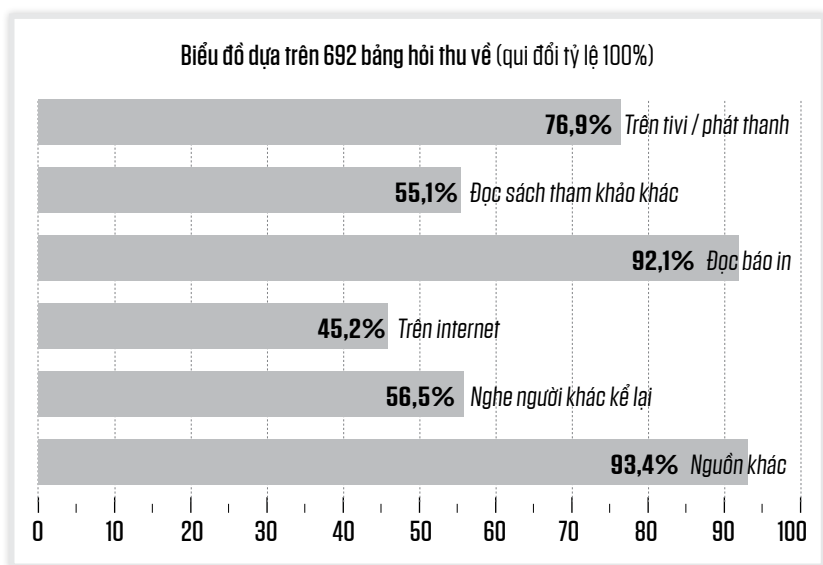
khác của Nguyễn Đình Chiểu đều nhận được câu trả lời là *không biết*, chiếm hơn 60% số ý kiến được hỏi.

Câu 7. Hiểu biết về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu?

Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu được ghi nhận sâu đậm nhất là 3 lần *chạy giặc* chiếm 77,7% số câu trả lời, kế tiếp là *bị mù từ nhỏ* chiếm 69,4% và *đỗ tú tài năm 21 tuổi* chiếm 63,8%, sau đó mới đến các đặc điểm khác như: *sáng tác tác phẩm Lục Vân Tiên trước khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta*, ông là *nhà thơ yêu nước*, *lá cờ đầu của văn học yêu nước cuối thế kỷ XIX*, ông còn là *nhà giáo - thầy thuốc*. Thấp nhất là chi tiết *một người con rất có hiếu với mẹ*: 17,7%.

Có thể lý giải về các số liệu trên từ các lý do, trong đời sống hàng ngày cũng như trên các phương tiện truyền thông đại chúng, nói đến Nguyễn Đình Chiểu là nói đến nhà thơ mù yêu nước; một lý do khác là đối tượng khảo sát và cũng là đối tượng tiếp nhận ở đây khá thuần nhất về độ tuổi và trình độ cũng như chịu sự tác động mạnh, nếu không nói là quyết định của sách giáo khoa và nhà trường nói chung trong định hướng tiếp nhận về tác giả Nguyễn Đình Chiểu.

Câu 8. Kênh thông tin về tác giả và tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu?



Trong các kênh thông tin về Nguyễn Đình Chiểu thì nhận được câu trả lời nhiều nhất là mục *nguồn khác* 93,4% nhưng người được khảo sát không ghi rõ là nguồn nào nên chúng tôi không xử lý được, kế tiếp là *đọc báo in* 92,1%, tìm

hiếu *trên tivi/phát thanh* 76,9%,... kênh thông tin về Nguyễn Đình Chiểu *trên internet* chỉ chiếm 45,2%. Ở kênh thông tin này không có sự khác biệt lớn về giới tính, vùng miền cũng như cấp học. Điều này phản ánh một phần thực trạng đọc văn trên internet hiện nay của đối tượng học sinh phổ thông. Ở những câu sau chúng tôi sẽ lý giải sâu hơn về vấn đề này.

Câu 9. Thu nhận được những điều gì sau khi học về Nguyễn Đình Chiểu?

Thu nhận của người học sau khi được học về Nguyễn Đình Chiểu là *lời nói đi đôi với việc làm* có 50,5 ý kiến trả lời chiếm 82,1%, sau đó là đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* thể hiện khát vọng của tác giả khắc họa những phẩm chất tốt đẹp của Lục Vân Tiên - Kiều Nguyệt Nga chiếm 50,1%, kế đó mới là Nguyễn Đình Chiểu là *lá cờ đầu của thơ văn chống Pháp nửa cuối thế kỷ XIX* chiếm 40,5%. Điều này cho thấy khi tiếp nhận tác giả Nguyễn Đình Chiểu học sinh phổ thông thường nghiêng về những nội dung tư tưởng của tác giả và tác phẩm hơn là những tri thức văn học sử hay những giá trị nghệ thuật.

Câu 10. Theo bạn thì giá trị nghệ thuật của tác phẩm Lục Vân Tiên là gì?

Trả lời câu hỏi về giá trị nghệ thuật của tác phẩm *Lục Vân Tiên*, 69,8% ý kiến trả lời là *giàu cảm xúc, khoáng đạt*, đây là kết quả cần đạt và cần ghi nhớ mà sách giáo khoa yêu cầu người dạy và học hướng đến. 55,2% là *lối thơ thiên về kể chuyện, kết hợp nhuần nhuyễn chất trữ tình và tính hiện thực*, 29,8% cho rằng đó là đặc trưng cơ bản của bút pháp trữ tình của nhà thơ: *lời thơ mộc mạc, chân chất*.

Trong 433 trường hợp trả lời đúng có 73,9% là nam, 67,4% là nữ, thành phố là 71,7%, tỉnh là 58,7%, trong đó khu vực Hà Nội có 89% trả lời đúng. Điều này một lần nữa cho thấy trong quá trình tiếp nhận học sinh ở các khu vực trung tâm phía Bắc có xu hướng thiên về những giá trị nghệ thuật hơn các khu vực khác.

Câu 11. Tuyển nhân vật chính nghĩa trong Lục Vân Tiên?

	Số lượng	Tỷ lệ %
Trịnh Hâm, Bùi Kiệm, Ông Quán	651	95,6%
Lục Vân Tiên, Tử Trục, Hớn Minh	40	5,9%
Võ Công, Thế Loan, con quan huyện	665	97,7%
Ông Ngư, ông Tiều, ông Quán	527	77,4%
Tổng cộng	681	276,5%

Từ số liệu của bảng trên cho thấy 2 đáp án đúng chỉ có 40 trường hợp chiếm 5,9% và 527 chiếm 77,4%, trong khi đó các đáp án khác lại nhận được hơn 95%. Một trong hai đáp án đúng là tuyển nhân vật chính nghĩa trong *Lục Vân Tiên* gồm Lục Vân Tiên, Tử Trục, Hớn Minh chỉ có một số ít trường hợp trả lời đúng, cho phép chúng tôi nghĩ đến khả năng sau: học sinh không đọc kỹ tác phẩm và câu hỏi, trong khi đó theo các tiêu chí như lớp, học lực, tỉnh, giới tính, không có gì bất thường.

Câu 12. Lục Vân Tiên là người như thế nào?

Trả lời câu hỏi này, các ý kiến thiên về khả năng các phẩm chất khác chiếm 97,9% trong khi định hướng của sách giáo khoa là hai phẩm chất *tài ba, dũng cảm, trọng nghĩa khinh tài* chỉ nhận được chưa đến 30% câu trả lời. Từ

thực tế này cho phép chúng tôi nghĩ đến chuyện nhận thức của học sinh hiện nay về mẫu người điển hình như Lục Vân Tiên đang có thay đổi do những tác động của bối cảnh xã hội hiện nay. Khi sự vô cảm ngày càng lan rộng ở một bộ phận không nhỏ trong xã hội thì phẩm chất *giữa đường thấy chuyện bất bình chẳng tha* chỉ nhận được sự thờ ơ, thậm chí còn cho đó là chuyện bao đồng. Vì vậy, việc tái định hướng đúng đắn về những phẩm chất tốt đẹp của nhân vật Lục Vân Tiên trở nên cần thiết hơn bao giờ hết.

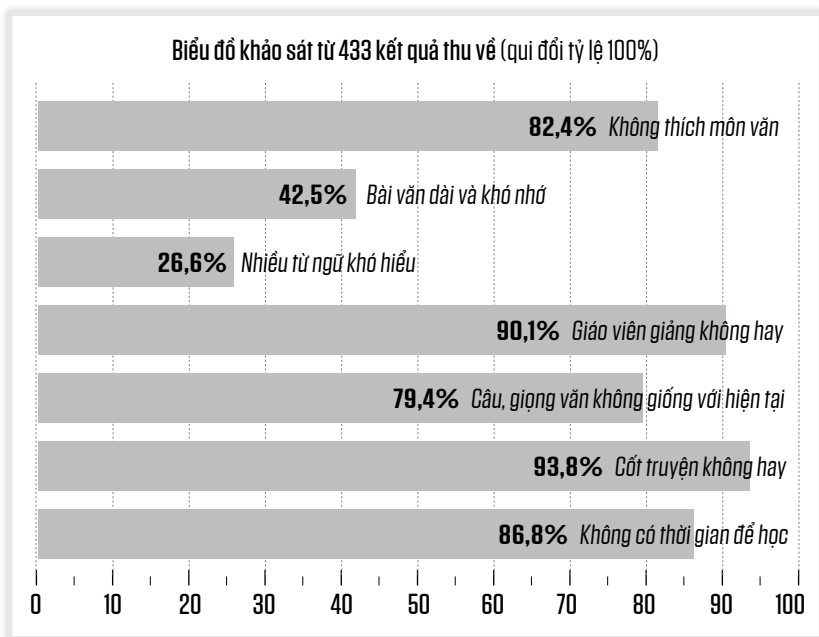
Câu 13. Lý do thích tác phẩm Lục Vân Tiên?

Với câu hỏi này, điều bất ngờ là có đến 508 trường hợp, chiếm 78,4% số người trả lời cho lý do trong dân gian thích *Lục Vân Tiên* vì ca ngợi phong trào chống Pháp, đây không phải là đáp án đúng vì tác phẩm này được Nguyễn Đình Chiểu sáng tác trước khi Pháp xâm lược nước ta. Lý do trong dân gian thích *Lục Vân Tiên* vì nội dung câu chuyện chỉ nhận được 156 ý kiến, chiếm 24,1% là do người trả lời chưa có điều kiện đọc (kỹ) toàn văn tác phẩm, dù toàn bộ chương trình ngữ văn phổ thông có đến 4 đoạn trích và cũng có tóm tắt nội dung tác phẩm ở sách giáo khoa *Ngữ văn 9*. Đây là lý do rất khó khắc phục trong tình hình hiện nay.

Câu 14. Bạn gặp khó khăn gì trong việc học tác giả Nguyễn Đình Chiểu?

		Số lượng	Tỷ lệ %
	Có	426	61,7%
	Không	264	38,3%
Tổng cộng		690	100%

Câu 15. Những khó khăn khi học tác giả Nguyễn Đình Chiểu?



Số ý kiến cho biết có gặp khó khăn khi học về Nguyễn Đình Chiểu chiếm 2/3 số người được hỏi, trong đó đầu tiên và nhiều nhất là do cốt truyện không hay, kế đó là giáo viên giảng không hay, hai nguyên nhân khác là không có thời gian để học văn và không thích môn văn là tương đương nhau, trong khi đó lý do nhiều từ khó hiểu chỉ có 115 trường hợp chiếm 26,6%. Điều này cho thấy vai trò của giáo viên giảng dạy tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường là rất quan trọng.

*Câu 16. Nguyễn Đình Chiểu ảnh hưởng đến bạn điều gì?
Ảnh hưởng từ các tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu đến*

học sinh cho thấy có đến 565 ý kiến, chiếm 86,8% trường hợp trả lời là yêu thích môn văn học, các khả năng tác động như tinh thần *trọng nghĩa khinh tài* chỉ có 33,6%, *giữa đường thấy chuyện bất bình chẳng tha* là 64,4%, và cả *khơi gợi giáo dục tinh thần yêu nước* chỉ có 34,7% số người trả lời chọn câu này. Giữa các tiêu chí đưa ra để phân tích biện luận như giới tính, học lực, lớp, nơi gia đình cư trú đều phản ánh bình thường. Nếu các số liệu mà chúng tôi khảo sát và thống kê trên là đúng thì đây là một kết quả bất ngờ so với những dự định ban đầu mà cũng là mục đích mà các nhà làm sách giáo khoa hướng đến là *tinh thần yêu nước* và phẩm chất *trọng nghĩa khinh tài*.

Câu 17. Ý kiến cá nhân về việc dạy môn văn trong nhà trường hiện nay?

Đây là câu hỏi mở duy nhất mà chúng tôi sử dụng trong phiếu khảo sát dành cho đối tượng là học sinh phổ thông, và cũng là câu hỏi thuộc dạng định tính nên cách xử lý, biện luận và trình bày có khác so với các câu hỏi mang tính định lượng trong phiếu khảo sát này. Trong 700 ý kiến mà chúng tôi nhận được khi trả lời câu này, có nhiều ý kiến trả lời trùng với câu 15 như bài văn dài, khó nhớ, nhiều từ ngữ khó hiểu. Có những ý kiến cho rằng sách giáo khoa không hấp dẫn, lời cuốn, giáo viên dạy không hay, phụ thuộc vào giáo án gây nhàm chán, không có sự liên hệ mở rộng. Luồng ý kiến cho rằng nên sử dụng máy chiếu cho bài giảng sinh động hơn đa phần thuộc về khu vực thành phố. Nhóm các ý kiến cho rằng tạm ổn, bình thường hay không có ý kiến gì chỉ chiếm chưa tới 5% số người trả lời câu hỏi này. Còn lại là các ý kiến khẳng định sự cần thiết của việc học văn, giáo viên dạy nhiệt tình dễ hiểu. Trong 700 ý kiến mà chúng tôi

khảo sát không có ý kiến nào cho biết về sự thú vị khi học và đọc văn (xem thêm Phụ lục 4).

Câu 18. Giá trị nghệ thuật của Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc là gì?

Câu trả lời được chọn nhiều nhất là *bút pháp trữ tình đạo đức* chiếm 79,5%, sau đó mới là *ngôn ngữ trong sáng bình dị và lối thơ thiên về kể chuyện, kết hợp nhuần nhuyễn chất trữ tình và tính hiện thực*. Tương tự như câu 10, số ý kiến trả lời chính xác câu này tập trung hơn 80% là khu vực thành phố, riêng Hà Nội số người trả lời chính xác lên đến gần 90%. Nhận định về kết quả này của chúng tôi là tương tự như đã viết ở câu 10 về giá trị nghệ thuật của *Lục Vân Tiên*. Những câu trả lời cho câu hỏi có tính chất gợi ý chung chung như phẩm chất khác, nguồn khác, giá trị khác, lý do khác... bao giờ cũng nhận được số phiếu trả lời cao nhất vì dễ nhất. Nó là lối thoát cho sự bí câu trả lời của người được khảo sát. Để khắc phục tình trạng trên chúng tôi tán thành ý kiến: “*Dạy Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu ở trung học không phải là làm một bài thuyết giảng vô hồn về những điển cố, mà phải làm cho học sinh cảm được thần thái của một bài văn đọc giữa khói hương để hiệp thông với linh hồn những người đã hy sinh vì nghĩa cả. Đó là một nghệ thuật”^[1].

Để giúp học sinh hiểu được tác phẩm này, tác giả Lại Thị Thương đề xuất: “Tiếp cận hệ thống theo hướng văn hóa trong dạy học bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* là cách tiếp cận một mặt dựa trên đặc trưng thể loại của bài văn tế, một mặt

[1]. Huỳnh Như Phương (2014), “Đọc văn để làm người”, nguồn <http://vanvn.net/news/11/5096-doc-van-de-lam-nguoi.html> (truy cập ngày 15/2/2016).

đặt văn hóa vào môi trường mà nó ra đời, kết hợp với các phương pháp, biện pháp cụ thể sẽ giúp việc dạy và học đạt hiệu quả cao”^[1].

Câu 19. Hình tượng người nông dân trong “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” hiện lên như thế nào?

Khảo sát cho kết quả từ 513 bảng hỏi thu về (qui đổi tỷ lệ 100%)

	Số lượng	Tỷ lệ %
Bình thường	8	1,6%
Vĩ đại	22	4,3%
Là bức tượng đài bất tử về người nông dân đã chiến đấu dũng cảm hy sinh vì Tổ quốc, tương xứng với phẩm chất vốn có ngoài đời và trong lịch sử	451	87,9%
Khúc ca về người nông dân cứu nước	18	3,5%
Không có ý kiến	14	2,7%

Với câu hỏi này sự trả lời của học sinh tương đối thuần nhất không có sự khác biệt về giới tính, khu vực nông thôn hay thành phố và học lực như các câu hỏi khác. Số lượng học sinh phía Bắc mà cụ thể là Hà Nội trả lời đúng câu hỏi này lên đến 91,7% so với 86% của Thành phố Hồ Chí Minh và 75% của Bến Tre.

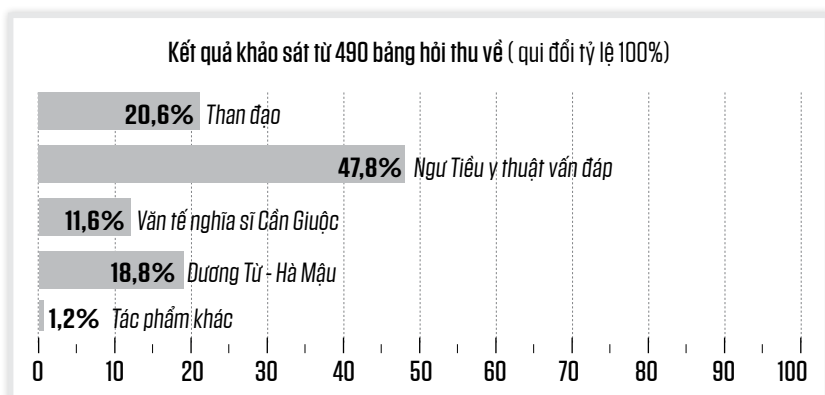
Câu 20. Câu thơ sau thuộc tác phẩm nào?

“Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm

Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà!”

Đối với câu thơ này có đến 2 đáp án đúng, sách giáo khoa *Ngữ văn 11*, trang 57 bản in năm 2012 ghi rõ là *Dương Tử - Hà Mậu*, nhưng trong một số tài liệu nghiên cứu khác

[1]. Lại Thị Thương (2010), *tlđđ*, tr.9.



lại ghi là *Than đạo*, thực ra cả hai đều đúng vì *Dương Tử - Hà Mậu* mới được công bố toàn văn vài thập niên gần đây, một số đoạn của tác phẩm này đã xuất hiện từ lâu và có tên là *Than đạo* nằm trong nhóm tác phẩm thường được định danh là thơ ca yêu nước chống Pháp, trong bài thơ này có 2 câu thơ đã dẫn trên đây. Như vậy, số trường hợp trả lời đúng câu này là 193 chiếm 39,4%. Có đến 234 trường hợp chiếm 47,8% cho rằng câu thơ trên thuộc tác phẩm *Ngụ Tiểu y thuật vấn đáp*. Các tiêu chí được đưa ra khảo sát như giới tính, tỉnh và học lực của trường hợp này đều bình thường, cho thấy đây là một thực tế cần ghi nhận và lưu ý điều chỉnh trong thực tế giảng dạy Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường phổ thông hiện nay.

Từ những gì đã trình bày, chúng tôi bước đầu đưa ra một số kết luận về tình hình thực tế tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường phổ thông hiện nay như sau:

Việc dạy và học về tác giả và tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường đã được tiến hành từ trước 1945, trải qua các thời kỳ thăng trầm nhà thơ vẫn được khẳng định là một tác gia của văn học yêu nước cuối thế kỷ 19.

Hiện nay chương trình sách giáo khoa - trong đó có

môn ngữ văn có nhiều thay đổi và trong tương lai gần sẽ còn nhiều thay đổi hơn nữa. Trong thực tế đó với những gì chúng tôi đã trình bày sơ lược qua 20 câu hỏi đã phản ánh phần nào về diện mạo và đặc điểm của việc tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu.

Lý giải nguyên nhân văn chương Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường chưa thu hút được người học, bên cạnh vai trò của người dạy thì nguyên nhân về phía người học là “... đọc chưa kỹ văn thơ Đỗ Chiểu, [...] mặt khác năng lực cảm thụ nghệ thuật của họ nói chung còn nghèo nàn, đơn điệu”^[1]. Ý kiến của Nguyễn Đình Chú đưa ra đã hơn 30 năm trước và cho đến nay, trong một chừng mực vẫn còn ý nghĩa thời sự nhất định.

Chúng tôi cũng đồng tình với ý kiến sau: “Tiếp nhận văn học trong nhà trường cần, rất cần quan tâm chú ý đến đối tượng tiếp nhận. Việc lựa chọn được một tác phẩm vừa có những giá trị to lớn về nội dung và nghệ thuật, vừa hợp lý với đối tượng tiếp nhận sẽ biến những giờ giảng văn không còn khô khan và nhàm chán, sẽ tạo điều kiện để những cảm xúc thăng hoa”^[2]. Về phía chương trình ngữ văn ở bậc học phổ thông đã tác động như thế nào đến người học trong quá trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu với tư cách một tác gia văn học trung đại, chúng tôi nhận thấy ý kiến sau đây có nhiều điểm khả thủ: “Chương trình ngữ văn (trung học) lâu nay do bị chi phối bởi logic của lịch sử văn học, gần đây chú trọng tiêu chí thể loại (trung học cơ sở), nên việc sắp xếp văn bản không chú ý nhiều đến tiêu chí quan trọng đó, vì vậy có tình trạng khá phổ biến là học sinh lớp

[1]. Nhiều tác giả (1982), *tlđđ*, tr.303.

[2]. Nguyễn Linh Chi (2014), “Văn học Anh ở trường phổ thông”, *Nghiên cứu Văn học*, (2), tr.140.

thấp hơn lại phải học những văn bản phức tạp hơn. Chẳng hạn các lớp trung học cơ sở phải học rất nhiều các văn bản trung đại, nội dung cách xa với cuộc sống hiện tại, ngôn ngữ phức tạp, trong khi đó thì các lớp trung học phổ thông thì có cơ hội học các văn bản hiện đại nhiều hơn. Có thể coi đó là biểu hiện của một chương trình giáo dục áp đặt kiểu truyền thống, vì logic của chương trình không căn cứ vào kinh nghiệm của người học mà hoàn toàn dựa vào một cái gì đó bên ngoài”^[1].

Và ý kiến sau đây của Nguyễn Phước Hoàng trong luận án tiến sĩ với đề tài: *Dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu dưới góc nhìn văn hóa Nam Bộ*, là một ý kiến đáng lưu ý: “Chất lượng dạy thơ văn Nguyễn Đình Chiểu ở trường trung học phổ thông chưa cao là do thiếu phương pháp tiếp cận hợp lý. Bên cạnh đó, giáo viên chưa được định hướng rõ ràng về việc dạy thơ văn Nguyễn Đình Chiểu dưới góc nhìn văn hóa Nam Bộ. Do đó, nếu tiếp cận tác phẩm văn thơ Nguyễn Đình Chiểu từ góc nhìn văn hóa Nam Bộ thì sẽ xác định được đúng hướng, khai thác phù hợp với thực tiễn dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường phổ thông theo hướng đổi mới, nhằm tạo nên những sắc màu riêng biệt đối với việc cảm nhận các sáng tác của ông, đồng thời nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu”^[2].

Những thuận lợi và khó khăn đã kể trên cũng như những lý giải của người viết về hiện tượng này dưới góc nhìn của lý thuyết tiếp nhận hy vọng sẽ góp phần nào vào

[1]. Bùi Mạnh Hùng (2013), “Chuẩn chương trình cốt lõi của Mỹ và một số liên hệ với việc đổi mới chương trình Ngữ văn ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học*, Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, (45), tr.49.

[2]. Nguyễn Phước Hoàng (2016), *tlđđ*, tr.16-17.

việc khắc phục những khó khăn trong quá trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu ở nhà trường phổ thông hiện nay, dù chỉ là bước đầu.

2.2. CUỘC ĐỜI VÀ SÁNG TÁC CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG SỰ TIẾP NHẬN Ở BẬC HỌC ĐẠI HỌC

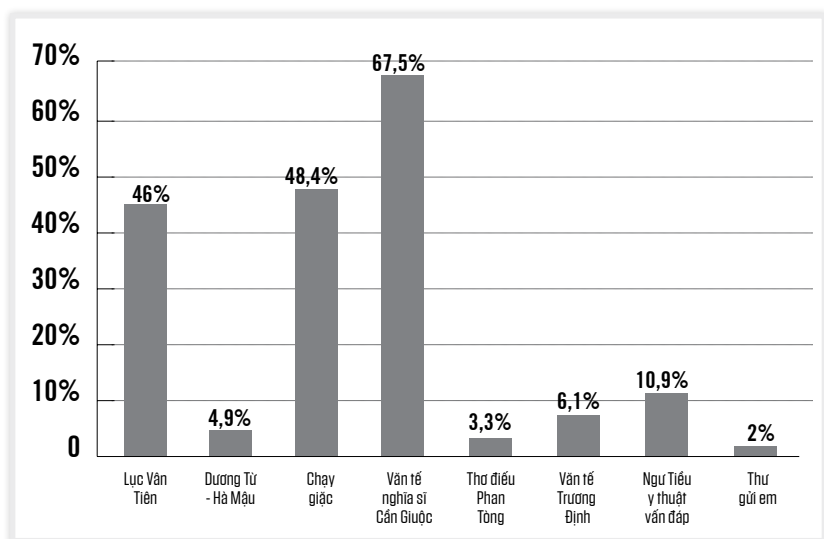
Cách thức tiến hành thu thập và xử lý thông tin thuộc nhóm sinh viên ở bậc học đại học, tương tự như nhóm học sinh phổ thông. Số phiếu phát ra là 260, thu về 260 nhưng chỉ sử dụng được 248 phiếu vì 12 phiếu không hợp lệ do người được hỏi không điền đủ những thông tin cần thiết. Địa điểm và đối tượng khảo sát chủ yếu là sinh viên Khoa Ngữ văn - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và sinh viên Khoa Văn học và Ngôn ngữ - Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh; ngoài ra chúng tôi cũng hướng đến sinh viên các trường, học viện khác như: Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Công nghiệp, Đại học Ngoại thương, Đại học Y dược và Học viện Báo chí tuyên truyền.

Trong đó, theo tiêu chí năm học thì năm 1 có 5 trường hợp chiếm 2%, năm 2 có 8 trường hợp chiếm 3,2%, năm 3 có 27 trường hợp chiếm 10,9%, năm 4 có 208 trường hợp chiếm 83,9%; về giới tính nam 33 trường hợp chiếm 13,7%, nữ 208 trường hợp chiếm 86,3%; về học lực, trung bình 72 trường hợp chiếm 30%, khá 132 trường hợp chiếm 54,8%, giỏi 31 trường hợp chiếm 12,9%, xuất sắc 6 trường hợp chiếm 2,5%; theo tiêu chí địa phương - khu vực cư trú thì thành phố có 73 trường hợp chiếm 29,6 %, tỉnh có 174 trường hợp chiếm 70,4%.

Câu 1: Cho biết ý kiến của bạn về các tác gia - tác giả sau đây? (xem thêm Phụ lục 5)

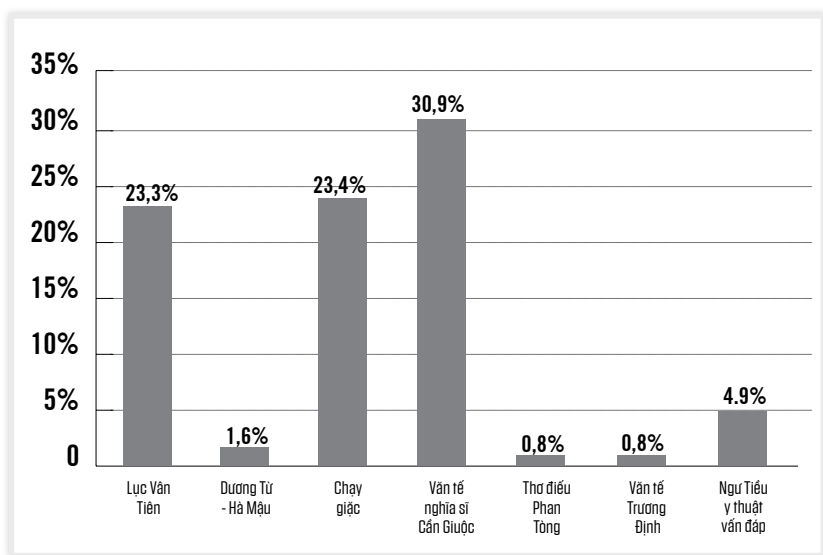
Có 20 trường hợp chiếm hơn 8% số người được hỏi trả lời *không thích* Nguyễn Đình Chiểu, không có trường hợp nào trả lời *không biết*, số trả lời *rất thích* là 33 trường hợp chiếm 13,5%, còn lại là *thích một ít* chiếm 28% và *thích* là hơn 50%. Theo chúng tôi nhận xét thì các con số trên phản ánh phần nào tình trạng tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu trong bậc học đại học hiện nay, với Nguyễn Du vẫn có 2% số người được hỏi trả lời *không thích*. So với các tác giả Nam Bộ khác thì Nguyễn Đình Chiểu là người đứng đầu bảng, có đến 43% số người được hỏi không biết Phan Văn Trị và 80% không biết Hoàng Quang là ai. Các chỉ số hồi báo này phản ánh trung thực việc một bộ phận các tác giả văn học trung đại Nam Bộ chưa được chú ý đúng mức cả trong một bộ phận lớn sinh viên ngành ngữ văn.

Câu 2: Về tác giả Nguyễn Đình Chiểu bạn đã đọc những tác phẩm nào? (xem thêm Phụ lục 5)



Việc đọc các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu ở bậc đại học cho thấy một bức tranh không mấy tươi sáng. Tác phẩm được đọc nhiều nhất vẫn là *Lục Vân Tiên*, nhưng số lần đọc nhiều nhất, từ 3 lần trở lên lại là *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*. Đây là điều không có gì khó hiểu vì bài văn tế này ngắn so với *Lục Vân Tiên* và có in toàn văn trong sách giáo khoa phổ thông. Không có gì bất thường qua câu hỏi này với các yếu tố như giới tính, năm học. Tuy nhiên có đến 85% số người được hỏi không biết đến bài *Thư gửi em*.

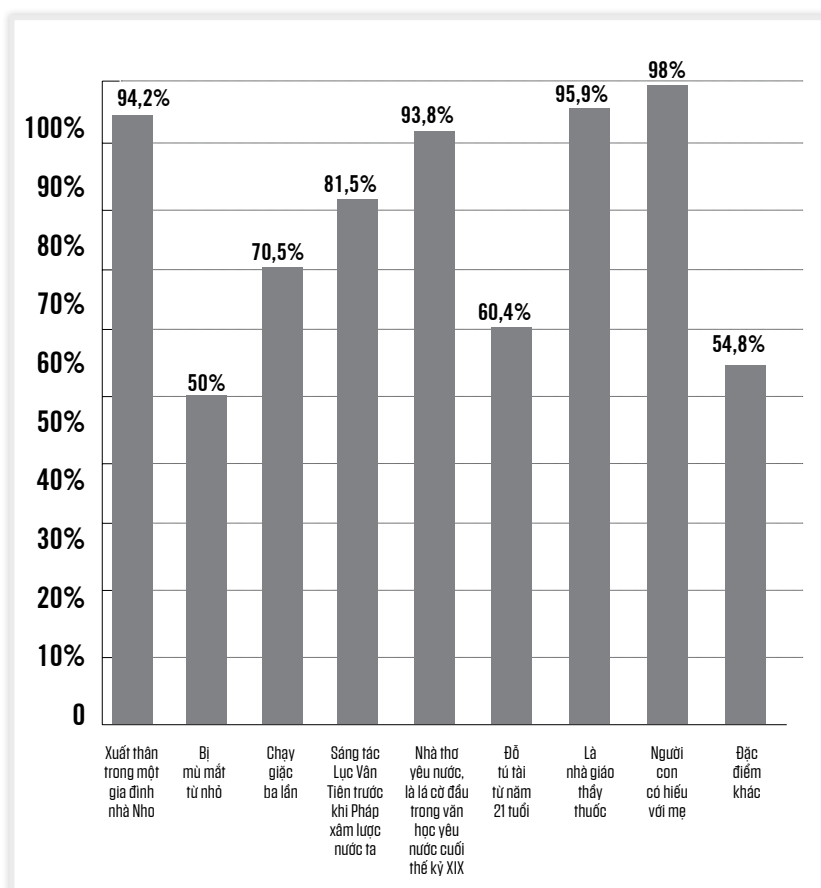
Câu 3: Bạn thích những tác phẩm nào của Nguyễn Đình Chiểu?



Các số liệu thể hiện trên bảng này cho thấy tương tự như câu 2, tác phẩm được thích nhất vẫn là *Lục Vân Tiên* rồi mới đến *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* và tiếp đó là bài *Chạy giặc* rồi sau đó mới là các tác phẩm khác của Nguyễn Đình

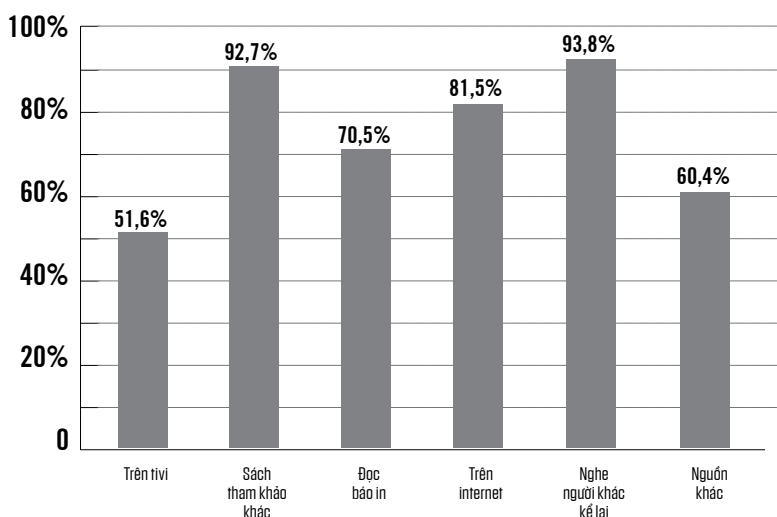
Chiều. Điều này cho thấy đã có một sự khác nhau nhưng không lớn lắm giữa khoảng cách thẩm mỹ và thị hiếu giữa học sinh phổ thông và sinh viên ngũ văn, tuy mức độ thích có tỷ lệ thuận giữa số năm học nhưng vẫn chưa tạo ra một khoảng cách nhất định. Đây là một thực trạng trong tiếp nhận văn học trung đại nói chung và Nguyễn Đình Chiểu nói riêng cần tính đến trong việc nghiên cứu và giảng dạy.

Câu 4: Bạn biết những điều gì sau đây về cuộc đời và sự nghiệp Nguyễn Đình Chiểu?



Câu trả lời cho thấy ấn tượng lớn nhất đối với sinh viên về Nguyễn Đình Chiểu là *người con có hiếu* chiếm 98% số người được hỏi, sau đó mới là *nhà nho - thầy thuốc* 96% và là *lá cờ đầu trong văn học yêu nước* 94%, điều đó cho thấy dù là ở bậc đại học ngành ngữ văn, đã học qua giáo trình văn học Việt Nam cuối thế kỷ 19 nhưng gây ấn tượng sâu đậm nhất của di sản Nguyễn Đình Chiểu với người học, người đọc vẫn là nhà nho trên bình diện đạo đức xã hội chứ không phải là Nguyễn Đình Chiểu nhà nghệ sĩ ngôn từ. Từ đặc điểm này cho thấy để thay đổi nhận thức, tâm lý tiếp nhận của một dạng bạn đọc có chọn lọc và được định hướng như đã mô tả trên đây là một quá trình.

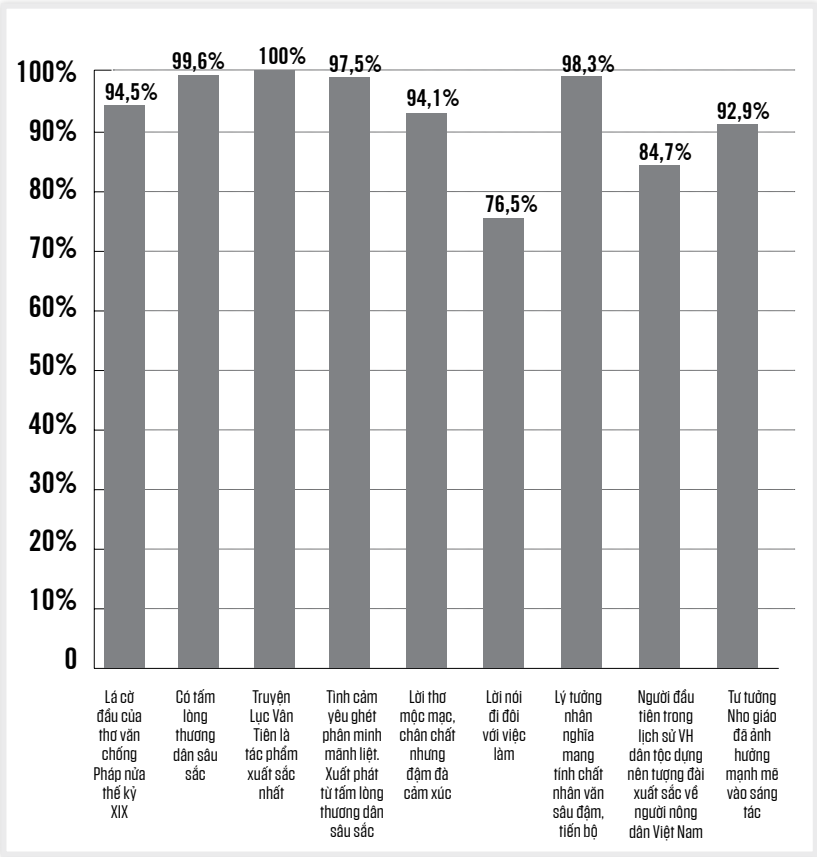
Câu 5: Ngoài việc học trong nhà trường bạn còn tìm hiểu về tác giả và tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu ở đâu?



Bảng trên cho thấy trong các kênh tiếp nhận về Nguyễn Đình Chiểu thì với một loại đối tượng tiếp nhận tương đối

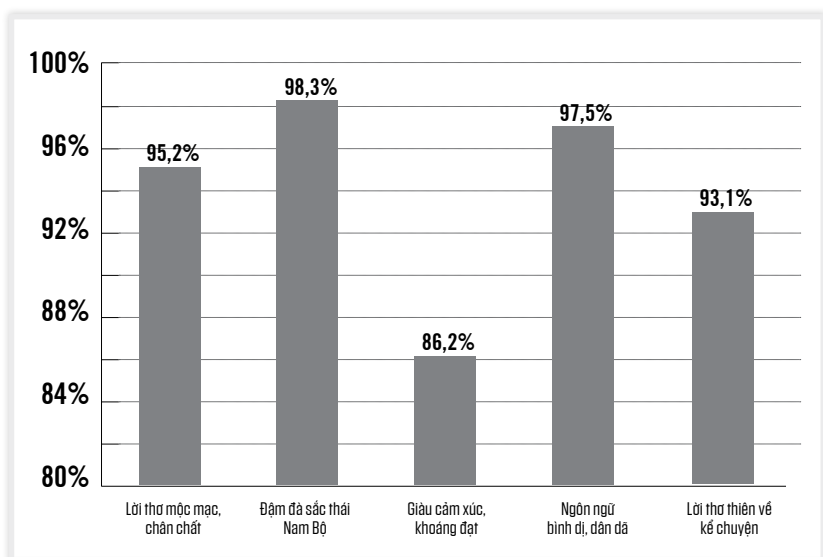
thuận nhất về độ tuổi như sinh viên thì bên cạnh sách in truyền thống là 93% thì kênh internet cũng chiếm 92%. Như vậy, so với các nhóm tiếp nhận khác thì nhóm này có ưu thế hơn trong việc mở rộng các nguồn tham khảo, sự hỗ trợ của công nghệ cao và các công cụ tìm kiếm phổ biến như hiện nay sẽ tạo ra một môi trường thuận lợi hơn cho quá trình tiếp cận các ý kiến khác nhau về di sản Nguyễn Đình Chiểu, từ đó tạo nền và cơ sở cho sự hình thành những cách đọc mới.

Câu 6: Sau khi học xong tác giả Nguyễn Đình Chiểu bạn thu nhận được những điều gì?



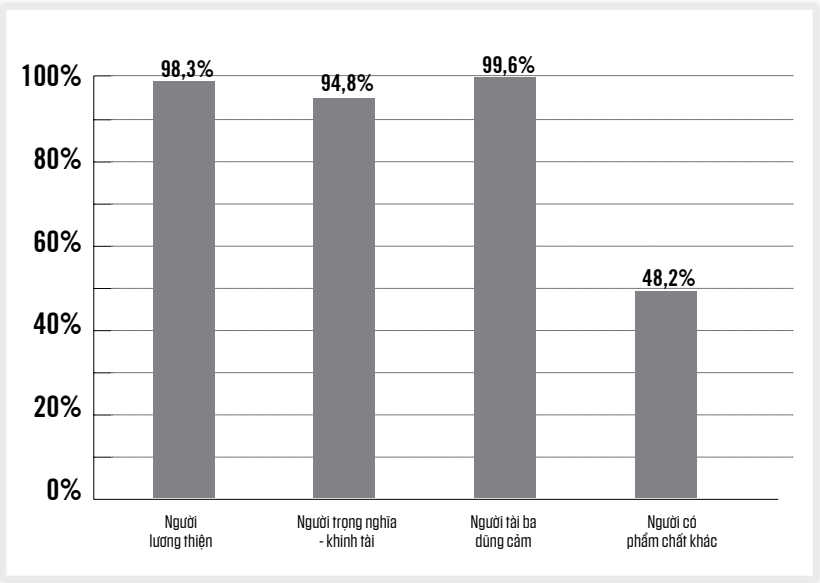
Câu hỏi học xong tác giả Nguyễn Đình Chiểu bạn thu nhận được những điều gì, một lần nữa cho phép tái khẳng định một định hướng tiếp nhận về nhà thơ là thiên về nội dung yêu nước hơn là các giá trị nghệ thuật. Điều đó thể hiện khá rõ khi nhận định Nguyễn Đình Chiểu là người có tấm lòng thương dân sâu sắc và truyện *Lục Vân Tiên* là tác phẩm xuất sắc nhất được lưu truyền trong nhân dân đã chiếm được sự quan tâm của 100% số người được hỏi.

Câu 7: Theo bạn thì giá trị nghệ thuật của tác phẩm Lục Vân Tiên là gì?



Giá trị nghệ thuật của tác phẩm *Lục Vân Tiên* được nhấn mạnh vào khả năng đậm sắc thái Nam Bộ chiếm 98% số người được hỏi, một lần nữa khẳng định ông là nhà thơ yêu nước số một, tiêu biểu nhất của Nam Bộ thời trung đại là hoàn toàn hợp lý và đúng đắn, ít nhất cho đến thời điểm này.

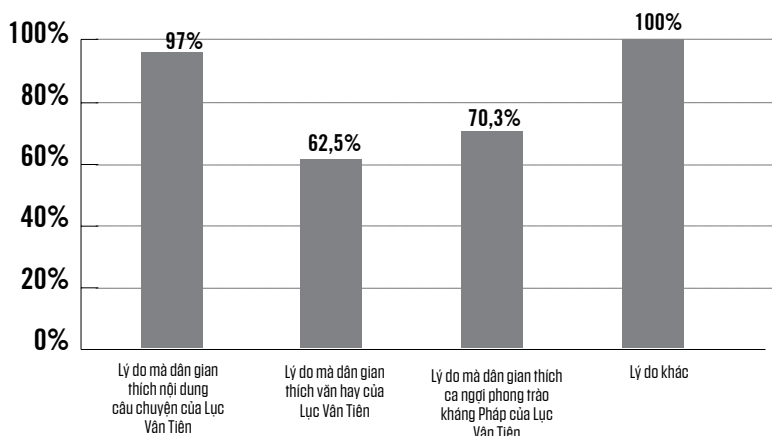
Câu 8: Bạn thấy nhân vật Lục Vân Tiên là một người như thế nào?



Từ bảng biểu của câu 8 cho thấy trong suy nghĩ của nhóm đối tượng sinh viên thì Lục Vân Tiên là người *tài ba dũng cảm* đã chiếm trọn 100% số người trả lời, tiếp đó là phẩm chất *người lương thiện* 98% và kế đó là phẩm chất *trọng nghĩa khinh tài* chiếm gần 95%. Những khả năng và số lượng như thế là bình thường và hoàn toàn đã được tính đến trong quá trình thiết kế bảng hỏi cũng như quá trình khảo sát điều tra.

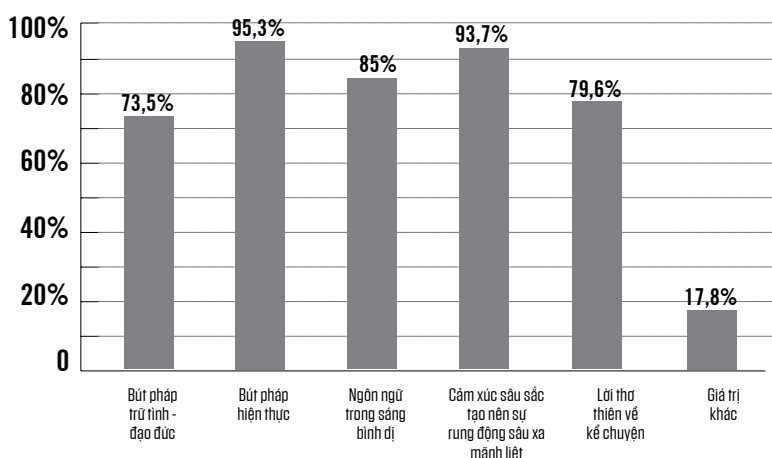
Câu 9: Trong dân gian, người ta thích Lục Vân Tiên vì lý do gì?

Câu trả lời cho thấy số người thích *Lục Vân Tiên* vì nội dung câu chuyện chiếm áp đảo so với lý do vì văn hay của tác phẩm này là 97% so với 62%. Có thể nói điều này như



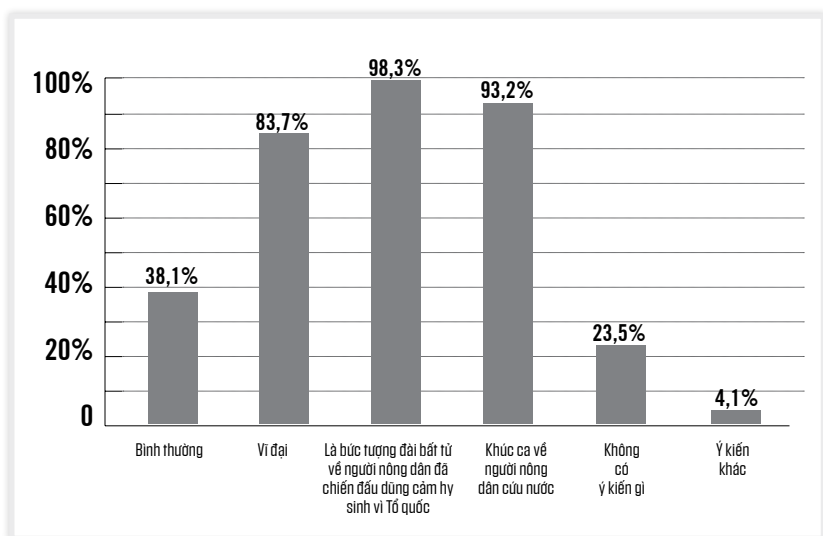
nhiều nhà nghiên cứu đã nhận định là truyện thơ này thiên về kể và tả những giá trị nội dung đạo đức, nên theo chúng tôi thì những con số đã nêu trên là hợp lý và có thể chấp nhận được.

Câu 10: Theo bạn thì giá trị nghệ thuật của tác phẩm “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” là gì?



Bút pháp hiện thực là giá trị nghệ thuật của *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* có hơn 95% số người được hỏi trả lời, sau đó là *cảm xúc sâu sắc tạo nên sự rung động sâu xa, mãnh liệt* gần 94%. Điều này phản ánh giá trị một thời của nghiên cứu văn học ở Việt Nam là đề cao thực tại, cái thực và chủ nghĩa hiện thực trong thẩm định về tác phẩm và tác giả, và đến nay qua trường hợp một tác phẩm cụ thể của Nguyễn Đình Chiểu cho thấy định hướng này vẫn còn hiện diện.

Câu 11: Theo bạn thì hình tượng người nông dân trong tác phẩm “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” hiện lên như thế nào?



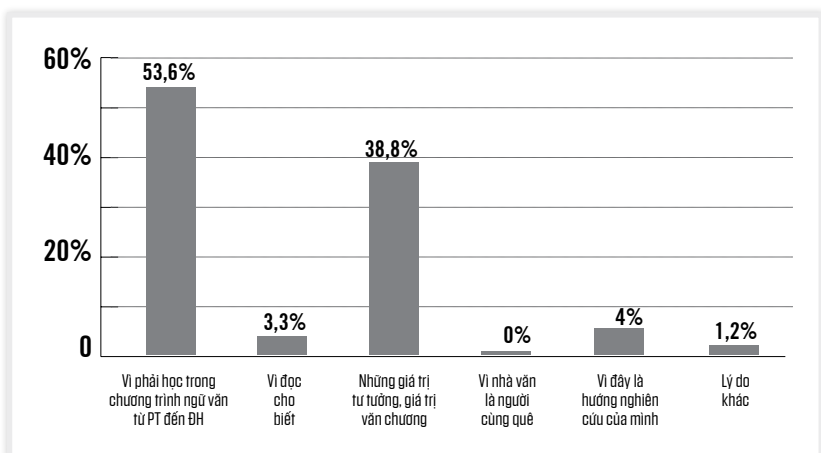
Hình tượng người nông dân trong tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* qua câu hỏi này được tiếp tục khẳng định với hơn 98% số người chọn đáp án là *bức tượng đài bất tử về người nông dân đã chiến đấu dũng cảm hy sinh vì Tổ quốc*, tương xứng với phẩm chất vốn có ngoài đời và trong lịch sử. Kết quả này là hiển nhiên vì đây là tác phẩm đã được tiếp

cận từ bậc học phổ thông và tái khẳng định trong các giáo trình về Nguyễn Đình Chiểu sau đó ở bậc đại học.

Câu 12: Theo bạn thì tư tưởng Nho giáo đã ảnh hưởng như thế nào vào sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu? (xem thêm Phụ lục 6)

Đây là câu hỏi định tính, nên câu trả lời phần lớn là khẳng định mức độ ảnh hưởng rất lớn. Các câu trả lời do bị khuôn bởi giới hạn nên cũng không thấy hiện diện những ý kiến mới có tính đột phá. Đa số ý kiến trả lời tập trung vào các tác phẩm tương đối phổ biến như *Lục Vân Tiên*, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*. Mối quan hệ và xung đột giữa Nho giáo và các tôn giáo khác trong *Dương Tử - Hà Mậu* cũng như *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* không được đề cập đến trong số phiếu mà chúng tôi thu được.

Câu 13: Bạn hãy cho biết lý do nào là quyết định đến việc tiếp cận các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu?

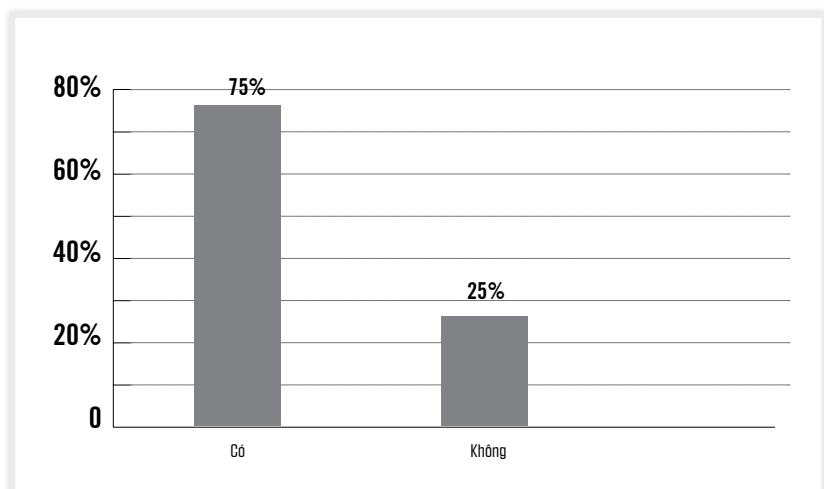


Lý do quyết định đến việc tiếp cận các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu là vì *phải học trong chương trình ngữ văn từ phổ thông đến đại học* chiếm gần 54%, trong khi đó lý do *những giá trị tư tưởng, giá trị văn chương* trong sáng tác của nhà thơ chỉ chiếm gần 39%. Điều này cho thấy ở thời điểm hiện tại sự hấp dẫn của các tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu đã không còn, có thể lý giải điều này vì đây là một tác giả của văn học địa phương thời trung đại nên có một số khó khăn nhất định trong tâm lý tiếp nhận cũng như rào cản ngôn ngữ với phần lớn đối tượng thuộc nhóm tiếp nhận này không thạo Hán - Nôm.

Câu 14: Theo bạn thì con người và bản sắc Nam Bộ đã được thể hiện như thế nào trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu? (xem thêm Phụ lục 6)

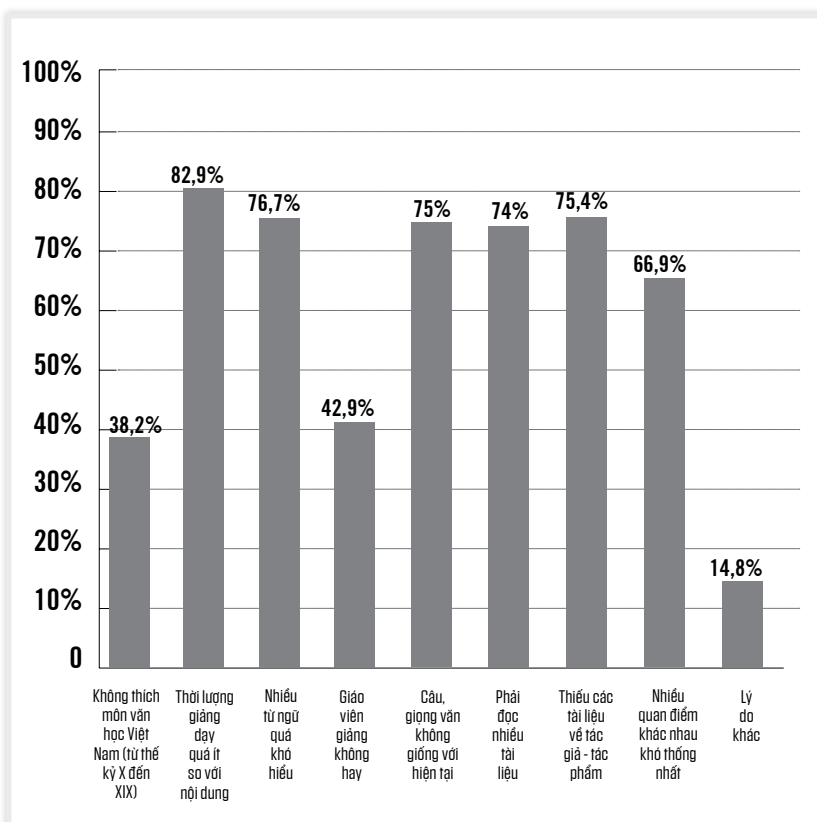
Các câu trả lời theo hướng hoàn toàn thừa nhận bản sắc Nam Bộ vùng miền trong sáng tác của ông nhưng có một đặc điểm nổi bật là thiên về các giá trị nội dung như tính cách phóng khoáng, mộc mạc, chân thật, bình dị mà ít chú ý đến các vấn đề về giá trị nghệ thuật như ngôn ngữ, hình tượng nhân vật.

Câu 15: Bạn có gặp khó khăn gì trong quá trình học về tác giả Nguyễn Đình Chiểu không?



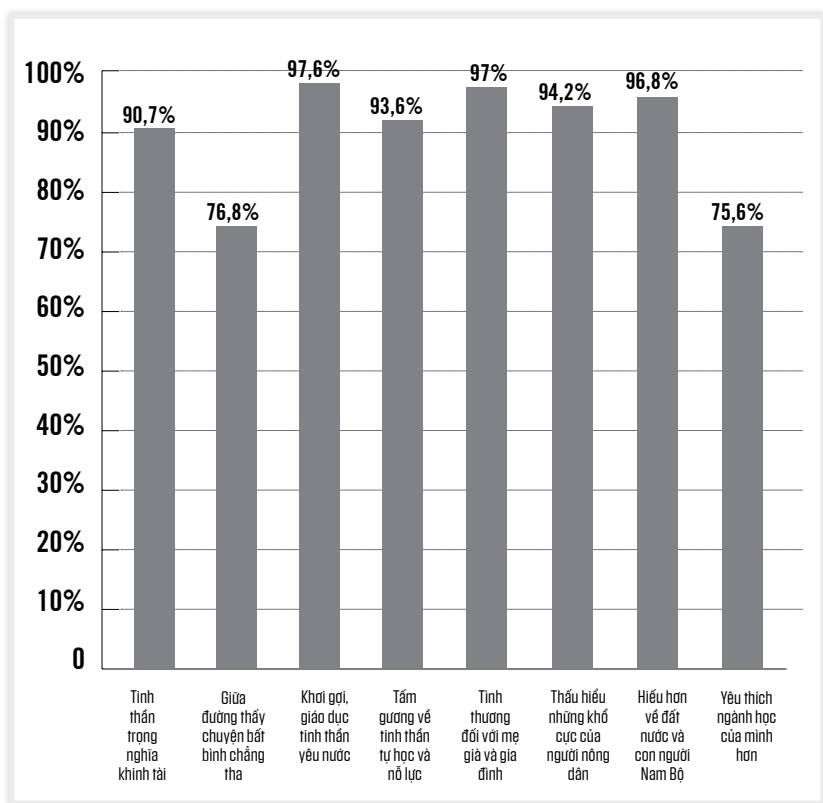
Câu 16: Nếu có thì đó là những khó khăn gì?

$\frac{1}{4}$ số người được hỏi cho biết có gặp các khó khăn khi học về tác giả Nguyễn Đình Chiểu, trong đó đa số cho rằng là *thời lượng giảng dạy quá ít so với nội dung chiếm gần 83%*. Nhưng bất ngờ là có đến 74% số người trả lời gặp khó khăn vì phải *đọc nhiều tài liệu* và gần 67% gặp nhiều khó khăn khi cho rằng có *nhiều quan điểm, khó thống nhất*. Càng bất ngờ hơn có hơn 75% số người gặp khó khăn vì thiếu tài liệu về tác giả - tác phẩm, nguyên nhân này theo chúng tôi là không đáng tin cậy nhưng vẫn nêu ra như một dữ kiện phải tính đến trong thực tế tiếp nhận.



Câu 17: Theo bạn, các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu ảnh hưởng đến bạn điều gì?

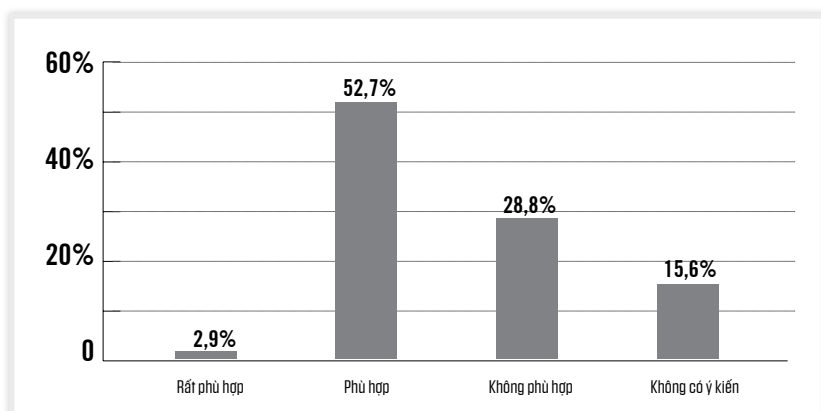
Trả lời cho câu hỏi này, đáp án cao nhất với gần 98% cho rằng khơi gợi, giáo dục tinh thần yêu nước, điều này cho thấy thực tế tiếp nhận đã theo đúng định hướng mục đích khẳng định nhà thơ là đại diện tiêu biểu cho văn học yêu nước cuối thế kỷ 19, còn khả năng thấp nhất là *yêu thích ngành học của mình* hơn chỉ chiếm gần 76%. Điều này cho thấy rào cản về ngôn ngữ văn hóa trong tiếp nhận di sản Hán - Nôm là một thực tế với rất nhiều câu hỏi đang đặt ra



mà thực tế rất hiển nhiên là số người chọn các đề tài về văn học trung đại luôn là thiểu số so với văn học hiện đại.

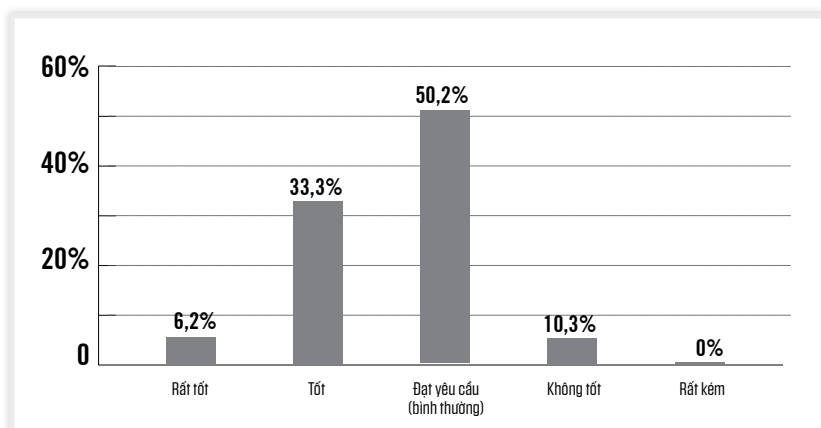
Câu 18: Bạn đánh giá như thế nào về mức độ phù hợp của thời lượng giảng dạy Nguyễn Đình Chiểu trong chương trình văn học trung đại (hoặc Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX) mình đang học?

Có gần 53% cho là thời lượng giảng dạy Nguyễn Đình Chiểu trong chương trình văn học trung đại (hoặc Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ 19) mình đang học là *phù hợp*, vẫn có gần 29% cho là *không phù hợp*, chỉ có chưa tới 3% số người được hỏi cho là *rất phù hợp* và gần 16% *không có ý*



kiến. Điều này cho thấy thực tế tiếp nhận văn học trung đại nói chung và Nguyễn Đình Chiểu nói riêng trong chương trình đào tạo của khoa ngữ văn ở các trường đại học mà chúng tôi khảo sát đang tồn tại một số vấn đề như thời lượng quá ít so với nội dung cần truyền đạt. Trong câu hỏi này số ý kiến cho rằng không phù hợp, tập trung ở các sinh viên năm 3 và năm 4. Các tiêu chí khác như học lực và giới tính, nơi sinh không có gì bất thường.

Câu 19: Bạn đánh giá như thế nào về việc giảng dạy Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường?



Đánh giá về việc giảng dạy Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường có hơn 50% cho là *đạt yêu cầu (bình thường)*, hơn 33% *tốt*, vẫn có hơn 10% cho là *không tốt*, chỉ hơn 6% còn lại là *rất tốt*. Theo nhận xét của chúng tôi thì các con số này đã phản ánh phần nào thực tế việc giảng dạy Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường hiện nay vẫn đang ở mức độ có thể chấp nhận được. Số người cho rằng đạt yêu cầu theo tiêu chí giới tính và nơi sinh thì chiếm số lượng trội là các sinh viên có xuất thân từ nông thôn.

Câu 20: Bạn hãy cho biết ý kiến về việc dạy môn văn học trong nhà trường hiện nay?

Bên cạnh những ý kiến cho rằng đạt yêu cầu và bình thường thì vẫn còn nhiều ý kiến cho rằng vẫn còn nặng về lý thuyết, khô khan, tình trạng thầy đọc trò chép vẫn còn, phương pháp giảng dạy vẫn mang tính truyền thống, trên lớp người dạy vẫn là chủ đạo và độc diễn. Lượng kiến thức nhiều, thời gian ít, học dàn trải, nhiều mà không sâu, học sinh không thích học văn do vậy không hợp tác kết nối với người dạy. Dạy môn văn trong nhà trường hiện nay rất gò bó, khuôn sáo, không hấp dẫn, gây áp lực khiến học sinh mệt mỏi, nhiều tác phẩm văn học không còn phù hợp hoặc quá sức với học sinh hiện nay.

2.3. TIỂU KẾT

Ở bậc học phổ thông, tình hình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu đang có nhiều khó khăn về nhiều phía, chương trình, sách giáo khoa và người học. Trong đó nổi bật lên là những tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu thuộc một thời đại văn hóa khác nên gây sự khó khăn nhất định trong tiếp nhận của học sinh. Đây cũng là tình trạng chung của các tác giả thuộc

giai đoạn văn học trung đại khác trong chương trình phổ thông trung học. Trường hợp Nguyễn Phi Thanh với bài thi học sinh giỏi về *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* năm 2005 đã gây nên nhiều ý kiến trái chiều cho thấy dù đã được định hướng nhưng đối tượng tiếp nhận là học sinh bậc học trung học phổ thông vẫn không là một cộng đồng thuần nhất, đúng như có nhà nghiên cứu đã cho đó là một tham số không đáng tin cậy. Từ trường hợp nêu trên cũng cho thấy thực tế tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường phổ thông còn nhiều tồn tại và bức xúc mà vụ việc nêu trên chỉ là giọt nước tràn ly. Nhìn từ lý thuyết tiếp nhận chúng tôi cho rằng khoảng cách thẩm mỹ giữa các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu và học sinh phổ thông chưa được thu hẹp mà vai trò lớn nhất ở đây là giáo viên.

Hiện tượng này phản ánh hai thực tế hiện nay: 1. thực tế chương trình, sách giáo khoa và phương pháp giảng dạy môn văn ở trường phổ thông còn nhiều bất cập, chưa phù hợp với đặc trưng môn học cũng như tâm lý lứa tuổi học sinh; 2. thực trạng sa sút về văn hóa đạo đức trong xã hội, trong gia đình dẫn đến cách suy nghĩ lệch lạc trong giới trẻ mà hiện tượng cho rằng “giữa đường thấy chuyện bất bình chẳng tha” của Lục Vân Tiên là chuyện bao đồng, ôm rơm rậm bụng chỉ là đơn cử.

Văn hóa đọc hiện nay như các phương tiện truyền thông và các bậc thức giả đã lên tiếng là hiện đang ở mức báo động. Một bộ phận không nhỏ sinh viên ngành ngữ văn hiện nay không đọc trực tiếp tác phẩm, chỉ đọc tóm tắt và qua giáo trình, bài giảng nên việc hiểu không đúng, thậm chí hiểu sai, không thích tác phẩm là điều đã và sẽ còn diễn ra.

Việc giảng dạy và nghiên cứu tác giả và tác phẩm Nguyễn

Đình Chiểu ở bậc đại học hiện nay chưa có bước tiến đáng kể so với thế kỷ trước, vì tình trạng thiếu tư liệu gốc (văn bản Nôm các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu). Để việc giảng dạy và nghiên cứu có hiệu quả, chúng tôi cho rằng cần đầu tư nhiều công sức và kinh phí vào công việc sưu tầm và minh định các văn bản chữ Nôm và cần được các chuyên gia về văn bản học thẩm định lại một cách nghiêm túc, cẩn trọng. Nếu tư liệu gốc không chuẩn xác thì việc nghiên cứu sẽ bế tắc và không có giá trị.

Quá trình dạy và học là một quá trình đọc có định hướng. Mỗi lần đọc chúng ta có thể tìm thấy những giá trị mới, “... mở ra việc những người đọc một thời đã nhìn nhận và quan niệm như thế nào về tác phẩm văn học” như Hans Robert Jauss đã từng viết trong công trình *Lịch sử văn học như là sự khiêu khích với khoa học văn học*^[1].

Tính chất vùng miền, sắc thái địa phương cũng là yếu tố cần lưu ý không chỉ trong việc dạy và học Nguyễn Đình Chiểu ở nhà trường phổ thông mà cả ở bậc đại học.

[1]. Hans Robert Jauss (2002), “Lịch sử văn học như là sự khiêu khích với khoa học văn học”, *Văn học nước ngoài*, Trương Đăng Dung giới thiệu và dịch, (1), tr.196.





CHƯƠNG 3

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG SỰ TIẾP NHẬN CỦA VĂN HỌC DÂN GIAN VÀ CỦA GIỚI SÁNG TÁC

CHƯƠNG 3

3.1. NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG SỰ TƯƠNG TÁC VỚI VĂN HÓA - VĂN HỌC DÂN GIAN NAM BỘ

3.1.1. Văn hóa dân gian Nam Bộ trong tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu

Các dẫn chứng trích dẫn trong mục này, nếu không có chú thích riêng thì đều lấy từ công trình do Thạch Phương chủ biên *Nguyễn Đình Chiểu trong cuộc đời*, Ty Văn hóa thông tin Bến Tre xuất bản năm 1982^[1].

Nguyễn Đình Chiểu sống phần lớn cuộc đời tại Nam Bộ nên hiện diện trong tác phẩm của ông những giá trị văn hóa - văn học của khu vực này là lẽ đương nhiên. Về mặt lý luận, mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết đã được đặt ra từ giáo trình của Đinh Gia Khánh và Chu Xuân Diên, đến Lê Kinh Khiên vấn đề được đề cập trực diện hơn vào năm 1980 trên tạp chí *Văn học* với bài “Một số vấn đề lý thuyết chung về mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết”^[2] và hơn một thập kỷ sau mối quan hệ này lại được Võ Quang Trọng^[3] tiếp tục với một chuyên luận.

Nguyễn Đình Chiểu vốn sinh ra, sống và phát triển từ

[1]. Thạch Phương (chủ biên) (1982), *sđđ*.

[2]. Lê Kinh Khiên (1980), “Một số vấn đề lý thuyết chung về mối quan hệ văn học dân gian - văn học viết”, tạp chí *Văn học*, (1), tr.69-81.

[3]. Võ Quang Trọng (1998), *Vai trò của văn học dân gian trong văn xuôi hiện đại Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

văn hóa dân gian Nam Bộ, cho nên có thể nhận thấy ảnh hưởng nhiều mặt của văn hóa - văn học dân gian khu vực này trong tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu mà tiêu biểu và rõ nét nhất là tác phẩm *Lục Vân Tiên*. Sự ảnh hưởng nhiều mặt của văn hóa dân gian đến *Lục Vân Tiên* đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến, trong mục này chúng tôi chỉ điểm qua những bình diện rõ nét nhất như cốt truyện, ngôn ngữ...

Cốt truyện của *Lục Vân Tiên* là tiếp thu mô hình tự sự truyền thống của truyện Nôm với cấu trúc chung là gặp gỡ - lưu lạc - đoàn viên.

Tục ngữ, thành ngữ dân gian được sử dụng phổ biến trong *Lục Vân Tiên* như: “màn trời chiếu đất”, “vật đổi sao dời”, “tiền mất tật mang”, “chùa rách phật vàng”, “trọng nghĩa khinh tài”...

Nhiều câu ca dao đã được sử dụng trọn vẹn và trở thành những câu thơ trong *Lục Vân Tiên* như:

Ai từng mặc áo không bầu

Ăn cơm không đũa, ăn trầu không cau.

Xin đừng tham đó bỏ đặng,

Chơi lê quên lựu chơi trăng quên đèn.

Ngoài những câu ca dao được sử dụng trọn vẹn thì trong tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu còn có những câu thơ có ý từ ca dao, những thi liệu truyền thống này có lẽ đã được tác giả thu nhận trong quá trình sống và học tập từ những năm tháng thiếu thời trong môi trường văn hóa dân gian mà các ví dụ sau đây là minh chứng.

Ca dao cổ có câu: *Chính chuyên chết cũng ra ma/ Lẳng lơ chết cũng đưa ra ngoài đồng*, còn trong *Lục Vân Tiên* có câu:

Chính chuyên trắc nết chết thời ra ma.

Một câu ca dao khác của Nam Bộ:

*Gió đưa gió đẩy bông trang
Ai đưa ai đẩy duyên nàng đến đây
Tôi đây thì phải ở đây
Bao giờ bén rễ xanh cây hãy về.*

Tinh thần câu ca dao này đã hóa thân vào lời thơ *Lục Vân Tiên* ở đoạn Võ Công nói với Vương Tử Trực:

*Tôi đây thì ở lại đây
Cùng con gái lão sum vầy thất gia.*

Ngoài ra, còn nhiều ví dụ khác về những thi liệu dân gian mà Nguyễn Đình Chiểu đã hấp thụ và trình bày trong tác phẩm của mình như mối quan hệ giữa câu:

Lên non bẻ lá họa hình/ Họa cho thấy mặt kẻ tình nhớ thương với chi tiết Nguyệt Nga họa tượng Vân Tiên; hay một trường hợp khác là *Gối rơm ôm phận gối rơm*, và câu: *Chiếu manh lo phận chiếu manh* trong ca dao Nam Bộ.

Một biểu hiện khác của di sản văn hóa truyền thống Nam Bộ trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu là tư duy cổ tích qua việc sử dụng các yếu tố hoang đường, thần kỳ như hổ cứu người và trừng trị người, giao long, sóng thần. Tên các nhân vật trong *Lục Vân Tiên* như lão Quán, ông Ngư - Tiểu, Tiểu đồng... cũng gợi nên sự liên tưởng đến nhân vật phiếm danh trong truyện cổ tích của văn học dân gian.

Các yếu tố thần kỳ và sự xuất hiện của lực lượng siêu nhiên đã cho thấy sự ảnh hưởng sâu đậm của các giá trị văn hóa dân gian tới Nguyễn Đình Chiểu trong quá trình sáng tạo.

3.1.2. Tác động của Nguyễn Đình Chiểu đối với ca dao - dân ca

Vốn bắt nguồn từ văn hóa dân gian Nam Bộ, đến lượt mình các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu đã có những tác

động ngược lại hết sức sâu sắc tới chính nền văn hóa mà nó đã chịu ảnh hưởng, sự tương tác này thể hiện khá rõ nét qua ca dao dân ca, đồng dao cũng như câu đố. Ảnh hưởng của một tác phẩm thuộc dòng văn học viết đối với văn học dân gian thường chỉ đặt ra đối với những tác phẩm ưu tú của các nhà văn lớn, có nội dung và nghệ thuật gần gũi, dễ hiểu đối với quần chúng nhân dân. Thường đó là những tác phẩm chịu ảnh hưởng tốt đẹp và sâu sắc của nền văn học dân gian như Lê Kinh Khiên đã viết trong bài viết đã nêu trên đây. Tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu đã sử dụng chất liệu của nền văn hóa dân gian, sau đó nó lại sống và tái sinh trước tiên trong chính nền văn hóa ấy. Trong kho tàng ca dao nói chung và ca dao Nam Bộ nói riêng, những bài ca dao lấy cảm hứng từ cuộc đời và sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu chiếm một số lượng đáng kể, bộ phận ca dao dân ca này có mặt trong nhiều tình huống của đời sống tinh thần của nhân dân miền Nam, nhất là trong đời sống tình cảm nam nữ.

Từ lời chàng trai bày tỏ:

Anh đây cũng muốn kết ngãi giao ân,

*Anh không phải thằng Bùi Kiệm sao chín mười phần bạn
nghi,*

đến lời đáp của cô gái:

Gá duyên thì phải lựa, phải xem,

*Coi đó là thằng Bùi Kiệm, hay anh Vân Tiên, em mới trao
lời.*

Hay là lời dặn dò cho nhau của đôi trai gái:

Em dặn chàng ai dỗi đừng xiêu,

Ở sao có nghĩa như Kiều Nguyệt Nga.

Vân Tiên mắc nạn đường xa,

Thủy chung chờ đợi thiệt là sáu năm.

*Bớ em ơi! Em đừng suy nghĩ thiệt hơn
Hãy ở như Kiều Nguyệt Nga ngày trước, lòng dạ keo sơn
chẳng dời.*

*Em là sao như Kiều Nguyệt Nga,
Giữ niềm chung thủy sang qua kết nguyên.*

Tấm lòng chung thủy, kiên trinh của Kiều Nguyệt Nga đã trở thành cảm hứng và là đối tượng thẩm mỹ của những câu ca dao như:

*Dầu ai gieo tiếng ngọc,
Dầu ai đọc lời vàng.
Bông sen hết nhụy bông tàn,
Em đây giữ tiết như nàng Nguyệt Nga.
Đổi lập với Kiều Nguyệt Nga là Thế Loan:
Lòng em bền chặt không như nàng Võ Thế Loan.*

Trong một hoàn cảnh khác, lời thơ sau là sự thanh minh của nhân vật trữ tình trong bài ca dao khi bị nghi ngờ:

*Chàng ơi có nhớ không chàng?
Thiếp đây không phải Thế Loan đâu mà.
Thiếp đây vốn Kiều Nguyệt Nga,
Ôn chàng thuở trước cứu ta giữa đàng.*

Bên cạnh hệ thống các nhân vật chính diện như Kiều Nguyệt Nga, Lục Vân Tiên,... thì hệ thống phản diện như Võ Công, Thế Loan, Trịnh Hâm, Bùi Kiệm... trong truyện thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng hiện diện trong các sáng tác của dân gian và các nhân vật này xuất hiện như một đối tượng bị và cần phê phán để nêu gương. Các nhân vật phản diện này xuất hiện trong quan niệm của người nghệ sĩ dân gian như là một đối tượng với những mảng màu tương phản với những giá trị sáng ngời phẩm chất đạo đức của các nhân vật chính diện. Sự tương phản này thể hiện rõ như khi nói về gia đình họ Võ trong truyện:

*Chẳng thà nghèo khó ở túp lều tranh,
Chớ không đành bội nghĩa như cha con Võ Công tham tài.*

Nhân vật Bùi Kiệm từ văn học đã đi vào cuộc đời với điển hình cho loại người học dốt, dung tục. Còn trong sáng tác của dân gian, hình tượng nhân vật này phải nhận lấy hậu quả do những gì đã gây ra:

*Con rắn hổ nó mổ con rắn rồng,
Tiền kềm xĩa với tiền kềm, tiền đồng xĩa riêng.
Nguyệt Nga kết với Vân Tiên,
Anh em Bùi Kiệm ngồi riêng ra ngoài.
Đây không phải Trịnh Hâm phi nghĩa,
Đó đừng nghi Bùi Kiệm điêu tài.*

Hệ thống nhân vật chính diện cũng như phản diện từ trang sách đi vào cuộc đời qua sự tiếp nhận của dân gian thiên về bình diện đạo đức hơn là văn học, hay nói khác đi là những giá trị đạo đức từ các nhân vật Vân Tiên, Nguyệt Nga gây ấn tượng và sự xúc động mạnh mẽ nơi người nghe sĩ dân gian hơn là những giá trị văn học mà hình tượng nhân vật này mang lại, và hệ thống các nhân vật phản diện cũng theo một chiều hướng tương tự.

Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu cũng xuất hiện trong hát đối đáp nam nữ. Ở loại hình này, người hát hóa thân vào các nhân vật trong truyện và thử thách nhau bằng các chi tiết, tình huống, sự kiện đã xảy ra trong tác phẩm:

*Em về em giở sách ra,
Xem Vân Tiên kết với Nguyệt Nga lúc nào?
Vân Tiên kết nghĩa với Nguyệt Nga,
Từ khi đi học làng xa mới về.
Anh hỏi em phải nói liền,
Phận em là gái sách thánh hiền có đâu.*

Do phương thức lưu truyền của tác phẩm *Lục Vân Tiên*

trước khi in thành sách đã tồn tại trong dân gian một thời gian nhất định, hơn nữa, nội dung và những mô-típ giống như cổ tích với kết thúc có hậu mang màu sắc triết lý dân gian nên truyện thơ *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu đã đi vào những câu hát, đồng dao trong trò chơi dân gian công mẹ ở Nam Bộ của lứa tuổi nhi đồng. Trò chơi được tiến hành như sau: một em đi vô, một em đi ra - mỗi em đọc một câu 6 hoặc câu 8, cứ thế cho đến khi có em “bỉ” không đọc được nữa thì thua; và hình phạt là em thua phải công em thắng, bị búng tay, lỗ tai hay ký đầu gối... Các câu mà người chơi hay đọc là:

*Vân Tiên công mẹ đi ra,
Đụng phải cột nhà công mẹ đi vô.
Vân Tiên công mẹ đi vô,
Đụng phải cái bồ công mẹ đi ra.
Vân Tiên công mẹ đi ra,
Đụng phải bà già công mẹ đi vô.
Vân Tiên công mẹ đi vô,
Đụng phải gà cổ công mẹ đi ra.
Vân Tiên công mẹ đi ra,*

...

Gần đây, Nguyễn Hưng Quốc đã ghi thêm một dị bản của bài đồng dao này như sau:

*Vân Tiên công mẹ trở ra
Đụng phải Chà Và, công mẹ trở vô.
Vân Tiên công mẹ trở vô,
Đụng phải ông Tây cổ, công mẹ trở ra.
Vân Tiên công mẹ trở ra...*

Nhà phê bình này trình bày một cách hiểu khá mới và lạ đến độ tưởng chừng khó chấp nhận. Nguyễn Hưng Quốc cho rằng bài đồng dao này: “như một sự phê phán quan

điểm đạo đức của Nguyễn Đình Chiểu: ông một mực đề cao những chuẩn mực đạo đức cổ điển và cổ kính như trung - hiếu - tiết - nghĩa với hy vọng là chúng sẽ giúp duy trì sự ổn định trong xã hội, tuy nhiên, một là, xã hội Việt Nam vào nửa sau thế kỷ XIX, trong sự cọ xát dữ dội với văn minh Tây phương và thế lực thực dân, cứ ngày một rạn nứt, vô phương hàn gắn; hai là, bản thân những chuẩn mực đạo đức tưởng đâu là chân lý vĩnh cửu ấy thật ra rất đáng ngờ, và với sự lung lay của Nho học, càng ngày càng đáng ngờ thêm. Con thuyền “chở đạo” của Nguyễn Đình Chiểu, do đó, không phải chỉ trôi trên một dòng nước ngược mà còn, hơn nữa, trên thực tế, chỉ loay hoay mãi trong một vũng nước tù, không có lối thoát, hết “đụng” cái này thì “đụng” cái kia, cứ quanh quanh quẩn quẩn mãi trong sự tuyệt vọng và bế tắc. Nói cách khác, đó là những lý tưởng ở đường cùng. Biện pháp dựa trên nguyên tắc đạo đức mà Nguyễn Đình Chiểu đề xuất, hay đúng hơn, cổ vũ, đã không giải được bài toán của thời đại. Theo tôi, chỉ với cách hiểu như thế, chúng ta mới giải thích được tại sao một nhân vật chính diện trong một tác phẩm nặng dụng tâm giáo huấn của một tác giả được xem là tiêu biểu nhất của dòng văn học giáo huấn lại biến thành - không phải một lần mà là nhiều lần,... - một nhân vật hài trong nền văn học dân gian”^[1].

Nguyễn Hưng Quốc còn dẫn ra một câu ca dao vẫn lưu truyền lâu nay nhưng ít thấy hiện diện trong các công trình sưu tập về ca dao được xuất bản một cách chính thống và chính thức trong nước. Đó là câu: *Vân Tiên ngồi dưới bụi môn/ Chờ cho trăng lặn bóp l. Nguyệt Nga*. Và đây là cách

[1]. Nguyễn Hưng Quốc (2010), “Đọc chơi vài bài ca dao...”, nguồn <http://www.voatiengviet.com/content/doc-bai-ca-dao-06-08-2010-95888009/868289.html>, (truy cập ngày 15/2/2016).

hiếu của nhà phê bình này như sau: “... tôi không có ý định khen đây là bài ca dao hay. Không hay, nhưng nó không hẳn chỉ là một cách nói tục tĩu, nhằm nhí, và chắc chắn không phải là những câu vắn về vô nghĩa như lâu nay chúng ta vẫn thường tưởng. Chỉ cần đặt câu hỏi: tại sao người ta lại không nói Kim Trọng hay Từ Hải hay Sở Khanh hay Mã Giám Sinh “ngồi dưới bụi môn”? Trả lời câu hỏi ấy, chúng ta sẽ thấy ngay tác giả của câu ca dao này chính là những độc giả của Nguyễn Đình Chiểu. Thế nhưng, ở đây lại nảy ra một câu hỏi khác: tại sao, trong truyện *Lục Vân Tiên*, người ta không chọn nhân vật nào khác, như Bùi Kiệm, một nhân vật được Nguyễn Đình Chiểu mô tả bằng những lời lẽ rất nặng nề, rất thích hợp với vai trò của kẻ “ngồi dưới bụi môn”: “*Còn thằng Bùi Kiệm máu dê/ Ngồi chế bẻ mặt như sê thịt trâu*”? Tại sao? Tại sao người ta lại chọn ngay chính Lục Vân Tiên, một nhân vật được xem là nghiêm trang, nghiêm túc, thậm chí nghiêm khắc, có thể xem như một khuôn mẫu về đạo đức, để bắt làm cái chuyện phàm phu tục tử ấy? Tại sao người ta lại chọn cái nhân vật không dám nhìn cả phụ nữ “*Khoan khoan ngồi đó chờ ra/ Nàng là phận gái, ta là phận trai*”, không dám lén lút bên phụ nữ “*Vân Tiên nói lại rằng: Ừ/ Làm thơ cho kịp chữ chữ chờ lâu*” lại làm cái việc “*công xúc tu sĩ*” ấy? Tại sao? Chắc chắn là có lý do. Và lý do cũng không có gì khó hiểu: chúng ta dễ dàng thấy được câu ca dao trên là một cách phản ứng chống lại thái độ đạo đức khắt khe, có phần giả tạo của Lục Vân Tiên, và phần nào cũng là của Nguyễn Đình Chiểu. Chế diễu thái độ đạo đức cứng nhắc ấy, dân chúng đã cho Lục Vân Tiên làm cái việc nhằm nhí là “*ngồi dưới bụi môn, chờ cho trăng lặn...*”. Nói cách khác, tôi nghĩ, chúng ta hoàn toàn có lý để xem câu “*Vân Tiên ngồi dưới bụi môn...*” như một

cách đọc truyện *Lục Vân Tiên*. Đó là một lời phê bình cuốn *Lục Vân Tiên*. Trong vô số những lời phê bình truyện *Lục Vân Tiên*, không chừng cách phê bình này của dân gian là một cách phê bình hay. Hay và sắc sảo. Nó nhắm vào một trong những vấn đề trung tâm của tác phẩm là quan niệm đạo đức cũng như cách thức xây dựng nhân vật của cụ Đồ Chiểu nói chung”^[1]. Bài viết này vốn là một phần trong chuyên luận *Thơ v.v...* in lần đầu năm 1996, sau xuất hiện trên các trang mạng do Nguyễn Hưng Quốc chủ trương www.tienve.org, và gần đây là blog của nhà phê bình này trên Đài tiếng nói Hoa Kỳ - VOA. Ngay sau khi bài viết - cách đọc này xuất hiện đã gây nên một cuộc tranh luận trên tạp chí *Văn học* (hải ngoại) 1998 do Nguyễn Mộng Giác chủ trương, với các cây bút như Nguyễn Vy Khanh, Thế Uyên,... nhưng Nguyễn Hưng Quốc không trả lời và vẫn bảo lưu quan điểm như đã trình bày. Chúng tôi dẫn lại dị bản và cách hiểu về bài đồng dao này như một tư liệu tham khảo và cho rằng đây là một trong những kiểu dạng của loại hình phản tiếp nhận mà Trần Đình Sử đã có lần đề cập. Với một độ lùi nhất định cũng như không bị những ràng buộc của trường quy, chúng tôi nghĩ rằng khảo sát, phân tích, “đọc sâu” cách đọc và diễn giải như trên của Nguyễn Hưng Quốc thì dù đồng tình hay phản đối cũng là một trường hợp nghiên cứu sẽ gọi nên những kiến giải đáng suy ngẫm một cách nghiêm túc.

So sánh quá trình tiếp nhận của ca dao - dân ca đối với hai tác phẩm là *Truyện Kiều* và *Lục Vân Tiên*, Phan Công Khanh nhận thấy: “do tầm triết lý sâu sắc và nội dung hiện thực rộng lớn, *Truyện Kiều* hầu như không phải là đối tượng

[1]. Nguyễn Hưng Quốc (2010), *tlđđ*.

tiếp nhận của trẻ con. Chứa đựng những mô-típ giống như cổ tích, truyện thơ của Nguyễn Đình Chiểu còn đi vào những câu hát đồng dao trong trò chơi cồng mẹ của trẻ con Nam Bộ... lối tiếp nhận *Lục Vân Tiên* chỉ đi vào tính cách tốt đẹp của nhân vật, phù hợp với lối sống thẳng thắn, bộc trực của những con người đang khai phá một vùng đất mới, lời lẽ phần nhiều mộc mạc, chân chất, nói đến nhân vật nhiều hơn vay mượn câu thơ, chủ yếu là thể tỉ chứ không nhiều thể hứng như đã nói ở tiếp nhận *Truyện Kiều*”^[1].

3.1.3. Nguyễn Đình Chiểu với câu đố, nói thơ, thơ rơi

Câu đố về Nguyễn Đình Chiểu là hình thức tiếp nhận sinh động, độc đáo. Các hình thức đố như: mượn cuộc đời và các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu để đố, đố về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu...

Như:

Ai vừa ra khỏi trường thi

Nghe tin mẹ vắng, vật mình khóc than.

Ai mà bị bỏ vào hang,

Về sau thi đỗ làm quan tại trào.

Đáp: Lục Vân Tiên.

Hay:

Gối rơm theo phận gối rơm

Có đâu dưới thấp lại chồm lên cao.

Đáp: Cá leo.

Quyết tâm rửa sạch quốc thù,

Ô hô cặp mắt công phu lỗ làng.

Đáp: Nguyễn Đình Chiểu.

Người ta không lấy người ta,

[1]. Phan Công Khanh (2001), *tlđđ*, tr.116.

Có đâu mà lấy con ma vẽ vời.

Trả lời: Bức tượng Lục Vân Tiên.

Như các nhà nghiên cứu văn học dân gian đã từng nhận định, câu đố vừa là nghệ thuật vừa là khoa học thì hình thức mượn tác giả và nhân vật chính trong truyện thơ cùng tên là minh chứng cho nhận định đã nêu trên đây. Đây còn là một kiểu giải trí, vừa là phương tiện đặc biệt để nhận thức và kiểm tra nhận thức về Nguyễn Đình Chiểu. Đi vào đời sống, nó trở thành chất liệu văn học cho những sinh hoạt văn hóa cộng đồng.

Bên cạnh câu đố, còn có một hình thức khác trong tiếp nhận của dân gian đối với cuộc đời và tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, đó là nói thơ và thơ rơi. Theo các tác giả công trình *Nói thơ, nói về, thơ rơi Nam Bộ* thì nói thơ Nam Bộ xuất phát từ lối nói thơ trong hát sắc bùa, hô bài chòi, lối nói thơ quân phường... du nhập theo những đợt di dân từ Trung Bộ vào phương Nam. Truyện thơ *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu là nguồn cung cấp văn bản cho phong trào nói thơ ở Nam Bộ. “Dựa vào khung giai điệu của nói thơ Vân Tiên và có ít nhiều biến hóa, được hát với tên truyện thơ nào thì người ta đặt tên đó, như Nói thơ Thầy Thông Chánh, Nói thơ Sáu Trọng, Nói thơ Hai Miêng, ...”^[1]. Ở Nam Bộ thường thức truyện thơ bằng phương thức diễn xướng chứ không đọc hay ngâm thơ như các vùng miền khác. Công trình này cho biết là khi nói thơ Vân Tiên ở khu vực Đông và Tây Nam Bộ bao giờ cũng có hai câu mà không thấy trong văn bản của các nhà xuất bản. Đó là:

Lục ông chữ đặc hiền lành có danh,

[1]. Lư Nhất Vũ - Lê Giang - Lê Anh Trung (2010), *Nói thơ, nói về, thơ rơi Nam Bộ*, Nxb. Trẻ, tr.19.

Vợ chồng kết nghĩa yến anh.

Hoặc:

Lục ông chữ đặc phi bình yến anh,

Vợ chồng ăn ở hiền lành.

Đáng lưu ý là Nói thơ Vân Tiên cũng như các lối nói thơ khác ở Nam Bộ thường hay phảng phất sắc thái của điệu thức Nam hoặc Oán, khiến các lối nói thơ nghe lâm ly, mùi mẫn, thấm thía, thâm trầm. Công trình *Nói thơ, nói về, thơ rơi Nam Bộ* cũng cho biết thêm là ở huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long có một lối nói thơ mà ít người biết đến: điệu Nói thơ lạc nô, giai điệu mang sắc thái điệu thức Oán nên nghe lâm ly, nẫu ruột... nhịp điệu gãy gọn, khúc chiết. Cấu trúc gồm nhiều khúc nhạc, mỗi khúc nhạc chứa bốn câu thơ sáu tám^[1].

Thơ rơi là một thể loại văn học dân gian phổ biến ở Nam Bộ, là những bức thơ rơi trong dân gian, qua thời gian và không gian dần bị vô danh hóa, phiếm chỉ người gởi và người nhận. Nội dung và thể tài của thơ rơi rất phong phú và đa dạng, có khi là thư của những người tù, người đi lính và có khi là những bức thư tình trai gái gởi cho nhau, nó là bức thông điệp gởi bao niềm trắc ẩn, nỗi nhớ nhung... mà đoạn trích thơ rơi có liên hệ đến nhân vật trong truyện *Lục Vân Tiên* sau đây là một ví dụ:

Thảo thảo vài hàng mực,

Lầu lầu một tấm lòng son.

Chạnh tấm lòng thương nước nhớ non,

Dạ hằng tưởng thân kia bạn ngọc.

Đêm luống chịu năm canh trăn trọc,

Ngày băng khuâng dạ nhớ bạn vàng.

[1]. Lư Nhất Vũ - Lê Giang - Lê Anh Trung (2010), *sđd*, tr.29.

...

*Niềm can lệ mấy năm anh còn đợi.
Chữ ân tình xin bậu đừng quên,
Dấu mấy năm mà gặp cũng nên.
Xin em chớ nghe lời thế sự.
Em ơi! Không theo lấy Nguyệt Nga mà học,
Bạc đầu thờ hình tượng Vân Tiên.
Bắt chước chi những gái Điều Thuyền,
Sớm lấy Đồng Trác tối về Phụng Tiên...*

Đoạn thơ rơi vừa dẫn trên đây, theo cách phân chia của Nguyễn Văn Hầu trong *Văn học Nam Kỳ lục tỉnh*, tập 1- *Miền Nam và văn học dân gian địa phương* thì đoạn thơ trên thuộc loại kêu ca nỗi u uẩn trong lòng, có tác dụng cầu xin, ta thán.

Từ những khảo sát sơ bộ trên đây về mối quan hệ tương tác giữa tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu và văn học dân gian có thể bước đầu nhận thấy: nhân dân là người đọc vĩ đại nhưng lại vô danh, chỉ với những tác phẩm lớn và đặc biệt như *Truyện Kiều*, *Lục Vân Tiên* thì sự cảm thụ của họ mới thể hiện qua những văn bản cụ thể; *Lục Vân Tiên* là tác phẩm mang tính nhân dân sâu sắc, vì vậy quần chúng đã say mê đón nhận - nhất là khu vực Nam Bộ, yêu quý các nhân vật, vay mượn ngôn ngữ tác phẩm, tái tạo nó trong đời sống tinh thần của mình, làm nên những hình thức tiếp nhận độc đáo; những hình thức tiếp nhận này cho thấy sức sáng tạo và tiềm năng to lớn của người đọc đại chúng, *Lục Vân Tiên* đã trở thành nơi gặp gỡ những tấm lòng, những tình cảm, số phận... góp phần thúc đẩy sự liên kết nhiều không gian văn hóa cũng như sự giao lưu văn hóa trong cộng đồng dân gian.

3.2. NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG SỰ TIẾP NHẬN CỦA GIỚI SÁNG TÁC

3.2.1. *Nguyễn Đình Chiểu trong cảm hứng sáng tạo của các nhà thơ xưa và nay*

Bên cạnh *Lục Vân Tiên*, một sáng tác khác của Nguyễn Đình Chiểu được biết đến rộng rãi vào lúc sinh thời của nhà thơ là *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*. Khi đọc bài văn tế, Miên Thẩm đã cảm tác bằng bài *Độc Nguyễn Đình Chiểu điếu nghĩa dân tử trận quốc ngữ văn*, trong đó có những câu:

Tiếng văn nôm giỏi tày Mạnh Tử

Thư sinh giết giặc bằng ngòi bút

Báo nước ngân này cũng đáng thương.

Một nhà thơ cung đình khác, công chúa Mai Am đã viết:

Quốc ngữ một thiên truyền mãi mãi.

Đỗ Văn Hỷ cho rằng “... động lực làm lay động tâm hồn, tình cảm Miên Thẩm cũng như Mai Am là hình ảnh dũng liệt, vô tư của những nghĩa sĩ Cần Giuộc, đã được Nguyễn Đình Chiểu thể hiện một cách sinh động và chân thực qua hình thức văn tế”^[1]. Những văn thơ của Miên Thẩm và Mai Am cho thấy, tác phẩm đã nhận được sự đồng cảm của người cùng thời và cũng từ trường hợp tiếp nhận này cho thấy sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu ngay từ khi mới ra đời đã vượt ra khỏi phạm vi địa phương, lan ra các vùng miền khác của đất nước và nhận được sự đồng cảm sâu sắc của một bộ phận thi sĩ cung đình Huế. Có thể định danh cho cách đọc của Miên Thẩm và Mai Am là cách đọc tri âm.

Đầu thế kỷ 20, trên văn đàn xuất hiện liên tục những lời ca ngợi Nguyễn Đình Chiểu và các tác phẩm của ông, nhân đó bày tỏ tâm sự yêu nước của mình; nhưng nhìn chung,

[1]. Nhiều tác giả (1982), *tlđđ*, tr.101.

căn cứ trên những tư liệu hiện còn thì không thấy có nhiều bài hay, như có người đã lý giải vì tư tưởng thể hiện trong những bài thơ ấy khá bình thường, do đó, cũng không góp phần soi rọi thêm một tia sáng khám phá nào vào con người và thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu.

Có thể liệt kê ra đây vài tên tuổi như: *Khóc cụ Đồ Chiểu* của Đoàn Ngọc Nhuận, *Điếu cụ Nguyễn Đình Chiểu* của Nguyễn Liên Phong, *Vịnh Nguyệt Nga nhị thập thủ* của Nguyễn Quang Côn, *Nguyệt Nga biệt Bùi Kiệm* của Lê Sum, bài *Tâm sự Vân Tiên* của Tây Đô cát sĩ trên *Nam Kỳ tuần báo* năm 1943 có những câu cảm động như:

*Ai đem số mạng cột tài hoa
Bên cửa khoa danh khóc mẹ già.*

...

*Than ôi chí nguyện thành hư mộng
Bóng tối chôn dần một kiếp xuân.*

Trong số các bài thơ truy niệm cụ Đồ của các tác giả Thượng Tân Thị, Đặng Thúc Liên, Lê Ngọc Chương, Huỳnh Nhật Hiếu, Nguyễn Nghiệp Hưng, Huỳnh Hữu Vị thì *Bài ca truy niệm cụ Đồ Chiểu* của Á Nam Trần Tuấn Khải là đáng chú ý nhất với những lời ca ngợi như danh nho, bài diếu văn bày hết nỗi bi ai, và đây là lời ngợi ca của một tài năng nói về một tài năng:

Áng văn chương còn để lại Lục Vân Tiên,

...

Rừng nho gương rạng ngàn thu...

Trong số những bài thơ viết về Nguyễn Đình Chiểu còn lại cho đến hôm nay đáng chú ý là loạt bài gồm 10 bài *Điếu ông tú tài Chiểu* của Phan Chu Trinh, họa lại nguyên vận 10 bài *Điếu Trương Công Định* của cụ Đồ. Tiếng vang của cụ Đồ được khẳng định qua câu: *Đồ Chiểu ngày nay tiếng*

vấn đồn. Và ý định tâm tư của bài điệu họa này bộc lộ khá rõ qua câu:

*Ông khóc người xưa tôi khóc trả
Mười bài gọi chút nghĩa chiêu hồn.*

Tâm sự của bài thơ dồn trọn vào đoạn cuối:

*Dẫn vật sao cho khỏi cuộc này
Một mình nam, bắc lại đông, tây.
Nước cờ đã bí mong toan gỡ
Giấc ngủ đương ngon giờ khuấy rầy
Chiu chút càng thương gà mất mẹ
Lao nhao chi sá cáo thành bầy
Ở người chín tuổi thiêng chẳng nhẽ
Một nén tâm hương hồi biết vậy.*

Bài thơ điệu của cụ Phan dành cho cụ Đồ là lời ký thác tâm sự của một người chí lớn nhưng bất lực và u hoài: *biết đem gan ruột gửi vào đâu*. Có thể xem đây là sự tiếp nối của cách đọc ký thác đã có từ trước mà bài thơ của Phan Chu Trinh là tụ điểm cho những bài thơ yêu nước viếng Nguyễn Đình Chiểu trước cách mạng.

Cuộc đời và tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, thế giới nhân vật do nhà thơ tạo ra đã trở thành những điển hình, nói như hai nhà nghiên cứu Thạch Phương - Mai Quốc Liên là đã từ trang sách đi vào cuộc đời, nói đến con người hiệp nghĩa “giữa đường thấy chuyện bất bình chẳng tha” người đọc liên hệ và nghĩ ngay đến cái tên Lục Vân Tiên, còn dốt nát thì như Bùi Kiệm, Trịnh Hâm và chung thủy sắt son thì như Nguyệt Nga. Những nhân vật đó đã hiện diện và tiếp nối nhau tồn tại và phát triển thành một dòng xuyên suốt từ văn học dân gian đến văn học viết. Nếu thơ được xem là tiếng nói của cảm xúc trực tiếp thì nhóm các bài thơ điệu, vịnh về cụ Đồ là cách tiếp nhận mà người đọc bộc lộ mình

rõ nhất.

Từ những năm nửa cuối thế kỷ 20 đến nay thì thơ ca lấy cảm hứng từ cuộc đời và tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu tập trung nhất vào giai đoạn chống Mỹ và sau ngày thống nhất đất nước, trong đó chủ yếu là thơ ca ở vùng giải phóng.

Trong số những sáng tác lấy cảm hứng từ cụ Đồ thì Lê Anh Xuân là người tiêu biểu nhất cho lòng yêu quý kính trọng của hậu nhân đối với tiền nhân. Ngay từ 1963 khi còn trên đất Bắc, Lê Anh Xuân đã viết *Đọc thơ Đồ Chiểu*, nhắc lại kỷ niệm về cụ Đồ với giọng điệu thân thương:

*Tuổi nhỏ về Ba Tri
Đường đi dài cát trắng
Trên ngôi mộ nhà thơ
Lá dừa che ánh nắng
Kháng chiến xa quê hương
Đêm gặp Kiều Nguyệt Nga
Bỗng giật mình thức dậy
Nhớ cô gái cạnh nhà^[1]*

Trong cảm nhận và suy nghĩ của Lê Anh Xuân, thơ văn và con người Nguyễn Đình Chiểu đã hòa trộn và trở thành những giá trị không thể tách rời khi nhà thơ viết:

Ta đọc thơ Đồ Chiểu/ Để gần thêm quê hương^[2].

Không chỉ thế, Lê Anh Xuân đã nhận ra và xác quyết tiếp bước cụ Đồ qua đoạn thơ:

*Tám năm xa quê hương
Trăm năm gần Đồ Chiểu
Nay lòng ta thêm hiểu:*

[1]. Ca Lê Hiến Lê Anh Xuân (2012), *Toàn tập*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.66.

[2]. Ca Lê Hiến Lê Anh Xuân (2012), *sđđ*, tr.67.

Thơ là súng là gươm^[1]

Như Hoài Thanh đã từng nhận xét, Nguyễn Đình Chiểu là tấm gương trung nghĩa luôn rực sáng ở quê anh, đã giúp anh hiểu thêm một điều hết sức quan trọng, một quan niệm đúng về thơ. Đó là thơ ca vì đạo lý, thơ ca vì cuộc sống con người và người làm thơ nhận trách nhiệm và trở thành kiểu nhà thơ - chiến sĩ.

Cái tôi trữ tình đậm thắm trong thơ của Lê Anh Xuân viết về cụ Đồ còn thể hiện qua các bài như: *Dừa ơi, Nhìn về An Đức*. Trong bài *Dừa ơi*, Lê Anh Xuân đã cho thấy hình ảnh nhà thơ chiến sĩ đã trở lại với bao cảm xúc thiêng liêng khi tác giả vừa trở lại quê hương:

*Ôi có phải nhà thơ Đồ Chiểu
Từng ngâm thơ dưới rặng dừa này
Tôi tưởng thấy nghĩa quân đuổi giặc
Vừa qua đây còn lầy lội đường đây*^[2]

Cảm hứng về lịch sử, quê hương và sự kết nối giữa quá khứ và hiện tại thể hiện rõ qua bài *Nhìn về An Đức*:

*Tôi nhìn về An Đức
Mộ Đồ Chiểu còn nằm trong vùng giặc
Chúng giam nhà thơ bằng dây thép gai
(Vì nhà thơ cũng là người kháng chiến).
Tôi nhìn về An Đức
Chiều Ba Tri vàng mơ
Trăng đang nhô lên sáng rực
Trăng mọc lên từ ngôi mộ của nhà thơ.
Tôi nhìn về An Đức
Thấp thoáng dưới trăng xa*

[1]. Ca Lê Hiến Lê Anh Xuân (2012), *sđđ*, tr.67.

[2]. Ca Lê Hiến Lê Anh Xuân (2012), *sđđ*, tr.160.

*Bóng những người du kích
Đang luôn sâu vào vùng địch
Đêm nay họ nằm cạnh nhà thơ^[1]*

Nhà thơ trẻ Lê Anh Xuân đã tri âm với cụ Đồ không chỉ qua những vần thơ mà còn cả phương châm tri hành hợp nhất khi dẫn thân và ra đi giữa tuổi thanh xuân đôi mươi. Chính điều đó đã tạo nên cảm hứng cho một nhà thơ khác viết về mối tương đồng này qua đoạn thơ:

*Người làm thơ không có tuổi bao giờ
Ở bên kia cụ Đồ có gọi Hiến là đồng chí
Giọng trẻ già thơ hòa điệu Bến Tre xanh^[2].*

Trong số những sáng tác thơ lấy cảm hứng đề tài từ cuộc đời và tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu thì Bảo Định Giang là người có số lượng bài nhiều nhất 34 bài, được tập hợp trong tập thơ có tên *Nhớ về đôi mắt* (1984), hầu như toàn bộ hệ thống nhân vật cả chính diện lẫn phản diện trong *Lục Vân Tiên* đều trở thành cảm hứng của tập thơ này như:

*Vẫn ôm hình bóng của chồng
Nổi riêng hòa với đời chung đợi chờ (Kiều Nguyệt Nga)^[3]*

*Rõ phường tục tĩu dâm ô
Rõ nòi trọc phú nhơn nhơ trên đời (Bùi Kiệm)^[4]*

Bên cạnh nhà nghiên cứu văn học, quản lý văn nghệ Bảo Định Giang còn là một nhà thơ với những vần thơ tươi sáng về cụ Đồ, những nội dung mang tính lịch sử còn có mối liên

[1]. Ca Lê Hiến Lê Anh Xuân (2012), *sđđ*, tr.184.

[2]. Thạch Phương (chủ biên) (1982), *sđđ*, tr.107.

[3]. Bảo Định Giang (1987), *Nhớ về đôi mắt*, Sở Văn hóa thông tin Bến Tre xuất bản, tr.67.

[4]. Bảo Định Giang (1987), *sđđ*, tr.79.

hệ với những vấn đề mang tính thời sự vào thời điểm sáng tác bài thơ:

*Sói vừa cút khỏi lang chồm tới,
Ta lại lên đường một sáng mai.
Quyết đánh tan thù bấy Cốt Đột,
Biên cương quét sạch giặc Ô Qua.
Chàng Tiên khoác áo xông ra trận,
Xin hẹn ngày về đón Nguyệt Nga (Tắm lòng biển cả)^[1]*

Cùng chung cảm hứng cũng như mối liên hệ đó, tác giả Thu Vân có những dòng thơ:

*Người sao bỗng hóa ra loài sói lang
Góc trời đỏ lửa Tây Nam.*

...

*Cụ ơi! Đất nước trời xanh mướt mà
Pháo đài đây vẫn thiết tha tiếng Người^[2].*

Hình ảnh Vân Tiên diệt giặc thường xuất hiện trong thơ của các nhà thơ hiện đại khi viết về cuộc kháng chiến chống xâm lược mà bài *Trong tổng tấn công đọc Lục Vân Tiên* của Huỳnh Triều là một ví dụ:

*Dưới hầm đọc Lục Vân Tiên
Còn nghe vó ngựa bình Phiên thuở nào.*

...

*Kể từ ta thắng giặc Tây,
Quê hương lại gặp cả bấy Ô Qua.
Cũng loài Cốt Đột yêu ma,
Cũng là Bùi Kiệm, cũng là Trịnh Hâm.
Việt Nam dân tộc ngoan cường,*

[1]. Bảo Định Giang (1987), *sđd*, tr.95.

[2]. Thạch Phương (chủ biên) (1982), *sđd*, tr.109.

Mỗi người dân, một anh hùng Văn Tiên!^[1]

Sau ngày giải phóng miền Nam, các nhà thơ lớn như Tế Hanh, Huy Cận, Giang Nam, Vũ Đình Liên, Nguyễn Xuân Sanh đã đến thăm nơi Nguyễn Đình Chiểu sống những năm tháng cuối đời và đã có những bài thơ đáng nhớ về kỷ niệm này như: *Đường về An Đức* của Giang Nam, *Họa lại bài thơ xưa của cụ Đồ Chiểu* của Vũ Đình Liên, *Nền nhà xưa cụ Đồ Chiểu* của Nguyễn Xuân Sanh, *Nguyễn Đình Chiểu* của Tế Hanh và *Thăm nền nhà của cụ Đồ Chiểu* của Huy Cận,...

Trong khoảng thời gian từ sau ngày thống nhất đất nước đến nay, nổi bật nhất trong việc lấy đời và thơ Nguyễn Đình Chiểu làm cảm hứng sáng tác là Thanh Thảo với 2 trường ca *Những ngọn sóng mặt trời* (1982) và *Trò chuyện với nhân vật của mình* (2002)^[2]. Tình yêu đặc biệt của Thanh Thảo với đất và người Nam Bộ đã góp phần rất quan trọng làm nên những tác phẩm của ông. Phong tục tập quán tín ngưỡng cũng như con người Nam Bộ trong trường ca Thanh Thảo cho thấy ông có cái nhìn rất thiện cảm về đất và người nơi đây. Ngay trong phần đầu tiên của tác phẩm *Những nghĩa sĩ Cần Giuộc* (1982), Thanh Thảo đã tái hiện lại vẻ hoang vu của vùng đất mới khi những nghĩa sĩ mới đến đây. Là bản trường ca viết về số phận những người dân ấp dân lân gánh trên vai sứ mệnh lịch sử, từ già quê hương, đi về phương Nam mở nước, *Những nghĩa sĩ Cần Giuộc* bao trùm cả một không khí những năm đầu nhân dân Nam Bộ kháng chiến chống thực dân. Họ đã trở thành tượng đài sừng sững không chỉ trong bài văn tế của Đồ Chiểu mà còn trong lịch sử bất

[1]. Thạch Phương (chủ biên) (1982), *sđd*, tr.92-93.

[2]. Thanh Thảo (2010), *Tuyển tập trường ca*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

khuất chống xâm lăng của dân tộc. Niềm cảm thương sâu sắc, sự trân trọng khâm phục của tác giả dành cho họ trong từng trang thơ: “*nếu không có các anh.../ Dải đất này sẽ trôi dạt về đâu?*”. Tài hiện quá khứ, Nguyễn Đình Chiểu xuất hiện trong thơ Thanh Thảo với nhiều vai trò: vừa là thầy, vừa là cha, vừa là người anh hùng. Sự uyển chuyển trong cách xây dựng nhân vật tôn lên những nét đẹp trong ứng xử của nhà thơ mù. Trong *Những nghĩa sĩ Cần Giuộc*, Thanh Thảo dành cả một chương *Người hát rong* đặc tả số phận Đỗ Chiểu. Ông gọi nghĩa binh chính là những Văn Tiên có thật ngoài đời. Khi nghĩ về Trương Định, qua lời Đỗ Chiểu, Thanh Thảo đã bày tỏ sự thán phục, ngưỡng mộ: “*Nắm bàn tay anh trong phút chốc tôi đã thấy toàn bộ con người anh, anh là người của chúng tôi dù nhận chức lãnh binh khác hẳn những quan lại triều đình đây không phải vì cảm thương cho thân phận một thầy đồ nhà quê chưa từng nếm mùi vinh hoa bổng lộc...*”. Đặt những người “Dân mộ nghĩa” - “Những nghĩa sĩ Cần Giuộc” trong tương quan với những nhân vật lịch sử nổi tiếng những ngày đầu chống thực dân phương Tây như Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Đình Chiểu, khiến tầm vóc người nông dân sau *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của cụ Đồ đã được nâng lên một tầm cao mới, thật sự đã trở thành nhân vật chính theo mô-típ nhân vật số đông của trường ca hiện đại. Có thể nói, *Những nghĩa sĩ Cần Giuộc* là một bộ phim tài liệu về nhân dân Nam Bộ trong những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, như có nhà nghiên cứu đã từng nhận định.

Trò chuyện với nhân vật của mình lại là một cách làm mới trường ca nữa của Thanh Thảo. Nhà thơ đã hòa cảm xúc mình vào tâm trạng Nguyễn Đình Chiểu để làm cuộc trò chuyện có một không hai với tất cả nhân vật văn học

của cụ Đồ như Mai Bá Ẩn^[1] đã nhận xét. Có nhà nghiên cứu cho rằng trong tất cả các trường ca Việt Nam, có lẽ lối dựng trường ca theo kiểu trò chuyện này là một sáng tạo khá độc đáo, nó tạo điều kiện cho nhà thơ thả tung tư tưởng của mình mà không sợ bị bung ra ngoài cấu trúc chỉnh thể. Vì trò chuyện với nhân vật văn học nên trường ca được cấu trúc theo dạng kịch độc thoại vô cùng hấp dẫn và sâu lắng. Trường ca này do sự chi phối của cấu trúc kịch, Thanh Thảo hoàn toàn không sử dụng dấu phẩy ngắt nhịp, thi thoảng mới dùng dấu chấm câu giữa đoạn; còn giữa các đoạn, chỉ sử dụng cách xuống hàng của thơ, không hề dùng dấu chấm xuống dòng. Ý đồ cách tân câu thơ văn xuôi của Thanh Thảo là rất rõ, hơn nữa, do cấu trúc theo lối kịch nên nhà thơ không dùng dấu ngắt câu mà để cho tự diễn viên ngắt câu theo sáng tạo của cách thể hiện riêng mình.

Từ *Những nghĩa sĩ Cần Giuộc* đến *Trò chuyện với nhân vật của mình* là một chặng đường dài trong sự nghiệp sáng tác của Thanh Thảo, từ những nghĩa sĩ: *Họ lấm láp sinh bước vào thơ Đỗ Chiêu/ nồng mồi hôi mùi lưng trần khét cháy.../ không áo mào cân đai phẩm hàm văn võ/ họ để lại những vết bùn làm vinh dự cho thơ* đến những bản khảo, đối thoại của nhân vật Đỗ Chiêu với các nhân vật trong *Lục Vân Tiên*. Đoạn thơ sau đây là một trong những độc thoại tiêu biểu của nhân vật Đỗ Chiêu nhưng cũng là một cách hiểu - cách đọc và đối thoại giữa tác giả Thanh Thảo người sáng tác với những ý kiến tiêu biểu của một kiểu người đọc khác - các nhà nghiên cứu phê bình: *Đừng ai lấm lẩn ngọn cờ đạo lý của ta với ngọn cờ đạo Nho đúng là ta đã rút từ đạo Nho một*

[1]. Mai Bá Ẩn (2010), “Thanh Thảo ông hoàng của trường ca”, <http://phongdiep.net/default.asp?action=article&ID=13456>, (truy cập ngày 7/6/2016).

vài phương châm xử thế nhưng tất cả đã thay đổi nhiều lắm đã gần lắm với bà con mình nó giản dị sinh động và giàu tình thương^[1]. Cảm hứng đối thoại này là thống nhất trong giọng điệu đối thoại của Thanh Thảo, ngay từ trường ca *Những người đi tới biển* (1976), chương một, khúc bảy, tác giả đã viết: *Chúng tôi đã đi không tiếc đời mình/ nhưng tuổi hai mươi làm sao không tiếc/ nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc*^[2]. Đến năm 2002 trong *Trò chuyện với nhân vật của mình*, đoạn trò chuyện với Nguyệt Nga vẫn là giọng điệu ngày nào: *Nguyệt Nga, con đã nhảy xuống dòng nước tối tăm của định mệnh quyết liệt tới mức vụng về, con không làm những cử chỉ cần thiết không nói những câu cần thiết trước khi trẫm mình con chẳng tâm lý chút nào cả. Hay vì con không cần những thứ đó cho tới phút chót tất cả cuộc đời con thuộc về Vân Tiên con chưa biết hoài nghi lòng chung thủy làm sao ta nỡ trách con. Nếu khiến con phức tạp hơn ta sẽ hối tiếc cho tuổi thơ mình bởi ta đã sống đã tin yêu trong sáng lẽ nào phải hối hận về khoảng trời kỳ diệu ấy*^[3]. Thanh Thảo đã cho nhân vật trữ tình là nhà thơ mù, ở cuối tác phẩm phát ra thông điệp: *Những câu thơ có đời sống riêng như những đứa con. Đừng để những đứa con phải xấu hổ vì cha mẹ chúng*^[4], cũng có thể hiểu đó là thông điệp của chính tác giả. Trong số những tác giả đương đại lấy cảm hứng từ cuộc đời và tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu làm chất liệu sáng tác thì Thanh Thảo là một trong vài người có những kết quả thành công nhất, trong một chừng mực nào đó, các sáng tác

[1]. Thanh Thảo (2010), *sđđ*, tr.9.

[2]. Thanh Thảo (2010), *sđđ*, tr.28.

[3]. Thanh Thảo (2010), *sđđ*, tr.3.

[4]. Thanh Thảo (2010), *sđđ*, tr.20.

của Thanh Thảo là một cách đọc thể hiện cái nhìn riêng về cụ Đồ - cách đọc tri âm, từ đời riêng của Thanh Thảo cho thấy ông là người dân thân và có nhiều nét tương đồng với cụ Đồ nên việc con người và tác phẩm của cụ trở thành chất liệu cho những sáng tác của Thanh Thảo cũng là điều có thể hiểu và lý giải được. *Những nghĩa sĩ Cần Giuộc, Trò chuyện với nhân vật của mình* là sáng tạo của một cá nhân, một độc giả nhưng đằng sau đó là nhu cầu, tình cảm của công chúng mà nhà văn - chủ thể sáng tạo nắm bắt được và thể hiện theo phong cách sáng tạo của riêng mình. Từ góc nhìn của lý thuyết tiếp nhận cho phép thấy và tin rằng hai tác phẩm *Những nghĩa sĩ Cần Giuộc, Trò chuyện với nhân vật của mình* là một cách đọc và vinh danh cuộc đời và toàn bộ sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ mù đã hiện ra trong tác phẩm Thanh Thảo có chiều sâu, có bản khoăn nhưng không hối tiếc. Đây là một cách đọc tích cực và sáng tạo, nó góp phần làm phong phú đa dạng hơn lịch sử tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu, và đến bản thân mình *Những nghĩa sĩ Cần Giuộc, Trò chuyện với nhân vật của mình* đã trở thành tác phẩm và là cột mốc quan trọng trong lịch trình của những cách đọc đối với di sản của nhà thơ mù xứ Đồng Nai. Điều này cho thấy quy luật của tiếp nhận: những cách tiếp cận đúng đắn không được xa rời dữ liệu hiện thực văn bản. Một tác phẩm lớn qua những thời đại khác nhau sẽ xuất hiện những cách đọc khác nhau và ngày càng tôn vinh giá trị của tác phẩm.

Năm 1992, Nguyễn Vũ Tiềm trong tập *Thương nhớ tài hoa* cũng dành cho Nguyễn Đình Chiểu những dòng thơ chân dung hết sức trân trọng trong bài *Dù đui mà giữ đạo nhà*, với những câu:

Vĩ thử mắt nhìn thông tỏ

*Tim võ từ lâu còn gì
Thân già ắt hẳn còn bung xé
Kiến ngãi bao giờ chịu bất vi!*^[1].

Tuy nhiên, ở hình thức tiếp nhận này lại làm nảy sinh một vấn đề là không có sự tách bạch giữa cuộc đời và tác phẩm, nhìn nhận thông qua con người, đưa quá nhiều điều về cuộc đời, tính cách khi bình luận về tác phẩm, làm cho những lời, câu thơ viết về tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu rất ít khi có sự rạch ròi, khách quan cần thiết, mọi sự nhấn mạnh trong trường hợp này đều có mục đích và vì vậy đã làm lệch đi một chân dung tổng thể về ông, vì quá yêu người nên yêu cả vắn.

3.2.2. Nguyễn Đình Chiểu trong sự tiếp nhận của các nhà văn thế kỷ 20

Trong số những tác phẩm văn xuôi viết về Nguyễn Đình Chiểu thì tác phẩm *Đuốc lá dừa* của Hoài Anh là một tác phẩm đáng chú ý. Qua tiểu thuyết này Hoài Anh ca ngợi tâm hồn, nghĩa khí của người dân Nam Bộ đối diện với bọn xâm lược Pháp, và chúng tôi cũng đồng tình với Triệu Xuân khi ông cho rằng tác phẩm này rất thành công với những trang miêu tả về thiên nhiên và con người miệt vườn. Là một nhà thơ, nhà biên khảo và còn là người viết tiểu thuyết lịch sử, ở phương diện này Hoài Anh đã gặt hái nhiều thành công. Ở *Đuốc lá dừa*, ông rất tôn trọng sự kiện lịch sử, rất kỹ tính khi xử lý các chi tiết lịch sử và rất chu toàn khi hư cấu, văn chương hóa, nghệ thuật hóa các danh nhân lịch sử. Vai trò của đám đông, của quần chúng nhân dân trong tiểu thuyết và truyện lịch sử của Hoài Anh rất được trân trọng.

[1]. Nguyễn Vũ Tiềm (1992), *Thương nhớ tài hoa*, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.20.

Quan điểm của tác giả có lần bộc bạch đầu đó là: chỉ có hợp lòng dân, vì dân, các nhân vật mới làm nên lịch sử! Nhà văn có quyền hư cấu, nhưng không bao giờ được ngông nghênh phủ nhận lịch sử, theo Hoài Anh, khi dựng tới lịch sử, cái tâm của người viết phải trong sáng. Một pho sử chỉ có giá trị khi ghi đầy đủ công và tội của nhân vật lịch sử. Nhưng một tiểu thuyết hay truyện ngắn lịch sử, giá trị thẩm mỹ là mục tiêu cuối cùng, thì việc dùng chất liệu này, không xài chất liệu lịch sử kia là cả một vấn đề thể hiện tài và tâm tác giả. Ở chỗ khác, ông cho biết: tôi quan niệm có hai phần xác và hồn của tiểu thuyết lịch sử. Xác là cái khung xương niên đại, sự kiện lịch sử; còn hồn ấy là cái tư tưởng, tình cảm, kể cả máu thịt tác giả đắp vào trang viết, [...], có người nặng tính chân thực, có người tung hoành múa bút trong hư cấu. Song dù hư cấu nhiều hay ít thì tác giả cũng phải đầy ắp tư liệu lịch sử thì hư cấu mới có hồn, mới gần với đối tượng miêu tả là thời đại và con người trong lịch sử. Riêng tôi, vì muốn tái hiện lịch sử cho các thế hệ học trò nên niên đại, sự kiện lớn, nhân vật chính đều tuyệt đối trung thực với lịch sử. Tôi chỉ hư cấu nhân vật phụ đa tuyến, cùng những tình tiết mở rộng theo truyền thuyết dân gian hoặc nảy nở tự thân trong quan hệ nhân vật chính - phụ để làm giàu thêm hiện thực xã hội, thể thái nhân tình qua vỏ bọc của lịch sử. Tôi thổi hồn tư tưởng Nho - Phật - Lão vào trong tự sự hay lời thoại giữa các nhân vật theo cách cảm, cách nghĩ của riêng tôi cũng là một cách hư cấu. Cái cốt lõi của vấn đề ở đây là tiểu thuyết lịch sử nói được điều gì cho người đang sống hôm nay.

Người đọc sau khi đọc qua các tiểu thuyết viết về đề tài lịch sử của Hoài Anh, nhất là *Đuốc lá dừa* có thể thấy ông đã tuân thủ nghiêm ngặt những quan niệm đã tuyên bố.

Ghi nhận những nỗ lực, tấm lòng và sự thành công nhất định của ông, Hội Nhà văn Việt Nam đã trao giải thưởng Văn học thiếu nhi năm 1981-1983 cho truyện lịch sử *Đuốc lá dừa*. Tuy nhiên, theo chúng tôi nhận thấy tác phẩm này vẫn chưa tạo ra một cái nhìn mới về các danh nhân vùng đất Nam Kỳ lục tỉnh cuối thế kỷ 19 mà trong đó nổi bật là Nguyễn Đình Chiểu. Dù dưới cái nhìn của một người sáng tác ông cũng không đến nỗi quá khắt khe với các nhân vật còn gây nhiều tranh cãi như Tôn Thọ Tường, Phan Thanh Giản nhưng với những gì ông quan niệm và viết trong tác phẩm *Đuốc lá dừa* cho thấy ông chưa thoát được cái nhìn quan phương của dư luận thời đó với các nhân vật lịch sử nêu trên. Tiểu thuyết *Đuốc lá dừa* chỉ tập trung vào đoạn đời trung niên của Nguyễn Đình Chiểu, trong các bình diện mà tác giả thể hiện Nguyễn Đình Chiểu như một nhân vật văn học thì tập trung vào Nguyễn Đình Chiểu với tư cách con người thần dân, chiến sĩ yêu nước.

Và dường như để lấp vào khoảng trống ấy, Thái Vũ đã viết tiếp về Nguyễn Đình Chiểu - thời niên thiếu mà chúng tôi sẽ đề cập sau đây.

Tác phẩm *Tuổi xanh Nguyễn Đình Chiểu*^[1] của Thái Vũ được hoàn thành năm 1986, xuất bản lần đầu nhân kỷ niệm 100 năm ngày mất cụ Đồ và tái bản năm 2000. Trong các tác giả của tiểu thuyết lịch sử Việt Nam hiện đại thì Thái Vũ (Bùi Quang Đoài) là người sớm đi vào đề tài lịch sử và đạt được thành tựu cả về số lượng lẫn chất lượng, từ tiểu thuyết lịch sử đầu tay *Cờ nghĩa Ba Đình* (1976-1981) qua *Biến động giặc Chày voi* (1984), *Huế 1885*,... và *Tuổi xanh Nguyễn Đình Chiểu* là minh chứng cho điều vừa nêu. Nhiều nhà nghiên

[1]. Thái Vũ (2000), *Tuổi xanh Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

cứu đã từng nhận định khuynh hướng tiểu thuyết hóa lịch sử trong tiểu thuyết lịch sử đã trở thành khuynh hướng chủ đạo trong tiểu thuyết lịch sử hiện nay, với *Tuổi xanh Nguyễn Đình Chiểu*, Thái Vũ đã bộc lộ tài năng và tri thức trong sáng tạo nghệ thuật, nhà văn cũng đồng thời là nhà nghiên cứu lịch sử. Trong tác phẩm này cảm hứng khẳng định và ca ngợi cũng như phân tích và giải mã lịch sử của tác phẩm là nằm chung trong mạch cảm hứng chủ đạo của tiểu thuyết lịch sử hiện nay. Những tư liệu chính xác của lịch sử đã được Thái Vũ chuyển hóa thành tiểu thuyết, thành sản phẩm hư cấu của chủ thể sáng tạo. Từ những tư liệu ít ỏi và sơ sài về cuộc đời niên thiếu của Nguyễn Đình Chiểu, qua sự hư cấu và tưởng tượng của Thái Vũ người đọc có thể thấy được một hành trạng tương đối về thời thơ ấu của nhân vật tiểu thuyết, danh nhân Nguyễn Đình Chiểu qua các dữ kiện lịch sử được trình bày trong tác phẩm. Sự hình thành của tư tưởng nhân nghĩa, điều cốt lõi trong cuộc đời và di sản của Nguyễn Đình Chiểu đã được Thái Vũ lý giải qua môi trường sống và học tập mà cụ thể ở đây là vai trò của người mẹ, người cha và người thầy hay nói rộng hơn là sự đan xen giữa văn hóa Huế và văn hóa Nam Bộ trong quá trình hình thành nhân sinh quan của Nguyễn Đình Chiểu. Lịch sử ở đây đã được tái tạo lại và gieo vào lòng người đọc những câu hỏi, những vấn đề đối thoại trong trang viết để cùng nghiên ngẫm, cảm thông và chia sẻ với những con người đã trở thành lịch sử, mà đoạn đối thoại giữa Chiểu và thầy đồ Nghệ về tri ngôn và chuyện uống trà trong đoạn cuối mục “Người thầy” là sự phê phán và tranh luận ngầm với tác giả tập truyện *Vang bóng một thời* là một minh chứng đầy thú vị. Lịch sử ở đây không còn là sự kiện biên niên mà được tái tạo và mang theo những vấn đề được con người hiện đại

quan tâm. *Tuổi xanh Nguyễn Đình Chiểu* là một cách đọc đầy sáng tạo và tích cực đối với đời và thơ của nhà thơ mù đất Ba Tri, chủ thể tiếp nhận cũng là chủ thể sáng tạo, đồng thời cũng góp phần soi rọi vào một đoạn đời ít được chú ý trong toàn bộ cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu - thời niên thiếu.

3.2.3. Văn và đời Nguyễn Đình Chiểu từ văn học viết đến các hình thức nghệ thuật trình diễn

3.2.3.1. *Lục Vân Tiên* trong sự tiếp nhận của sân khấu cải lương

Cải lương, theo định nghĩa của từ điển mở Wikipedia là một loại hình kịch hát có nguồn gốc từ miền Nam - Việt Nam, hình thành trên cơ sở dân ca Đồng bằng sông Cửu Long và nhạc tế lễ. Nghĩa ban đầu của từ cải lương là làm cho trở nên tốt hơn và cho đến nay từ cải lương đã trở thành danh từ để chỉ một loại hình nghệ thuật sân khấu.

Theo nhiều nhà nghiên cứu trong đó tiêu biểu là Vương Hồng Sển thì cải lương ra đời đầu tiên ở Nam Kỳ vào năm 1918 với tuồng *Gia Long tẩu quốc* diễn tại Nhà hát Tây Sài Gòn. Sự biến động của Nam Kỳ đầu thế kỷ 20 trên các bình diện kinh tế, văn hóa, chính trị - xã hội là những tiền đề cho sự ra đời của loại hình nghệ thuật cải lương. Sau khi ra đời cải lương đã khác sân khấu hát bội cả về nội dung lẫn hình thức tuy vẫn tích hợp trong nó các yếu tố như đờn ca tài tử, vọng cổ, ca ra bộ.

Theo Đào Lê Na^[1] thì có những khuynh hướng sáng tác sau trong sáng tác kịch bản cải lương trước năm 1945:

[1]. Đào Lê Na (2011), *Kịch bản cải lương Nam Bộ trước 1945*, luận văn thạc sĩ, chuyên ngành Văn học Việt Nam, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

dựa vào tác phẩm văn học Việt Nam, dựa vào lịch sử Việt Nam, dựa vào văn học các nước, dựa vào thực tế xã hội, dựa vào các loại hình nghệ thuật khác. Trong các khuynh hướng trên thì khuynh hướng dựa vào tác phẩm văn học Việt Nam chiếm số lượng tương đối lớn, khuynh hướng này lại được chia làm 3 nhóm nhỏ là dựa vào truyện kể dân gian, dựa vào truyện Nôm và dựa vào tiểu thuyết Việt Nam. Các truyện Nôm được chuyển thể thì *Truyện Kiều* và *Lục Vân Tiên* chiếm tỷ lệ cao nhất, bên cạnh đó là các tác phẩm khác như *Nhị độ mai*, *Quan âm Thị Kính*, *Lâm tuyền kỳ ngộ*.

Vở cải lương *Lục Vân Tiên* là do Trương Duy Toàn soạn, sự thành công của việc chuyển thể và phổ biến vở cải lương này là do soạn giả nắm bắt được tâm lý tiếp nhận của đông đảo độc giả Nam Kỳ lúc bấy giờ: đây là truyện Nôm nổi tiếng viết bằng thể lục bát, đậm chất dân tộc nên dễ đi vào lòng người.

Sau vở của Trương Duy Toàn là *Lục Vân Tiên* tuồng của V. C (1922), nội dung vở tuồng theo sát cốt truyện của tác phẩm, một số chi tiết thêm bớt cho phù hợp với yêu cầu của thể tuồng. Tiếp đó là ca kịch cải lương *Lục Vân Tiên* của Cao Hoài Sang được trình diễn tại Sài Gòn vào đêm 3-4 tháng 11 năm 1923, nội dung vở này không hoàn toàn theo sát cốt truyện mà chia vở làm 7 màn.

Hồ Biểu Chánh có một vở tuồng *Nguyệt Nga cồng Hồ* được công diễn ngày 29-6-1943 tại Sài Gòn. Trong vở tuồng này Hồ Biểu Chánh đã sáng tạo thêm một số nhân vật không có trong truyện của Nguyễn Đình Chiểu như: Kiều phu nhơn, Vương sú, Ất, Giáp, Bùi tiểu thơ (con gái Bùi ông, em Bùi Kiệm), tuồng gồm 2 hồi 7 cảnh.

Trên đất Bắc, năm 1955, vở ca kịch cải lương *Kiều Nguyệt Nga* của tác giả Ngọc Cung do Đoàn cải lương Nam Bộ công

diễn và đây cũng là vở diễn ra mắt của đoàn, nghệ sĩ Thanh Hương đóng vai Kiều Nguyệt Nga và nghệ sĩ Hoàng Sa vai Lục Vân Tiên. Nội dung kịch bản dựa theo những tình tiết chính trong truyện của Nguyễn Đình Chiểu, kịch bản gồm 7 cảnh, mở đầu là gặp gỡ giữa hai nhân vật chính sau khi đánh bọn cướp Phong Lai và cảnh 7 là tái hợp tại nhà lão bà. Sau năm 1975, tại Nhà hát ca kịch cải lương Trần Hữu Trang - Thành phố Hồ Chí Minh vở cải lương này đã được tập thể các soạn giả thuộc nhà hát này soạn lại do đạo diễn Chi Lăng và Công Thành thực hiện, vai Lục Vân Tiên do Thanh Sang thực hiện và Kiều Nguyệt Nga do Bạch Tuyết thủ vai.

Tại miền Nam trong giai đoạn 1954-1975 các vở cải lương lấy đề tài từ truyện Nôm *Lục Vân Tiên* chủ yếu tập trung vào năm kỷ niệm 1971 trong đó tiêu biểu là các vở *Lục Vân Tiên* của Đỗ Văn Rỡ, của Năm Châu, của Thái Thụy Phong và kịch thơ *Lục Vân Tiên* của đoàn Bích Thuận.

Sau 1975 có một số tác phẩm đáng chú ý như *Kiều Nguyệt Nga* của Chi Lăng - Hoàng Việt (1980-1981) và *Lời thơ kiếm sắc* của Ngô Mạn và Hà Văn Cầu (1982). Ngoài ra, còn có thể kể đến các vở *Lục Vân Tiên* của hai tác giả Nhị Kiều - Thế Châu, do Minh Phụng đạo diễn và vào vai chính Lục Vân Tiên, Tài Linh vào vai Kiều Nguyệt Nga, tiếp đó là vở cải lương tân cổ *Kiều Nguyệt Nga - Lục Vân Tiên* do Kim Tử Long và Thoại Mỹ thủ vai chính.

Năm 1982, Hoàng Như Mai cho ra đời một vở kịch ngắn, 1 hồi 1 cảnh có tên *Vẽ chân dung cụ Đồ Chiểu*, nhưng vở kịch này đến năm 2001 mới xuất bản. *Vẽ chân dung cụ Đồ Chiểu* là một hình thức vừa tiếp nhận vừa sáng tạo, chủ thể tiếp nhận ở đây cũng là chủ thể sáng tạo, là tiếng nói tri âm, đồng vọng của một nhà giáo nghệ sĩ với bậc tiền nhân.

Vài thập niên gần đây, cải lương, vì nhiều lý do đã có sự chững lại thậm chí thụt lùi vì không có kịch bản hay, thiếu rạp diễn mới, thế hệ trước với những tên tuổi lừng danh đã rời sân diễn trong khi chưa có được những người tiếp nối. Nói như Nguyễn Quang Lập là các kịch bản hiện nay nhạt và giả, còn theo sự lý giải của Cao Tự Thanh thì sân khấu trước nay thiên về tính chất bi hùng thì sân khấu hiện nay cũng có bi hùng nhưng là cái bi hùng của sự nhạt và giả. Cái bi và cái hùng của xã hội hiện nay chưa được nhận thức, nắm bắt và khai thác trong những kịch bản cải lương hiện nay. Các vở cải lương lấy đề tài từ các truyện Nôm trong đó có *Lục Vân Tiên* cũng cùng chung số phận, không tạo được một tiếng vang nào đáng kể. Sự quay lưng của công chúng với loại hình nghệ thuật này có nhiều nguyên nhân như sự phát triển của công nghệ, sự cạnh tranh của các phương tiện nghe nhìn và giải trí khác, bối cảnh xã hội phức tạp không tạo những điều kiện thuận lợi cho quá trình tiếp nhận như trước đây. Theo suy nghĩ của chúng tôi, vấn đề là các kịch bản đã có cũng như sự diễn xuất của các diễn viên chưa đủ tài năng để tạo nên một khoảng cách thẩm mỹ mới trong mối quan hệ tác giả và người tiếp nhận mà các vở ca kịch cải lương lấy đề tài từ truyện *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu chỉ là đơn cử.

3.2.3.2. *Lục Vân Tiên* trong sự tiếp nhận của các bài diễn ca, bài ca

Đầu thế kỷ 20 tại Nam Kỳ xuất hiện nhiều sáng tác, phóng tác lấy cảm hứng từ *Lục Vân Tiên* như *Lục Vân Tiên thơ tuồng bản cũ soạn lại và thêm hát Nam hát khách* của Đặng Nghi Lễ xuất bản năm 1907 tại Sài Gòn. Đây là một bản thơ tuồng, hoàn toàn dựa vào cốt truyện *Lục Vân Tiên*

và diễn đạt lại bằng một hình thức khác, vừa mang tính chất kịch bản tuồng, vừa xen kẽ những đoạn thơ sáu tám và văn tế, trong bản thân nó dung chứa lối nói thơ, nói lối vừa hát theo giọng điệu tuồng. Tương tự là *Lục Vân Tiên phú* (1910) của Võ Kim Thẩm, tác phẩm này chỉ là sự chuyển dời nội dung của *Lục Vân Tiên* từ truyện thơ sang phú.

Bên cạnh đó là *Bài ca Bùi Kiệm thi rớt*, bài này là một trong tứ đại oán, là một hình thức ca ra bộ, một trong những tiền thân của cải lương sau này.

Một kiểu khác trong số những hình thức tiếp nhận *Lục Vân Tiên* ở Nam Kỳ giai đoạn này là thơ *Bùi Kiệm dậm* của Nguyễn Văn Tròn (Sài Gòn -1913) đã được hai nhà nghiên cứu Thạch Phương - Mai Quốc Liên xem là một hình thức thơ - văn xuôi với lời lẽ đáng chú ý ở tính hiện thực của ngôn ngữ bình dân Nam Bộ. Kiều Nguyệt Nga không còn là mẫu người của thế kỷ 19 mà đã là mẫu người thị dân của thành thị Nam Kỳ những năm đầu thế kỷ 20 với: “Lỡ tai chỉ đeo đôi bông nhận hột, cổ đeo cây kiềng vàng chạm, bận cái áo lưỡng đoạn, đội cái khăn lục soạn, bận quần lãnh lưng rút”^[1]. Bùi Kiệm sau khi tán tỉnh Nguyệt Nga liền “lấy xâu chìa khóa, mở tủ sắt cái két, lấy đôi ba cái bằng khoán, phốc lên xe kiếng thẳng tới tiệm Chà Và thế đôi ba trăm bạc cho liền chị Nguyệt Nga”^[2]. Ngoài ra còn có *Lục Vân Tiên ca cổ* gồm sáu đoạn của Đặng Thanh Kim (Sài Gòn -1913) và *Nguyệt Nga cống Hồ bài ca mới* của Nguyễn Tùng (Sài Gòn -1915) hay *Vân Tiên ca cổ điệu phụng hoàng* của C. H. Q (Sài Gòn -1915), *Bùi Kiệm thi rớt* - điệu bình bán văn.

Hai tác phẩm *Đơn Bùi Kiệm kiện Võ Phi Loan* của Đ.

[1]. Thạch Phương (chủ biên) (1982), *sđd*, tr.141.

[2]. Thạch Phương (chủ biên) (1982), *sđd*, tr.142.

T. B và Đ. T. S soạn và xuất bản (Sài Gòn -1915) và *Đơn Nguyệt Nga kêu oan cho Bùi Kiệm* của Nguyễn Văn Tài (Sài Gòn -1916) là một hình thức tiếp nhận độc đáo. Nếu *Đơn Bùi Kiệm kiện Võ Phi Loan* là câu chuyện pha chất hài hước với lối viết dài dòng và quan điểm khá bảo thủ đối với phụ nữ thì *Đơn Nguyệt Nga kêu oan cho Bùi Kiệm* trong một chừng mực nào đó là sự nhìn nhận lại, kêu oan và kêu gọi người đọc: *đoán tội công minh/ suy xét tất tình/ cho người Bùi Kiệm*, ở một vài phương diện có thể thể tất cho nhân vật này. Hoàn toàn có thể nhìn thấy mối liên hệ giữa tinh thần dân chủ trong *Đơn Nguyệt Nga kêu oan cho Bùi Kiệm* đã được đồng vọng trong bài viết của Ái Lan về Võ Thê Loan (1971) và bài “Minh oan cho Bùi Kiệm” của tác giả Bùi Văn Tiếng (2003)^[1].

Bên cạnh hai tác phẩm này còn có thơ *Vân Tiên cờ bạc* là một trong những kết quả của cách đọc mới và lạ; theo tinh thần cái gì hợp lý thì mới được tồn tại thì dù muốn hay không nó vẫn cứ tồn tại, cũng có thể thấy rằng đây là một trong những biểu hiện của loại hình phản tiếp nhận nhưng cũng có những nguyên nhân sâu xa của nó vì tồn tại là hợp lý như Hegel từng quan niệm. Ở thời điểm hiện tại, với sự du nhập và phổ biến tương đối của các chủ nghĩa hiện đại và hậu hiện đại thì có thể nhìn đó như là một sự giễu nhại văn chương và từ đó sẽ thấy thêm một chiều tiếp nhận khác, dù ít ỏi thiểu số, nhưng có thật của lịch sử tiếp nhận. Thậm chí, sự hiếm hoi trong cách nhìn “phản Nguyễn Đình Chiểu”, “phản tiếp nhận” này cũng có thể trở thành những vấn đề lý thú liên quan đến quan hệ chính thống - phi chính thống, trung tâm - ngoại biên, ước thúc và chống

[1]. Bùi Văn Tiếng (2004), “Minh oan cho Bùi Kiệm”, in trong *Nghĩ đọc sông Hàn*, Nxb. Đà Nẵng, tr.214-217.

lại ước thúc trong tiếp nhận, mà hành động đọc *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu những năm đầu thế kỷ 20 ở chính vùng văn hóa sinh thành ra tác phẩm lại ngẫu nhiên may mắn thành một dẫn chứng. (Ý tưởng trên đây là được sự gợi ý của nhà nghiên cứu, tiến sĩ Trần Hải Yến - Viện Văn học, xin chân thành cảm ơn nhà nghiên cứu Trần Hải Yến không chỉ với gợi ý lý thú này).

Bộ ba tác phẩm *Hậu Lục Vân Tiên* của Trần Phong Sắc (1925), *Hậu Vân Tiên* của Nguyễn Bá Thời (1932) và *Hậu Vân Tiên* của Hoàng Sơn (1933) là một hiện tượng tiếp nhận tương tự như *Đào hoa mộng ký* đối với *Truyện Kiều*. Đây là những sáng tác mới phát triển từ cốt truyện *Lục Vân Tiên*, cả *Hậu Vân Tiên diễn ca* và *Hậu Vân Tiên* đều có nhân vật là con của các nhân vật trong truyện của Nguyễn Đình Chiểu. *Hậu Vân Tiên diễn ca* gồm 6 hồi tiếp theo 6 hồi của Nguyễn Đình Chiểu.

Mở đầu tác giả cho biết:

*Tây Minh truyện cũ trước bày,
Sáu hồi đã diễn xưa nay lưu truyền.*

Cuốn này là hậu Vân Tiên,

Tiếp theo sáu thứ cho tuyển thủy chung...

Truyện của Nguyễn Đình Chiểu kết thúc sau khi Lục Vân Tiên dẹp giặc và cùng Nguyệt Nga chấp mối tơ duyên thì *Hậu Vân Tiên diễn ca* lại mở đầu từ khi Vân Tiên được nhường ngôi và Nguyệt Nga là chánh cung và toàn câu chuyện là quá trình hoạt động của lớp hậu duệ của các nhân vật con cái họ. Kết thúc truyện, Trần Phong Sắc bày tỏ ý định qua đoạn thơ sau:

Trước là xem tích mà chơi,

Mười hai thứ trọn, mấy hồi nô đùa.

Sau là soi lẽ chính tà,

Làm người biết đủ thì ta khỏi lắm...

Hậu Vân Tiên diễn ca muốn tiếp nối truyền thống biểu dương chính nghĩa, đả kích gian tà, giáo dục người đời như Nguyễn Đình Chiểu nhưng mục đích đó có đạt được hay không lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như tài năng và bản lĩnh của chính tác giả.

Hậu Vân Tiên của Nguyễn Bá Thời lại chịu ảnh hưởng khá rõ nét từ *Hậu Vân Tiên* diễn ca của Trần Phong Sắc về tên nhân vật, diễn biến của tình tiết, như có người đã nhận định là *Hậu Vân Tiên* của Nguyễn Bá Thời có gọn gàng, sự việc tập trung hơn nhưng lực lượng siêu nhiên lại xuất hiện dày đặc khiến cho có cảm giác yếu tố ảo lấn át cái thực.

Hậu Vân Tiên của Hoành Sơn có khác so với Trần Phong Sắc và Nguyễn Bá Thời ở chỗ các nhân vật đóng vai trò chính trong truyện này vẫn là Vân Tiên, Nguyệt Nga, Hớn Minh, Tử Trục cùng những lực lượng đối lập; kết cấu của truyện chặt chẽ, ngòi bút tập trung hơn so với hai tác phẩm trước đó, do vậy nó có cuộc sống khá dài hơn mà bằng chứng là đến năm 1968, tại miền Nam, tác phẩm này còn được tái bản. Như vậy, bộ ba tác phẩm *Hậu Vân Tiên* của Hoành Sơn, Trần Phong Sắc và Nguyễn Bá Thời ra đời như là một sự bổ sung và tiếp nối hoàn tất cần thiết cho triết lý ở hiền gặp lành và mong muốn kết thúc có hậu của hai phía người sáng tác và tiếp nhận. Bộ ba này góp phần làm phong phú thêm các hình thức tiếp nhận *Lục Vân Tiên*, cung cấp diện mạo và hoàn chỉnh bức chân dung về người đọc Nguyễn Đình Chiểu ở Nam Bộ những năm đầu thế kỷ 20.

Những tác phẩm thuộc nhiều thể loại khác nhau vừa dẫn trên đây một lần nữa chứng minh vị trí và ảnh hưởng sâu rộng của tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu trong đời sống nhân dân và trong văn chương nghệ thuật.

3.2.3.3. *Lục Vân Tiên* trong sự tiếp nhận của điện ảnh và các loại hình nghệ thuật khác

Chúng tôi ghi nhận vở hợp xướng *Lục Vân Tiên* (2009) của nhạc sĩ Vũ Đình Ân là bản hợp xướng dài nhất Việt Nam từ trước đến nay, vở hợp xướng gồm 150 người, do ca sĩ lĩnh xướng là Đức Tuấn (vai Lục Vân Tiên) và Hoài Phương (vai Kiều Nguyệt Nga). Đây là vở hợp xướng được Trung tâm Sách kỷ lục Việt Nam ghi nhận với độ dài 100 phút.

Do nguồn tư liệu bị hạn chế, hiện tại, chuyên luận chỉ có thể khảo sát bộ phim *Lục Vân Tiên* của hãng phim Giải Phóng do Hà Kiều Anh và Hồng Ánh đóng vai Kiều Nguyệt Nga.

Bộ phim đầu tiên về *Lục Vân Tiên* là do đạo diễn Tống Ngọc Hạp thực hiện và diễn viên vào vai Kiều Nguyệt Nga là do Công Thị Nghĩa thủ vai. Năm 1957 đạo diễn Tống Ngọc Hạp đã đưa phim này sang Nhật lồng tiếng và tham dự Đại hội Điện ảnh châu Á tổ chức cùng năm tại Nhật Bản. Gắn bó sâu sắc với tác phẩm nghệ thuật của mình đến mức đứa con của cặp đạo diễn - diễn viên này được đặt tên là Tống Ngọc Vân Tiên^[1].

Ở các giai đoạn sau, trên hai miền Nam - Bắc, trong những bối cảnh lịch sử - xã hội khác nhau cũng đã xuất hiện những cách tiếp nhận khác nhau trong việc chuyển thể truyện thơ *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu sang loại hình nghệ thuật thứ bảy - điện ảnh. Chúng tôi xem việc chuyển thể này là một cách đọc - tiếp nhận mang tính đặc thù, sự tương tác giữa các loại hình nghệ thuật. Người

[1]. Xem thêm hồi ký Thu Trang Công Thị Nghĩa, *Một thời để nhớ*, Nxb. Văn học, 2010

chuyển thể, kịch bản, đạo diễn, quay phim trong trường hợp này đã thể hiện vai trò kép vừa là chủ thể sáng tạo vừa là chủ thể tiếp nhận. Đây là sự chuyển dịch từ một hệ thống ký hiệu này sang một hệ thống ký hiệu khác mà trong trường hợp này là từ ngôn ngữ văn học sang ngôn ngữ điện ảnh nhằm tạo nên một hiệu ứng thẩm mỹ mới.

Truyện thơ *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu được chuyển thể thành phim truyền hình cùng tên với kịch bản Dương Linh - Hoàng Tích Chỉ, đạo diễn Đỗ Phú Hải - Lê Bảo Trung - Phương Điền và được phát trên sóng truyền hình HTV ngày 5-9-2004, phim gồm 14 tập, mỗi tập 60 phút. *Lục Vân Tiên* đã được các đạo diễn dựng thành phim với sự tham gia của Chi Bảo vai Lục Vân Tiên, Trương Ngọc Ánh vai Võ Thể Loan. Giai đoạn đầu làm phim (2003), đạo diễn Phương Điền mời cựu hoa hậu Hà Kiều Anh vào vai Kiều Nguyệt Nga và đã quay được một số cảnh, sau đó, mời diễn viên Hồng Ánh vào vai Kiều Nguyệt Nga. Phim phải quay lại các cảnh có vai diễn Kiều Nguyệt Nga và hoàn tất vào năm 2004. Kịch bản phim có ít nhiều sự thay đổi so với văn bản truyện thơ *Lục Vân Tiên*. Đầu tiên là nhân vật Võ Thể Loan, thấy người tá điền của gia đình mình bị đói thì giúp gạo; khi Vân Tiên bị mù trở về, cha mẹ nàng từ hôn và hãm hại thì nhân vật này ngưỡng ngưỡng xấu hổ, có lẽ ý đồ của các tác giả kịch bản cũng như đạo diễn cho rằng đây là một đối trọng ngang sức với Kiều Nguyệt Nga, không so le nhau về tư cách, nên tình yêu giữa Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga càng thêm sức nặng. Tiếp theo là đoạn cuối của phim, cuộc tái ngộ trong tâm trạng bế bång giữa Lục Vân Tiên và mẹ con Võ Thể Loan, các tác giả kịch bản đã tạo thêm một tình huống là Lục Vân Tiên rút gươm toan giết mẹ con Quỳnh Trang - Võ Thể Loan nhưng Nguyệt Nga cầu

xin cho họ nên Vân Tiên thôi. Thêm vào chi tiết này quá mới và khó chấp nhận, trong suy nghĩ, tâm thế tiếp nhận của người xem là một Lục Vân Tiên không tỳ vết thì làm sao có thể xảy ra chuyện ông trạng nguyên Lục Vân Tiên ca khúc khải hoàn lại xuống tay với kẻ ngã ngựa mà kẻ đó một thời là người vợ chưa cưới. Theo suy nghĩ của chúng tôi, có thể các tác giả kịch bản muốn qua chi tiết vừa nêu tạo nên một ưu điểm nữa trong tính cách của Kiều Nguyệt Nga nhưng như thế lại dẫn đến việc hình tượng nhân vật Lục Vân Tiên lại bị vết chàm. Dưới góc nhìn của lý thuyết tiếp nhận thì cách đọc *Lục Vân Tiên* của hai tác giả Dương Linh - Hoàng Tích Chỉ qua bộ phim này là đã hiện đại hóa hình tượng nhân vật chính, đem suy nghĩ của thời hiện tại gán cho nhân vật trong một tác phẩm xuất hiện hơn một thế kỷ trước. Nỗ lực của các tác giả kịch bản này là muốn tạo ra một khoảng cách thẩm mỹ mới trong công chúng về một tác phẩm đã trở thành kinh điển và đại chúng như *Lục Vân Tiên*, nhưng có lẽ giữa cái muốn và cái được cũng như giữa thích và theo luôn luôn là một khoảng cách và các tác giả kịch bản cũng như đạo diễn bộ phim này chưa vượt qua điều đó. Cùng với một vài nguyên nhân khách quan và chủ quan khác như đây là bộ phim cổ trang đầu tiên nên những người làm phim chưa có nhiều kinh nghiệm, các đoạn thể hiện các pha giao chiến cũng còn nhiều gượng gạo, chưa được nhuần nhuyễn dù chỉ là ở mức độ tối thiểu. Thêm vào đó là các tai tiếng do diễn viên vào vai Kiều Nguyệt Nga giai đoạn đầu cũng như những sự cố tai tiếng liên quan sau đó đã tạo nên một tâm thế không tốt cho quá trình tiếp nhận tác phẩm *Lục Vân Tiên* qua loại hình nghệ thuật thứ bảy này. Phim *Lục Vân Tiên* đã không tạo được nhiều tiếng vang trong dư luận. Điều đó cho thấy cách đọc này chưa được

công chúng chấp nhận và thành công, cũng như ý nghĩa của nó là cung cấp cho những người sau một bài học kinh nghiệm, chỉ tiếc đó lại là kinh nghiệm của sự thất bại.

Năm 2009, tại Bến Tre đã có *Giải thưởng Văn học nghệ thuật Nguyễn Đình Chiểu* 5 năm trao một lần, Giải thưởng văn học nghệ thuật Nguyễn Đình Chiểu lần thứ nhất (đợt 1 -2010) đã trao cho 18 tác giả sau: Trang Thế Hy, Lê Hà, Lê Tâm, Chim Trắng, Thanh Giang, Nguyễn Hồ, Đoàn Tú (văn học), Lê Huỳnh (sân khấu), Việt Bình (múa), Quốc Bửu, Lan Phong, Quốc Nam, Xuân Hòa (âm nhạc), Hà Mạnh, Lê Dân, Trường Chăm (mỹ thuật), Nguyễn Phúc Hậu, Tư Chiến (nhiếp ảnh). Có thể nhận ra mối liên hệ giữa giải thưởng này và giải thưởng cùng tên trước đây của Mặt trận Giải phóng miền Nam năm 1965 trong việc đề ra tiêu chí cho những tác phẩm và tác giả nhận giải là những người con của quê hương Đồng khởi hoặc có quá trình gắn bó với địa phương và cốt lõi là phát huy tinh thần yêu nước cũng như thể hiện bản sắc văn hóa và con người Nam Bộ trong thời kỳ mới. Ý hướng, di nguyện của cụ Đồ qua câu thơ: *Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm/ Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà*, đã được thực thi một cách chính thức và chính thống qua giải thưởng này.

3.3. TIỂU KẾT

Thơ về cuộc đời và tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu là một trong những cách tiếp nhận giàu cảm xúc, là kết quả của những tình cảm tri âm và tri ân sâu sắc giữa người đọc với nhà thơ.

Từ thực tế quá trình ảnh hưởng của tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu tới ca dao dân ca cho thấy sự khác biệt giữa thi pháp văn học dân gian và văn học viết, như các nhà nghiên

cứu trong và ngoài nước đã chỉ ra là cái bất biến và cái biến đổi, cái quen thuộc và cái mới lạ. Văn học viết là sáng tạo của cá nhân, nó có yêu cầu là không ngừng biến đổi và đổi mới ngay cả với chủ thể sáng tạo là nhà văn cũng không nên lặp lại chính mình. Ngược lại văn học dân gian là sáng tác tập thể, các nghệ sĩ dân gian tập trung vào khâu diễn xướng, do đó thường có tính lặp lại do sử dụng nguồn văn bản sẵn có. Đây là kết quả của mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết trong quá trình phát triển của lịch sử dân tộc. Điều đó cho thấy, tác phẩm văn học viết nào kế thừa xuất sắc truyền thống văn học dân gian sẽ có ảnh hưởng tích cực đối với cội nguồn của nó. Ảnh hưởng của tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu đối với ca dao dân ca cho thấy nhân dân là người đọc vĩ đại, ít nhất là trường hợp này.

Xuyên suốt trong quá trình tiếp nhận con người và di sản Nguyễn Đình Chiểu trong sáng tác nghệ thuật, phía con người là hình ảnh cụ Đồ tiết tháo, ngôn hành hợp nhất, phía di sản là hình tượng cặp trai tài gái sắc trọn vẹn thủy chung, cặp nhân vật này được sáng tác và tiếp nhận thiên về bình diện đạo đức hơn là những số phận hay tình cảm riêng tư. Phương thức tiếp nhận và xây dựng hình tượng về Nguyễn Đình Chiểu và hệ thống nhân vật của ông trong cảm hứng sáng tạo của các nghệ sĩ thế hệ sau là dùng con người và di sản của ông như một cầu nối để hướng đến những vấn đề của hiện tại. Nói cách khác, tiếng vang từ Nguyễn Đình Chiểu đã nhận được sự đồng vọng của các lớp nghệ sĩ tiếp nối và tiếp tục là nguồn cảm hứng vô tận trong lịch trình nghệ thuật.

Tiếp nhận di sản Nguyễn Đình Chiểu trong sáng tác nghệ thuật rất phong phú và đa dạng, từ các sáng tác của dân gian đến các đứa con tinh thần của các tác giả thuộc

dòng văn học viết qua các giai đoạn khác nhau. Cho thấy mối quan hệ giữa các loại hình nghệ thuật, từ con người và di sản Nguyễn Đình Chiểu để lại cho đời có thể thấy lòng yêu nước bất khuất và gương sáng từ cuộc đời và trang sách của Nguyễn Đình Chiểu đã trở thành nguồn cảm hứng sáng tạo cho những thế hệ cầm bút tiếp theo. Quá trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu trên bình diện sáng tác đã cho thấy phần nào sức sống con người và di sản của ông trong hành trình tinh thần của con người Việt Nam thế kỷ 20.





KẾT LUẬN

Từ góc nhìn tiếp nhận, vận dụng phương pháp lịch sử chức năng, chuyên luận đã nghiên cứu lịch sử tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu ở Việt Nam theo những giai đoạn, thời gian, không gian, hoàn cảnh môi trường tiếp nhận khác nhau để thấy rõ những thay đổi của việc tiếp nhận cả trên hai bình diện: tiếp nhận trong nghiên cứu phê bình và tiếp nhận trong sáng tác nghệ thuật.

Từ quá trình phân tích, lý giải, chứng minh, có thể rút ra những kết luận sau:

Tình hình nghiên cứu, phê bình Nguyễn Đình Chiểu từ đầu thế kỷ 20 đến năm 1954, so với trước là có một sự thay đổi lớn mà tiêu biểu cho sự thay đổi này là công trình *Nỗi lòng Đỗ Chiểu*.

Trong bối cảnh chung của đất nước, sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu cũng đã bắt đầu những chặng đường mới trong hành trình số phận của mình. Những nghiên cứu tiêu biểu về Nguyễn Đình Chiểu qua các công trình của Nghiêm Toàn, Nguyễn Tường Phượng - Bùi Hữu Sùng, Thanh Lăng

trong khoảng thời gian từ 1945-1954 đã bước đầu xác lập một tầm đón nhận mới. Trong giai đoạn 1954-1975, sự tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu ở mỗi miền có những sắc thái khác biệt do thể chế chính trị xã hội quy định. Từ tình hình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu trong giai đoạn này có thể nhận thấy, ở miền Bắc, chính nội dung của cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc đã định hướng việc tiếp nhận những giá trị nội dung của văn chương cụ Đồ mà tiêu biểu là việc khai thác và đề cao bộ phận thơ văn yêu nước chống Pháp. Lịch sử tiếp nhận các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu đến đây đã chuyển sang một giai đoạn mới, với việc tiếp thu và vận dụng những yêu cầu của một phương pháp biên soạn lịch sử văn học mới đặt trên cơ sở của những nguyên lý lý luận văn học mác-xít. Các kết quả nghiên cứu thời kỳ này đã tiếp tục và hoàn chỉnh một chân dung văn học Nguyễn Đình Chiểu ngày càng hiện rõ và hoàn thiện hơn. Chính bối cảnh thời đại đã tạo nên một mặt bằng văn hóa mới, một tầm đón nhận khác trước, quy định ý nghĩa và tư tưởng các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu vốn tồn tại dưới dạng tiềm năng trở thành những giá trị trong mối quan hệ với thực tiễn đời sống, tiếp thêm sức mạnh tinh thần cho dân tộc vượt qua những chặng đường mới. Quá trình tiếp nhận giai đoạn này diễn ra theo một quan hệ hai chiều khi thông điệp của tác phẩm tìm gặp thời đại của nó và chính thời đại ấy cũng cần làm sống lại những giá trị của quá khứ để tăng thêm sức mạnh cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và chiến tranh giải phóng dân tộc thống nhất đất nước. Chính ở đặc điểm này cho thấy trong một chừng mực nhất định, di sản của nhà thơ mù xứ Đồng Nai đã bị thu hẹp. Đặc điểm xuyên suốt của quá trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu ở cả hai miền Nam - Bắc trong giai đoạn này là: nếu

miền Nam là quê hương cụ Đồ nhưng việc sưu tầm, đánh giá có trách nhiệm và công phu về con người và tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu lại là giới nghiên cứu miền Bắc; bên cạnh đó con người và tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu thường được miền Bắc đánh giá cao tinh thần yêu nước và nhập cuộc, nói khác đi là nhìn nhận thiên về con người chức năng. Miền Nam tuy cũng nói đến các nội dung trên nhưng lại khai thác một Nguyễn Đình Chiểu ẩn dật và yếm thế và thường dựa vào các tác phẩm cuối đời.

Từ sau ngày thống nhất đất nước, việc nghiên cứu, phê bình tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu có những thay đổi lớn do những thuận lợi trong việc tiếp cận, sưu tầm tác phẩm và tập hợp tư liệu. Sau năm 1986 thành tựu của khoa học văn học được du nhập và vận dụng phổ biến, đem lại những cái nhìn mới và góp thêm những tiếng nói phong phú và đa dạng về những di sản mà cụ Đồ để lại. Đây là giai đoạn có nhiều thành tựu nhất trong lịch trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu cho đến thời điểm hiện tại.

Người đọc trong nhà trường có một vai trò quan trọng, nhưng ít được đề cập đến trong những công trình nghiên cứu đã có về Nguyễn Đình Chiểu. Việc dạy và học từ bậc phổ thông đến đại học về cuộc đời và các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu đã được tiến hành từ rất lâu. Trong thực tế đó với những gì chúng tôi đã trình bày sơ lược qua các bảng hỏi đã phản ánh phần nào về diện mạo và đặc điểm của việc tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường. Ở bậc học phổ thông, tình hình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu đang có nhiều khó khăn về nhiều phía, chương trình, sách giáo khoa và người học. Trong đó nổi bật lên là những tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu thuộc một thời đại văn hóa khác nên gây sự khó khăn nhất định trong tiếp nhận của học

sinh. Đây cũng là tình trạng chung của các tác giả thuộc giai đoạn văn học trung đại khác trong chương trình phổ thông trung học. Những thuận lợi và khó khăn đã kể trên cũng như những lý giải của chúng tôi về hiện tượng này dưới góc nhìn của lý thuyết tiếp nhận hy vọng sẽ góp phần nào vào việc nhận diện những khó khăn trong quá trình tiếp nhận tác giả này ở nhà trường phổ thông hiện nay.

Văn hóa đọc hiện nay như các phương tiện truyền thông và các bậc thức giả đã lên tiếng là hiện đang ở mức báo động. Một bộ phận không nhỏ sinh viên ngành ngữ văn, hiện nay không đọc trực tiếp tác phẩm, chỉ đọc tóm tắt và qua giáo trình, bài giảng nên việc hiểu không đúng, thậm chí hiểu sai, không thích tác phẩm là điều đã và vẫn sẽ còn diễn ra. Việc giảng dạy và nghiên cứu tác giả và tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu ở bậc đại học hiện nay chưa có bước tiến đáng kể so với thế kỷ trước, vì tình trạng thiếu tư liệu gốc. Để việc giảng dạy và nghiên cứu có hiệu quả, chúng tôi cho rằng cần đầu tư nhiều công sức và kinh phí vào công việc sưu tầm và minh định các văn bản chữ Nôm và cần được các chuyên gia về văn bản học thẩm định lại một cách nghiêm túc, cẩn trọng. Nếu tư liệu gốc không chuẩn xác thì việc nghiên cứu sẽ bế tắc và không có giá trị.

Tất cả những tồn tại trên có những nguyên nhân chủ quan và khách quan riêng mà chúng tôi chỉ ghi nhận lại như một tư liệu về thực tế giảng dạy và học tập môn văn, trong đó có văn học trung đại và tác giả Nguyễn Đình Chiểu nói chung mà không lý giải sâu và thỏa đáng hơn vì vấn đề trên nằm ngoài khả năng của chuyên luận.

Tiếp nhận di sản Nguyễn Đình Chiểu trong sáng tác nghệ thuật rất phong phú và đa dạng, từ các sáng tác của dân gian đến các đứa con tinh thần của các tác giả thuộc dòng

văn học viết qua các giai đoạn khác nhau. Cho thấy mối quan hệ giữa các loại hình nghệ thuật, từ con người và di sản Nguyễn Đình Chiểu để lại cho đời có thể thấy lòng yêu nước bất khuất và gương sáng từ cuộc đời và trang sách của Nguyễn Đình Chiểu đã trở thành nguồn cảm hứng sáng tạo cho những thế hệ cầm bút tiếp theo. Sự tiếp nhận của dân gian thiên về bình diện đạo đức hơn là văn học. Một chân trời liên văn bản của văn chương và cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu đã thể hiện phần nào qua hình thức tiếp nhận này. Phương thức tiếp nhận và xây dựng hình tượng về Nguyễn Đình Chiểu và hệ thống nhân vật của ông trong cảm hứng sáng tạo của các nghệ sĩ thế hệ sau là dùng con người và di sản của ông như một cầu nối để hướng đến những vấn đề của hiện tại, tiếng vang từ Nguyễn Đình Chiểu đã nhận được sự đồng vọng của các lớp nghệ sĩ tiếp nối và tiếp tục là nguồn cảm hứng lâu bền, không cùng trong tương lai.

Dự định của chúng tôi cho những định hướng nghiên cứu tiếp theo về đề tài lịch sử tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu:

Xác định mối quan hệ giữa tính vùng miền và tính thống nhất, tính toàn cộng đồng dân tộc trong trường hợp Nguyễn Đình Chiểu, và đó cũng là vấn đề chưa được giới nghiên cứu ở ta quan tâm nhiều.

Vấn đề lớn trong tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu là vấn đề xung khắc và hóa giải các truyền thống văn hóa Đông - Tây. Một vấn đề khác cũng cần được đặt ra khi tiếp cận Nguyễn Đình Chiểu là vấn đề ứng xử với các chuẩn mực và hệ giá trị chính thống hay vẫn còn được coi là chính thống (không chỉ là cái chính thống chính trị).

Bổ sung, cập nhật tình hình nghiên cứu mới về Nguyễn Đình Chiểu với tư cách là tác giả văn học cuối thế kỷ 19 để có cái nhìn xuyên suốt và hoàn thiện hơn.

Mở rộng phạm vi khảo sát thành tựu đã có của các khoa học lân cận như lịch sử, y học để làm sáng tỏ thêm một chân dung hùng vĩ của nhà nho tác gia Nguyễn Đình Chiểu. Tập trung làm rõ và sâu hơn về sự tiếp nhận và tương tác giữa con người và tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu với các loại hình như hội họa và cải lương cũng như các loại hình nghệ thuật khác.

Những điều vừa nêu trên đây là các vấn đề khó nhưng không kém phần thú vị mà chúng tôi định hướng nghiên cứu trong tương lai.

